



CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO • RẪM THÁNG TƯ QUÝ TỶ • 24-5-2013

# CAO ĐÀI GIÁO LÝ

MỪNG LỄ PHẬT ĐẢN QUÝ TỶ 2013

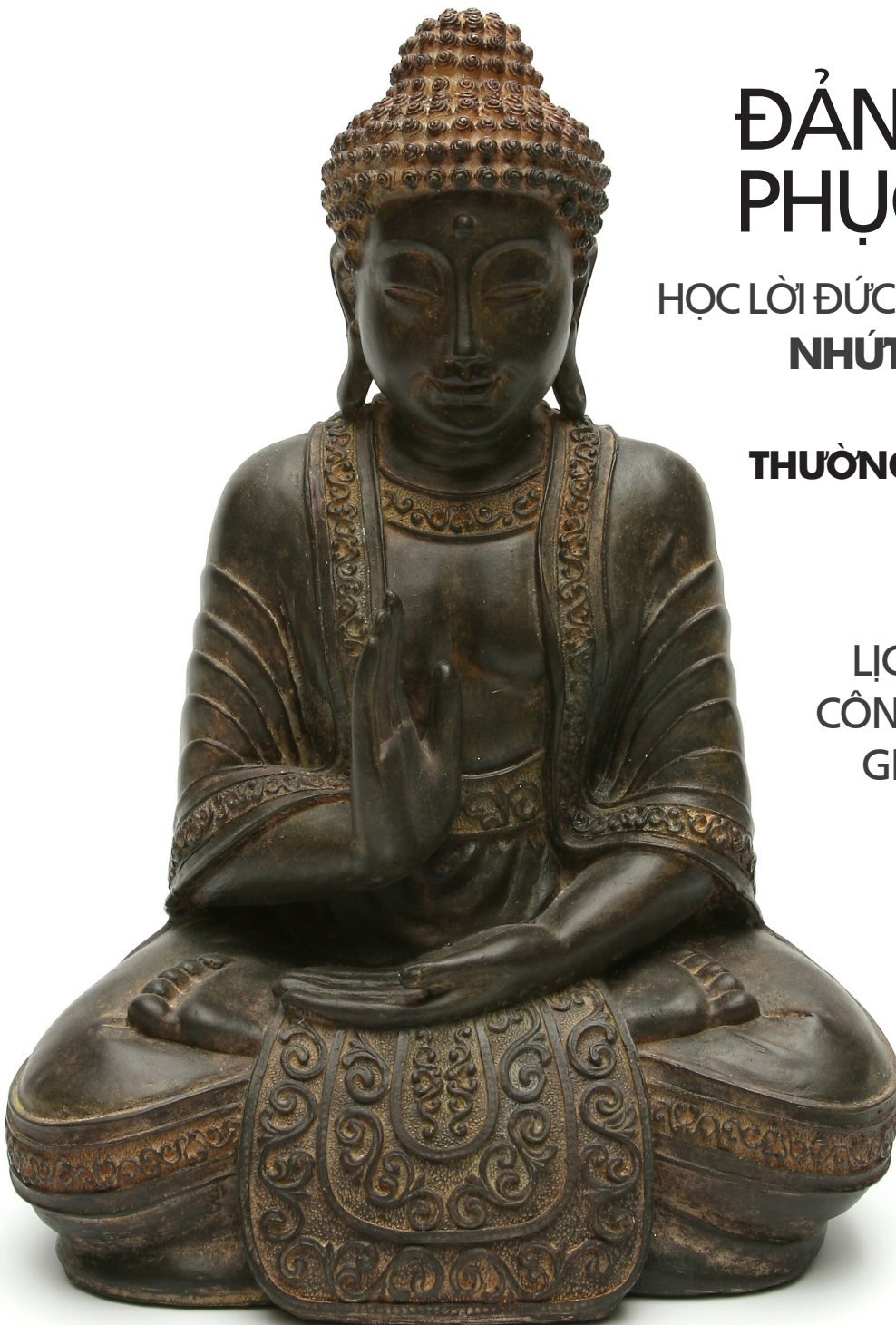
## ĐẢN SINH và PHỤC SINH

HỌC LỜI ĐỨC CHÍ TÔN DẠY VỀ  
**NHỨT BẤT SÁT SANH**

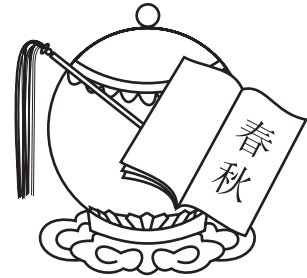
**THƯỜNG & VÔ THƯỜNG**  
*qua kệ thị tịch*  
*thời Lý - Trần*

LỊCH SỬ KHỞI ĐẦU  
CÔNG KHAI TRUYỀN  
GIÁO CAO ĐÀI RA  
TRUNG BẮC KỲ

**QUYỀN PHÁP**



**118**



# Nội san Cao Đài Giáo Lý số 118

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO  
171B CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CỬ TRINH, Q1, TP.HCM.

Nội San Cao Đài Giáo Lý là một trong những chủ lực phổ thông giáo lý sau này... Bước hướng tới tương lai của Nội San là phải có chủ đạo về mặt tư tưởng Giáo Lý Đại Đạo [để] đạt đến tầm vóc thế giới. Có như vậy chư đệ muội mới làm tròn trách nhiệm.

**QUẢNG ĐỨC CHƠN TIÊN**



# Nội san Cao Đài Giáo Lý số 118

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO  
171B CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CỬ TRINH, Q1, TP.HCM.

## mục lục

<b>QUAN ĐIỂM:</b>	
<b>ĐẢN SINH VÀ PHỤC SINH</b>	5
■ <i>Ban biên tập.</i>	
<b>TRANG GIÁO LÝ:</b>	
<b>TỪ VĨNH NGUYÊN ĐẾN VĨNH HẰNG</b>	6
■ <i>Thiện Chí.</i>	
<b>LỄ THIÊN “QUANG” TỬ PHƯỚC, HỌC LỜI ĐỨC CHÍ TÔN DẠY: “BẤT DU ĐẠO”</b>	12
■ <i>Giáo sĩ Huệ Ý.</i>	
<b>CON ĐƯỜNG HỘI NHẬP CỦA NGƯỜI TÍN ĐỒ CAO ĐÀI</b>	21
■ <i>Hồng Phúc.</i>	
<b>HỌC LỜI ĐỨC CHÍ TÔN DẠY VỀ “NHẤT BẤT SÁT SANH”</b>	32
■ <i>Giáo sĩ Huệ Ý.</i>	
<b>CHỈ CÓ TÂM MỚI TÂM NGÔI TIÊN PHẬT</b>	38
■ <i>Xuân Mai.</i>	
<b>HỌC LỜI ĐỨC TRẦN HƯNG ĐẠO DẠY VỀ GIỚI LUẬT TỊNH TRƯỜNG</b>	43
■ <i>Cao Triều Thiên Tâm.</i>	
<b>THÔNG CÔNG (TIẾP THEO CDGL 117)</b>	45
■ <i>Đạt Tường.</i>	
<b>ĐẤT PHIÊN NÃO BỒ ĐỀ VUN XỐI</b>	50
■ <i>Diệu Thuận.</i>	
<b>TRANG DIỄN ĐÀN TU HỌC – HÀNH ĐẠO:</b>	
<b>SỬ MẠNG ĐẶT ĐỀ</b>	57
■ <i>Chí Thật</i>	
<b>CŨNG LÀ MỘT LỐI TU HÀNH</b>	59
■ <i>Thanh Long.</i>	
<b>HỌC TẬP THÁNH GIÁO ĐỨC QUẢNG ĐỨC CHƠN TIÊN VỀ NỘI SAN CAO ĐÀI GIÁO LÝ</b>	63
■ <i>Thiện Lý.</i>	
<b>CAO ĐÀI VÀ VĂN HÓA DÂN TỘC: QUỐC TỔ VIỆT TRONG TAM KỲ PHỔ ĐỘ</b>	67
■ <i>Đạt Tường.</i>	
<b>TỪ TÍN NGƯỠNG &amp; TÔN GIÁO ĐẾN VĂN HÓA</b>	78
■ <i>Thiện Chí.</i>	
<b>TRANG PHẬT GIÁO:</b>	
<b>TÌM HIỂU NGÀY ĐẢN SANH ĐỨC PHẬT VISAKHA</b>	84
■ <i>Trần Ngọc Tâm sưu tầm.</i>	

TƯ TƯỞNG THIÊN HỌC TRONG THI KỆ CỦA TUỆ TRUNG THƯỢNG SĨ ■ <i>Vân Du.</i>	90
THƯỜNG VÀ VÔ THƯỜNG QUA KỆ THỊ TỊCH THỜI LÝ - TRẦN ■ <i>Văn Thị.</i>	93
THĂM HỌC VIỆN PHẬT GIÁO LARUNG GAR Ở TÂY TẠNG ■ <i>Theo Trí Thức Trẻ.</i>	101
TRANG SỬ ĐẠO: LỊCH SỬ KHỞI ĐẦU CÔNG KHAI TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI RA TRUNG BẮC KỲ ■ <i>Đạt Tường.</i>	103
TẤM LÒNG VỊ THA, HÀNH ĐẠO GIÚP ĐỜI CỦA ANH LỚN NGUYỄN VĂN NHỊ ■ <i>Cao Bạch Liên.</i>	108
VUI HỌC SỬ ĐẠO CAO ĐÀI TẬP 3 ■ <i>Trần Ngọc Tâm.</i>	112
TRANG KIẾN THỨC: TÌM HIỂU VỀ MINH TRIẾT ■ <i>Thiện Chí tổng hợp.</i>	114
QUYỀN PHÁP ■ <i>Thiện Chí.</i>	116
NGÀY RẼM ■ <i>Trần Ngọc Tâm.</i>	117
TRANG Y HỌC: QUAN ĐIỂM MỚI VỀ BỆNH UNG THƯ CỦA BỆNH VIỆN JOHNS HOPKINS ■ <i>V.T. sưu tầm.</i>	119
BÁC SĨ CARLO URBANI ■ <i>V.T. sưu tầm.</i>	121
TRANG GÓP NHẬP: HỒN ĐÁ CÔ ĐƠN ■ <i>Diệu Thuận sưu tầm.</i>	123
GIA TÀI CỦA CHA ■ <i>Diệu Thuận sưu tầm.</i>	125
TRANG THƠ: ĐÈO LE QUÊ TÔI ■ <i>Công Huy.</i>	126
TRANG KIẾN THỨC DINH DƯỠNG: CƠ THỂ BẠN ĐANG CẦN LOẠI QUẢ NÀO? ■ <i>Hồng Phúc sưu tầm.</i>	127
TIỆN DỤNG MÀ BỔ DƯỠNG NHƯ NHO KHÔ ■ <i>V.T. sưu tầm.</i>	129
TRANG GIA CHÁNH: PATÊ CHAY ■ <i>Bạch Tuyết.</i>	131
GIỚI THIỆU SÁCH: LUẬN BÀN MINH TRIẾT VÀ MINH TRIẾT VIỆT ■ <i>Minh Trung.</i>	132
THEO DÒNG ĐẠO SỰ ■ <i>Bạch Cúc.</i>	135
LỄ DI LIÊN ĐÀI NHẬP BỬU THÁP NGÀI ĐẦU SƯ NGỌC LỊCH NGUYỆT ■ <i>Đạt Truyền.</i>	137



# ĐẢN SINH

**H**àng năm, có một trùng hợp khá đặc biệt thuộc về 2 tôn giáo lớn là lễ Đản sinh của Phật giáo vào giữa tháng tư Âm lịch và lễ Phục sinh của Ki-Tô giáo vào giữa tháng tư (hoặc cuối tháng 3) Dương lịch. Đản sinh là ngày sinh của Đức Thích Ca Mâu Ni; Phục sinh là ngày sống lại của Đức Giê-su Ki-Tô.

Ngày kỷ niệm Đản sinh đánh dấu sự ra đời của một bậc chứng đắc Khổ đế của chúng sanh, quyết tâm tìm ra nguyên nhân để diệt khổ và thực hành con đường giải thoát (Khổ-Tập-Diệt-Đạo). Đó là con người của lòng tự tin tuyệt đối, dũng cảm

dẫn thân tìm Đạo để tự giác, giác tha. Ngày Phục sinh đánh dấu sự sống lại của con người có đức tin tuyệt đối nơi Thiên Chúa, đã hy sinh hiến thân, làm tròn sứ mạng cứu chuộc tội lỗi chúng sanh, chấm dứt cuộc sống đạo nhập thế, trở về “lẽ sống” xuất thế vĩnh hằng.

Cả hai nhân vật, bằng hai con đường tự tin và đức tin đã mặc nhiên chứng minh chân lý “Thầy là các con, các con là Thầy.” Và cuối cùng, cứu cánh đều cùng thể nhập vào Bản thể tâm linh bất diệt.

Ý nghĩa quan trọng còn lại là công dụng của các lễ kỷ niệm sẽ đánh thức lòng tự

tin và đức tin của mọi người trước tấm gương tự giác và hy sinh cứu độ nhân sanh của hai Đấng Giáo chủ.

Ngày kỷ niệm Phật đản, các chùa đều làm lễ Tắm Phật, đặc biệt có ý nghĩa gội rửa hết mọi phiền não, nghiệp chướng đã che khuất “Phật tử” trong chính bản tâm của mọi người. Tắm Phật để Phật tánh được sáng tỏ minh linh, xóa tan vô minh, giác ngộ chân lý hằng thường, sống theo lời Phật dạy.

Với lễ Phục sinh, truyền thống thắp nến thiêng liêng của mỗi con chiên tại các thánh đường, tập trung thành một bầu ánh sáng xóa tan

bóng đêm, chúc mừng kỷ niệm ngày sống lại của Đức Giê-su Ki-Tô. Ý nghĩa sâu xa là con người phải “sống lại” lòng nhân đức thực, ra khỏi bóng tối tội lỗi, bước vào ánh sáng thánh thiện, lập cõi thiên đàng tại thế gian.

Đức Thích Ca Mâu Ni, sau khi đại giác, đã thấu suốt Phật tánh và nguyên nhân tứ khổ của chúng sanh, động lòng từ

bi đi truyền đạo suốt 49 năm. Sự hy sinh chịu hành hình của Đức Ki-Tô trên thập giá để cứu chuộc loài người, rồi mới sống lại về Trời, chứng tỏ chỉ có tình thương là Thiên tính mới có thể tự độ và độ tha.

Cả hai sự kiện lịch sử mẫu nhiệm ấy, đến thời Tam Kỳ Phổ Độ đã trở nên mạc khải về Thiên đạo Đại thừa. Nên Tam Kỳ Phổ Độ cũng là những

vòng Pháp luân miên tục của Phật đạo. Những biểu tượng máng cỏ Giáng sinh hay ánh nến Phục sinh Thiên Chúa giáo vẫn còn nhắc lại sứ mạng hy sinh cứu độ nhân loại của Đức Giê-su Ki-Tô. Nên Đức Thượng Đế khai đạo vào thời Hạ nguơn bằng cách khải thị Thượng Đế tính trong mỗi cá thể, nhìn nhận tất cả đều là con cái của Ngài hầu mỗi con

# VÀ PHỤC SINH

người “thể Thiên hành đạo”, thực hiện Sứ mạng Đại thừa tự độ và tận độ chúng sanh.

Thế nên, Thánh giáo Cao Đài có dạy: *“Con ôi! Con hãy dành tất cả tình thương cho đồng loại. Hãy quên mình vì cứu độ, quay bánh xe Đại thừa vào khắp chốn, đừng buồn khi gặp những chướng ngại. Có vào lửa đỏ mới cứu được kẻ bị hỏa tai, có chịu sóng gió bão bùng mới vớt được người chết đuối, có hòa mình cùng nhân thế mới độ được thế nhân.”*■

1. Đức Vô Cực Từ Tôn Diêu Trì Kim Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 13-8 Mậu Ngọ (14-9-1978).





# TỪ VĨNH NGUYÊN ĐẾN VĨNH HẰNG

## VĨNH NGUYÊN TRONG TRỜI ĐẤT

NGUYÊN là nguồn, là nơi khởi đầu, VĨNH là tồn tại không giới hạn thời gian. Chữ VĨNH theo Hán tự gồm chữ THỦY có một chấm đầu, tượng hình nguồn nước như suối chảy mãi không cạn, không ngừng. Vậy trong trời đất, cái gì là nguồn gốc vĩnh cửu của vạn vật? – Nó như biển cả, nhờ biển mới có mưa móc; có nước sông suối, ao hồ nuôi sống cỏ cây người vật. Rồi sông suối lại tuôn trở về biển, thành một vòng khép kín lặp lại mãi mãi.

Nguồn gốc đó khi tịnh thì bao dung, chứa đựng; khi động thì ban phát hóa sanh. Động tịnh, tịnh động không bao giờ ngừng nghỉ nên vạn vật sinh sôi nảy nở tiếp tục mãi. Nhưng cuộc sanh hóa và tiến hóa không phải là vô định, tất cả sẽ quay trở về gốc bốn nguyên. Vậy, đương nhiên bốn nguyên tồn tại vĩnh cửu, nhờ đó vũ trụ vạn vật tồn tại và tiến hóa.



Bao nhiêu lý luận dài dòng đó, các đạo gia chỉ nói một chữ, chữ “Đạo”; các triết gia thì viết hai chữ: “Bản thể”. Nếu chúng ta tư duy về vũ trụ thì vũ trụ bao hàm Bản thể và hiện tượng. Bản thể của vũ trụ là Cái-tự-nó hay thực tại tự thân, là nguyên thủy của vạn vật. Vạn vật biến đổi không ngừng, nhưng luôn luôn còn tương quan với Bản thể. Bản thể bất biến nhưng vẫn luôn luôn tác động vào vạn vật.

### **VĨNH NGUYÊN TẠI THẾ GIAN**

Trở lại lịch sử tồn tại, phát triển và tiến hóa của một dân tộc, có thể nhắc lại thánh ngôn của Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo:

*Trở về nguồn cội tổ tông,*

*Đó là cái đạo ở trong mỗi trò.*



Thờ kính tổ tiên là một truyền thống, tập quán lâu đời, rất lâu đời và rất bình thường của nhiều dân tộc, nhất là dân tộc Việt Nam. Vậy “trở về nguồn cội tổ tông” mà Đức Giáo Tông dạy ở đây chắc chắn không phải chỉ đơn giản là việc thờ cúng tổ tiên. Điều cần nhấn mạnh là “nguồn cội”. Nguồn cội là cái gốc chung của toàn dân tộc; đó là khởi thủy của nòi giống được truyền thừa trong dòng máu mỗi con dân, suy ra, nguồn cội gợi lên tình đồng bào ruột thịt. Nguồn cội lại là nơi hội tụ tình cảm của bao thế hệ hậu tấn, cùng hướng về với lòng biết ơn khai sinh, bảo dưỡng, giáo hóa. Giữ được “nguồn cội” thì giữ được bản sắc dân tộc. Giữ được bản sắc, mới không bị đồng hóa, không bị nô lệ. Tình yêu quê hương, lòng yêu nước nảy nở từ các tâm thức “nguồn cội” giống nòi.

Cho nên, Đức Giáo Tông gọi là “cái đạo ở trong mỗi trò”. Đã là “cái đạo” thì là cái giá trị phổ quát, ai cũng có, và ai cũng phải cứu mang, phải phát huy để trở thành người công dân xứng đáng bằng cái đạo làm người cao đẹp.

Chính vì thế, cuối năm 2012 vừa qua, Tổ chức Giáo Dục-Khoa Học-Văn Hóa Liên Hiệp Quốc UNESCO đã tuyên bố công nhận “Tín ngưỡng thờ cúng các Vua Hùng của Việt Nam là di sản văn hóa phi vật thể của thế giới.” Sự kiện này khiến chúng ta nhớ đến hai câu thánh ngôn của Đức Lê Đại Tiên:

*Tình dân tộc đổi tình nhân loại,  
Nghĩa nước non ra nghĩa đại đồng.*  
trong bài thơ:  
*Rũ hết cơn đai chốn bụi hồng,  
Anh linh soi sáng cửa Huyền Không,  
Tình dân tộc đổi tình nhân loại,  
Nghĩa nước non ra nghĩa đại đồng.  
Bây tắc gươm thiêng xưa ủy mị,  
Một câu đạo đức chấn gia phong,  
Dắt người ra khỏi cơn mơ mộng,  
Xứng đáng trời Nam giống Lạc Long.<sup>1</sup>*

1. Ngọc Minh Đài, 15-7 Bính Ngọ (30-8-1966).



## VĨNH NGUYÊN TẠI VĨNH NGUYÊN TỰ

Như trên đã nói, Vĩnh nguyên trong trời đất vũ trụ là ĐẠO. Vĩnh nguyên tại thế gian là Nguồn cội Tổ tông. Còn thử nghĩ Vĩnh nguyên tại Vĩnh Nguyên Tự là gì? Có phải chỉ là cái chùa đã được tái thiết hiện hữu không?

– Cái chùa, thì cũng như bao nhiêu cái chùa khác về hình thức, nhưng điểm đặc biệt đây là chùa Cao Đài, chùa Phật thờ Đức Cao Đài. Câu giải đáp “Vĩnh nguyên tại Vĩnh Nguyên Tự” chính là đầu mối Cao Đài này. Chúng ta hãy đọc lại Thánh ngôn của Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn sẽ thấy lời giải đáp: *“Cũng nhờ ân đức tổ tiên mà Lão đã xây được một nền tảng đạo lý giúp đời, đó là Vĩnh Nguyên Tự. Vì Thiên mạng mà lập cảnh tự này, vì sứ mạng khởi thi cho công cuộc lập đạo kỳ ba, chiêu tập được Thập Nhị Khai Thiên trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Do đó mà Vĩnh Nguyên Tự đã và sẽ được ghi vào sử đạo Cao Đài.”*

Và, theo lời Đức Như Ý dạy thì việc lập Vĩnh Nguyên Tự (Vĩnh Nguyên Tự) có 2 lý do:

*Một là “Thiên cơ dĩ định”, sứ mạng Vĩnh Nguyên Tự là nơi quy tụ Thập Nhị Khai Thiên để gây dựng giếng mối Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.*

*Hai là truyền thống đạo đức, vì trong đời Ngài đã là người lập thân hành đạo nên tạo cơ sở ấy để nguồn đạo đức mãi mãi lưu truyền cho hậu thế, trước nhất là truyền thống tử tôn.<sup>2</sup>*

Vậy, ý nghĩa “vĩnh nguyên” tại Vĩnh Nguyên Tự chính là “sứ mạng khởi thi cho công cuộc lập đạo kỳ ba”. Sứ mạng khởi thi ấy đã hoàn thành trong lịch sử đạo Cao Đài, nhưng Vĩnh Nguyên Tự vẫn còn là “nguồn đạo đức” mãi mãi lưu truyền cho hậu thế và tử tôn. Đó mới là thực chất vĩnh cửu của Vĩnh Nguyên Tự.

Nên Đức Như Ý dạy tiếp: *“... Lịch sử ngôi Vĩnh Nguyên Tự rất là thô sơ, nhưng đó là bước đầu cho việc chuyển từ Cựu Pháp sang Tân Pháp để thích hợp với kỷ nguyên tiến hóa của loài người.”*

2. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Thiên Lý Đàn, 12-02 Kỷ Dậu (29-3-1969).

Thế nên, vô hình trung, nơi Vĩnh Nguyên Tự này, Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn đã lãnh Thiên mạng, đối với Thiên cơ là đặt thêm một trong những viên đá đầu tiên cho Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (sau Đức Ngô Minh Chiêu tại Dương Đông Phú Quốc), và đối với dòng tộc là “nguồn cội tổ tông”. Ngày nào tiếng chuông u minh còn ngân nga nơi đây, tiếng đọc kinh sớm chiều còn bồng trầm nhựt tụng, sứ mạng vĩnh nguyên của Vĩnh Nguyên Tự vẫn còn. Bởi vậy mà Đức Quán Pháp Chơn Tiên, tại thế vốn là nội tôn của Đức Như Ý, sau khi đắc quả đã có bài thi rằng:

*Một kiếp thuận chơn khai trí huệ,  
Ba đời tạo phúc niệm tâm kinh,  
Giờ đây tự tại Hư Vô cõi,  
Thần động, Tinh cô, Khí trụ hình.<sup>3</sup>*

Một lý mẫu nhiệm khác về dấu ấn “vĩnh nguyên” là Đức Chí Tôn đã chọn Ngài Lê Văn Lịch – thọ Thiên ân Ngọc Lịch Nguyệt đồng thời với Ngài Lê Văn Trung – thọ Thiên ân Thượng Trung Nhựt để lập nên cái thế Âm Dương tương hòa, tương ứng hình thành nền tảng Cơ đạo kỳ ba. Đức Đông Phương Chưởng Quân đã minh xác:

*“Ngô Văn Chiêu là một Anh Cả trong thập nhị tông đồ đầu tiên. Ngô Văn Chiêu đã kiến nhận và tiếp lãnh dấu hiệu Thiên Nhân. Nói về lý số, Thiên Nhân là con số 1, tượng trưng cho ngôi Thái Cực.*

*Kế đến, lập thành lưỡng nghi nơi Vĩnh Nguyên Tự. Đó là nhựt nguyệt âm dương.*

*Từ Thái Cực biến Lưỡng Nghi trở thành cái pháp sanh hóa muôn loài vạn vật mà cái pháp ấy Hộ Pháp đã tượng trưng.”<sup>4</sup>*

Ngày nay, hằng năm, ngày mùng 3 tháng Chạp, mùng 2 tháng 9, nhất là ngày Rằm tháng 3 như hôm nay, con cháu nội ngoại của nhị vị đều tề tựu cúng kính nhớ ơn tổ tông, nhất là cùng với đồng đạo hiệp tâm kỷ niệm những sự kiện, những nhân vật lịch sử tại Vĩnh Nguyên Tự. Đó cũng là

3. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 08-12 Đinh Mão (26-01-1988).

4. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 20-02 Quý Sửu (24-3-1973).

ý nghĩa truyền thống đạo đức của Vĩnh Nguyên Tự còn lưu truyền mãi mãi trong hậu thế, không riêng cho gia tộc mà cho toàn đạo, toàn chúng sanh. Chắc chắn sử đạo đã và đang in đậm giá trị tinh thần vĩnh cửu này của Vĩnh Nguyên Tự.

### TỪ VĨNH NGUYÊN ĐẾN VĨNH HẰNG

Đến đây, chúng ta đã thấy rõ cái chủ vị “vĩnh nguyên”, tức Đạo hằng hữu trong trời đất, Bản thể nguồn cội của dân tộc, sứ mạng khởi thi của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, truyền thống đạo đức tổ tông của một gia tộc. Tất cả là dòng suối thanh lương, nhưng có một năng lực phi thường chuyển đưa sinh linh về biển cả là Bản thể vĩnh hằng. Đó là sứ mạng lịch sử, sứ mạng đại thừa thực hiện con đường phản bốn hoàn nguyên bằng Chánh pháp Đại Đạo. Khởi đi từ Vĩnh nguyên, mà không về đến cội Vĩnh hằng thì chưa kết thúc được cuộc tiến hóa theo Thiên cơ.

Qua cơ bút, các Tiên bối đã chứng minh quy luật tất yếu của Chánh pháp: Có chánh tín, chánh tâm, hành chánh đạo thì đương nhiên đắc pháp, đắc đạo. Thế nên, các Đấng cứu độ chúng sanh bằng cách chỉ rõ chỗ khởi nguyên là đâu và quy nguyên là về nơi nào, và làm sao để quy nguyên.

Đức Ngọc Lịch Nguyệt dạy: “Giữa buổi nhiễu vương chánh tà lẫn lộn, bạc thiếc vàng thau chưa sáng tỏ, thì việc họa phúc rủi may cũng chẳng biết đâu mà tránh mà tìm. Chỉ có một con đường duy nhất là mỗi người phải ý thức tu tâm sửa tánh, ham tìm việc thiện mà làm, ngoài ra cũng cần phải hợp tác nhau trong một chương trình đạo sự để có môi trường chẳng chịt ràng buộc lẫn nhau để nhờ đó tâm hồn mình nhớ nhung hoặc dính liền với Trời với Đạo. Đó cũng là tạo một trạm để Thiêng Liêng có thể tiếp ứng cho, trong sự điều dắt hộ trì. Nên nhớ rằng Đạo là con đường cứu rỗi, nếu ai muốn được cứu rỗi thì đừng vì lý do gì tìm cách này hay cách khác xa rời Đạo. Hễ gần Đạo tức gần Trời, Phật, Tiên, Thánh. Xa Đạo tức xa Trời,

Phật, Tiên, Thánh; tức là trong tâm hồn mình như nhà bỏ trống, tha hồ cho quỷ ma đến ngự trị cảm dỗ dẫn dắt vào nẻo diệt vong.”<sup>5</sup>

Đường có đi có đến, đạo có tu có thành. Ta hãy nghe Đức Quán Pháp Chơn Tiên dạy về sự chứng đắc ấy:

THI

*Cái côi trần gian lắm cực hình,  
Đến xong nợ thế thoát thai sinh,  
Tĩnh tu đạo pháp quy Tam Bửu,  
Giác ngộ cơ linh diệt thất tình.  
Một kiếp thuận chơn khai trí huệ,  
Ba đời tạo phúc niệm tâm kinh,  
Giờ đây tự tại Hư Vô côi,  
Thân đặng, Tinh cô, Khí trụ hình.*

THI

*Trụ hình chứng quả bậc Chân Tiên,  
Có có không không cảnh diệu huyền,  
Triệu dậm càn khôn qua chớp nhoáng,  
Một bầu vũ trụ đến thường xuyên.  
Tại đây tuyệt tuyệt phi già trẻ,  
Ở đó vô vô bất lụy phiền,  
Thế giới Phật Tiên muôn vẻ lạ,  
Trần gian nào sánh hỡi chư hiền.*

Và Ngài cũng động lòng từ bi an ủi những hàng tiếp nối sứ mạng Kỳ Ba:

*Chư hiền tịnh tọa giữ thanh tâm,  
Thì cảnh hư linh cũng dễ tầm.  
Khổ hạnh một đời ươm xá lợi,  
Thanh nhàn một kiếp đoạt cơ thâm.  
Câu kinh khải ngộ xa mùi tục,  
Tiếng trống giác mê diệt ý phàm.  
Ngôi vị ngàn xưa Thầy để sẵn,  
Thường trò cố gắng định thiền tham.*<sup>6</sup>

Đức Ngọc đã trở về cội Vĩnh hằng cũng tin tưởng và trông cậy những hàng hướng đạo và nhân sanh giác ngộ hiện tiền:

*Ta là đạo sĩ ẩn non Tiên,  
Chẳng muốn về chi côi lụy phiền,*

5. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, Vĩnh Nguyên Tự, 01-9 Giáp Dần (15-10-1974).

6. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 08-12 Đinh Mão (26-01-1988).

*Nước trí sớm chiều mây đờ gót,  
Non nhân ngày tháng gió lồng hiên.  
Ngờ tai e nổi đời ly loạn,  
Liếc mắt vì chưng Đạo giữa nghiêng,  
Dù được, dù không, dù phải chăng,  
Sau Ta còn bạn nắm chơn truyền.<sup>7</sup>*

## KẾT LUẬN

Suy ngẫm tiến trình thực hiện con đường phản bốn hoàn nguyên từ Bản thể bất diệt sanh hóa muôn loài, phát ban tiềm năng tiến hóa tiểu linh quang. Đến khi Thượng Đế Chí Tôn trao Chánh pháp cho các bậc Nguyên nhân đặt nền móng khởi thi cơ cứu độ tại thánh địa Nam bang mà Vĩnh Nguyên Tự (một trong những trụ tướng của Thiên cơ) đã lãnh lấy sứ mạng tiền phong, để ngày nay Thánh thể Chí Tôn đã hình hiện khắp nơi. Chúng ta nhận định được rằng chu Tiên bối Tiên khai từ Vĩnh Nguyên Tự đã thể nghiệm sứ mạng đại thừa, chứng minh Thiên

7. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, Vĩnh Nguyên Tự, 11-6 Tân Sửu (23-7-1961).

đạo có quyền năng mầu nhiệm chuyển hóa nhân sanh từ nguồn cội Vĩnh nguyên đạt đến cõi Vĩnh hằng, hoàn tất một chu trình tiến hóa.

*Nên Đức Như Ý từng dạy rằng:  
Như Ý Trời ban sẵn mọi người,  
Đạo Toàn tinh luyện đặc như chơi,  
Chơn Nhơn vốn thiệt chơn linh diệu,  
Chứng lễ liên đài mới thành thơi.*

*Vĩnh là vĩnh cửu, bất biến, Nguyên là nguyên bản, hằng hữu hằng thường, Chỉ có cái nguyên bản mới hằng hữu hằng thường bất di bất biến. Vạn hữu do từ hằng hữu mà sanh. Vô thường do từ hằng thường mà có.*

*Con người là một cá thể trong vạn hữu. Người có biết tu chơn, ngộ đạo mới có thể trở về nguyên bản hằng hữu hằng thường bất di bất biến trong cảnh giới vĩnh cửu hư linh. Nhược bằng cứ mãi chấp danh chấp tướng còn chạy theo cái vòng pháp luân vạn hữu vô thường biến dịch rồi muôn đời xa cách bản thể nhứt nguyên tức là xa Tiên, xa Phật, xa Trời, xa Đạo vậy.<sup>8</sup> ■*

8. Vĩnh Nguyên Tự, 15-3 Giáp Dần (07-4-1974).



# LỄ THIÊN “QUANG” TỨ PHƯỚC, HỌC LỜI ĐỨC CHÍ TÔN DẠY:

## “*bất du đạo*”

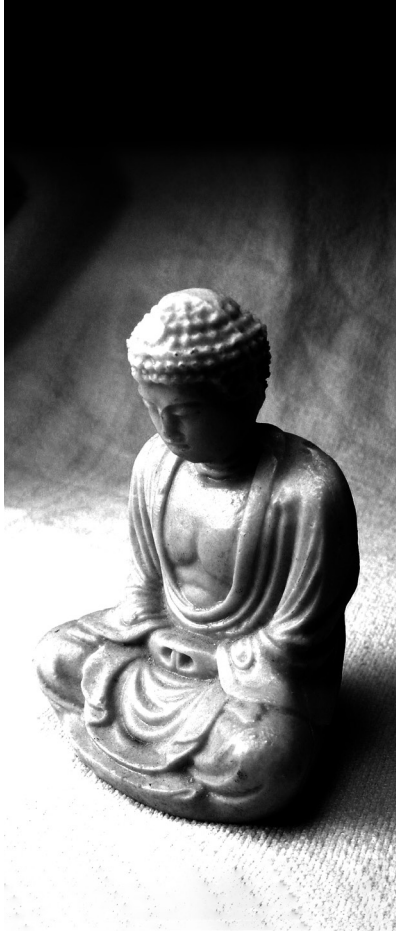
■ GIÁO SĨ HUỆ Ý

### TỪ THIÊN “QUAN” TỨ PHƯỚC ĐẾN THIÊN “QUANG” TỨ PHƯỚC

Rằm tháng Giêng là ngày Thượng ngươn trăng hội, Thiên quan (chữ quan không có “g”) tứ phước. Theo điển tích là ngày vua Nghiêu (Thiên tử), vị quan của Đức Thượng Đế tuần du để ban lộc cho nhân dân. Rằm tháng Giêng, ông bà chúng ta dạy: “Đi lễ quanh năm, không bằng ngày Rằm tháng Giêng”.

Cho nên, vừa đi hành đạo 365 ngày trong năm, cộng thêm ngày Rằm tháng Giêng là kết quả được tính bằng hai năm. Rằm tháng Giêng, chúng ta làm việc Đạo thì việc nào cũng thành tựu tương tự ý nghĩa trong kinh Dịch, một hào vừa được trung, vừa được chính thì tốt hơn nhiều hào khác. Ngược lại thì “Đây là thời điểm nên tịnh tâm, hướng thiện, cầu phúc. Khoa học ngày nay đã chứng minh, vào ngày 15 âm lịch hàng tháng, con người thường hay xảy ra tai nạn nhiều nhất. Do lực hút của mặt trăng tác động xấu đến trạng thái tâm sinh lý (như trường hợp say trăng của Hàn Mạc Tử).”<sup>1</sup>

1. Tam Thái, Tết Saigon, Nhà xuất bản Trẻ 2011, tr.106.



Ngày nay thời Tam Kỳ Phổ Độ, Quang (có “g”) là điển quang, là điển lành. Thiên Quang là Đức Thượng Đế, là Đại Linh Quang, Đức Chí Tôn trực tiếp ban hồng ân cho nhân loại vì đều là Thiên Tử (con Trời).

Đối với Cơ Quan, đây là ngày kỷ niệm khai mạc Văn Phòng Phổ Thông Giáo Lý ở buổi đầu tiên năm 1965: “*Hỡi các con! Thấy đã chọn ngày Thiên Quang Tử Phước mở Văn Phòng để các con nhờ hồng ân của Thầy mà lập công với Đạo.*”<sup>2</sup>

Một năm sau, Đức Chí Tôn dạy :

*Sắc Thiên quang bao trùm vạn vật,  
Ngọc Hư Cung phảng phất mùi trầm,  
Chứng lòng các trẻ đạo tâm,  
Ngự trấn nhằm lúc canh thâm giải bầy.*<sup>3</sup>

Lễ phẩm trân trọng nhất là học và thực hành

2. Thiên Lý Đàn, 14-01 Ất Tỵ (15-02-1965).

3. Thiên Lý đàn, 14-01 Bính Ngọ (04-02-1966). Đàn kỷ niệm đệ nhứt chu niên thành lập Văn phòng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam.

đến nơi đến chốn lời dạy của Đức Chí Tôn. Hôm nay chúng ta cùng học và hành theo lời Đức Chí Tôn dạy về bất du đạo.

## GIÁO LÝ ĐỨC CHÍ TÔN DẠY “BẤT DU ĐẠO”

### THÁNH GIÁO

“*THẤY các con.*”

“*Ôi! Thấy sanh các con thì phải yêu trọng các con chẳng cùng, mà Thầy cho các con đến thế giới này với một thánh thể thiêng liêng, y như hình ảnh của Thầy, không ăn mà sống, không mặc mà lành, các con lại không chịu, nghe điều cấm dỗ mê luyến hồng trần, ăn cho phải bị đọa,<sup>4</sup> dâm cho phải bị đày,<sup>5</sup> nên chịu nạn áo cơm, đục quyền cầu lợi.*”

4. Ăn cho phải bị đọa: Nhất bất sát sanh (ăn thịt, uống rượu).

5. Dâm cho phải bị đày: Sứ mạng truyền sinh không còn ý nghĩa mà hủy hoại tinh khí thần, trở thành sát nhân hại mạng.

## HỌC TẬP

Khi nhập môn, Vị chủ đàn dặn tín đồ lo thực hành đầu tiên là Ngũ giới cấm; đến khi xin vào học Đại thừa Thiên đạo, vị hướng dẫn nhắc lại ngũ giới cấm với tinh thần nghiêm minh hơn. Ngũ giới cấm là bài học cơ bản chủ đạo để sửa mình, để bước lên đường tu. Đức Linh Quang Thổ Địa dạy:

*Đạo dẫn người xa nẻo tội tình,  
Tham lam trộm cướp hại sanh linh,  
Loạn luân, tửu nhục, lời gian dối,  
Từ bỏ trước tiên để sửa mình.*<sup>6</sup>

Con người là Tiểu linh quang phân tán từ Đại Linh Quang là Đức Chí Tôn Thượng Đế. Ở thuở khai thiên lập địa “Con người không ăn mà sống, không mặc mà lành”. Từng bước tánh tình thay đổi, tranh thắng hơn thua, từ chỗ tranh giành cơm áo, đất đai đi đến chiến tranh tương tàn tương sát vì chữ “tham”.

Ăn cho đến phải bị đọa, phạm điều cấm thứ nhất: Bất sát sanh.

Dâm cho đến phải bị đày, phạm điều cấm thứ ba: Bất tà dâm.

Không ăn mà sống, không mặc mà lành là ở thời đại tiên thiên: Không ăn là không ăn vật thực hậu thiên, không mặc là không mặc hậu thiên, con người chỉ ăn mặc tiên thiên. Chúng ta có thể tìm thấy lời dạy của Chúa Ki Tô trong Kinh Thánh “*Hãy nhìn hoa huệ mà suy: Chúng không kéo sợi, không dệt vải, thế mà, Thấy bảo cho anh em biết: Ngay cả vua Sa-lô-môn, dù vinh hoa tột bậc, cũng không mặc đẹp bằng một bông hoa ấy. Vậy nếu hoa cỏ ngoài đồng, nay còn, mai đã quẳng vào lò, mà Thiên Chúa còn mặc đẹp cho như thế, thì huống hồ là anh em, ôi những kẻ kém tin! Phần anh em, đừng tìm xem mình sẽ ăn gì, uống gì, và đừng bận tâm. Vì tất cả những thứ đó, dân ngoại trên thế gian vẫn tìm kiếm; nhưng Cha của anh em thừa biết anh em cần những thứ đó. Vậy hãy lo tìm Nước*

6. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 18-01 Tân Hội (13-02-1971).

*của Người, còn các thứ kia, Người sẽ thêm cho.”* (Luca 12:27-31)

Mỗi ngày vào tứ thời: Tý, Ngọ, Ngọ, Dậu, hành giả tọa thiền, bắt ấn, niệm chú, họa phù là để tập ăn tiên thiên, mặc tiên thiên.

## THÁNH GIÁO

*LỢI,<sup>7</sup> Thấy cũng đã dành cho các con chung hưởng cùng nhau mà cũng vì tham, đũa chũa nhiều, đũa chịu đói.*<sup>8</sup>

*QUYỀN, Thấy cũng ban cho các con in như Thấy đã ban cho chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, hầu cho đủ thể kèm thúc lấy nhau đặng giữ vẹn thánh chất yêu sanh của Thấy, mà quyền ấy trở nên một cơ thể buộc trói nhơn sanh trong vòng tội mọi.*<sup>9</sup>

## HỌC TẬP<sup>10</sup>

Lợi tức là cái gì thân hoạch được sau khi đổ mồ hôi xót con mắt, đó là giá trị gia tăng giúp nâng cao đời sống vật chất và đời sống tinh thần (văn hoá, tâm linh). Lợi bất chính đó là thân đạo. Sự khác biệt về lợi giữa các cá nhân, người xưa thường nói “Đại phú do Thiên, tiểu phú do cần” (Thiên đây là do làm âm chất từ thiện từ nhiều kiếp trước; cần đây là ăn theo thuở, ở theo thì, liệu cơm gắp mắm thì không thiếu trước hụt sau.)

Quyền là sức mạnh của tổ chức đại diện để bảo vệ từ thể chất đến tài sản, luôn cả tinh thần của

7. Đức Phật dạy tổ chức giáo hội xây dựng trên cơ sở lục hoà, để đặt lợi quyền vào nơi trung chính: Thân hòa đồng trú, khẩu hòa vô tranh, ý hòa đồng duyệt, giới hòa đồng tu, kiến hòa đồng giải, lợi hòa đồng quân.

8. Kinh Lạy Cha: Lạy Cha chúng con ở trên trời, chúng con nguyện danh Cha cả sáng, nước Cha trị đến, ý Cha thể hiện dưới đất cũng như trên trời. Xin Cha cho chúng con hôm nay lương thực hằng ngày và tha nợ chúng con như chúng con cũng tha kẻ có nợ chúng con. Xin chớ để chúng con sa chước cám dỗ, nhưng cứu chúng con cho khỏi sự dữ. Amen.

9. Đó là tại con xa chánh đạo, Cõi hồng trần gây tạo trái oan, Nhân luân đạo nghĩa lấp đàng, Tham sân si dục ngập tràn thiên tư. (Thiên Lý Đàn, 14-01 Bính Ngọ, 04-02-1966).

10. Tin vào cõi vô hình, tin vào luật nhân quả thì không dám làm điều bất chính. Nơi nào cũng có Trời biết, đất biết, quỷ thần biết.

tập thể ủy nhiệm. Quyền của người trên bảo vệ người dưới, quyền đó là tình thương; Quyền giữ được chính trung thì sự công bình trong tập thể giữ được; mỗi người siêng năng đều lãnh phần tương xứng. Lạm quyền trở thành gian tham khi không làm mà hưởng, làm ít hưởng nhiều.

Kinh Lạy Cha: ... Xin Cha cho chúng con hôm nay lương thực hằng ngày...<sup>11</sup>

Con người có thân thể là “vi nhân nan đắc” và được Đức Thượng Đế ban cho khả năng “thiên hạ tối linh”. Người là bản lề của đường tiến hoá: từ người mới tiến lên được Thần, Thánh, Tiên, Phật; ngược lại phải thoái hoá xuống thú cầm, thảo mộc, khoáng vật. Người tu ý thức được chân lý này thì:

*Cơm no, áo ấm đủ rồi,*

*Lo tu luyện đạo trau dồi hồn linh.*

Xin lương thực mỗi ngày đủ dùng, không xin dư trong khi nhiều đồng loại khác còn thiếu thực phẩm, đó mới là người tu... Dư là giàu, giàu làm sao về thiên đàng được, nhất là giàu trước. Đức Ki tô dạy: “*Thầy bảo thật anh em, người giàu có khó vào nước Trời. Thầy còn nói cho anh em biết: Con lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn người giàu vào nước Thiên Chúa.*”<sup>12</sup>

Ai chia sót cơm áo mình cho anh em, ngày cuối cùng sẽ được về cõi thiên liêng hằng sống. Đức Ki Tô dạy:

*“Nào những kẻ Cha Ta chúc phúc, hãy đến thừa hưởng Vương Quốc dọn sẵn cho các người ngay từ thuở tạo thiên lập địa. Vì xưa Ta đói, các người đã cho ăn; Ta khát, các người đã cho uống; Ta là khách lạ, các người đã tiếp rước; Ta trần truồng, các người đã cho mặc; Ta đau yếu, các người đã thăm viếng; Ta ngồi tù, các người đến hỏi han.”*(Mattheu 25, 26–27).

### THÁNH GIÁO

*Ôi! Thảm thay! Cái thất vọng của Thầy nên ghê gớm, các con có hiểu vì sao mà cả nhơn sanh*

*gian tham chẳng?*<sup>13</sup> Thì cũng muốn cho nhiều sanh mạng chịu phục dưới quyền thế lợi lộc đó, vậy sự yếu trọng của con người là nạn cơm áo, nắm chặt quyền phân phát cơm áo, thì chưa ai đã chịu thọ sanh nơi thế này lánh khỏi.

### HỌC TẬP

Đáng lẽ ra, con người phải nâng kẻ dại, học người khôn, con người lại đàn áp kẻ yếu hèn để giành lấy phần hơn về cơm, áo, gây nên việc tranh giành lợi, danh, quyền, từ thấp đến cao gây bao chiến tranh lớn, nhỏ. Những người lương thiện hôm nay, họ sẽ được hưởng quả lành là các mối phúc thật.

Kinh Thánh chép rằng: Đức Giê-su ngược mắt lên nhìn các môn đệ và nói: “*Phúc cho anh em là những kẻ nghèo khó, vì Nước Thiên Chúa là của anh em.... Phúc cho anh em là những kẻ bây giờ đang phải đói, vì Thiên Chúa sẽ cho anh em được no lòng. Phúc cho anh em là những kẻ bây giờ đang phải khóc, vì anh em sẽ được vui cười... Nhưng khốn cho các người là những kẻ giàu có, vì các người đã được phần an ủi của mình rồi. Khốn cho các người, hỡi những kẻ bây giờ đang được no nê, vì các người sẽ phải đói...*” (Luca 6:20–25)

### THÁNH GIÁO

Muốn cho đặng quyền hành ấy thì làm thế nào? Dùng hết mưu chước quỷ quyệt, thâm đoạt cho đặng lợi lộc quyền thế cho nhiều, vì vậy mà đời trở nên trường hỗn độn, tranh tranh, đấu đấu, giựt giựt, giành giành, gây nên mối loạn, nhơn loại nghịch lẫn nhau, giúp cho phép tà quyền, mạnh hơn yếu thiện, mất phép công bình thiên liêng tạo hóa; cái trường thảm khổ của thế gian cũng do nơi đó mà ra.

Vậy gian tham đã thâm nhập vào lòng, thì lòng hết đạo đức.<sup>14</sup>

Tham gian nhập vào nhà, thì nhà không chánh giáo.

11. Kinh Thánh Tân Ước. Kinh “Lạy Cha” (Lc 11: 2–4)

12. (Mc 10: 23–27; Lc 18: 24–27 )

13. Tham, sần, si: tam độc

14. Kê khai tài sản.



Tham gian đã nhập vào nước, thì nước hết chơn trị.

Tham gian đã lộng toàn thế giới, thì thế giới hết Thánh Thần,

Thầy không nói sự gian tham có thể giục các con lỗi Đạo cùng Thầy mà bị lăm điều tội lỗi. Ấy vậy gian tham là trọng tội.”<sup>15</sup>

### HỌC TẬP

Khi gặp hoàn cảnh khó khăn, chúng ta hãy cầu xin Đức Chí Tôn chú đừng gian tham của cá nhân hay của tập thể.

Đức Ki tô dạy: “*Thế nên Thầy bảo anh em: anh em cứ xin thì sẽ được, cứ tìm thì sẽ thấy, cứ gõ cửa thì sẽ mở cho. Vì hễ ai xin thì nhận được, ai tìm thì thấy, ai gõ cửa thì sẽ mở cho. Ai trong anh em là một người cha, mà khi con xin cá, thì thay vì cá lại lấy rắn mà cho nó? Hoặc nó xin trứng lại cho nó bò cạp? Vậy nếu anh em vốn là những kẻ xấu mà còn biết cho con cái mình của tốt của lành, phương chi Cha trên trời lại không ban Thánh Thần cho những kẻ kêu xin Người sao?*”<sup>16</sup> (Luca 11: 9–13).

Đức Chí Tôn cũng dạy chúng ta “*Của con Thầy để thiếu chi đây, hễ đứa nào ngoan cứ lấy xài.*” Hãy trở nên con ngoan, hãy làm Đạo, rồi Đạo sẽ lo. Đức Chí Tôn dạy:

*Kho vô tận của Trời dành sẵn,  
Có cần chi lợi lặn bắc nam,  
Mà quên sứ mạng không làm,  
Chơn Tiên lạc bước gót phàm phiêu du.*

15. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 2, đàn năm Mậu Thìn 1928.

16. Sau đó Người nói với họ dụ ngôn này: “Có một nhà phú hộ kia, ruộng nương sinh nhiều hoa lợi, mới nghĩ bụng rằng: “*Mình phải làm gì đây?*” Vì còn chỗ đâu mà tích trữ hoa màu! Rồi ông ta tự bảo: *Mình sẽ làm thế này: Phá những cái kho kia đi, xây những cái lớn hơn, rồi tích trữ tất cả thóc lúa và của cải mình vào đó. Lúc ấy ta sẽ nhủ lòng: hỡn ta hỡi, mình bây giờ ê hỡ của cải, dư xài nhiều năm. Thôi, cứ nghỉ ngơi, cứ ăn uống vui chơi cho đã! Nhưng Thiên Chúa bảo ông ta: Đồ ngốc! Nội đêm nay, người ta sẽ đòi lại mạng người, thì những gì người sắm sẵn đó sẽ về tay ai? Ấy kẻ nào thu tích của cải cho mình, mà không lo làm giàu trước mặt Thiên Chúa, thì số phận cũng như thế đó.*” (Luca 12:17–21)

## GIÁO LUẬT: TÂN LUẬT – CHƯƠNG IV – ĐIỀU 21: BẤT DU ĐẠO (KHOẢN 2)

### LUẬT: ĐIỀU BẤT BUỘC PHẢI TUÂN

“... Nhì Bất Du Đạo là cấm: Trộm cướp, lấy ngang, lường gạt của người,  
– hoặc mượn vay không trả,  
– hoặc chứa đồ gian,  
– hoặc lượm lấy của rơi,  
– hoặc sinh lòng tham của quấy (tác ý), để ý hại cho người, mà lợi cho mình, cờ bạc gian lận”.

### TRIỂN KHAI:

– Trộm của cá nhân:

Trộm cướp, lấy ngang, Ôn Trên dạy:

“...*Chẳng còn theo lối trước nghinh ngang.*

*Tuy là không trộm cắp quả tang,*

*Nhưng chánh nghĩa chưa hoàn toàn mấy...*”

– Hoặc lượm lấy của rơi...

Cha mẹ dạy từ nhỏ không được lượm tiền bạc, vàng... ngoài đường, không phải của mình mà lấy là tham.

Ông Mạc Đình Chi, lưỡng quốc trạng nguyên Việt–Hoa, làm quan thanh liêm. Vua Minh Tông muốn giúp đỡ, ban đêm cho lính hầu đem tiền đặt trước cửa nhà ông, sáng ra đi châu vua, ông mang tiền theo trình lên vua xin nhập kho. Vua Minh Tông thấy vậy nói “*Tiền trước cửa nhà ta là của ta chứ của ai nữa.*” Biết chính nhà vua ban cho ông mới cảm ơn, lạy nhận.

– Hoặc mượn vay không trả, Ôn Trên dạy:

*Như mượn vật không người tự lấy,*

*Chừng trả giao thì thấy tổn hao...*



(...) *Vật dẫu nhỏ: chỉ, kim, rau cỏ,  
Tự hỏi mình nó có chủ không?  
Vậy mỗi khi, trước hỏi vui lòng,  
Sau mới đặng phép dùng của ấy.*

– Hoặc sinh lòng<sup>17</sup> tham của quấy (tác ý), Ôn Trên dạy:

*Thứ hai: Chớ phạm điều râu đạo,  
Thấy của người: Châu báu, bạc vàng.  
Bụng tham lam, cướp giết hung tàn,  
Hoặc thâm lén, đoạt sang cho được.  
Nay vào đạo, gìn lòng mực thước,  
Cho tới món ai cho cũng vậy,  
Không thiết cần, mà lấy là tham.  
Lòng thanh cao, liêm khiết siêu phàm,  
Thì thiên định mới kham nhập Thánh.*

– “Cờ bạc<sup>18</sup> gian lận”. Ôn Trên dạy:

*Hoặc bày ra cờ bạc chứa sâu,  
Hại người khổ biết đâu mà kể!*

– Trộm của tập thể, tham nhũng. Ôn trên dạy:

*Hoặc của công đem dụng việc tư,  
Mà tự tưởng khu khu là trí.*

Nên dám nói câu này nghịch lý:

*Trộm quốc gia xét kỹ lỗi gì?”*

*Lấy của công tội lớn xiết chi,*

*Đồ tam bảo, phạm thì khó gỡ!*

## THỰC HÀNH

### BIẾN GIÁ TRỊ VẬT CHẤT THÀNH GIÁ TRỊ TÂM LINH

Tùy tâm nguyện mà biểu tặng tha nhân, đồng loại khó khăn, phóng sanh cá, chim, in ấn kinh sách (bổ thí ba la mật để trừ tham độc). Xả phú cầu bản, xả thân cầu đạo để bước lên đường giải thoát.

Kinh Thánh chép rằng: “Đức Giê-su đưa mắt nhìn anh ta và đem lòng yêu mến. Người bảo anh ta: Anh chỉ thiếu có một điều, là hãy đi bán những gì anh có mà cho người nghèo, anh sẽ được một kho tàng trên trời. Rồi hãy đến theo tôi. Nghe lời đó, anh ta sa sầm nét mặt và buồn

*rầu bỏ đi, vì anh ta có nhiều của cải.” (Mac Cô 10: 21–22)*

Sử dụng tài sản đúng chỗ, không gây sự tự kỷ cho mọi người, để giúp mọi người khó khăn cũng là bồi công lập đức cho bản thân và gia đình. Đó là chuyển từ giá trị vật chất sang giá trị tâm linh.

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy: “*Những của cải tiền tài vật chất đem sử dụng vào lãnh vực xã hội từ thiện đạo đức rất có ích lắm chớ đạo hữu! Đó là của cải đem gởi nhà băng trên Thượng giới, trộm không cắp, cướp không giết được, hỏa hoạn bom rơi không thiêu hủy được. Đã vậy mà một vốn đến trăm ngàn lần lãi suất. Nhưng nó (của cải vật chất) có ích ở các lãnh vực sau đây:*

1– Là có cơ hội may duyên để trả bớt lần những món nợ tiền khiên mình đã thiếu (tiền nghiệp).

2– Là dùng vật chất để tạo điều âm chất, đừng để cho kiếp lai sanh (luân hồi tái thế).

3– Là nếu của ấy giúp cho người tu hành trong cơn khốn khổ về vật chất, cái âm đức ấy đã khiến kẻ thụ hưởng cảm động hằng hộ niệm cho sở thí chủ được tăng trưởng phước đức sớm trừ bớt nghiệp xấu tiền khiên.

4– Nếu của cải giúp cho người chưa biết tu hành, nhưng biết chừng đâu đó là cơ duyên được trả nợ tiền kiếp như ở phần số một.

5– Là nếu của cải ấy sử dụng đúng với tinh thần tương thân, tương ái, tương trợ vì phát tâm hành thiện, thì sẽ là tài sản sự nghiệp để dành cho kiếp lai sanh, nếu còn đâu thai tái thế sẽ được hưởng cảnh phú quý vinh hoa hoặc nhiều hoặc ít do hiện kiếp biết để dành trong hành thiện.

Chư đạo hữu để ý phần số 5 sẽ thấy rằng, nhìn hiện kiếp của một người nào đó, sẽ hiểu được quá khứ kiếp hoặc vị lai kiếp của họ.

Nhưng rất tiếc thay! Có người hiện kiếp đương hưởng phú quý vinh hoa, tưởng rằng do tài năng của mình tạo ra hoặc của phụ ấm để lại, mà không hiểu cái nhân của nó. Thế nên, người đời thường mỉa mai rằng: “*Tại sao những kẻ tham tàn độc ác vẫn giàu có phây phây, còn người chí công tu niệm hành đạo suốt đời lại bị nạn nợ tai*

17. Giới thù đạo: thù (trộm cắp), đạo: cướp giết.

18. Cờ bạc là xấu chớ không phải đánh bạc gian lận mới xấu.

kia, khó nghèo theo đuổi. Như thế, tu cũng vậy, không tu cũng vậy.”

Chư đạo hữu ý thức được điều cốt này nên lấy đó làm phương tiện để an ủi, vỗ về, nhắc nhở, khuyến khích hoặc giúp đỡ những người bạn đạo trong cảnh ấy, đang trả quả, để ngăn chặn sự sa sút đức tin, phế đạo rồi bỏ lỡ cơ hội được trả bớt nghiệp tiền khiên quá nặng.<sup>19</sup>

### GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Việc giáo dục đào tạo từ tuổi thơ, ý thức và tập thói quen tốt.

Uốn tre, uốn thuở măng non,

Dựng gậy hướng đạo khi còn tuổi thơ.

Ôn Trên dạy thêm:

*Kiểm non khéo uốn sẽ thành rồng,*

*Dạy dỗ nhờ người có cảm thông.*<sup>20</sup>

Trong trận động đất và sóng thần tại Nhật Bản năm 2011, thêm thảm họa hạt nhân tại nhà máy điện nguyên tử Fukushima. Cả thế giới đã không ngờ về sự liêm khiết của người Nhật từ già đến trẻ trước tiền bạc, vật dụng đầy khắp mọi nơi mà không ai lượm lặt của rơi không phải của mình. Trẻ em cũng xếp hàng chờ đến phiên và không hưởng bất cứ ưu tiên nào dù cho có người giúp đỡ.

“Đó là ý thức xã hội: Không thấy cảnh cướp bóc, chen lấn, xô đẩy nơi mua thức ăn hay trong ga điện ngầm đang tắc nghẽn. Ngược hẳn tình

trạng hời của tại Chi-lê sau trận động đất năm ngoài (2010), tối tệ đến nỗi quân đội phải nhập cuộc. Ở New Orleans, Mỹ, cơn bão Katrina cũng gây nên tình trạng cướp bóc đến mức kinh hoàng. Người Nhật Bản đang thể hiện điều mà họ được dạy dỗ và tập huấn ngay từ còn bé.”<sup>21</sup>

Luật nhân quả không làm sao tránh được “lấy của người tức là vay nợ, tức nhiên một ngày phải trả vừa vốn, vừa lời.”

Đức Quan Âm Bồ Tát dạy: “Đem của tiền thực phẩm nuôi dưỡng đám cô nhi bạc phước qua khỏi lúc đói rách là phước thiện, nhưng không đem đạo lý dạy dỗ, dẫn dắt chúng trở thành người lương thiện giúp ích cho đạo, hoặc cho đời thì chưa chắc gì việc phước thiện ấy được toàn thiện, toàn mỹ, nếu chúng nó lớn lên làm theo sở thích,... để trở ra hàng du thủ du thực, trộm cướp...”<sup>22</sup>

Đức Chí Tôn dạy:

*Con có hiểu hai câu này chăng?*

*Hớn Lưu-Khoan trách dân Bồ-Tiên thị nhục,  
Hạng Trọng-Sơn khiết kỷ ẩm mã đầu tiên.*

*Nghĩa là: Đòi Hớn, người Lưu-khoan làm quan, hễ dân có tội thì đánh bằng roi lát, cho biết nhục vậy thôi, còn Nước Hạng, người Trọng-Sơn, sạch mình cho đến đũa, cho ngựa uống nước rồi vãi tiền xuống sông mà trả; trong sạch đến đũa của Trời Đất cũng không nhớ-bợn, con hiểu à!*<sup>23</sup>

Kế đó Đức Chí Tôn dạy một vị hầu đàn: “*Thầy muốn dạy con phải ở và dạy nội gia quyến con cho chánh đáng, phải lấy lòng trong sạch đối đãi với người, dầu việc nhỏ mọn cũng vậy.*”<sup>24</sup> Con

19. Minh Lý Thánh Hội, 01-11 Tản Hội (18-12-1971).

20. Đức Cao Triều Phát, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-4 Giáp Dần (06-5-1974).



21. Thái Hà Book, Hoa anh đào vẫn nở (Tinh thần và ý chí Nhật Bản trước thảm họa thiên nhiên), Nhà xuất bản Thời Đại 2011, tr.84.

22. Tam Tông Miếu, 29-9 Kỷ Dậu (08-11-1969).

23. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 2, đàn ngày 30-9-1926.

24. Bát điều mục: 1. Cách vật; 2. Trí tri; 3. Thành ý; 4. Chánh tâm; 5. Tu thân = Thầy muốn dạy con phải ở, phải lấy lòng trong sạch đối đãi với người, dầu việc nhỏ mọn cũng vậy; 6. Tề gia = dạy nội gia quyến con cho chánh đáng; 7. Trị quốc = phải lấy lòng trong sạch đối đãi với người, dầu việc nhỏ mọn cũng vậy; 8. Thiên hạ bình.

khá đọc Thánh ngôn và cắt nghĩa Thánh ý Thầy cho mọi người biết. Hạnh ngay thật là nét yểu dẫu của Thầy, con nghe.”

Cha nào, con nấy, cha mẹ phải làm gương cho con cái về đức liêm chính như lời Đức Chí Tôn dạy.

Học, Tu, Sống, Đạo để chuyển ý căn.<sup>25</sup>

Ngựa qua cửa sổ cuộc giàu sang,

Quyển luyến lợi danh dạ xốn xang.

Phú quý phù vân gom lại tán,

Của tiền bọt nước hiệp rồi tan.

Thiên cung nào chứa người giàu trước,

Âm cảnh lại thâu kẻ xảo gian.

Ham hố dẫu thai ra ngựa ghé,

Chung thân chở của bởi mê vàng.<sup>26</sup>

Đức Chơn Thường Đạo Sĩ có lần giảng cơ kể chuyện:

“Có một ông vua nhân lúc thái bình di giá dạo khắp hoàng thành để thăm dân chúng. Vua nhìn thấy cảnh an cư lạc nghiệp giàu có của dân, trong lòng rất mừng nhưng lại nảy ra một ý tham. Dân đã giàu là nhờ ở sự cai trị của vua, thì vua phải chia bớt phần giàu của dân để sung vào công khố.

Nghĩ vậy, vua liền ra chiếu chỉ, mỗi nhà giàu phải nộp cho triều đình một phần ba của cải. Trong lúc dân chúng xôn xao bàn tính để nộp tài sản cho nhà vua, thì có một anh thương buôn cũng giàu có sốt sắng đem hết cả sự nghiệp tài sản của mình mà nộp hết cho nhà vua. Vua lấy làm lạ cho triệu anh ấy vào để nhận một phần ba tài sản thôi.

Anh thương buôn cứ xin nộp hết. Vua hỏi lý do, anh ấy liền trả lời: Tàu bè hạ, đây là một dịp may cho hạ thần gởi gắm sự nghiệp tài sản để rảnh rang, vì của này chưa thật của hạ thần mà là của năm nhà: hỏa hoạn, bão lụt, trộm cướp, sung công và cuối cùng là thê tử tiêu phá gây tội lỗi, dẫu hạ thần có giữ được bao lâu cũng không khỏi về tay một trong năm nhà đó nên hạ thần

xin dâng hết cho bề hạ để khỏi khổ công gìn giữ và khổ sở khi mất nó. Cúi xin bề hạ thâu hết cho. Vua nghe tâu trầm tư suy nghĩ liền giác ngộ, bãi bỏ việc thâu thập của dân.

Đó là một câu chuyện trôi qua trong giấc mộng mà ngày nay tưởng chừng như sự thật. Tệ Sĩ hơi dài dòng, chu Thiên ân và chu liệt vị hoan hỷ cho.”<sup>27</sup>

## HỌC ĐẠI THỪA HÀNH THIÊN ĐẠO

Nhơn đạo là lấy lòng người đối xử với nhau. Thiên đạo là lấy lòng Trời đối xử với nhau thì không còn tham, sân, si, dục. Đức Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn dạy: “Các bậc Thánh nhân ngày xưa thuận theo thời Trời mà phát sinh Thánh đức, giáo tử muôn dân, noi theo lòng Trời mà xem dân như con đẻ, không thương riêng, không ghét riêng. Dẫu đời có thăng trầm bĩ thối, người có đại khôn, đất có thấp cao, nhưng các Đấng đem đạo tài thành của thiên địa để dưỡng nuôi bồi bổ, dụng phụ tướng thiên địa chi nghi mà mở mang thiên hạ, không tranh, không chấp, không tham giận thù hằn, nhà an nước trị, dân chúng vô bụng ngậm cơm.”<sup>28</sup>

Đức Đông Phương Lão Tổ dạy:

Tu là thuốc chữa bệnh trần,

Thiền là đoạn diệt tham, sân, dục tình.

## KẾT LUẬN

Học lời Đức Chí Tôn dạy về “Bất du đạo”, chúng ta ghi nhận:

1. Nhứt bất sát sanh thể hiện đức Nhân, nhì bất du đạo thể hiện đức Nghĩa. Người xưa đã dạy: “Nhân phi nghĩa bất giao, vật phi nghĩa bất thủ” (người không có nghĩa thì không thể quan hệ, vật không có nghĩa thì không nên cầm giữ).

2. Tùy tâm nguyện mà biểu tặng vật cho

25. Từ lúc còn sinh thời chứ không đợi lúc tắt thở.

26. Lục căn, tam tâm.

27. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-6 Giáp Dần (02-8-1974).

28. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 30-12 Ất Mão rạng 01-01 Bính Thìn (30-01-1976).

người, rồi tiến lên “Xả phú cầu bản, xả thân cầu đạo” để tiến lên giải thoát.

3. Nhi bất du đạo thể hiện đức công bình: “Vật nào không phải của mình không nhận, những gì không cần không giữ.”

4. Muốn lập xã hội đạo đức đi lần đến Thánh đức thì việc giáo dục đào tạo từ trẻ thơ để hiểu giáo lý, sống giáo lý không phạm vào ngũ giới cấm là điều quan trọng, không những lo dinh dưỡng thể xác, mà còn phải bồi dưỡng tâm linh. Đây là trách nhiệm của cha anh, của hàng đi trước.

5. Hành giả thắng được độc tham trong bản thân thì khi học Đại thừa hành Thiên đạo sẽ được chư Thiên phò trì trên bước đường tu học.

“Lòng thanh cao, liêm khiết siêu phàm, thì thiên định mới kham nhập Thánh.”

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn hỏi: “Chư hiền đã có ưu thế để tạo Tiên tác Phật, lên hàng chánh đẳng, chánh giác. Chỉ còn một điều là:

- Có thiệt hành chơn đạo hay không?
- Có thắng được lòng tham sân si dục hay không?
- Có khắc phục tánh giải đãi biếng lười hay không đó thôi.”<sup>29</sup>

Xin cầu và nguyện cho tất cả chúng ta thực hiện được 3 điều trên: Hành chơn đạo, thắng tham sân si dục, thắng giải đãi biếng lười. ■

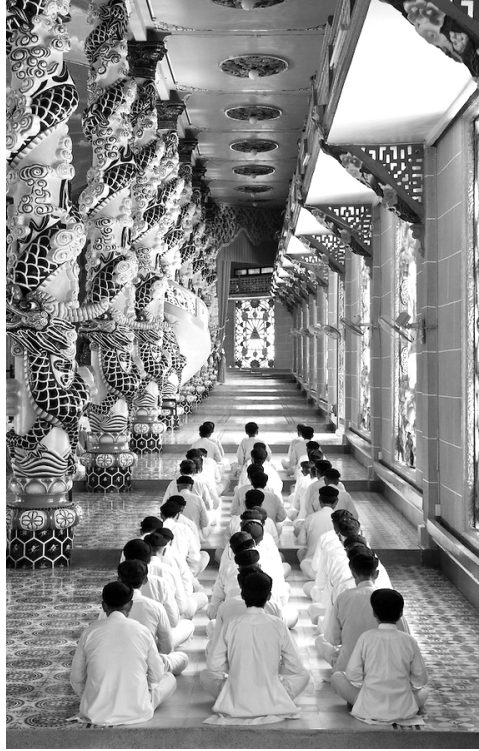
29. Vĩnh Nguyên Tự, 16-01 Bính Thìn (15-02-1976).



## THÁNH GIÁO

Lòng từ thiện hơn loài vốn có,  
Nhưng vì không chịu khó điểm tô,  
Nên chi bị khổ tam đồ,  
Không về được cõi hư không Niết Bàn.  
Vì thương xót hơn loài đau khổ,  
Quyết tìm phương tế độ đời nguy,  
Ta bèn phế bỏ vương trì,  
Xuất gia tầm đạo mầu vi giải nạn.  
Vào tận chốn thâm sơn cùng cốc,  
Sáu năm trường lao nhọc nài bao,  
Ma Vương đón ngõ ngăn rào,  
Gặp nhiều thử thách không nao tắc lòng.  
Vậy mới được thành công đắc quả,  
Đạo ban truyền thể hạ sùng tôn,  
Chứng minh Phật pháp trường tồn,  
Dựng lên vô số thiền môn độ đời.  
Vẫn thấy được nhiều người đầu Phật,  
Cũng mong cho lên nấc thang lành,  
Để mà về cõi tịnh thanh,  
Thánh thời muôn thuở bên cành liên hoa.  
Tiếng đầu Phật nhưng mà xa Phật,

Đã để cho vật chất trì lôi,  
Trải bao nhiêu kiếp luân hồi,  
Vào ra sáu nẻo người ôi có tường!  
Sống chung với vô thường nga quỷ,  
Dưới Âm Ty đã bị xích xiềng,  
Còn đâu tánh Phật, căn Tiên,  
Chẳng qua vì lúc sanh tiền thiếu tu.  
Nay phải chịu nghìn thu ôm hận,  
Phật vẫn mong độ tận chúng sanh,  
Nhưng người ít muốn tu hành,  
Làm sao hưởng được ân lành Trời ban.  
Đời mạt kiếp điều tàn hơn loại,  
Không tu hành là sai Thiên cơ,  
Thuyền từ đã chực trước bờ,  
Đến giờ tách bến không chờ riêng ai.  
Nay nhờ Đức Cao Đài ân xá,  
Hết tội tình cho cả chúng sanh,  
Tam Kỳ khai mồi đạo huỳnh,  
Khuyên đời chánh niệm tu hành quy nguyên.  
ĐỨC THÍCH CA VẤN PHẬT, NGỌC LINH THÁNH TỊNH, 08-  
02 NHÂM DẦN (13-3-1962). ■



# CON ĐƯỜNG HỘI NHẬP của người tín đồ **CAO ĐÀI**

■ HỒNG PHÚC

**N**hằm cứu độ nhân loại thoát khỏi cơ sàng sây củangươn Tận diệt, Đức Thượng Đế đã lâm phạm khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, rúc lên hồi chuông thức tỉnh con người tìm nẻo tu hành, và một nền đạo mới mang tên Cao Đài đã được khai sinh trên đất nước Việt Nam trong bối cảnh rực sáng của nền văn minh vật chất nhân loại. Sự ra đời của tôn giáo Cao Đài có ý nghĩa quan trọng của một thực thể đạo cứu thế, có khả năng quyết định lễ tồn vong của số phận nhân loại trong buổi cuối cùng của chu kỳ vũ trụ, nhưng không phải là một phép lạ mang tính thần quyền đương nhiên cứu vớt con người ra khỏi cơn kiếp nạn của buổi Hạ nguơn. Bởi vì con người là một chủ thể tự do và độc lập phải tự cứu mình bằng con đường giác ngộ bản thân, phục hồi chơn tánh, tìm nẻo qui nguyên theo đúng cơ vận hành của Trời Đất. Nói như vậy, không có nghĩa là tôn giáo Cao Đài dạy con người phải rời bỏ cuộc sống trần gian vật chất để tìm nơi tu luyện

Ngược lại, Đức Thượng Đế mở đạo Cao Đài, dạy con người phương tu vừa xuất thế, vừa nhập thế trên tinh thần dung hoà vạn giáo qua tôn chỉ “Tam giáo qui nguyên – Ngũ chi phục Nhứt”, không chỉ nhằm hướng con người đến sự giải thoát tâm linh mà còn song song hướng đến xây dựng một nền văn minh đạo đức phù hợp với mọi cá tính nhân loại để kiến tạo một xã hội đại đồng, trong đó vẫn bảo tồn những bản sắc riêng của từng dân tộc nhưng không còn tồn tại những sự kỳ thị, mâu thuẫn, phân chia do bởi những dị biệt, điều đó có nghĩa, mỗi người đều được sống với bản sắc văn hóa dân tộc mình, vừa được tiếp xúc với nhiều nền văn hóa khác, đồng thời phát huy điểm Đạo tự hữu mà Trời đã phú bẩm cho mỗi cá nhân để hoà nhập vào giòng tiến hoá của vũ trụ, bước ra khỏi vòng luân hồi sanh tử buộc ràng bởi luật nhân quả triển miên.

Trong ý nghĩa đó, người tín hữu Cao Đài không độc thiện kỳ thân trên đường quay về bến giác, mà phải hoà mình vào dòng chảy của kiếp nhân sinh, vì theo giáo lý Cao Đài, con người là một bộ phận không thể tách rời khỏi guồng máy vận hành vũ trụ, do bởi con người là Tiểu Thiên Địa có vị thế cao trọng là làm chủ muôn loài, thay Trời cai quản cõi hữu giới và chỉ hoàn thành sứ mạng khi quay về nơi đã ra đi từ khởi thủy. Như vậy, con người nói chung, những người tín đồ Cao Đài nói riêng muốn bảo tồn cuộc sống thế gian, phải hội nhập với đời, hội nhập với người và hội nhập cả với Trời. Tuy hai chữ “hội nhập” mang tính thời đại này không xuất hiện trong Thánh ngôn, Thánh Giáo Cao Đài, nhưng dấu ấn “Hội nhập” đã bàng bạc xuyên suốt toàn bộ giáo lý Cao Đài như một con đường mà người tín đồ Cao Đài phải theo để đạt đến cứu cánh của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là “Thế Đạo Đại đồng và Thiên Đạo Giải thoát”.

### **THẾ NÀO LÀ “HỘI NHẬP”?**

“Hội nhập” là một khái niệm mang tính thời thượng, xuất phát từ thuật ngữ “Hội nhập quốc

tế”, có nguồn gốc dịch từ tiếng nước ngoài (tiếng Anh là “international integration”, tiếng Pháp là “intégration internationale”). Đây là một khái niệm được sử dụng chủ yếu trong các lĩnh vực chính trị học quốc tế và kinh tế quốc tế, ra đời từ khoảng giữa thế kỷ trước ở châu Âu, trong bối cảnh những người theo trường phái thể chế, chủ trương thúc đẩy sự hợp tác và liên kết giữa các cựu thù (Đức-Pháp) nhằm tránh nguy cơ tái diễn chiến tranh thế giới thông qua việc xây dựng Cộng đồng châu Âu.<sup>1</sup>

Vì vậy mà trong hầu hết tự điển Việt Nam đều không có từ “Hội nhập”. Ngay cả trong các tự điển tiếng Anh, chữ “integration” cũng có những định nghĩa tương đối không giống nhau. Do bởi cho đến nay, vẫn còn nhiều cách hiểu khác nhau về khái niệm “hội nhập quốc tế”.

Theo các nhà nghiên cứu, ở Việt Nam, thuật ngữ ‘hội nhập kinh tế quốc tế’ bắt đầu được sử dụng từ khoảng giữa thập niên 1990 cùng với quá trình Việt Nam gia nhập ASEAN, tham gia Khu vực Mậu dịch Tự do ASEAN (AFTA) và các thể chế kinh tế quốc tế khác. Những năm gần đây, cụm từ “hội nhập quốc tế” (thậm chí nói ngắn gọn là “hội nhập”) được sử dụng ngày càng phổ biến hơn và với hàm nghĩa rộng hơn; hội nhập kinh tế quốc tế, là quá trình các nước tiến hành các hoạt động tăng cường sự gắn kết nhau dựa trên sự chia sẻ về lợi ích, mục tiêu, giá trị, nguồn lực, quyền lực (thẩm quyền định đoạt chính sách) và tuân thủ các luật chơi chung trong khuôn khổ các định chế hoặc tổ chức quốc tế.<sup>2</sup>

Như vậy, “Hội nhập quốc tế” không chỉ là sự hợp tác thông thường giữa các quốc gia, mà đòi hỏi sự chia sẻ và tính kỷ luật cao của các chủ thể tham gia. Hội nhập quốc tế có thể diễn ra trên từng lĩnh vực của đời sống xã hội (kinh tế, chính trị, an ninh – quốc phòng, văn hóa, giáo dục, xã hội, v.v.), đặc biệt trong đó, sự hội nhập

1. TS Phạm Quốc Trụ – Học viện Ngoại giao.

2. TS Phạm Quốc Trụ – Học viện Ngoại giao.

về văn hóa-xã hội có ý nghĩa rất quan trọng, thực sự gắn kết các nước với nhau bằng chất keo bền vững hơn cả, vì đó là quá trình mở cửa, trao đổi văn hóa với các nước khác; chia sẻ các giá trị văn hóa, tinh thần với thế giới; tiếp thu các giá trị văn hóa tiến bộ của thế giới để bổ sung và làm giàu nền văn hóa dân tộc.

Do đó, hội nhập quốc tế là một xu thế tất yếu lớn của thế giới ngày nay, không một quốc gia nào có thể phát triển trong sự biệt lập với thế giới bên ngoài; ngược lại, sự tùy thuộc lẫn nhau (Interdependance) ngày càng có chiều hướng gia tăng và tác động trực tiếp đến từng quốc gia, từng khu vực và toàn thế giới.

Qua lịch sử và thời gian hình thành khái niệm “Hội nhập quốc tế” mà ngày nay đã phổ biến với hai từ “Hội nhập” cho thấy Đức Thượng Đế khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay tôn giáo Cao Đài từ năm Bính Dần 1926, cách đây 87 năm, tức là vào thời điểm mà khái niệm “Hội nhập” chưa hình thành trên thế giới. Xuyên suốt từ đó đến nay, Thánh giáo Cao Đài cũng không dùng từ ngữ “hội nhập”, nhưng xét về cách hiểu của hai từ này, khái niệm “Hội nhập” đã bàng bạc xuyên suốt toàn bộ giáo lý Cao Đài.

Như vậy, người Cao Đài có thể hiểu một cách đơn giản đơn giản, Hội là gặp gỡ; Nhập là vào. Trước hết, Hội nhập là cùng bước vào để gặp gỡ nhau, để thông cảm nhau, để nhận ra mối dây liên hệ có cùng bản thể là tình thương khởi phát từ đức hạo sanh của Tạo Hoá, để quên đi những dị biệt, xua tan hận thù, kỳ thị, cùng chung tay tạo dựng thế Nhân hoà theo phương thức Thiêng Liêng đã chỉ dạy “ứng hoá theo lòng chúng sanh”, trên nền tảng “Nhân bản- An lạc -Tiến bộ”. Nhưng để hội nhập được với người thì mỗi cá nhân phải hội nhập được với chính mình, hay nói một cách chính xác là hội nhập với “Chơn ngã” là phần thiêng liêng của Tạo Hoá ban cho mỗi người để không còn tồn tại sự chấp ngã riêng tư, đồng thời tạo nên tiền đề cho sự trở về hiệp Nhứt cùng Trời.

## CAO ĐÀI LÀ MỘT TÔN GIÁO HỘI NHẬP

Như đã nói, mặc dù danh từ “Hội nhập” không được dùng trong Thánh ngôn, Thánh giáo Cao Đài nhưng ý nghĩa “Hội nhập” bàng bạc xuyên suốt trong toàn bộ giáo lý Cao Đài với những đối tượng khác nhau.

### 1. HỘI NHẬP VỚI CÁC TÔN GIÁO:

Trước tiên, tinh thần hội nhập tôn giáo của đạo Cao Đài đã được thể hiện qua lời Thánh giáo: *“Đạo Cao Đài không phải thiết lập thêm một tôn giáo, mà là cố gắng sao các tôn giáo hiệp làm một, chẳng những tạo cho tổ chức nơi mình một địa vị mà làm cho tất cả các tổ chức thành một địa vị cao quý ở cõi đời này và nơi thiên quốc, niết bàn.”*<sup>3</sup>

Trong ý nghĩa đó, Đức Thượng Đế đã đặt để cho tôn giáo Cao Đài tôn chỉ “Tam giáo quy nguyên, Ngũ Chi phục nhứt”. Quy nguyên là trở về với cái gốc ban đầu, là Đại Đạo. Phục nhứt là trở về với cái Một, cũng chính là Đại Đạo. “Tam giáo quy nguyên” chính là mở ra cánh cửa nĩa tôn giáo Cao Đài bước vào sự hội nhập các nền tôn giáo hiện hữu trên cái Lý đồng nhất của Đại Đạo là điểm xuất phát của vạn giáo, để làm sống lại chơn truyền của các vị Giáo tổ khai sáng, đưa tôn giáo trở về vai trò khởi thủy là chiếc thuyền đưa khách vượt khỏi sông mê sang bờ giác, để xã hội tôn giáo không còn những trạng huống đau lòng phân chia, kỳ thị kết mầm khổ đau mà sẽ thay bằng ánh sáng cảm thông của lòng từ bi, trí tuệ chiếu rọi tâm linh con người, cùng dẫn dắt con người tìm đến sự giải thoát tâm linh.

“Ngũ chi phục Nhứt” là sự kết hợp năm nấc thang tu tiến nhằm giúp con người tu hành xoá bỏ thành kiến phân biệt thấp cao giữa các nền tôn giáo, bởi vì mỗi tôn giáo đều có năm cấp bậc tu tiến từ Nhân Đạo, đến Thần Đạo, sang Thánh Đạo, đến Tiên Đạo và sau cùng là Phật Đạo. Do vậy, dù ở tôn giáo nào, người tín đồ nếu thực hiện trọn vẹn đường lối giáo hóa của

3. Đạo Học Chỉ Nam, chương 2, tiết 4, mục



tôn giáo ấy đối với chính bản thân mình cũng như đối với tha nhân, thì kết quả đạt được sẽ là như nhau. Trên tinh thần đó, Thánh giáo Cao Đài xác nhận:

*“Đạo Trời dĩ định, nên Đại Đạo phổ khai rộng mở, tất cả vạn pháp đều đem ra truyền dạy, tùy căn cơ sâu cạn của môn đệ hưởng ứng theo trình độ. Bởi thế, mới lắm lúc dạy qua cơ siêu thoát tu tịnh, lóng lòng kèm tâm định tánh, khứ trước lưu thanh, gom thần luyện kỹ, tu đơn cho mỗi môn đệ hiểu tường, rồi tùy căn cơ mà thi hành Đạo Pháp.”*<sup>4</sup>

Thời Tam Kỳ Phổ Độ là thời kỳ quá độ chuyển từ Hạ nguơn sang Thượng nguơn cho nên đòi hỏi con người phải thực hiện cùng lúc năm bậc học trên đường tu tiến:

Nhân Đạo, là trách nhiệm của con người đối với gia đình.

Thần Đạo, là trách nhiệm đối với dân tộc, nước non.

Thánh Đạo, là sứ mạng xây dựng nền tảng đại đồng trong đời sống của nhân loại.

Tiên Đạo, là sứ mạng giải thoát tâm linh cho chính mình.

Phật Đạo, là sứ mạng đại thừa cứu độ chúng sinh trong Càn Khôn vũ trụ thoát khỏi luân hồi chuyển kiếp.

Như vậy, sự hội nhập với các tôn giáo của đạo Cao Đài chính là sự bắt tay cộng tác với các tôn giáo trên đường độ dẫn nhân sinh tìm về bến giác, thể hiện qua lời dạy của Đức Lê Đại Tiên: *“Phân biệt trên hình thức tôn giáo, phân biệt trên giáo điều, không phải là ngăn cản sự bắt tay cộng tác giữa các tôn giáo. Điều thực sự quan yếu là người tôn giáo phải cương quyết chung hòa cùng nhau trên viễn đồ phục vụ tâm linh và hướng đạo quần sanh.”*<sup>5</sup>

## **2. HỘI NHẬP VỚI CỘNG ĐỒNG NHÂN LOẠI:**

Đại cuộc cứu độ của Đức Cao Đài trong Tam

Kỳ Phổ Độ không chỉ nhằm đến việc giải thoát tâm linh con người theo như truyền thống tôn giáo, mà còn tập trung vào cứu cánh thứ nhất là “Thế Đạo Đại đồng” nhằm hướng dẫn con người chung tay thiết lập một xã hội đại đồng là *“một xã hội không kỳ thị phân chia, phù hợp xu hướng văn minh tiến bộ, là một cảnh giới an lạc hòa bình, hạnh phúc trần gian và siêu xuất thế gian.”*<sup>6</sup>

Xã hội đại đồng không có nghĩa xoá bỏ biên cương giữa các quốc gia, thống nhất thế giới này thành một khối duy nhất mà có ý nghĩa của một sự hiệp nhất tinh thần nhân loại trong sự thấu hiểu về nhân bản là cội nguồn con người, là Thiên tính, Thượng Đế tính. Hiểu rộng rãi là tình thương, đạo đức, lương tâm con người, trong đó chứa đựng sự công bằng, sự hiểu biết về lẽ phải ở đời. Con người sống đúng nhân bản sẽ tìm thấy hạnh phúc trong sự an lạc tâm hồn, đồng thời sẽ tạo cho con người một sự tiến bộ về tâm linh, để con người sáng suốt biết phân biệt điều thiện-ác, biết chọn lựa những những điều tốt đẹp phù hợp chân- thiện- mỹ, đủ tư duy hiểu biết dừng lại những gì mình có tức biết đủ, biết nhàn, biết sống vì mọi người, biết làm những điều ích chúng lợi dân, biết sống theo thiên lý, biết bảo vệ môi trường, biết tôn trọng thiên nhiên, tức đạt đến sự tiến bộ trong cả hai mặt đời sống vật chất và tinh thần như lời dạy của Đức Cao Triều Phát: *“Đạo Cao Đài chủ trương hiệp nhất tinh thần nhân loại, cùng tắm chung ánh nắng của Trời, cùng thở chung hơi thở của Hóa Công, cùng sống chung sức sống vô tận của Tạo Doan Thượng Đế, thì chúng ta không có một lý do nào tách rời những sự kiện ấy bằng lối sống riêng tư, mặc dù riêng tư về tinh thần vị kỷ.”*<sup>7</sup>

Như vậy, để hội nhập được với xã hội nhân loại, tôn giáo Cao Đài không thể tách rời cuộc sống nhân sinh luôn luôn tiến về phía trước, nhất là trong hoàn cảnh thế giới nhân loại đang ở thế mất quân bình giữa vật chất và tinh thần,

4. Đức Thái Thượng Đạo Quân; Thánh Huấn Hiệp Tuyển, Q.1, tr.156.

5. Đức Lê Đại Tiên, Nam Thành Thánh Thất, 14-02 Kỷ Dậu.

6. Đức Cao Triều Phát.

7. Thánh thất Lộc Ninh, 14-5 Tân Hợi (09-6-1971).

giữa một bên là sự tiến bộ vượt bậc của khoa học và một bên là sự suy thoái lạc hậu trầm trọng của đạo đức làm người, gây nên vô vàn tai hoạ, đưa con người đến chỗ bế tắc không tìm ra lối thoát. Mục tiêu “Thế đạo Đại đồng” chính là đỉnh cao của sự hội nhập toàn nhân loại mà tôn giáo Cao Đài phải vươn tới với tư cách một chủ thể cứu thế, dùng vốn liếng giáo lý của Thiêng Liêng và sự rèn luyện thân tâm của những con người giác ngộ tự nguyện nhận lãnh sứ mạng cứu độ thay Trời để đầu tư vào sự cải tạo thế giới, chuyển hoá tâm linh con người trở về với bản chất nguyên sơ của Trời ban phát.

Muốn được như thế, tôn giáo Cao Đài không thể chỉ bày ra những qui điều giới luật của tôn giáo như là khuôn vàng thước ngọc tạo thành cục lạc niết bàn cho nhân loại hay ru ngủ nhân loại bằng những điều huyền hoặc mang tính thần bí, mà tôn giáo Cao Đài phải hội nhập với thời đại bằng trí năng của người thời đại, ngôn ngữ của người thời đại như lời dạy của Đức Giáo Tông: *“Giá trị trí năng phải luôn tiến kịp với thời đại thì mới dẫn dắt và lèo lái thời đại được.”*<sup>8</sup> Có nghĩa sự hội nhập của tôn giáo Cao Đài phải thích ứng với xu thế toàn cầu hoá ngày nay, mở rộng đến tầm vóc nhân loại.

Chính vì vậy, Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy rằng *“chư hiền cần làm sáng tỏ, sưu tập kinh điển và văn hóa dân tộc cũng như văn hóa đông tây để khế hợp giữa cơ đạo và văn minh nhân loại.”*<sup>9</sup> Đây là con đường mở ra cho tôn giáo Cao Đài hướng về cộng đồng nhân loại bằng phương tiện “văn hóa dân tộc, văn hóa đạo đức” để chỉ cho họ thấy rằng trên tình dân tộc, trên nghĩa nước non còn có một đấng Cao Đài Thượng Đế với một tình thương vô cùng và đức háo sanh vô tận để mỗi dân tộc tự mình sẽ đổi tình dân tộc ra tình nhân loại và nghĩa nước non thành nghĩa đại đồng.

Đây là điểm thuận lợi cho sự hội nhập thời

đại của tôn giáo Cao Đài, vì văn hoá là lĩnh vực mà Việt Nam có những giá trị tinh thần đã được cộng đồng thế giới nhìn nhận là di sản thế giới (Thờ cúng Quốc Tổ Hùng Vương), đồng thời tôn giáo Cao Đài đã hội tụ kết tinh đầy đủ bản sắc văn hoá truyền thống của dân tộc có chiều dài mấy ngàn năm cùng với tinh hoa của các nền tôn giáo. Có thể nói Đức Thượng Đế đã chuẩn bị chu đáo cho một sự hội nhập thời đại của tôn giáo Cao Đài. Cái còn lại là người tín đồ Cao Đài phải biết vận dụng cơ hội để đến với mọi người không giới hạn trong hay ngoài lãnh thổ.

Tuy nhiên, Hội nhập thời đại bằng trí năng, chỉ mới là điều kiện cần để tiếp cận với thời đại, Thánh giáo Cao Đài dạy còn phải thêm điều kiện đủ là tạo thế Nhân hoà, tức là sự hòa hiệp, hoà ái, cảm thông giữa người với người; là sự hòa hợp, thuận hòa, hòa bình trong cuộc sống xã hội con người như lời nhắc nhở của Đức Văn Hương Thánh Mẫu:

*“Hòa là hòa ái, hòa hiệp, hòa đồng, với ai cũng hòa được hết. Hòa là cực điểm của tình thương, không hơn, không kém, không lệch lạc, không người, không ta, không màu da sắc tóc, không tôn phái, chỉ là một cứu cánh chung tối thượng để đem lại sự sinh tồn hạnh phúc an vui cho mọi người sống ở thế gian, không còn cách phân chủng tộc”*<sup>10</sup>

Từ “cực điểm tình thương” nơi mỗi cá nhân, con người sẽ mở rộng tấm lòng ra để đối đãi với nhau, cảm thông nhau, tương trợ nhau, để không còn phân biệt, chia cách giữa người với người trong xã hội nhân sinh, phù hợp với nguyên lý căn bản của cái Hòa trong vạn hữu như lời Đức Vô Cực Từ Tôn: *“Hòa là một tiềm lực sinh động tạo nên mọi sự mọi việc.”*<sup>11</sup> Cho nên thế Nhân hoà đã được Thiêng Liêng đề xuất như là một giải pháp tối ưu để đạt đến cứu cánh hình thành một xã hội đại đồng:

8. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-02 Ất Mão (26-3-1975).

9. 19-02 Bính Dần.

10. Đức Văn Hương Thánh Mẫu, TGST 1968-1969, tr.18.

11. Huỳnh Quang Sắc, 07-8 Tân Hợi 1971.

“Có tạo lập được thế nhân hòa thì xã hội đại đồng mới có cơ hội thành hình. Có lập thế nhân hòa thì sứ mạng cứu rỗi toàn thể vạn linh sanh chúng mới trọn vẹn. Có lập thế nhân hòa thì ngọn đuốc chơn lý Đại Đạo mới soi rọi cho tận cùng trái đất. Nếu bảo ánh sáng chơn lý bất diệt thì đường hướng nhân hòa phải là điều luôn luôn cần khêu tỏ. Như hòa đặt thành vấn đề rõ ràng như vậy, dĩ nhiên nó phải là động năng cải tạo một hiện trạng xấu xa và xây dựng một thế giới hoàn bị hơn. Có vậy giá trị của vấn đề mới đáng được đề cập và phát huy.”<sup>12</sup>

Không chỉ dừng lại ở đó, thế Nhân hòa còn là mô hình kiểu mẫu mà con người có thể vận dụng như là phương thức giải quyết mọi vấn đề của con người trong cuộc sống hôm nay, hầu tạo nên một sự hội nhập bền vững trong cộng đồng loài người.

### 3. HỘI NHẬP VỚI TRỜI:

Đức Thượng Đế mở đạo Cao Đài còn nhắm đến mục tiêu “Thiên Đạo giải thoát” nhằm giúp cho đời sống tâm linh con người vượt khỏi sự ràng buộc của vòng luân hồi sanh tử, có nghĩa là trở về hội nhập cùng Trời sau khi hoàn thành sứ mạng làm người nơi miền hữu giới. Không những thế, đường hướng giải thoát tâm linh bằng Thiên Đạo Đại thừa còn tạo điều kiện để con người có thể hội nhập với Trời trong thế Thiên nhân hiệp nhất ngay khi còn tại thế.

Muốn được như vậy, con người phải ý thức được sứ mạng vi nhân của mình trong thế Tam tài đồng đẳng, đứng giữa Trời và Đất, để học theo đạo Trời (Kiến), không ngừng trau dồi hoàn thiện bản thân để trở nên tự cường linh hoạt chí thiện chí mỹ, và đồng thời học theo đạo Đất (Khôn) để khép mình trong đạo lý, hướng về tha nhân, tận tụy giúp đời xây dựng một cuộc sống tốt đẹp nơi cõi Nhị nguyên. Trời Đất cộng tác nhau thì phong điều gió thuận, mưa nắng điều hòa, cỏ cây tươi tốt, thời tiết mùa nào theo mùa ấy để tạo nên cảnh thái hòa, âu ca lạc

nghiệp cho thế giới hữu hình với sự tương trưng của quẻ Thái. Trời Đất nghịch lẫn quay lưng với nhau sẽ gây nên cảnh thiên tai, bế tắc cho con người với hình tượng quẻ Bĩ. Trong đó, con người là một tác nhân góp phần cùng với Trời Đất để tạo nên thời Bĩ hay Thái. Đây chính là tinh thần Thiên nhân hiệp nhất hay chính là sự hội nhập cùng Trời Đất

Từ xưa, con người đã nhìn nhận giữa Trời và người có một dây liên lạc mật thiết trong việc điều hòa trật tự của thế giới nhân loài. Điều đó được thể hiện quan niệm “lòng dân là ý Trời” hay quan niệm “Thiên tử”, một người lên làm vua cai trị muôn dân, người đó là con của Trời, được Trời phái xuống, có quyền thay Trời hành xử mọi việc nơi chốn hữu hình. Như vậy, con người mặc nhiên nhìn nhận Trời là Đấng tạo ra muôn loài và nắm quyền tối hậu trong việc điều hòa ổn định cuộc sống con người nơi cõi thế gian. Tuy nhiên, vì Trời vô hình, không thể trực tiếp cai quản xã hội loài người nên Trời đã giao cho các bậc nguyên nhân xuống trần thay Trời hành xử mọi việc.

Việc khai sáng các tôn giáo cũng nằm trong ý niệm này, các vị Giáo tổ trong lớp áo con người cũng phải trải qua quá trình rèn luyện tâm linh để thông công cùng Thượng Đế, đón nhận sự mạc khải từ Thượng Đế mở đạo nơi chốn thế gian để hướng dẫn con người tìm về chân lý. Đó cũng chính là nguyên lý Thiên nhân hiệp nhất trong vũ trụ.

Đặc biệt, đến Tam Kỳ Phổ Độ, nguyên lý này rõ nét hơn, cho thấy vai trò con người còn quan trọng hơn nữa qua việc khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Thượng Đế ban trao sứ mạng cho con người đồng hành cùng các Đấng Thiêng Liêng trong đại cuộc tận độ Kỳ Ba, nghĩa là để làm tròn sứ mạng của mình, con người nói chung, người tín đồ Cao Đài nói riêng phải hội nhập được với Trời bằng việc thi hành chủ trương, đường lối của Trời đã vạch ra.

Tóm lại, con đường hội nhập của tôn giáo Cao Đài chính là con đường thương yêu và hòa hiệp, trước hết là trong nội bộ của từng tôn giáo,

12. Đức Lê Đại Tiên, CQPTGLĐĐ 15-2 Canh Tuất.

kế tiếp là giữa tôn giáo này với tôn giáo khác, và sau cùng là ở phạm vi toàn nhân loại như lời giải thích của Đức Quan Âm Bồ Tát về ý nghĩa của tôn chỉ Đại Đạo, “Tam Giáo quy nguyên, Ngũ Chi hiệp nhất”:

*“Để đi đến mục đích lớn rộng ấy là quy nguyên hiệp nhất, trước hết phải bắt đầu quy nguyên hiệp nhất từ phạm vi nhỏ hẹp giữa cá nhân và cá nhân, giữa tập thể và tập thể, giữa giáo hội và giáo hội, giữa hội thánh và hội thánh, giữa quốc gia và quốc gia. Chớ nếu giữa cá nhân và cá nhân chưa cùng sự hòa hiệp thương yêu, giữa tập thể và tập thể chưa được hòa hiệp thương yêu, thì làm sao mong đạt đến sự quy nguyên hiệp nhất trong đại đồng tôn giáo, đại đồng nhân loại.”<sup>13</sup>*

## **CON ĐƯỜNG HỘI NHẬP CỦA NGƯỜI TÍN HỮU CAO ĐÀI**

Khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ với mục đích độ rỗi toàn nhân loại trên cả hai mặt nhân sinh và tâm linh, Đức Thượng Đế đã ban cho nhân loại một nền tôn giáo mang tính hội nhập để có thể hòa quyện cùng nhân thế trong bối cảnh của nền văn minh vật chất rực sáng hầu vực dậy đời sống tâm linh tinh thần của nhân loại đang trong tình trạng lu mờ nghiêng ngã. Để cho con người có thể cùng Trời làm nên công cuộc tận độ có một không hai trong lịch sử nhân loại, Đức Cao Đài xây dựng pháp môn Tam Công: Công trình, Công quả, Công phu để cho các môn đồ của Ngài sử dụng trên bước đường hội nhập với Chơn Ngã, hội nhập với tha nhân, cộng đồng xã hội và hội nhập ngay cả với Trời.

### **1. PHÁP MÔN CÔNG TRÌNH GIÚP NGƯỜI TÍN ĐỒ HỘI NHẬP VỚI CHƠN NGÃ**

Người tín đồ Cao Đài khi nhập môn vào đạo là đã chọn lựa con đường tu hành, lấy giới quy làm khuôn mẫu, sửa tánh tu tâm, học hỏi giáo lý để mở mang tâm thức, lúc hướng ngoại thì công

quả giúp đời, khi quay về nội tâm thì luyện kỹ tu đơn, thực hành sống Đạo, tập đức hy sinh để làm tròn vai trò của người Thiên ân, là người đã thọ nhận sứ mạng thay Trời hoằng giáo.

*Ngoài cộng tác đắp bồi đại chúng*

*Trong rèn tâm nhật dụng thường hành*

*Tâm này tự thí hư linh*

*Căn trần không nhiễm, vô minh khó tâm.<sup>14</sup>*

Nói một cách khác, người tu hành là người đang lần dò từng bước để tìm về sự hội nhập với chính mình, hay chính xác, hội nhập với Chơn Ngã mà theo thuật ngữ Cao Đài là sự phản bốn hoàn nguyên.

Để bắt đầu một đời sống Đạo của người tu hành, Thánh giáo dạy người tu phải thường xuyên quay về nội tâm để kiểm điểm bản thân, khắc phục những điều sai lầm, bổ sung những điều thiếu sót, phát huy những đức tính tốt đẹp để tiến đến hoàn thiện hóa bản thân. Đây chính là sự phản tỉnh nội cầu để trực nhận Chơn Ngã.

Đó là pháp môn Công trình, là sự rèn luyện bản thân, là một chuỗi cố gắng để tự hoàn thiện hóa cá nhân con người. Nói rõ hơn, công trình là phần luyện kỹ của người tu để sửa đổi bản thân, dứt bỏ những thói hư tật xấu tích trữ từ vô lượng kiếp đã làm nên màn vô minh che khuất chơn ngã trong mỗi con người.

Luyện kỹ là sự sửa đổi từ hành động cho đến lời nói cho đúng theo đạo lý, bao gồm khắc kỷ, tự kiểm, kiên nhẫn, trì thủ và hy sinh.

– Khắc kỷ là tự kềm chế mình, không để cho cái ta kiêu ngạo, tự ái, sân hận, si mê, dục vọng nổi lên. Khắc kỷ để vong ngã, phá chấp, để đạt được những đức tính tốt đẹp như lời Thánh giáo: *“Lòng người giữ Đạo đối với tha nhân luôn luôn khoan dung, thông cảm, tha thứ, chín bỏ làm mười cho tình thương yêu đoàn kết ngày càng tăng trưởng. Nhưng đối với nội bộ và nhất là đối với bản thân cần khe khắt từ chút, từ giờ, từ lời nói đến việc làm...”*

13. Đức Quan Âm Bồ Tát, Thánh Tòa Vô Vi Huỳnh Quang Sắc, 06-08 Tân Hợi (24-09-1971).

14. Đức Đông Phương Chưởng Quân, CQPTGL, 15-6 Canh Thân.

Như vậy, khắc kỷ chính là sự chiến thắng bản thân mà Đức Lão Tử đã dạy: “*Thắng được người là kẻ có sức, thắng được mình mới là người can cường.*” Nhưng khắc kỷ mới chỉ là bước để tự hoàn hảo mình, con người còn cần phải tập tính kiên nhẫn, tri thủ và hy sinh.

Chỉ có lòng kiên nhẫn mới vượt qua mọi thử thách khảo đảo để đưa con người đến cứu cánh sau cùng. Mặt khác, con người còn phải tập tánh tri thủ chế ngự mọi xao động vì ngoại cảnh như lời dạy: “*Khi gặp một điều hay, nên lấy đó làm khuôn vàng thước ngọc cho đời đạo đức. Khi gặp một điều dữ hay xấu xa cũng nên lấy đó làm tấm kiếng để soi mình hầu tránh chừa những điều bất chính.*”

Một đức tính khác cũng cần phải có trong việc luyện kỹ là đức hy sinh. Hy sinh những tư dục bản thân cho quy điều giới luật. Hy sinh những ham muốn hưởng thụ cho việc trau dồi gọt giũa tâm tánh. Hy sinh quyền lợi riêng tư cho tha nhân, cho xã hội, cũng như hy sinh chấp nhận mọi bão tố gian truân của cuộc đời và mọi phản lực cay nghiệt của nhân tâm.

Thánh giáo đã khẳng định: “*Cái chinh phục chiến thắng vĩ đại nhất là cái chinh phục chiến thắng bản thể con người (...). Tự chủ được bản thể là tự chủ được thiên hạ. Chinh phục được con người hiện hữu là chinh phục được vũ trụ hằng tồn. Đừng lo cái không đáng lo, đừng nghĩ cái không đáng nghĩ. Hãy bước thẳng và lặng nhìn vào cái thiên tâm bản thể.*”<sup>15</sup>

Chiến thắng được bản thân là chính là chiến thắng phạm ngã tối tăm của lục dục, điều khiển được thất tình của tục tử, tức là làm bừng sáng điểm Đạo tự hữu, để Chủ nhân ông Chơn Ngã lên ngôi.

Mặt khác, Công trình luyện kỹ còn đòi hỏi người tín đồ Cao Đài luôn luôn tu học, học giáo lý, học tất cả những gì có ích lợi cho cuộc sống làm người, vì học chính là bệ phóng giúp cho người tu trau dồi trí tuệ, làm giàu kiến thức, tư

duy, dẫn đến sự sáng suốt phân biệt điều hay lẽ quấy. Sự học hỏi không chỉ đem lại tri thức trong đời sống, mà còn giúp con người mở mang trí tuệ, phát triển tư duy sáng tạo để tích lũy chờ cơ hội thuận tiện biến thành những việc làm ích lợi cho tha nhân, cho xã hội, mà trước hết là cho chính bản thân mình.

Thánh giáo Cao Đài dạy:

“*Học mà không tu như đọc thuộc lòng một bản thực đơn mà không thực phẩm; còn tu mà không học ví như người mù đi đêm. Học tu, tu học phải đi đôi. Trong việc tu học, không phải chỉ một mình đi một nẻo, mà phải hợp quần, anh dìu em, khuyến khích, chỉ đường dẫn lối, mới có thể tránh khỏi những lúc vì vật dục sở tế mà xa cách bổn nguyên. Vì vậy mà phận làm anh chị lớn trong địa phương phải vạch một con đường hướng để đoàn hậu tấn noi theo.*”<sup>16</sup>

Tóm lại, công trình là quá trình hoàn thiện hóa bản thân giúp con người vừa diệt trừ tật xấu đồng thời bổ sung những đức tính tốt hầu làm sáng tỏ điểm Đạo tự hữu ẩn tàng dưới lớp vô minh bao phủ bởi thất tình lục dục và nghiệp quả nhiều kiếp. Được như vậy, người tu đã tìm thấy sự hội nhập với Chơn Ngã, là tiền đề để đạt được quả vị nơi cõi vô sanh như lời Đức Bảo Pháp Chơn Quân: “*Các tánh xấu đó còn ẩn núp trong tâm của người tu thì dầu có khoác bên ngoài mấy lớp áo đạo nhưng hành động cử chỉ vẫn lộ ra bên ngoài không thể nào che giấu được. Như thế, vị tu sĩ đó vừa lừa dối mình mà dối cả Thần Thánh, dối cả người đời, thì tội phải chịu nặng gấp ba lần người chưa học đạo. Thế cho nên chư đệ muội phải nên cố gắng tu tập tác phong đạo hạnh và tâm đức ngay lúc mới bắt đầu. Yếu tố thành công là siêng năng công quả học tập, đừng để điều gì làm tổn hao âm đức mà phải bồi bổ thường ngày, hễ các tánh xấu vừa vọng động dấy lên phải mau mau chế ngự, đừng để nó tự do dẫn dắt, lần lần chư đệ muội sẽ thấy các tánh tốt lộ ra, ăn nói lễ độ, ngồi đứng khiêm nhường, nét mặt hiền hòa, biết*

15. ĐHCN Chương 4.

16. Đức Giáo Tông, Ngọc Chiếu Đàn, 05-01 Ất Tỵ.

*xót thương người lầm lỗi, nhẫn nhục để độ kẻ gian, sống một đời sống cộng đồng giản dị, đó là Thánh Hiền tại thế mà quả vị Phật Tiên không xa vậy.*<sup>77</sup>

Pháp môn Công quả giúp người tín đồ Cao Đài hội nhập với người, với cộng đồng xã hội.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ chủ trương phương tu nhập thế, người tu không cách biệt với xã hội nhân sinh để chỉ lo cho riêng mình, mặc cho cuộc đời đau khổ, mà phải đem Đạo vào đời để hoá cải cuộc đời bằng những giá trị đạo đức chân chánh. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo đã dạy:

*“Người vào đạo tu thân không có nghĩa là trốn lánh việc đời, mà phải hòa mình trong việc đời để trước hoàn thiện hóa bản thân mình, rồi hoàn thiện hóa những người khác (...) đừng bao giờ có ý nghĩ này: vào đạo để độ thiện kỳ thân, đóng cửa tự luyện phép mầu để chấp cánh bay bổng cung Tiên, hoặc vào hang sâu rừng thẳm tịnh luyện nội ngoại công phu để làm tướng Trời đẹp loạn. Nếu trong khi đó, quốc gia mất chủ quyền, non nước suy vi, cửa nhà tan nát, xóm làng tan hoang, dân tộc nô lệ, thì sự tu ấy không có nghĩa gì hết.”*<sup>78</sup>

Người tín đồ Cao Đài phải trang bị cho mình một tấm lòng bác ái, bao dung rộng mở, không chỉ thương người đồng loại mà còn thương cả chúng sanh muôn loài, bởi vì ý thức rằng tất cả tuy trình độ tiến hóa khác nhau nhưng cùng chung một cội nguồn Thái Cực. Từ tình thương đó sẽ không còn những chia cách phân biệt giống nòi, màu da, sắc tóc hay so đo kỳ thị giai cấp, chủng tộc sang hèn. Bởi vì tất cả con người đều có một giá trị tinh thần ngang nhau, đều có khả năng tiến hóa đến mức cao như nhau. Hơn thế nữa, để thể hiện đức Nhân, Người tín đồ Cao Đài còn phải thương kẻ ghét mình để mà giúp đỡ, cảm hóa, hoàn thiện họ, làm tròn lời dạy dỗ của Đức Lê Đại Tiên:

*Khăn tu lau ráo ngàn mi ướt,  
Ao đạo phủ choàng vạn cốt khô.*

17. Đức Bảo Pháp Chơn Quân, CQPTGL, 22-6 Đinh Tỵ (05-8-1977)

18. Đức Quan Thánh Đế Quân, NTTTT, 15-2 Kỷ Dậu

Để hội nhập với người, với xã hội, giáo lý Cao Đài đã chữa con đường công quả.

Công quả là giúp đời, giúp đạo, cống hiến sở năng sở hữu của mình cho lợi ích của tha nhân, đó cũng chính là sự thể hiện lòng bác ái đối với mọi người, mọi vật qua tư tưởng, lời nói và hành động dưới nhiều hình thức nhằm mục đích xoa dịu, giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn, hoạn nạn. Cũng cần thấy rằng, không phải là có thật nhiều tiền mới làm công quả được (như bố thí, xây chùa, in kinh, cứu trợ, v.v.). Những việc làm nho nhỏ, tùy khả năng sở hữu của mình, thực hiện với tấm lòng vị tha là công quả đích thực vậy. Ví dụ: Cho một viên thuốc, một cái áo dư dùng, bớt một phần ăn, dành mười phút cạo gió, v.v. Tất cả đều là những hình thức công quả rất thiết thực. Chúng ta không so sánh công quả nào nhiều, công quả nào ít. Quan trọng là ở tấm lòng, như tục ngữ có câu: “Cách cho quý hơn của cho.”

Công quả sẽ giúp người tu tạo nên công đức để khấu trừ nghiệp quả tiền khiên, rửa sạch nợ trần làm thông thoáng con đường trở lại bến khởi nguyên, nhưng cũng chính là phương cách hữu hiệu nhất để người tín đồ Cao Đài tiếp cận với tha nhân, gắn gũi với cộng đồng, để bước vào sự hội nhập với người, tạo điều kiện để làm tròn sứ mạng vi nhân, đồng thời thực hiện sứ mạng phổ truyền chánh pháp, góp phần vào công cuộc tận độ của Đức Cao Đài trong thời mạt pháp.

Công quả từ việc nhỏ đến việc lớn. Không chỉ có tiền của giàu có mới có cơ hội làm công quả. Tùy khả năng của mình mà làm, công quả nào cũng có giá trị của nó. Sự hy sinh một nắm gạo của người nghèo khó cho kẻ bất hạnh hơn mình có giá trị ngang bằng tiền muôn bạc vạn của người giàu có. Điều quan trọng là những việc làm của mình cho kẻ khác phải không nhằm mục đích vụ lợi riêng tư mà phát xuất từ lòng thương người, từ lòng trắc ẩn muốn sẻ chia, nâng đỡ người kém may mắn hơn mình. Chính tấm lòng thành thật sẽ tạo được niềm cảm mến của tha nhân, sự nể vì của cộng đồng,

là nền tảng vững chắc cho người tín đồ Cao Đài bước vào sự hội nhập với đồng loại, với xã hội mà mình đang sống, tiến dần đến việc xây dựng một xã hội đại đồng cho kỷ nguyên thánh đức

Pháp môn Công Phu là con đường để người tín đồ hội nhập với Trời hay còn gọi là phản bốn hoàn nguyên

Công phu là phương tiện tu luyện để tâm linh tiến hóa. Bản chất công phu là sự thanh tịnh và bí quyết của công phu là yên lặng. Đức Chí Tôn dạy: *“Con ôi! Sự yên lặng để thần giao cách cảm, để các con tìm thấy con trong Thầy và Thầy hằng ngự nơi đức háo sanh trong vạn vật. Yên lặng tức là quán triệt những gì mà trần gian không nói được, không sờ mó được, không nghe thấy được.”*

Con người là Tiểu linh quang do Đức Thượng Đế chiết ra từ khối Đại Linh Quang. Do đó, con người có cùng bản thể với Trời, nên có thể giao cảm thông công với nhau theo luật cảm ứng. Tuy nhiên, do bởi con người bị nhiễm lục đục thất tình, trải qua nhiều kiếp luân hồi đeo mang nghiệp quả, tạo thành bức màn vô minh che phủ chơn tâm nên con người càng lúc càng xa rời Thượng Đế. Con đường tu hành với pháp môn Tam công sẽ giúp con người cởi lẩn những lớp vô minh, và con đường Công phu cũng chính là con đường đưa hành giả hội nhập cùng Trời mà theo giáo lý Cao Đài gọi là phối Thiên hay huyền đồng cùng vũ trụ. Đức Đông Phương Chưởng Quân xác nhận:

*“Hình ảnh các Đấng Thiêng Liêng vẫn có, âm thanh các Đấng Thiêng Liêng vẫn có. Khi người tu muốn nhận được những âm thanh hình ảnh đó, không phải dùng những dụng cụ thông thường như máy thu thanh, máy thu hình mà tiếp nhận được. Muốn tiếp nhận được cần các điều kiện khác (...). Khi tâm linh được miễn tuệ huệ khai thì người và Trời hòa đồng như một, vẫn nghe được tiếng nói không lời, vẫn thấy được hình ảnh không sắc tướng.”*<sup>19</sup>

19. Đức Đông Phương Chưởng Quân, Cơ Quan PTGL, 15-02 Quý Sửu (18-3-1973).

Công phu là phương cách giúp cho con người giải thoát linh hồn khỏi biển trầm luân, để quay về hiệp nhứt cùng khối Đại Linh Quang sau khi rời khỏi nhục thể phàm phu, và lúc còn tại thế, tâm con người thanh tịnh sẽ tìm thấy chỗ giao hòa tức hội nhập cùng Trời Đất như 1 một diệu dụng của công phu. Nhưng với điều kiện con người phải giữ tâm chuyên nhứt, không vọng cầu, trọn vẹn niềm tin vào con đường chân lý mình đã chọn cho dù bao nghịch cảnh trái ngang, hay bị khảo đảo muôn phiến.

Đây là yếu tố rất quan trọng vì người tín đồ Cao Đài có đi trọn con đường để hội nhập được với Trời hay không là do tâm có vững vàng bất thối chuyển hay không. Đức Mẹ dặn dò:

*“Các con đừng bao giờ để một vọng niệm thường tình làm áp đảo lòng con bởi những bất mãn, bất bình lật vạt rồi sanh ra tư tưởng ngược lại Thiên cơ. Các con phải nhận thấy sứ mạng của mình trong giai đoạn này trước nhất. Có như thế thì dòng Thiên ân sứ mạng đối với các con sẽ làm một dòng cam lồ len chảy vào tâm thần trí não của các con. Chừng đó Thiên ân sứ mạng mới thật sự hoàn thành, các con mới lèo lái được thuyền từ qua bến giác và chính con cũng đã đến bờ giác rồi vậy. Muốn được như ý, con phải có một tâm đạo chí thành, một tinh thần bất biến, một ý chí kiên trì, chuyên nhứt, siêng tu, siêng học, đầu đời hay đạo, trong mọi hoàn cảnh nào con cũng không bị bối rối.”*

Tóm lại, pháp môn Tam Công là phương tiện dẫn dắt người tín đồ Cao Đài tìm đến sự hội nhập với Chơn Ngã của mình, đồng thời hội nhập với thế giới nhân sanh và hội nhập cùng Trời, nhưng với điều kiện 3 công: Công trình, Công quả, Công phu phải tồn tại khăng khít trong thể chân vạc để hỗ trợ nhau trên nền tảng Trung Đạo bất biến trong ý nghĩa:

– Công quả tượng trưng cho Khôn Đạo (Đất) tải chở muôn vật, là phần hữu chất.

– Công phu tượng trưng cho Kiển Đạo (Trời) là phần tinh thần, nuôi dưỡng điểm Linh quang tròn sáng mà thông cùng Thiên Địa muôn loài.

- Công trình tượng trưng cho sinh lực phần đầu của con người, vươn lên ngôi chủ như Hoàng Cực, làm cho Âm Dương điều hòa tức qui Trung, phục Nhứt.

Nền tảng Trung Đạo được đề cập ở đây chính là sự chí thành tâm nguyện hợp với lẽ Trời giúp con người có một cuộc sống hạnh phúc trong an nhiên tự tại, không chỉ hòa hợp với cộng đồng xã hội mà còn thuận tòng thiên lý, xuôi giòng tiến hóa mà bước lên hàng siêu xuất thế gian, như lời xác nhận của Đức Vạn Hạnh Thiên Sư:

*“(...) Người là tiểu Thiên Địa, đã có những tiềm năng Tạo Hóa phát ban. Nếu chí thành tâm nguyện của con người hướng về sự ích lợi thái hòa an lạc thích hợp với lẽ toàn thiện toàn chân thì sự kiện kết quả sẽ trở nên toàn thiện toàn chân như mong muốn.”*

## KẾT LUẬN

Con đường hội nhập của người tín hữu Cao Đài đã được Đức Thượng Đế mở ra với đầy đủ phương tiện để con người sử dụng một cách tự do và chủ động. Chỉ với pháp môn Tam Công: Công trình, Công quả, Công phu, mỗi người môn đồ của Đức Cao Đài nếu thực hành rất ráo với lòng chí thành, tâm chuyên nhứt và sự minh triết thì sứ mạng phổ độ Kỳ Ba sẽ hoàn thành vì:

- Người và người tức nhân loại tìm thấy sự cảm thông mà nối vòng tay lớn trong tình Đại đồng do nhờ công quả của mỗi người phát xuất từ lòng bác ái vị tha, từ tinh thần hy sinh vong ngã, mọi phân hóa, chia rẽ, hận thù sẽ không còn nữa.

- Càn khôn thế giới luân lưu bảo tồn cơ sanh hóa nhờ mỗi người đã chiến thắng được phàm tâm cho Chơn Ngã hiển lộ, tức là con người đã thuận theo Thiên lý, nhờ vào công trình Luyện kỹ.

- Trời và Người có được sự cảm thông tức Hữu - Vô tương ứng. Tâm linh và Nhân sinh hòa hợp thăng hoa đến chỗ chánh đẳng cho Thiên Nhân hiệp nhứt.

Xin nguyện cầu được như thế. ■

Thế gian là con đường trả quả,  
Luật luân hồi hai ngã xuống lên;  
Trần ai, ai đã chí bền,  
Tu tâm dưỡng tánh được lên Thiên đàng.  
Tam quy trọn mới an phận sự,  
Ngũ giới tròn lánh dữ theo lành.  
Một lòng lóng đực tấm thanh,  
Noi theo kinh điển đắc thành huyền cơ.  
Thân trần trước tuy như tuy bản,  
Nhưng biết phương hướng dẫn tập tành;  
Minh sư chỉ dạy đành rành,  
Tham thiền tịnh định đắc thành trường sanh.  
Muốn như vậy nên thanh tâm trước,  
Kế ý tua gìn chước lặng yên;  
Cùng thân dục giới cũ kiêng,  
Hườn tinh hóa khí hiệp liên ra thần.  
Phần luyện đạo thì sân si bỏ,  
Nếu vương mang thật khó mà nên;  
Sân thì hỏa trận nổi lên,  
Đốt cho khô cạn tiêu nền linh đơn.  
Vì vậy Phật, tánh hơn người tục,  
Từ bi tròn, lục dục trừ xong;  
Đó là khổ luyện thành công,  
Đem ra truyền giáo khắp trong hoàn cầu.  
Tu từ bước khá âu lo vững,  
Đừng coi thường hờ hững không xong;  
Dục tốc bất đạt ghi lòng,  
Từ từ luyện tập mới mong vuông tròn.  
Nhơn Đạo giữ sắt son vẹn phận,  
Thần Đạo gìn tinh tấn trung cang;  
Thánh Đạo chánh đại mọi đàng,  
Tiên Đạo thường tập thanh nhàn lặng yên.  
Phật Đạo luyện thoát miễn nhân quả,  
Cho kiếp trần khỏi trả khỏi vay;  
Sớm hôm tịnh định hằng ngày,  
Chờ khi chứng quả liền đài lần lên.  
(...)

ĐỨC MỤC KIẾN LIÊN, HUỒN CUNG ĐÀN, 08-4 NHÂM  
DẪN (10-5-1962). ■



# HỌC LỜI ĐỨC CHÍ TÔN DẠY VỀ “nhất bất sát sanh”

## ■ GIÁO SĨ HUỆ Y

Đối với người tu, giới cấm có tầm quan trọng đặc biệt. Ngũ giới cấm gồm các điều cấm: sát sanh, du đạo (trộm cắp), tà dâm, tửu nhục, và vọng ngữ là năm điều cấm cơ bản mà người học đạo phải triệt để tuân hành. Trong phạm vi bài này, ý nghĩa của điều cấm thứ nhất “bất sát sanh” sẽ được triển khai với những lời dạy của Đức Thượng Đế trong Tam Kỳ Phổ Độ. Trong Tân Luật, Chương IV, Điều Thứ Hai Mươi Mốt, Khoản 1: “*Hễ nhập môn rồi phải trau dồi tánh hạnh, cần giữ ngũ giới cấm là: Nhứt Bất Sát Sanh, là chẳng nên sát hại sanh vật...*”

Đức Chí Tôn dạy:

“*Thầy các con*”,

*Thầy đã nói với các con rằng: Khi chưa có chi trong Càn Khôn thế giới thì Khí Hư Vô sanh ra có một Thầy và ngôi của Thầy là Thái Cực.*

*Thầy phân Thái Cực ra Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi phân ra Tứ Tượng, Tứ Tượng biến Bát Quái, Bát Quái biến hóa vô cùng, mới lập ra Càn Khôn thế giới. Thầy lại phân tánh Thầy mà sanh ra vạn vật là: vật chất, thảo mộc, côn trùng, thú cầm, gọi là chúng sanh.*

*Các con đủ hiểu rằng: Chi chi hữu sanh cũng do bởi chơn linh Thầy mà ra, hễ có sống, ắt có Thầy. Thầy là cha của sự sống, vì vậy mà lòng háo sanh của Thầy không cùng tận.*

*Cái sống của cả chúng sanh, Thầy phân phát khắp Càn Khôn thế giới, chẳng khác nào như một nhành hoa trong cội, nó phải đủ ngày giờ Thầy nhứt định mới trở bông và sanh trái đặng trông nũa, biến hóa ra thêm; nếu như ai bẻ hoa*

*ấy nửa chừng thì là sát một kiếp sanh không cho biến hóa.*

*Mỗi mạng sống đều hữu căn hữu kiếp, dầu nguyên sanh hay hóa sanh cũng vậy, đến thế nầy lâu mau đều định trước, nếu ai giết mạng sống, đều chịu quả báo không sai; biết đâu là cái kiếp sanh ấy chẳng phải là Tiên, Phật bị đọa luân hồi mà ra đến đời ấy.*

*Cái mạng sống là Thầy, mà giết Thầy thì không phải dễ, các con gắng dạy nhưn sanh điều ấy...*”

Qua đoạn Thánh giáo này, Đức Chí Tôn dạy về tiến trình thành lập vũ trụ:

- Giai đoạn Vô Cực (Thượng Đế chưa thị hiện), chỉ có Khí Hư Vô.

- Giai đoạn Thái Cực, theo Đại Thừa Chơn Giáo: “*Khí Hư Vô huân tụ bùng nổ và hình thành ngôi Thái Cực*” (Thượng Đế thị hiện).

- Từ Thái Cực hình thành vũ trụ: *Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi phân ra Tứ Tượng, Tứ Tượng biến Bát Quái, Bát Quái biến hóa vô cùng, mới lập ra Càn Khôn thế giới.*

- Từ Thái Cực sinh thành chúng sanh: *Thầy lại phân tánh Thầy mà sanh ra vạn vật là: vật chất, thảo mộc, côn trùng, thú cầm, gọi là chúng sanh.*

Đức Thượng Đế ngủ trong khoáng vật, thức trong thảo mộc, hoạt động trong thú cầm rồi đến học, tu, tiến hoá gia tốc trong con người.

Ý niệm phân tánh này, chúng ta được học trong bài Tiên giáo tâm kinh “*nhị ngoạt thập ngũ, phân tánh giáng sanh.*” Tánh đây là bản thể, Đức Chí Tôn dạy “*Thầy là các con, các con là Thầy.*”

Từ sự phân tánh này cho thấy “*Thiên địa vạn vật đồng nhứt thể*” (Bản thể = chính là Thiên

1. Thánh ngôn Hiệp Tuyển, Q.2, đàn năm Mậu Thìn 1928.

tánh của Đức Chí Tôn ban cho). Đức Chí Tôn là Đấng Hoá Sanh, nguồn sự sống.

Thời Khai Đạo, chuẩn bị khánh thành Chùa Gò Kén, Ngài Tiên Bối Nguyễn Ngọc Thơ dự trù tạo tượng Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế thì Đức Chí Tôn dạy: “Thầy là Hư Vô Chi Khí làm sao con tạc tượng được” và cho bài thơ:

Bạch Ngọc từ xưa đã ngự rồi,  
Chẳng cần hạ giới vọng cao ngời,  
Sang hèn trời mặc tâm là quý,  
Tâm ấy toà sen của Lão ngời.

Diễn trình phân tánh giảng sanh: (Đại Thừa Chơn Giáo, chương Nhân vật tiến hoá).

Đại Linh Quang ⇄ Thảo mộc ⇄ Thú cầm ⇄ Nhân loại ⇄ Hiền, Thần, Thánh, Tiên, Phật.

– Thầy là nguồn gốc của sự sống, căn nguyên của sự sống. Thầy là Đấng Hoá Sanh, Đức Hiếu sanh. “Các con đủ hiểu rằng: Chi chi hữu sanh cũng do bởi chơn linh Thầy mà ra, hễ có sống, ắt có Thầy. Thầy là cha của sự sống, vì vậy mà lòng háo sanh của Thầy không cùng tận.”

– Kiếp sanh do luật định, sát sanh là làm chậm bước tiến hoá của chúng sanh. Chúng ta làm chúng sanh chậm bước thì mình không thể bước nhanh được. Mình thương người thì Ông Trên mới thương lại. “Cái sống của cả chúng sanh, Thầy phân phát khắp Càn Khôn Thế Giới, chẳng khác nào như một nhánh hoa trong cội, nó phải đủ ngày giờ Thầy nhứt định mới trở bông và sanh trái đặng trồng nữa, biến hóa ra thêm; nếu



CHÙA GÒ KÉN.

như ai bẻ hoa ấy nửa chừng thì là sát một kiếp sanh không cho biến hóa.

Mỗi mạng sống đều hữu căn hữu kiếp, đầu nguyên sanh hay hóa sanh cũng vậy, đến thế này lâu mau đều định trước, nếu ai giết mạng sống, đều chịu quả báo không sai; biết đâu là cái kiếp sanh ấy chẳng phải là Tiên, Phật bị đọa luân hồi mà ra đến đời ấy.

Cái mạng sống là Thầy, mà giết Thầy thì không phải dễ, các con gắng dạy nhơn sanh điều ấy.”

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy:

“Đây Lão khuyên dân chúng trong thôn xã ráng thiện niệm tu hành tránh sát sanh hại vật mới được bóng Tử Bi che chở, đừng để duôi khó tránh ách nước tai trời. Dầu Lão có xót thương tế độ cũng không sao qua luật công bình của càn Tạo Hóa.”

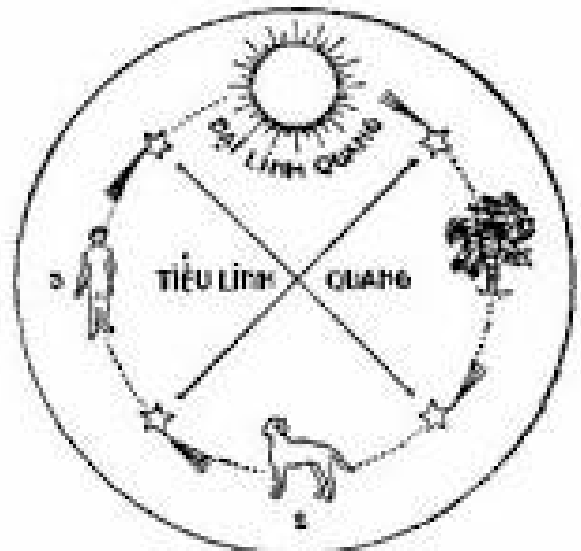
– Nhứt bắt sát sanh liên quan đến việc trai giới. Đức Chí Tôn dạy:

“Ngọc Hoàng Thượng Đế Viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát Giáo Đạo Nam Phương Hỷ chư Môn đệ, chư Ái Nữ. Đại hỷ! Đại hỷ!

• Ngọc Đẩu Sư khả tu truyền Pháp, thuyết Đạo. Kẻ nào trai giới đặng mười ngày đổ lên, thọ bửu pháp đặng. Chư Môn đệ phải trai giới. Vì tại sao?

Chẳng phải Thầy còn buộc theo cữ luật, song luật ấy rất nên quý báu, không giữ chẳng hề

2.Vinh Nguyên Tự, 03-12 Quý Mão (17-01-1964).



thành Tiên, Phật đặng. Thấy cắt nghĩa: Mỗi kẻ phàm dưới thể này đều có hai xác thân:

- Một phàm gọi là corporel.
- Còn một thiêng liêng gọi là spirituel. Mà cái thiêng liêng do nơi cái phàm mà ra, nên gọi nó là bán hữu hình, vì có thể thấy đặng mà cũng có thể không thấy đặng. Cái xác vô hình huyền diệu thiêng liêng ấy do nơi Tinh-Khí-Thần mà luyện thành. Nó nhẹ nhàng hơn không khí. Khi nơi xác phàm xuất ra, thì lấy hình ảnh của xác phàm như khuôn in rập.

Còn khi đắc đạo mà có Tinh-Khí, không có Thần, thì không thể nhập mà hằng sống đặng. Còn có Thần không có Tinh-Khí thì khó huần đặng Nhị xác thân. Vậy ba món ấy phải hiệp mới đặng.

Nó vẫn là chất tức hiệp với không khí Tiên Thiên, mà trong khí Tiên Thiên thì hằng có điển quang. Cái chơn thân buộc phải tinh tấn, trong sạch mới nhẹ hơn không khí ra khỏi ngoài Càn Khôn đặng. Nó phải có bốn nguyên Chí Thánh, Chí Tiên, Chí Phật mới xuất Thánh, Tiên, Phật đặng. Phải có một thân phàm tinh khiết mới xuất Chơn Thân tinh khiết.

Nếu như các con còn ăn mặn luyện Đạo rồi có ấn chứng thì làm sao mà giải tán cho đặng. Như rủi bị huần, thì đến khi đắc Đạo, cái trước khí ấy vẫn còn, mà trước khí thì lại là vật chất tiếp điển (bon conducteur d'électricité) thì chưa ra khỏi lần không khí đã bị sét đánh tiêu diệt.

Còn như biết khôn thì ẩn núp tại thể mà làm một bậc Nhân Tiên, thì kiếp đạo trần cũng còn chưa mãn. Vì vậy Thấy buộc các con phải trường trai mới đặng luyện Đạo.”<sup>3</sup>

### HỌC TẬP:

Trong đoạn Thánh giáo này, Đức Chí Tôn dạy:

1. Diệu dụng của ăn chay: Phát triển lòng nhân: thương người, thương vật, đó là tập vong kỹ vị tha tiến lần đến vô ngã mà đắc quả vô sanh.
2. Trai giới là một chân lý phổ quát để khử

trước lưu thanh thể xác. Việc truyền máu là đem tánh tình của người cho máu vào rồi hướng hồ gì đem xác thịt của động vật vào người. Chúng ta nghe có vị nói “ăn mặn là nghĩa địa có chân”. Xác thân là “vi nhân nan đắc” nhờ đó mà luyện “thiên hạ tối linh” hoàn nhị xác thân để về nơi thiêng liêng hằng sống. Nhị xác thân tạo bằng Thần là chơn dương, Tinh khí là chơn âm. Ăn mặn luyện nhị xác thân, như là cất nhà với xi măng chất lượng thấp. Trong Đại Thừa Chơn Giáo, Đức Chí Tôn dạy “ăn chay là ăn chất tiên thiên, mới về cõi tiên thiên được”. Nếu không trường trai mà luyện đạo lỡ hoàn được nhị xác thân, xác này vẫn còn ô trước không về cõi thượng được.

3. Phấn đấu kiên trì đức tin trong mọi hoàn cảnh để giữ trai giới.

Đức Mẹ dạy: “một đức tin đồng mãnh, một lập trường vững chắc, một lòng chết sống không ngại ngục.”

Ôi! Các con cần học, xưa nay cũng nhiều, các Bồ Tát thí thân, thí pháp, thí tài cho chúng sanh, cho Tam Bảo, không tiếc của tiếc mạng... Thà bị khi quân, còn hơn là phạm giới sát sanh, vọng ngữ.”<sup>4</sup>

Không những ăn chay miệng, mà còn phải chay lòng, không những ăn chay khi còn sống mà còn phải ăn chay ở cõi vô hình. Đức Thần Hoàng Bốn Cảnh làng Mỹ Lộc Cần Giuộc dạy:

“Còn việc tế lễ cúng, ta muốn dùng đồ chay hay là cây trái, chớ sát sanh.

Ta cũng tỏ cho chư chức sắc hiểu rằng: Tế lễ là tại sao? Phàm có lòng tin mới cúng chớ. Cúng là lấy có lễ đó, gọi là kính trọng, chớ Thần Thánh nào ăn của ai. Bởi thế nên ai dùng vật thực mà cúng, tốt hơn nên dùng trái cây. Ai có lòng thì tế lễ chi chi ta cũng chẳng trách đặng, vì cựu lệ bày đến ngày nay. Nay ta muốn theo Thánh ý của Ngọc Đế. Vậy chư chức sắc liệu làm sao? Trả lời thử. Cười...”<sup>5</sup>

4. Nghiệp sát là một trong hai nghiệp nặng

3.Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 1, Ngọc-Đàn (Cần-Giuộc) 17 Juillet 1926 , 08-6 Bính Dần.

4.Huỳnh Quang Sắc, 14-11 Ất Tỵ (06-12-1965).

5.Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.1, đàn tại Đình Mỹ Lộc, Cần Giuộc, Long An, Ngày 18-01-1927 (15-12 Bính Dần).

nề nhất của hành giả: nghiệp sát và nghiệp sắc (giới thứ nhất và giới thứ ba). Ở Trên dạy:

*Điều thứ nhất: sát sanh hại mạng,  
Kẻ thác oan, thù oán rất sâu,  
Báo đời này cho tới kiếp sau,<sup>6</sup>  
Nghiệt oan ấy chùng nào đặng giải?<sup>7</sup>  
Nghiệp sát gồm thân sát, khẩu<sup>8</sup> sát, ý sát.  
Vì lẽ đó, ta đừng cố giết, (thân sát)  
Hay xúi người thế giết cho mình (khẩu sát),  
Hoặc thấy ai toan việc sát sinh,  
Mà lại nỡ làm thình, ý đẹp (ý sát).*

Hành giả trì giới sát sanh nghiêm túc, thì tu hành tinh tấn và được Chư Thiên giúp đỡ:

*Cũng còn sát, khi mình còn tánh:  
Hoặc giận hờn, mưu tính độc sâu,  
Hoặc bước chân, tròng kiến đạp nhầu,  
Hoặc tay bẻ cọng rau vô cố,  
Phàm đã quyết tu hành phải nhớ,  
Răn sát sanh từ chỗ tế vi.  
Người xót thương mạng vật thể ni,  
Thần Thánh cũng nể vì mến đức.*

**TỰ TỬ:**

Ngoài trường hợp tự tử để trọn trung, trọn hiếu, trọn tín... để vẹn toàn kiếp vi nhân, tự tử là tội lớn nhất trong việc sát sanh.

6. Xin mời xem quyển Nhân quả của ông Bạch Liên, Phạm Ngọc Đa về người ăn trộm tái kiếp làm con để báo oán.

7. Minh Lý Thánh Hội, “Bổ cáo, Sám Hối, Tịnh Nghiệp Văn, Kinh Giác Thế”, NXB Tôn Giáo, 2011, tr.186.

8. Những lời chọc tức của Khổng Minh đã làm Chu Du uất ức mà chết.



Cụ Phan Thanh Giản (1796–1867) vì sinh mạng của tướng sĩ, của đồng bào đã chọn cái chết hy sinh:

*Phan Thanh Giản nuốt hờn pha thuốc độc,  
Bởi xâm lăng bắt nhượng nước non này.<sup>9</sup>*

**CÂU SIÊU:**

Trong giới sát sanh, có một việc ghê sợ nhất là hại mạng sống của thai nhi, đang tâm huỷ hoại con của chính mình. Thánh Tê-rê-xa thành Calcutta viết: “Ai đã đang tâm hại mạng

9. “Một thế kỷ, mấy vần thơ”.



con mình thì trên đời không có việc ác nào mà không dám làm.”

Khi hai phân nửa mầm sống gặp nhau, một chủ thể, một sanh linh đã được tạo thành và phát triển lên cùng năm tháng theo đúng tuổi thọ Thiên ban, vì một lý do nào bị huỷ hoại, sanh linh sẽ bị chậm tiến hoá và theo báo oán người gây hại suốt đời, nhiều kiếp để trả oán. (Hiếu là đạo cao nhất của mỗi người thì tội bỏ con cũng là tội nặng nhất).

### **HỦY HOẠI MÔI TRƯỜNG: SÁT SANH GIÁN TIẾP**

Tội sát sanh không thấy trực tiếp mà di chứng lâu dài trên nhiều thế hệ, đó là tội diệt chủng bằng hoá chất.

Trước kia thực dân Pháp đã dùng rượu và á phiện để huỷ hoại dân tộc ta lâu dài khi áp dụng phân bổ quota cho từng địa phương phải sử dụng rượu và á phiện.

Ngày nay trong chiến tranh Mỹ sử dụng chất màu da cam để huỷ hoại môi trường sống của dân tộc ta. Vùng sân bay Biên Hoà và sân bay Đà Nẵng là nơi có nồng độ cao nhất.

### **QUẢ BÁO CỦA NGHIỆP SÁT: NHỒI QUẢ KHI HỌC, TU**

Dù cố sát hay ngộ sát, khi chúng ta nhập môn Tam Kỳ Phổ Độ: “*Bồi tên Địa phủ, liên đài hoá thân*”, bao nhiêu nghiệp cũ phải trả, nhứt là khi quyết tâm thọ Đại thừa để thực hành Thiên đạo, sự nhồi quả sẽ xảy ra nhanh chóng quyết liệt, nghiệp sát phải trả đầu tiên.

Theo lời kể của đạo trưởng Huệ Lương (Trần



Văn Quế), cụ Trương Duy Toàn<sup>10</sup> là một nhà yêu nước, thuở trung niên tham gia tổ chức cách mạng, cụ ám sát một sĩ quan Pháp. Khi cụ nổ súng thì đôi bên giáp mặt nhau (khác với ngoài chiến trường hai bên không biết nhau). Lúc cao tuổi, cụ thọ pháp Chiếu Minh. Mỗi lần hành công là thấy viên sĩ quan đòi mạng. Cụ đến xin Đức Ngô Minh Chiêu chỉ dạy. Tuân lời hướng dẫn của Đức Ngô, cụ lập đàn cầu siêu trong 49 ngày, viên sĩ quan mới không quấy phá nữa. Tu đặng trên hai mươi năm, khi thoát xác Đức Chí Tôn ban phong cho cụ đạo quả Bắc Thiên Môn Đệ Quân.<sup>11</sup>

Trên đời có ngàn đường vạn lối để thành công nên phải chọn phương cách nào tổn hại ít nhất về sinh mạng. Thời Tam Quốc, Khổng Minh trong chuyến đánh Mạnh Hoạch, dùng hoá công thiêu trồn quân lính của Ngột Đột Cốt, đã than “*làm cho nước Ô Qua tuyệt chủng, dù có công với xã tắc nhưng ta thế nào cũng bị giảm thọ.*”<sup>12</sup>

10. Trương Duy Toàn (1885-1957), tự: Mạnh Tự, bút hiệu: Đồng Hồ, là một nhà văn, nhà báo, nhà soạn tuồng, nhà cách mạng Việt Nam ở nửa đầu thế kỷ 20.

11. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Thánh Sắc Chứng Đạo, quyển 1, Cáo bản, 2010, tr. 209.

12. Tam Quốc Chí, Nxb Văn Hoá Thông Tin, quyển 2, 2008, tr.1629.





THUỐC KHAI QUANG VÀ HẬU QUẢ LÂU DÀI TRÊN CON NGƯỜI.

### KẾT LUẬN

Đức Chí Tôn khai Tam Kỳ Phổ Độ, vì lòng thương chúng ta, Đức Chí Tôn trực tiếp ban 5 lời dạy về ngũ giới cấm: bắt sát sanh, bắt du đạo, bắt tà dâm, bắt tử nhục, bắt vọng ngữ. Trong đó, Bắt sát sanh là giới cấm quan trọng nhất vì lỡ tiến hành rồi không thể tái lập nguyên trạng. Đây là chân lý chứ không chỉ cệu luật, Đức Chí Tôn dạy “*không tuân thì không thể nào thành đạo*”. Bắt sát sanh liên quan đến việc trai giới: chỉ trường trai mới thực sự bắt sát sanh, giữ trai kỳ vẫn còn gián tiếp sát sanh. Đối với hoa quả, dùng bao nhiêu hái bấy nhiêu, không được hái dư.

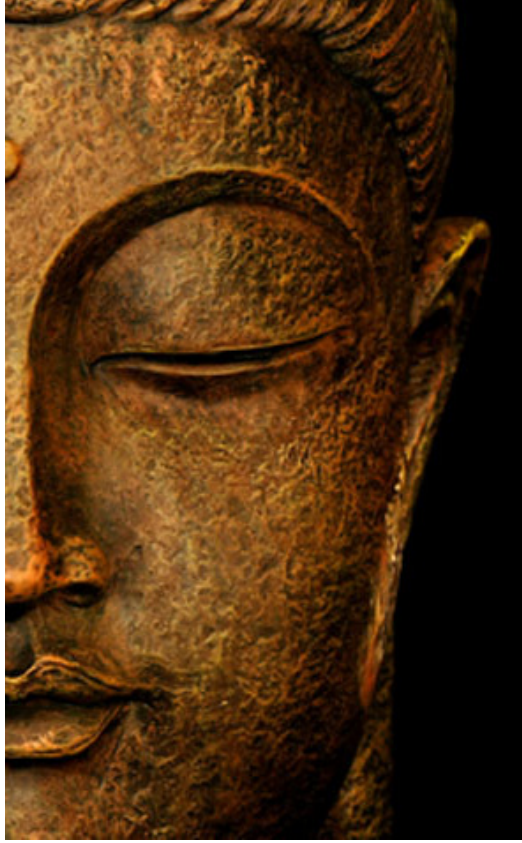
Hiện nay, hành động gián tiếp sát sanh càng ngày càng trầm trọng qua việc: hủy hoại môi trường sống: tiếng ồn, tràn dầu, phá rừng, chất thải độc hại công nghiệp, các loại thuốc diệt cỏ, khai quang, phân hoá học ảnh hưởng tức thì hay lâu dài đến tuổi thọ của con người.

Con người còn sát sanh qua lời nói, qua tư tưởng. Nghiệp sát là nghiệp thiết thân nhất đối với hành giả. Hành giả phải cẩn trọng trong đời tu của mình, nhất là quyết tâm giải thoát trong kiếp này. ■

# THÀNH GIÁO

Cảnh tục lụy bao điều chướng ngại,  
Lòng phàm e uể oải công phu;  
Phong ba cát bụi mịt mù,  
Nhìn xem thân thể lộ đồ mà nao.  
Kìa vạn giáo tranh cao lẫn thấp,  
Nợ Quỷ Vương giảng rập bầy dò;  
Đường trần khúc khuỷu quanh co,  
Có tài có chí phải lo ngăn ngừa.  
Các chứng bệnh mới vừa sơ phát,  
Dụng thuốc thần công phật khử trừ;  
Đừng cho nhiễm đến tâm tư,  
Kém suy thần trí hại hư công trình.  
Bệnh chấp ngã chẳng nhìn chơn lý,  
Bệnh mua vui chẳng nghĩ bại thành;  
Nếu là chứng bệnh phát sanh,  
Đi không mục đích tu hành hoang mang.  
Bệnh tự ái dở dang tình nghĩa,  
Bệnh sân si chẳng nghĩ đệ huynh;  
Đây là chứng bệnh rất kinh,  
Một sao lửa hủy công trình bao năm.  
Bệnh phá hoại luân trầm nghiệp quả,  
Bệnh biếng lười hư cả thanh danh;  
Nếu mang chứng bệnh chẳng lành,  
So cùng vạn vật có giành phẩm chi!  
Còn chứng bệnh ly kỳ trọng hệ,  
Là háo danh dành để cho người;  
Đạo đời ôi cũng thế thôi!  
Bệnh trong huyết quản kéo lôi vi trùng.  
Vụ chánh nghĩa chí hùng gánh vác,  
Nợ nơn loài sống thác nào bao;  
Ngọc kia cát bụi bám vào,  
Như trong chất ngọc lâu lâu như xưa.  
Người biết nghĩ không ưa trả nghĩa,  
Kẻ làm ơn há bịa chuyện ơn;  
Nghe danh như lóng tiếng đồn,  
Nhặt khoan trăm bổng đủ phần thanh âm.  
(...)

ĐỨC LÝ THÁI BẠCH, HUỒN CUNG ĐÀN, RẦM THÁNG 4  
QUÝ MÃO (07- 5-1963). ■



■ XUÂN MAI

chỉ có  
**TÂM**  
mới tầm ngôi  
**TIÊN PHẬT**

**T**rong kinh sách có câu: “Phật biến như đất sét”, nghĩa là Phật có ở khắp mọi nơi, Phật ở chung quanh chúng ta, nhưng chúng ta không hiểu biết, không nhận ra và cứ mãi đi tìm Phật!

Trong Kinh Kim Cang, Đức Phật dạy: “Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”. Nhược kiến chư tướng phi tướng tức kiến Như Lai”. Nghĩa là: Phàm ở trên thế gian này, tất cả những gì có hình tướng đều hư vọng, có ngày cũng phải bị hư hao, hoại diệt, kể cả tất thân tứ đại, sau trăm năm cũng phải bỏ lại. Nếu chúng ta nhìn mọi người không qua hình tướng bên ngoài, không phân biệt kỳ thị, không thành kiến bất công, lúc đó chúng ta sẽ nhìn thấy được Như Lai, tức là thấy được Chơn Tâm

Phật Tánh của mình và của mọi người, đồng nhất không khác.

Muốn tìm thấy Phật, muốn gặp được Như Lai, con người phải phát huy trí tuệ bát nhã, phải nhận ra con người chân thật, nhận ra Chơn Tâm Phật Tánh của chính mình và của mọi người chung quanh chúng ta.

Chơn Tâm là chủ thể của sự sống, nó hằng lưu ở sáu căn. Muốn nhận ra nó, trước hết ta phải tin chắc chơn tâm hằng hữu. Nhưng nó vốn không có tên và hình tướng, nên có nhiều tên khác nhau. Nho giáo gọi là Minh đức, hay là tánh bản nhiên; Phật giáo gọi là Tự tâm, Bản tánh hay là Phật tánh, hay là Chơn như. Danh từ tuy khác mà nghĩa vẫn đồng.

Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, đều có hạt giống Phật. Chúng ta có thể tìm thấy Phật ở khắp nơi trên thế gian này, chỗ nào có tình thương ngự trị, có từ bi hỷ xả hiện tiền, là có Phật ở ngay nơi đó, an lạc tuyệt vời. Chúng ta hãy cố gắng tìm Phật hiện diện trong tất cả muôn loài chúng sinh. Khi ta nhẫn nại và có tình thương đối với người khác là ta đang ban rải tâm từ đến chính mình. Bất cứ người nào, mà trong một khoảng thời gian nào đó, phát tâm bồ đề, khai mở Chơn Tâm, thực hành hạnh lợi tha, vì người quên mình, thể hiện bốn tâm lượng rộng lớn: từ, bi, hỷ, xả, thì ngay trong giây phút đó, người ấy đang sống với tâm Phật, như một vị Phật. Nhưng sau phút giây giác ngộ đó, người ấy trở lại cuộc sống tầm thường, thì tâm Phật lại tiềm ẩn, chờ cơ hội khác để phát huy. Vì Phật là con người giác ngộ trọn vẹn và vĩnh viễn, lúc nào cũng tỉnh thức và sáng suốt. Chúng sanh khác Phật ở chỗ: chỉ lóe sáng trong giây phút, rồi lại chìm đắm trong bóng tối vô minh. Tại sao vậy? Bởi vì, con người không đủ sức vượt khỏi tam giới, không đủ sức chống cự lại sức mạnh của con trâu tâm ý, nghĩa là con người bị nghiệp thức che đậy và thường hay biết mà cứ cố phạm!

*Thân sanh giữa hồng trần trọng trước,*

*Tâm là nguồn họa phúc tạo nên,*

*Tâm là ngôi Phật Thánh Tiên,*

*Cũng là quý tiện nghiệp duyên thú cảm.<sup>1</sup>*

Nếu con người học và hiểu biết lời Phật dạy một cách thấu đáo, một cách tường tận, tức là biết tu tâm dưỡng tánh, đi đúng Chánh Đạo, hành đúng Chánh Pháp, chúng ta liền biết tìm Phật ở đâu, hay làm sao gặp Phật.

Tìm Phật ở đâu chính là tầm ngôi Tiên Phật mà chỉ có Tâm mới tầm ngôi Tiên Phật.

Tâm chính là một chánh điểm quyết định cho sự thành Tiên tác Phật của kẻ tu hành. Chỉ có tâm mới xây nên ngôi Tiên, vị Phật, trường sanh bất lão.<sup>2</sup>

*Muốn nên ngôi vị Phật Tiên,*

*Đừng cho sóng tục đánh nghiêng tâm lành.<sup>3</sup>*

Không để sóng tục đánh nghiêng tâm lành, chúng ta phải:

### **1. THAY ĐỔI Ý NIỆM CHỈ VI BẢN THÂN MÀ HỖY VI THA NHÂN**

– Không hưởng riêng mình:

Quà tặng của thiên nhiên là vô cùng vô tận, chúng ta hãy biết trân trọng và gìn giữ, cùng chung hưởng. “Gió trăng chứa một thuyền đầy. Cửa kho vô tận biết ngày nào vơi”. Mây gió, trăng hoa, tuyết, núi sông là Thiên tạo, không dành cho riêng ai. Ai có tâm hồn tha hồ mà rung động, tận hưởng. Con người biết trân trọng, yêu quý thiên nhiên, coi thiên nhiên là bạn là thể hiện nguyện vọng và xu hướng của cuộc sống chân chính. Gìn giữ, bảo vệ môi trường sống, tôn trọng sự sống của cả sinh vật, loài thảo mộc, cây cối thiên nhiên là một vấn đề nóng bỏng của thời đại. Nói cách khác, không sát sanh hay tôn trọng sự sống của các loài sinh vật là những gì mà con người vẫn minh hiện tại cần thực hiện.

1. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, Huỳnh Cung Đàn, 29 rạng 01-4 Nhâm Dần (03-5-1962).

2. Ibid.

3. Ibid.



Gìn giữ, bảo vệ quà tặng thiên nhiên của Thượng Đế là ý thức công quả lo giúp đời trên mọi phương diện trong đời sống thường nhật. Trong đó, ăn chay để góp phần vào việc bảo vệ môi trường và chống lại biến đổi khí hậu, tránh được những tai họa cho người dân, là một đóng góp của mỗi người trong công cuộc chung của nhân loại nhằm tránh các hệ lụy của biến đổi khí hậu. Đó chính là công quả thiết thực nhất góp phần cải thiện môi trường và cuộc sống con người hiện nay.

– Giúp đỡ người khác.

Phật và ma là một. Giác ngộ rồi ma liền thành Phật; mê muội rồi, Phật biến thành ma. Cho nên, một niệm giác ngộ thì Phật ở tại tâm, một niệm vừa mê, thì ma ở tại tâm. Phật dạy chúng ta phải thường giác ngộ. Một niệm vì chính mình, tính toán lợi ích cho mình, chính là ma, tâm lúc này chính là tâm ma. Nhưng khi thay đổi lại ý niệm, vì xã hội, vì chúng sinh, tâm này chính là tâm Phật. Do đó làm thế nào đem ý niệm tự tư tự lợi chuyển đổi thành lợi ích xã hội, lợi ích chúng sinh. Đây là mấu chốt vô cùng quan trọng. Người có thể thay đổi được ý niệm từ xấu sang tốt, từ vị kỷ đổi thành vị tha, là người có thể đoạn ác để hướng thiện. Thật vậy, giúp đỡ người khác là một phương pháp nhiệm mầu nhất để săn sóc cho hạnh phúc của chính ta, cũng như khi ta gây hại cho người khác là một cách gián tiếp gây hại cho chính mình.

Nhưng khả năng giúp đỡ người khác của ta hoàn toàn tùy thuộc vào sự vững vàng và quân bình của chính mình. Do vậy hãy chú ý giữ thăng bằng cho chính mình.

## 2. GIỮ THĂNG BẰNG

Mỗi chúng ta đang đi trên một chiếc cầu tre lắt lẻo, cố gắng giữ thăng bằng giữa những cơn gió lay động, đong đưa của cuộc đời. Sự sống tự nó là một hành động giữ thăng bằng. Giữ cho mình an toàn đã là một chuyện khó, đừng nói chi đến việc còn phải lo cho những

ai đứng trên đôi vai của mình! Chánh niệm là một phương tiện giúp ta thực hiện được việc ấy: quay lại nhìn vào bên trong mình, tĩnh lặng giữ thăng bằng sẽ làm gốc rễ quân bình cho tất cả.

Đức Phật kể câu chuyện sau trong kinh Tương Ưng Bộ (Samyutta Nikaya 47.19) để ví dụ về sự thực tập chánh niệm của chúng ta.

Có hai thầy trò nhà kia làm nghề sĩ xiếc. Thầy là một người đàn ông góa vợ và học trò là một cô gái nhỏ tên Kathulika.

Hai thầy trò đi khắp đó đây trình diễn để kiếm sống. Màn trình diễn thường xuyên của họ là ông thầy đặt một cây tre khá cao trên đỉnh đầu mình, rồi bé gái leo dần lên đầu cây và dừng lại trên đó, để người thầy tiếp tục di chuyển trên mặt đất.

Cả hai thầy trò đều phải vận dụng sự tập trung tâm ý đến một mức độ khá cao để giữ thăng bằng và ngăn chặn tai nạn có thể xảy ra.

Một hôm, vị thầy nói với học trò: “Này Kathulika, con hãy giữ gìn cho ta và ta sẽ giữ gìn cho con, chúng ta hãy giữ gìn cho nhau để tránh tai nạn và thầy trò mình mới kiếm được tiền.”

Đứa bé gái trả lời:

“Thưa thầy, có lẽ ta nên làm thế này thì đúng hơn: Mỗi người chúng ta nên tự gìn giữ lấy mình, vì gìn giữ lấy mình chính là gìn giữ cho nhau, tránh được tai nạn và thầy trò mình mới kiếm được tiền.”<sup>4</sup>

Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta quen phóng tâm ý của mình ra thế giới chung quanh, nên việc chuyển sự chú ý vào bên trong, giữ cho thân ta được thăng bằng là một thay đổi lớn. Mỗi khi ta ngồi xuống tọa cụ để tọa thiền thì sự thăng bằng cơ thể là yếu tố đầu tiên mà ta chú ý. Ý thức về giữ thăng bằng cơ thể là một kinh nghiệm trực tiếp và rất gần gũi, lúc nào cũng có mặt với ta trong mỗi phút giây của sự sống. Người nghệ sĩ xiếc cũng giống như một thiền giả, đem ý thức trở về với một tiến

4.Theo Andrew Olendzki (trích *Đức Phật Bên Trong*)

trình lúc nào cũng đang xảy ra trong ta nhưng thường bị lãng quên.

Quay trở về để ý thức được mình là một bước rất quan trọng, nếu ta thật sự muốn tìm hiểu và học hỏi về chính mình. Và câu chuyện đức Phật kể cũng cho ta thấy tại sao chúng ta nên quan tâm đến hành xử của chính mình trước khi phê phán hay trách móc những việc làm của người khác. Bởi vì chúng ta không bao giờ có thể kiểm soát sự quân bình của người khác.

### **3. BIẾT CHẾ NGỰ PHIÊN NÃO**

Những phiền não như tham, sân, si là nguyên nhân chính của mọi khổ đau và sự ích kỷ của chúng ta. Vì vậy, chúng ta cần phải khắc phục và chuyển hóa, vượt thoát khỏi vòng kiểm tỏa của chúng. Từ đó, thân và tâm ta được thanh tịnh, trong sáng. Điều này khó nhưng không phải là không làm được. Thiên định hoặc niệm danh Đức Chí Tôn, Đức Tôn Sư là một trong các phương pháp đối trị và chuyển hóa chúng một cách hữu hiệu nhất. Chúng ta hiểu rằng: Tất cả những điều kiện dục vọng hiện có trên đời là nguyên nhân phát sinh ra mọi phiền não, và bản chất của chúng chỉ là vô thường, giả tạm nên ta cố tập buông bỏ chúng nhiều chừng nào thì tốt chừng nấy.

Ai cũng có phiền não tác động hằng ngày, nhưng chúng ta phải biết đối trị chúng, chiến đấu với chúng khi chúng sinh khởi. Chúng ta phải nhận biết tại sao chúng ta khổ đau khi chúng ta còn dính mắc vào cái “ta” và cái “của ta” mà không thể buông bỏ. Và khi tu tập, rèn luyện đạt được tâm không sân hận, chúng ta biết chấp nhận người khác đổ lỗi cho mình, vì chúng ta nghĩ rằng: người đau khổ, buồn phiền, khó khăn, họ đổ cho ta thì họ được nhẹ lòng. Nhờ người trút giận, mà chúng ta tu hạnh nhẫn nhục và chịu đựng được. Nghĩ và làm như vậy, là ta đã có công đức.

Không chỉ nhẫn nhục chịu đựng sự trút giận của người mà còn biết tha thứ mà không cần

câu xin lỗi, vì khi chờ đợi câu xin lỗi chỉ khiến chúng ta phải ôm nỗi hận trong thời gian dài mà rốt cục chỉ mình mình khổ. Như thế cũng tức là chúng ta để cho sự bình yên của mình nằm trong tay kẻ khác. Vượt qua sự hận thù sẽ làm ta thanh thoi bước tiếp. Vì vậy, hãy giải quyết sự phiền não và nỗi đau của mình ngay từ bây giờ. Tha thứ cho người khác cũng chính là tha thứ cho chính mình.

### **4. PHÁ TRỪ NGÃ CHẤP**

Phá trừ ngã chấp là giáo lý cao quý nhất mà Đức Phật dạy cho chúng ta. Có người tu lâu năm, đạt được thần thông, bèn lên thiên đường gõ cửa Thượng Đế. Thượng Đế hỏi: “Ai đó?”. Người kia đáp: “Tôi đây”. Thượng Đế hỏi: “Tôi là ai?”. Người kia đáp: “Tôi là tôi”. Thượng Đế bảo: “Nếu tôi là tôi và ông là ông thì ở đây không có chỗ cho hai người cùng ở, hãy về đi”. Người kia trở về tu nữa. Lần sau, khi gõ cửa thiên đường và Thượng Đế hỏi: “Ai đó?” – “Tôi.” – “Tôi là ai?”, thì người kia đáp: “Tôi là Ngài”. Thượng Đế mới bảo: “Hãy vào”. Cho nên khi chúng ta không phân biệt tôi, anh, khi chúng ta không chấp cái “ta” thì tất cả mọi người đều như một, đều sống chung với nhau, hòa thuận vui vẻ.

Nếu chúng ta nhìn mọi người, không qua hình tướng bên ngoài, không phân biệt kỳ thị, không thành kiến bất công, lúc đó chúng ta sẽ nhìn thấy được Như Lai, tức là thấy được Chơn Tâm Phật Tánh của mình và của mọi người đồng nhất không khác! Đó chính là con người chân thật, bất sanh bất diệt. Kiến Như Lai tức là ngộ đạo, tức là thoát ly sanh tử luân hồi.

### **5. TINH TẤN TU TẬP THIÊN ĐỊNH.**

Trong các giác quan của con người, ý là quan trọng nhất. Điều phục tâm cũng chính là nhận diện rõ quá trình dao động, sinh diệt của dòng sông tâm ý. Cũng như có người mãi cầm giữ chén mật trên tay và quên đi hãm

hố trên đường, chắc chắn sẽ bị vấp ngã. Cũng như khi vượn gặp được cây rừng tha hồ mà chuyển nhảy, muốn chế ngự chúng thì thật là khó. Vì vậy phải siêng năng chế ngự tâm mình – cái “Tâm” mà bấy lâu nay giống ruồi, lạc bước để cho ta đến nỗi phải trôi lăn trong luân hồi sanh tử, ấy là vọng tâm. Người giác ngộ, ý thức quay về, ngừng giống ruồi, và luôn tìm cách kéo nó lại vì tâm ta bấy lâu nay như một loài trâu hoang, đã dậm đạp và phá hại biết bao mùa màng của ta và của người, thế mà ta vẫn không hay biết.

– Chế ngự tâm ý mình, nhiếp phục được tâm ý là làm cho tâm định an trụ.

Muốn tâm định, an trụ phải quay về nhận diện thân và tâm. Đây là công việc chính yếu của những người học đạo giải thoát. Thói quen của dòng tâm ý là thường xuyên nghĩ ngợi và suy tính liên tục, ít khi thân-tâm hiện hữu trọn vẹn với nhau. Chính vì thân một nơi, tâm một ngả cho nên tâm trí không được định tĩnh và sáng suốt, vì thế ta khó có thể hiểu hết về bản chất con người của mình cũng như quá trình đổi thay, thăng trầm của cuộc sống. Vì vậy, quán chiếu thân tâm chính là khai mở sự thấy biết trong sáng, chân thật vốn có nơi mỗi con người, nhờ đó ta thông suốt được mọi lĩnh vực tương giao của cuộc sống, nên các ý niệm tiêu cực, bất thiện cũng được chuyển hóa.

Theo Đức Phật thì con đường duy nhất để phát trí huệ rồi từ đó nhận biết được chơn tâm là phải trì giới và thiền định. Vô minh tuy vô thủ nhưng sẽ hữu chung nếu hành giả gắng công tu tập, từng bước gột rửa vô minh bằng công phu *mài gương trí huệ*. Nhưng không trì giới thì không thể định và thiền được. Làm sao mà định cho được khi con vượn vẫn còn chuyển hết từ cành này qua cành khác? Như vậy, người tín hữu muốn chặn giữ “Tâm” mình cho chuyên chính phải hội đủ các điều kiện cần yếu:

Dùng giới luật nhiếp phục tự tâm. Phải giữ giới, tâm mới an định;

Tâm có định thì Thần mới trụ, mới phát trí huệ.

Nhờ chúng ta thật tâm kiên trì trong việc học hiểu giáo lý Đạo và hành đúng như lời Phật dạy, chúng ta không những nhận rõ về thực trạng chính nơi thân tâm của mình mà còn thấy biết rõ ràng về tình trạng hiện thực nơi tha nhân, xã hội và thế giới. Tham sân si – ba thứ độc hại này là động cơ chính đưa đẩy chúng ta vào con đường sanh tử luân hồi, đồng thời chúng cũng là ma chướng cản trở chúng ta trên lộ trình giác ngộ và giải thoát.

### **TẠM KẾT**

Tâm là chủ sanh ra vạn pháp, có thể sanh pháp lành và nghiệp ác. Nếu phát triển tâm lành, luôn trau luyện để được Tánh hà thủy, tâm thái sơn, chúng ta sẽ tiến gần lên Hiền, Thánh, Tiên, Phật; ngược lại là con đường đi xuống, tức con đường tà, con đường ma mà chúng ta phải tránh. Chúng ta, với ước nguyện đem yêu thương đến muôn người, góp phần vào sứ mạng đại đồng nhân loại – nhìn người ở chỗ chung Trời yêu thương, chúng ta trước nhất phải sửa đổi chính mình, đối diện với tất cả bằng tâm từ bi và tâm trí huệ; hằng ngày sống tri túc và luôn giữ tâm thanh tịnh, nỗ lực diệt trừ phiền não tham sân si, tức là phải thúc liễm thân tâm, chuyên cần chặn trâu – con trâu tâm ý, đừng để chạy rong ngông cuồng phá phách, giẫm đạp ruồng người từng giây từng phút; vững lòng luyện tâm bác ái từ bi, kiên trì nhẫn nại tu tập. Cuối cùng, bằng cách tạo ra sự an bình trong thế giới nội tâm, chúng ta mang nó ra thế giới bên ngoài, sẽ đưa đến sự an bình đến nhiều người khác chung quanh.

*Tâm bác ái hy sinh vật chất,*

*Tâm từ bi đùm bọc thương yêu,*

*Nhẫn kiên un đức sớm chiều,*

*Thủ trì hành sự là liều thuốc hay.<sup>5</sup>■*

5.Ibid.

# HỌC LỜI ĐỨC TRẦN HƯNG ĐẠO DẠY VỀ GIỚI LUẬT TỊNH TRƯỜNG\*

\* Mỗi khoá tu tại Bác Nhã Tịnh Đường, trong phần nghi thức có chương trình “tụng giới” cho tịnh viên tại Bửu điện để nhắc tịnh viên tuân giữ.

## ■ CAO TRIỀU THIÊN TÂM

Sau khi khánh thành Bác Nhã Tịnh Đường, Đức Trần Hưng Đạo ban “Giới luật tịnh trường” để chuẩn bị cho khoá tu “Xông Tịnh Trường” giữa Minh Lý Thánh Hội, Hội Thánh Tiên Thiên, Hội Thánh Truyền Giáo và Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam. Giới luật tịnh trường gồm 9 vé x 4 = 36 câu + 2 câu mở đầu = 38.

1. Phòng tu Bác Nhã Tịnh Đường,

Đón người đạo hạnh lập trường chơn tu.<sup>1</sup>

Đức Mẹ dạy: “Đạo hạnh là đệ nhất pháp môn.”

Đạo hạnh và lập trường chơn tu là tiêu chí để tìm cầu giải thoát.

2. Quyết xa lánh trần từ<sup>2</sup> thế tục,

Cầu chánh tâm diệt dục làm Tiên,

Từ đây đập tắt lửa phiền,

Sớm hôm nhập định tham thiền luyện tu.

Nhà tù gồm 4 vách: tửu, sắc, tài, phiền.

Trước kia chúng ta được biết “Thiếu tư quả dục thị Tiên gia chi bí quyết”, nay đã quyết tâm tu thì “chánh tâm diệt dục” mới có thể viên thành đạo quả. Cuộc đời là vô thường, kiếp người là khổ, phiền não là thái độ đau khổ của hành giả:

*Tà sanh phiền não dấy,*

*Chánh đến não phiền tan,*

*Chánh tà đều không quản,*

*Thanh tịnh đáo niết bàn.*

Câu thứ hai của tứ lời hoàng thệ “Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn”.

Trong Đại Thừa Chơn Giáo, Đức Chí Tôn dạy “Không định mà thiên tức là loạn.”

3. Giải thoát lấy công phu làm chính,

Học tu tuân luật lệnh làm đầu,

Mỗi thời hôn được lắng sâu,

Ngắm trong quyền pháp tìm cầu bí cơ.

Đức Hà Tiên Cô cũng dạy:

*Bước đầu đắp móng nền cho vững,*

*Giới quy điều hồ hững được đầu,*

*Luôn luôn phải tỉnh nội cầu,*

*Chánh tâm diệt dục nhiệm mầu thấy ngay.<sup>3</sup>*

Hành giả phải quyết tâm công phu, bước đầu tiên là nghiêm trì giới luật.

4. Một là rửa lòng như cho được,

Chùng ấy rồi sẽ bước vào tu,

Vằng trăng vệt sạch mây mù,

Hộ thân có sẵn đạo phù Trời ban.

Phải tẩy xú khai thanh thân tâm rồi mới qua cửa tịnh đường. Tịnh sĩ phải sám hối trong cũng như ngoài, Ôn Trên mới bảo vệ được.

Trong Đại Thừa Chơn Giáo, Đức Chí Tôn dạy:

*Kìa là bóng nguyệt sáng soi đầy,*

*Đừng để lu mờ án cụm mây,*

*Mây án làm cho trời đất tối,*

1. Lập trường chơn tu = thuần túy đạo đức = tu 100%.

2. Đức Đông Phương Lão Tổ dạy tại Thiên Lý đàn ngày 15-12 Giáp Thìn (17-01-1965):

Nay trả nợ vì xưa vay nợ,

Trước chưa tu, sau nhớ mà tu,

Vượt ra bốn vách trần tù,

Mặc đời tráo chác, trí ngu mặc đời.

3. Bài Khẩu Khuyết Dự Bị Sơ Thiền do Đức Hà Tiên Cô ban cho tịnh viên Minh Lý Thánh Hội.

*Trăng là đạo đức, giận là mây.*

Vé 1, 2, 3, 4, Đức Trần Hưng Đạo dạy hành giả những điều kiện cần và đủ về thân, tâm trước khi nhập tịnh hành công. Trong bài Khai Kinh Chú, câu cuối cùng là “Sửa lòng trong sạch tưng cầu Thánh kinh”.

*5. Thiên phòng được trang hoàng thứ tự,  
Trông vào dây tăng lữ thoát trần,  
Cảnh người hiện về Thánh Thần,  
Lâng lêng chẳng chút bụi trần bợn nhơ.*

Thiên phòng: nơi hành công chỉ để một lư nhang.

Làm sao về thiên đường là đến Thiên đường, chuyện thế gian để lại thế gian, gặp ai cũng là học trò Tiên (Con ơi! giữ phận Tiên trò), con Phật (Phật tử), cháu Thánh.

*6. Nơi tu, học, nơi thờ, nơi tịnh,  
Dưới và trên nhứt linh hoà thân,  
Ở trần mà chẳng bợn trần,  
Sớm khuya ai cũng ân cần luyện trau.*

Nơi tu, học, nơi thờ, nơi tịnh! Hội trường: nơi học giáo lý; chánh điện để cúng; phòng tịnh để hành công. Đức Thích Ca dạy “lục hoà”, trong đó có “Thân hoà đồng trú”.

Hai vé 5 và 6 Đức Trần Hưng Đạo dạy về chuẩn bị môi trường tu học: thiên phòng, chánh điện, hội trường.

*7. Cấm không được ồn ào lộn xộn,  
Cấm không nên trà trộn Thánh phàm,  
Cấm phần thân thọ nữ nam,  
Cấm lời thô thiển luận đàm vu vơ.  
Cấm là những điều không được làm,  
Tịnh viên cần giữ yên lặng (tịnh lục căn).*

Muốn nên Thánh thì đăng ký tịnh, chưa tiện tu thì đừng lảng vãng gây dao động tịnh trường.

Trang nghiêm trong Thánh sở, ngày thường Đức Giáo Tông đã dạy “Một vị nam có việc cần trao đổi với một vị nữ thì phải mời thêm một đồng đạo nam và một đồng đạo nữ chứng kiến”. Nay đã nhập thất cầu tu giải thoát phải triệt để “Nam nữ thọ thọ bất thân”.

*8. Cấm ăn ngủ ngoài giờ đã định,  
Cấm trông nghe bất chính dâm tà,*

*Cấm điều phung phí xa hoa,*

*Cấm gây náo động bất hoà thị phi.*

Ăn không đúng giờ, vào tịnh sẽ hôn trầm (không ăn hai giờ trước khi tịnh, tịnh viên mới điều tức thông suốt). Đức Thái Thượng Đạo Tổ dạy “*Thần đủ ít ngủ, khí đủ ít ăn.*” Hành công là đang lái xe tải, vận dụng mắt, tai, chân, xả thiền phải dưỡng thân. Xả thiền nếu không tịnh khẩu thì thời thiền kế tiếp sẽ dễ hôn trầm.

“*Mắt tai thích ngó ham nghe*”, hành giả bị 2 gia nhân nhả, nhĩ này quỵến rũ thì “*Sáu căn duyên với cảnh ngoài/ Tinh nương theo ý phiêu nhai đất người.*”

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Đức Chí Tôn dạy: “*Người tu mà phung phí xa hoa là tổn đức.*”

Chúng ta cầu tu giải thoát rồi, hơn thua nhau từ lời ăn tiếng nói tức là bệnh. Đức Tam Tổ Tăng Xán dạy:

*Bằng phải trái đua tranh chẳng bỏ,  
Ấy bệnh tâm nê cố vẫn còn,  
Nếu không rành huyền chỉ chí ngôn,  
Dầu niệm tịnh cũng không mấy ích.<sup>4</sup>  
9. Cấm trâu thuốc giới quy phải giữ,  
Cấm giao du sanh sự sự sanh,  
Giới, định, huệ giữ y hành,  
Tu thời cũng muốn cho thành phải răn.*

Trâu, thuốc làm cho cam lộ không còn tác dụng thuốc bổ nữa, một bên thì bơm vào, bên kia thì đâm lỗ mọt, chính hành giả tự làm vô hiệu thời tu.

Ở Vĩnh Nguyên Tự có câu đối “Phạ sự, nhẫn sự, bất sinh sự, tự nhiên vô sự”.

Giới, định, huệ là diễn trình một chiều, thăng hoa. Chưa giới, thì chưa định, chưa định thì chưa huệ. Giới là sợi dây an toàn, không chịu cột dây, lúc bình thường không thấy gì, nhưng lỡ gặp tai nạn thì hối hận không kịp. Giới là khuôn, nhờ giới mà khối bột trở thành bánh trung thu cao cấp nhanh và đẹp. Đức Mẹ dạy:

4. Đây là bài Tín Tâm Minh của Tam Tổ Tăng Xán được Ngài Minh Thiện dịch ra tiếng Việt.

(XEM TIẾP TRANG 77)

# THÔNG CÔNG

(TIẾP THEO CDGL 117)

## ■ ĐẠT TƯỜNG

### CHƯƠNG 2: TỔ CHỨC LẬP ĐÀN CƠ

Muốn tổ chức lập đàn cơ, điều kiện đầu tiên là phải có:

#### 1. SẮC LỆNH LẬP ĐÀN.

#### 2. NHÂN SỰ VÀ NHIỆM VỤ:

Các thành viên của Bộ phận Thông công được Ôn Trên dùng từ “Thiên tướng” để gọi và trong đó chỉ riêng Đồng tử được gọi là “Tướng soái” của Đức Chí Tôn, là động cơ của bộ máy thông công. Điều này cho thấy:

#### 2A. ĐỒNG TỬ LÀ TRUNG TÂM CỦA BỘ PHẬN THÔNG CÔNG:

Chúng ta xem đoạn Thánh giáo sau: (Đàn khai khiếu nữ Đồng tử Hoàng Mai)

THI

*Đông Phương chiếu lệnh Ngọc Hư Cung,*

*Chưởng Quân lai cơ hội Cửu Trùng,*

*Khai khiếu huyền quang thông thượng điển,*

*Hoàng Mai ấu nữ lập kỳ công.*

*Bản Đạo chào Bộ phận Hiệp Thiên Đài, Bản Đạo chào Phó Trưởng ban. Vì tâm niệm, Bản Đạo giáng đàn khai khiếu Đồng tử và trấn thần những cân y chưa trấn thần, chư hiền hãy thành tâm tịnh mật cho Bản Đạo trấn thần.*

*Diệu Lý, Ngọc Kiều, nhị vị hiền muội hãy dùng lụa mỏng che bán diện cho Đồng tử (...)*

*Phần Đồng tử tuổi còn thơ ấu, nhưng sứ mạng đã đến cần phải lập công bồi đức, vậy Bản Đạo nhờ chư hiền săn sóc, dưỡng nuôi, vì bộ máy thông công với Thiên điển rất quan trọng.”<sup>1</sup>*

1.Đức Đông Phương Chưởng Quân, Thiên Lý Mật Đàn, 25-12 Quý Mão (08-02-1964).

#### 2B. PHÁP ĐÀN:<sup>2</sup>

Là người chỉ huy, thực hiện các nghi thức cần thiết cho một buổi lập đàn, có nhiệm vụ trấn đàn không cho tà thần xâm nhập vào Đồng tử hay vào người hầu đàn gây cảnh mất trang nghiêm. Đọc lịch sử cơ bút Cao Đài, chúng ta không ai quên được sự cố trong đêm lễ Khai Minh Đại Đạo tại Thiên Lâm Tự (Gò Kén-Tây Ninh)

*“Thầy dặn... Lịch nghe dạy: Phải trấn đàn tứ phía góc Thánh thất chớ chằng phải nội ở giữa mà thôi, rồi làm Đại Lễ như buổi ở tại Chùa Vĩnh Nguyên... Bởi tại con nên ra đến đối, hiểu à. Thầy dặn con một điều này nữa, từ đây khá làm theo lời Thầy dạy đừng biến cải nghe à.”<sup>3</sup>*

Đối với tất cả mọi người tham dự buổi lập đàn thì Pháp Đàn là vị chủ tọa.

Để làm tròn nhiệm vụ, Pháp Đàn từng bước được Ôn Trên ban trao bí pháp. Thí dụ sau cho thấy sự ân ban với Pháp Đàn Huệ Chiếu Quang thuộc Bộ phận Thông công Hiệp Thiên Đài Cao Đài Thống Nhất:

*“Giờ đây, Bản Đạo sắc lệnh Hải Thần truyền khai chơn dương thông thiên phù cho Huệ Chiếu luyện Thần để kịp kỳ ứng dụng đó hiển. Luyện Thần dạy Tý thời, hiền nhớ chằng?”<sup>4</sup>*

#### 2C. ĐỘC GIÁ:

2.Khi xưa có khi được gọi là Pháp Sư.

Thí dụ trong Kinh Tam Nguyên Giác Thế, tr.77: “Nay gần ngày sắp kinh, Pháp Sư không nên đem cơ bút mà dùng việc chi ngoại việc tả kinh, một mình gìn giữ cho trọn điển đặng tả kinh.”

3.Đức Chí Tôn, 15-10 Bính Dần (19-11-1926).

4.Đức Thái Bạch, Đạo Lý 57, Huồn Cung Đàn, 30-6 Canh Tuất (01-8-1970), tr.05.

Người Độc Giả có nhiệm vụ đọc lại những gì Đồng Tử viết. Chỉ có những ai được ban ơn điển Thiên khai Thần Nhân mới có thể đọc được chữ viết từ ngọn bút cơ.

Chúng tôi đã chú ý quan sát thử xem mình có thể đọc được chi không! Nhưng chỉ thấy ngọn cơ từ tay Đồng Loan quẹt lia lia từ trái sang phải trên bàn cơ mà không đọc được chi cả trong khi vị Độc Giả cứ liên tục đọc lại những gì mình trông thấy. Phần lớn các Độc Giả cho biết chữ “viết bóng” của Ôn Trên khi ấy như đèn néon quảng cáo sáng lên rồi tắt hay như chữ viết bằng phấn hiện lên rồi lần lượt biến đi. Có nhiều câu chuyện kỳ thú về người được Ôn Trên ân ban cho phép làm Độc Giả ngắn hạn trong một buổi Đoàn để nâng cao đức tin cho vị ấy.

Lịch sử hình thành Cao Đài giáo còn lưu lại một số đàn cơ buổi sơ khai khi có những người Pháp dự hầu đàn, có lúc Đức Chí Tôn ban ân cho một vài người Pháp được đọc. Thí dụ:

Đàn ngày 28-11-1926 tại Sài Gòn, Thấy ban ân cho:

“... Latapie – viens voir ici.

*Maintenant c'est Dieu tout puissant qui te parle.....*

*J'approuve volontier ton admission, es tu content Latapie?*

*Voilà tout pour toi ce soir.”<sup>5</sup>*

[Tạm dịch :

*Latapie, hãy đến đây xem.*

*Giờ này Thượng Đế toàn năng đang nói với con...*

*Thấy vui lòng chấp thuận việc nhập môn của con, con hài lòng chứ?*

*Đêm nay, như vậy là đủ cho con.]*

Về sau, ông Latapie được phong chức sắc phẩm Giáo Sư.

Chúng ta hãy xem thí dụ trích vài đoạn Thánh giáo sau:

5.“Viết bóng” là từ được cựu Đồng tử Huệ Chơn (sau là Pháp Đàn) diễn đạt.

6.Thánh Ngôn chép tay – Chân Truyền Bí Yếu – Thái Thơ Thanh, tờ 265B.

– Thuở mới khai Đạo, trong đàn ngày 13-11 Bính Dần 1926 có vài người Pháp đến hầu đàn.<sup>7</sup> Một trong những người đó được cho phép đọc.

“*Thái Bạch, hỷ chư môn sanh.*

*Monsieur Dauplay est prié d'attendre la venue du Divin – Maître.*

*Ngọc Hoàng Thượng Đế Viết Cao Đài Giáo Đạo Nam Phương*

*Dieu tout puissant qui vient sous le nom de Cao Đài pour enseigner la vérité en Annam.*

*Dauplay, debout et lis!*

*Je tiens à te dire que rien ne se crée et n'existe sur globe sans ma volonté. De pauvres esprits prétendent qu'ils sont dans le secret de Dieu. Or, je ne donne à nul humain ici-bas la mission d'en faire la révélation. Pour venir à moi, il faut des prières. Je ne néglige pas à me manifester quand ces prières sont sincères. Il suffit, pour vous convaincre que je suis bien Jehovah des Hébreux, le Dieu des Armés des Israélites, le Dieu inconnu des Juifs et le vrai Père de Jésus Christ, de me prier par ce prête-nom Cao Đài pour que vos vœux soient exaucés.*

*Tu viens à moi avec un sentiment sincère pour bien faire aux peuples soumis qui te sont confiés. Je te prie alors de propager cette doctrine à tous tes protégés. C'est la seule qui maintient l'humanité dans l'amour des créatures et vous apporte une paix durable.*

*Sibon: Thành tín nhứt tâm cũng đáng khen,*

*Không sang tột bực cũng không hèn.*

*Nêu danh trí sĩ nhà quan nghiệp,*

*Có thuở ơn ban nghiệp sách đèn.*

*Thâu.*

*Châu Thiết: Nhà ân hậu bực tài danh,*

*Buồn lúc phong quang chẳng đắc thành.*

*Khanh tế nối đời khanh tế mãi,*

*Một điều khuyết Đạo chẳng đua tranh.*

*Thâu*

7.Đạo Sử Xây Bàn 1925-1929 của bà Hương Hiếu, quyển in ronéo, tr.97, ghi rõ tên Dauplay. Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển chỉ ghi M.D, bài dịch ra Việt ngữ ở cuối quyển.

*Dauplay: Hoàng Ngọc Diệp của trâm anh,  
Tập tánh ôn nhu đã tánh thành.  
Hiển đức nên trang ngôi điện cát,  
Phải sửa vững lúc nghiêng thành.  
(...)*

Cần lưu ý là người được cho phép làm Độc Giả hôm đó chưa được “thâu” để nhập môn nhưng một người Pháp khác tên Sibon lại được thâu.

Xin giới thiệu thêm một vài trường hợp khác: “Hiển đệ Đạt Minh,<sup>8</sup> hiển đệ hãy lại gần đây tập đọc vài dòng chữ để gọi nhuần ân điển.(viết tiếp) Xuân hạ thu đông...”

*Cười! Đạt Minh hiển đệ có khi nào muốn đọc chữ điển được lưu loát để tăng cường bộ phận Hiệp Thiên Đài hành công quả chẳng?*

*(Đạt Minh bạch: ...)*

Một đàn cơ khác có dịp, Thiêng Liêng sẽ ban ân điển cho hiển đệ tập lần cho quen Thần nhân. Hiển đệ an tọa.”<sup>9</sup>

Thí dụ có trường hợp đang lập đàn, Ôn Trên cho phép một vị Tú Bửu làm Độc Giả khi nhạc phụ của mình về cơ. Có trường hợp đang hầu đàn và thắc mắc không biết làm sao Độc Giả đọc được thì được Ôn Trên gõ cơ kêu tên bước tới làm Độc Giả. Chỉ việc mình đang suy nghĩ thắc mắc, chỉ có một mình biết mình đang suy nghĩ chi, thế mà Ôn Trên đã biết rồi gọi ban ơn cho đọc được những dòng chữ từ ngọn bút của Đồng Tử viết ra thì chắc chắn là đức tin của những vị có duyên may ấy tăng lên rất nhiều.

– Một trường hợp khác vào năm 1973:

*“Xuân Viên hiển...Giờ trước điện...tiên Từ Phụ, trước ngòi bút linh của Lão hiển nghĩ sao?”*

*Xuân Viên bạch: (...) cũng xin tường trình cùng Ngài những việc đã qua của tôi: Trước kia tôi là một quận trưởng, vì công vụ, tôi đã từng bỏ bom và bắn phá những vùng Cao Đài. Tôi đã*

*trở về nay đã ba tháng vinh hạnh tiếp lời dạy của Đức Lý...*

*Trước Điện trung, Bản Đạo sở cậy hiển chấp thuận chẳng?*

*Xuân Viên bạch: Đệ tử xin hành y nếu trong phạm vi khả năng của mình.*

*Cười!...Bản Đạo nhờ hiển...tam thập nhứt trường trai.*

*Xuân Viên bạch: đệ tử đã chịu khắc khổ quen nên việc này rất dễ. Nên xin tuân hành theo lệnh dạy.*

*Cười! mãn kỳ tái ngộ.”<sup>10</sup>*

Một tháng sau:

*“Xuân Viên hiển Thiên mạng, trước điện tiên tự nguyện dưới linh cơ vận hành Đạo pháp? Bạch.*

*Xuân Viên bạch: Đệ tử đã tuân hành ba mươi ngày chay, giờ mới bước chân vào Đạo. Xin Ngài cho đệ tử một ân huệ để hun đúc đức tin. Đệ tử xin làm Độc Giả.*

*Cười! Điều hiển xin không khó. Đã bao nhiêu phần Độc Giả. Vậy hiển cố gắng tuyên thệ trước đài môn thập ngoạt trường chay, hiển lãnh trách nhiệm điều hành, hành sự. Hiển tri tường?*

*Xuân Viên bạch: Đệ tử không dám hứa, vì hoàn cảnh như sự giao dịch ở xã hội này, e phạm phải mà phải tội. Vả, đệ tử mới bước vào trường Đạo thì thời gian ấy quá dài.*

*Cười...! Trước đàn tiên, Huỳnh Diệp Thiên mạng trước kia cũng chay trường tập đọc. Hiện tiên hiển Thiên mạng sau đàn tiên hội ý, Huỳnh Diệp sẽ phân minh...Về phần sắc tứ Đông Phương Chưởng Quân sắc chuyển thi hành...”<sup>11</sup>*

Hôm sau trong đàn cơ tại nơi khác:

*“(...) Bản Đạo triệu hồi Xuân Viên điện tiên Độc Giả.*

THI

*Mạch nước chung nguồn quận ngã ba,*

*Thuyền câu lững thững khó về nhà,*

*Bến cầu trước mặt thuyền không đậu,*

8.Lúc bấy giờ là Ngoại Giao Vụ Phó của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý.

9.Đức Vạn Hạnh Thiển Sư, Minh Lý Thánh Hội, 15-7 nhuần Mậu Thân (07-9-1968).

10.Đức Lý Giáo Tông, Đạo Lý 95, Huồn Cung Đàn, 14-8 Quý Sửu (10-9-1973), tr.77.

11.Đức Lý Giáo Tông, Đạo Lý 96, Huồn Cung Đàn, 14-9 Quý Sửu (09-10-1973), tr. 87.



*Rước khách trăm luân vượt giới ba.*

*Bản Đạo ban ân hiền, gắng định thân, đàn sau tiếp đọc. Vậy hiền xuất ngoại.*

*Xuân Viên bạch: đệ tử xin cố gắng trường chay để đọc được”<sup>12</sup>*

Vậy đoạn Thánh giáo ngắn ở trên gồm bài thi có 4 câu và một câu văn xuôi là những gì mà ông Xuân Viên đã đọc được trong buổi đàn cơ hôm đó.

Sau Đồng tử, Độc giả là vị trí thứ hai phải thường xuyên tịnh luyện dưỡng thân để có thể làm tròn nhiệm vụ. Những thí dụ sau đây cho thấy:

*“Hiển đệ Huệ Chơn vì tâm thần xao động, cho phép hiển đệ an dưỡng hoặc phụ trách phần điển ký. Hiển muội Bạch Tuyết độc giả thay thế Huệ Chơn. Miễn lễ toàn thể đàn trung an tọa.”<sup>13</sup>*

*“Chiếu lệnh Giáo Tông...Hải Thần tiếp lệnh...dụng chơn dương thông thiên phù truyền nơi Huồn Cung cho Chơn Đồng khai khẩu vì Huệ Đăng đã hết thân.”<sup>14</sup>*

#### 2D. ĐIỂN KÝ HAY ĐIỂN VĂN:

Để lưu lại lời Tiên tiếng Phật, Ôn Trên ban ơn cho mỗi Bộ phận Thông công có 2 vị Điển ký, không phân biệt nam hay nữ.

Về nguyên tắc, Điển ký phải ghi lại trung thực diễn tiến cũng như nội dung những lời dạy của Ôn Trên. Tuy nhiên cũng có khi trong lúc đàn đang diễn tiến, Ôn Trên lại dạy Điển ký không được ghi chép một đoạn nào đó.

Có thể là lời dạy về pháp môn.

Người viết đã có duyên được dự một đàn như thế vào khoảng giữa thập niên 90: Sau khi dạy việc về hành chánh đạo, Đức Đông Phương lệnh cho Điển ký tạm ngưng viết để Ngài kiểm tra bài hành pháp của quý Đạo trưởng vừa trải qua “bá nhật trúc cơ” và sau đó ban ân cho một

bài thơ bát cú chữ Nho dạy về Đạo pháp. Không biết quý Đạo trưởng còn nhớ được bao nhiêu với lý thuyết Đạo học mà quý vị đã tiếp thu trong 100 ngày trực tiếp học Đạo với Tiên gia. Riêng đạo đệ lúc bãi đàn rồi chỉ nhớ được có hai câu đầu và vài hôm sau là quên hết!

Có thể là lời dạy việc không nên lưu lại. Thí dụ:

*“(...) Hôm nay, Bản Đạo thử dặn bảo chư hiền đệ muội bằng cách đàm thoại trực tiếp để chư hiền định tĩnh tâm hồn, theo dõi cùng ghi nhớ mà hành sự cho đúng. Vậy Bản Đạo miễn phận sự cho Điển ký cùng Độc giả một đoạn sắp tới. Hoàng Mai sẽ xuất khẩu để Bản Đạo trực tiếp truyền lệnh.*

*(Hoàng Mai xuất khẩu) ...”<sup>15</sup>*

#### 2E. TỬ BỬU:

Thông thường, có 4 vị Tử bửu (hoặc đều là nam hay đều là nữ) ngôi tịnh tâm để trợ diễn cho Đồng tử, đồng thời trấn bốn phương để làm hàng rào từ điển án giữ bảo hộ Đồng tử. Thí dụ:

*“Để được tăng thêm phần uy nghi trong khi cầu đàn, Bản Đạo sắc lệnh Ban Tử bửu từ nay được lãnh lấy trách vụ. Bốn phận Tử bửu hộ đàn cần y tế chỉnh, dùng toàn đồ trắng. Phải tâm niệm, không được xao lãng trong khi hộ điển Chơn đồng. Các môn đồ: Địa Hòa, Địa Cốc, Chí Bình, Đăng Long ráng hành tròn lệnh Bản Đạo ban, rồi từ từ sẽ được lời giáo dỗ thêm.”<sup>16</sup>*

Thông thường khi Đồng tử là nữ thì bốn vị Tử bửu cũng là nữ. Thí dụ:

*“Điều Bản Đạo muốn nói riêng là xuân này, nữ Đồng tử ngôi thì nữ Tử bửu hộ đàn và bắt đầu từ ngày 23, những Đồng tử đại tịnh để an thần mà lo công việc sắp đến...”<sup>17</sup>*

12.Đức Lý Giáo Tông, Đạo Lý 96 Văn Phòng Đại Đạo 15-9 Quý Sửu (10-10-1973), tr. 95.

13.Đức Lê Đại Tiên, Ngọc Minh Đài, 15-10 Đinh Mùi (16-11-1967).

14.Huỳnh Liên, Đạo Lý 51, Huồn Cung Đàn, 08-01 Canh Tuất (1970), tr.57.

15.Đức Lý Giáo Tông, Thiên Lý Đàn, 20-5 Ất Tỵ (19-6-1965).

16.Đức Đông Phương Chương Quán, Huồn Cung Đàn, 01-02 Nhâm Dần (05-3-1962).

17.Đức Quan Âm Bồ Tát, Huồn Cung Đàn, 14 rạng 15-12 Quý Mão (28-01-1964).

Và trong buổi lập đàn giao thừa năm Giáp Thìn (12-02-1964) bắt đầu với nữ Đồng tử Hoàng Mai và 4 vị nữ Tử bửu. Vào giữa đàn, khi thay Đồng tử nam là Trấn Tinh Tử, thì đồng thời 4 vị Tử bửu nam cũng vào thay thế.

## 2F. CHƯỜNG NGHIÊM PHÁP QUÂN HAY TUẦN ĐÀN:

Có nhiệm vụ kiểm soát lễ phẩm, giữ gìn trật tự trong buổi lập đàn (xem xét trật tự chung quanh khu vực lập đàn, không cho xuất nhập lộn xộn hoặc gây tiếng ồn làm rối loạn điển Đồng Tử.) Thí dụ:

“Còn về phần *Chường Nghiêm Pháp Quân* hay là *Tuần Đàn*, tạm thời, hiền đệ *Thiện Bảo* cùng hiền đệ *Lê Văn Non* phụ trách để lập công quả.”<sup>18</sup>

“*Đức Thượng Đế* sẽ giá lâm ban ơn cho chư hiền đệ hiền muội trong đàn này. Vậy nhị đệ *Chường Nghiêm Pháp Quân* hãy chia ra làm hai, một đứng phía *Thiên bàn* lo phần nghi lễ, một đứng phía *Hộ Pháp* lo phần trật tự yên lặng. Chư hiền đệ hiền muội hãy giữ tâm thanh tịnh ngõ hầu tiếp nhận hồng ân. Chớ nên vọng tâm mà thọ tội đấy...”<sup>19</sup>

Trong một số trường hợp, thành phần của Bộ phận Thông công có thể không được đầy đủ nhưng không thể không có Đồng tử và Điển ký (trừ khi chấp bút trực tiếp). Vì một là trung gian để tiếp nhận Thiên điển và một là công cụ để ghi chép và lưu trữ các lời giáo huấn. Thí dụ vài trường hợp Ôn Trên dùng Pháp đàn vô vi.

18.Đức Đông Phương Chường Quân, Thiên Lý Đàn, 15-12 Giáp Thìn (17-01-1965).

Lê Văn Non, về sau được ban Thánh danh Đạt Minh, được nhắc đến nơi đoạn về Độc giả.

19.Đức Lý Giáo Tông, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-10 Quý Sửu (09-11-1973).

a. *Vâng lệnh Mẫu Nghi* đến báo đàn,  
*Chào chư liệt vị khắp tam ban,*  
*Pháp đàn trên có Vô Vi điển,*  
*Của Đức Đông Phương ánh bủa tràn.*<sup>20</sup>

b. “*Kim Quang Đồng Tử*. *Tiểu Thánh* chào chư liệt vị đàn tiền, *Tiểu Thánh* đến báo tin liệt vị hay: Ngay trong giờ phút này có *Đức Đông Phương Chường Quân* thượng ngự *Pháp đàn vô vi*, *chư liệt vị* thành tâm kính lễ. *Đàn tiền* thành tâm tiếp điển *Tiên Bối Đạo Đức Chơn Nhơn*, *Tiểu Thánh* xin chào chung liệt vị, xuất ngoại hộ đàn. *Thăng*.”<sup>21</sup>

c. “*Bảo Pháp Chơn Quân*, chào chư hiền đệ hiền muội. *Bản Huỳnh* vâng lệnh *Đức Lão Tổ* đến dạy những việc sau đây:

– *Đồng Tử Thanh Thủy* giữ lòng thanh tịnh đến đêm 29-2 *Nhâm Tuất* vào 9 giờ đêm chấp bút tại *Vĩnh Nguyên Tự*. *Đức Lão Tổ* sẽ đến dạy *Đạo*. *Pháp đàn Huệ Chơn*.

– *Đồng Tử Hồng Mai* giữ lòng thanh tịnh đứng vào ngày giờ đã dạy trên, chấp bút tại *Diêu Trì Bửu Điện Thánh thất Bình Hòa*. *Pháp đàn vô vi*. *Bạch Tuyết* hộ đàn *Điển ký*.”<sup>22</sup>

Chúng tôi cũng có duyên đã được dự một số buổi lập đàn có Pháp đàn vô vi.

(CÒN TIẾP).■

20.Đức Nhứt Nương Tiên Nữ, Huồn Cung Đàn, 29-8 Ất Tỵ (24-9-1965).

21.Đức Kim Quang Đồng Tử, Ngọc Minh Đài, 01-12 Bính Ngọ (11-01-1967).

22.Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 22-02 *Nhâm Tuất* (17-3-1982).



Hỡi nầy chư Thiên mạng cùng thiện tín ! Chư môn đồ đã và đang sống trong kiếp đời thừa thãi, cơ tiêu diệt đã gần , bao cảnh tang thương khốc liệt của vạn loài diễn khắp chung quanh các môn đồ. Biết bao sự khổ của đời mang đến cho các môn đồ, dầu BỔN SƯ chẳng nhắc, các môn đồ cũng hiểu. Vậy giờ phút báo nguy sắp đến, các môn đồ chỉ còn một nẻo đường duy nhất để cứu lấy một phần chơn linh là đường tu công bồi đức. BỔN SƯ khuyên toàn thể chư môn đồ nên hăng hái trên đường sự mạng để chóng đến ngày điểm đạo.

ĐỨC THÍCH CA, HUỒN CUNG ĐÀN, 08-4 TÂN SỬU (21-5-1961, LỄ PHẬT ĐÀN).■

# ĐẤT PHIÊN NÃO BỒ ĐỀ VUN XỐI

## ■ DIỆU THUẬN

**T**rong cuộc sống hằng ngày, dù người đời hay người đạo, dù người giàu có hay nghèo hèn, dù là bậc lãnh đạo quốc gia hay người dân cùng đinh nghèo khó... không ai là không có phiền não buộc ràng. Chính vì phiền não luôn đeo đẳng nên con người mới tìm đường tu để giải thoát. Đối với người tu theo đạo Cao Đài, một tôn giáo với phương tu vừa xuất thế vừa nhập thế, người tu không thể tìm vào nơi thâm sơn cùng cốc để xa lánh hết mọi sự đời tại thế gian. Trái lại, con người phải gắn với thế gian để vun cội bồ đề ngay trên mảnh đất phiền não để làm tròn sứ mạng vi nhân, để trả hết nợ tiền khiên, hầu thoát vòng luân hồi sanh tử. Đức Diêu Trì Kim Mẫu có dạy:

*Đất phiền não bồ đề vun xối  
Lìa thế gian sao tới niết bàn,  
Vào đời thế xác phải mang,  
Muốn sang bề khổ, nhờ hoàn rước đưa.<sup>1</sup>*

## PHIÊN NÃO LÀ GÌ?

Theo Bách khoa toàn thư mở Wikipedia, phiền não là những trạng thái khổ não nhiều loạn thân tâm loài hữu tình. Theo tự điển Phật Học Huệ Quang, thì phiền não trong tiếng Phạn là Klesa, tiếng Pali là Kilesa, Hán âm dịch là Kiết-lê-xá, còn gọi là hoặc. Đó là trạng thái lo buồn, sầu khổ, sợ hãi, làm não loạn thân tâm chúng sanh. Theo Duy Thức Thuật Ký: Phiền là lo buồn; Não là tán loạn, nghĩa là cái gì làm cho thân tâm lo buồn, loạn động, gọi là phiền não. Còn theo quan điểm Phật giáo thì tất cả những gì làm chướng ngại đến sự giác ngộ đều gọi là phiền não và thông thường khi nói đến phiền não là ám chỉ đến trạng thái tâm con người bị tam độc tham sân si

do lục căn tiếp xúc với ngoại cảnh nổi lên quấy nhiễu. Đó chính là những chướng ngại làm cho con người đau khổ và ngăn cản sự giải thoát.

## PHIÊN NÃO DO ĐÂU MÀ CÓ?

Hằng ngày trong cuộc sống, chúng ta phải tiếp xúc với nhiều người với những tính cách khác nhau trong xã hội, cũng như phải thường xuyên đối mặt với những tình huống trái chiều nhau, làm cho tâm ta bị loạn động, bất an, không thanh tịnh. Chính những tình huống và ngoại cảnh bên ngoài tác động vào cùng với những sự việc diễn ra chung quanh ta làm cho tâm ta sanh phiền não. Chẳng hạn như do mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm... từ đó làm cho tâm ta nảy sinh ra sự phân biệt yêu ghét, khiến cho phiền não dấy khởi. Đức Mẹ có dạy: “(...) Khi xa lìa bản thể để say mê buông bắt thì dục vọng đã kết thành. Có tốt đẹp ngọt ngon mới có đau khổ phiền não. Có khổ đau phiền não đâu không chấp nhận đắng cay mà cay đắng vẫn tới; không ưa chua chát mà chua chát vẫn tuôn tràn.”<sup>2</sup>

Mặc khác, chính sự vô minh của con người đã tạo ra những nút thắt cột chặt lấy tâm mình, làm cho con người phải đau khổ. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý (chơn ý) là sáu căn của con người, vốn thanh tịnh, không tội lỗi xấu xa khi chưa có ý thức xen vào, vì đó là cái nhìn, cái nghe, cái thấy của tự tánh Chơn Tâm, không hề có dục vọng xen vào, cho nên không có phân biệt, không bị dao động trước ngoại cảnh. Nhưng do bởi con người không làm chủ được sáu căn của mình, để cho chúng duyên với sáu trần làm cho tham sân si phát khởi khiến cuộc sống trở

1. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 13-8 Kỳ Mùi (03-10-1979).

2. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-12 Bính Thìn (19-01-1977).

thành điên đảo khổ đau. Đức Phật có nói: “*Tất cả những gian lao sầu khổ của chúng sanh là do lòng ích kỷ mà ra.*”<sup>3</sup>

Như vậy, nguyên nhân dẫn con người đến phiền não là do tâm con người bị vô minh che lấp, để cho lục dục thất tình khuấy động khiến cho tâm không thanh tịnh, lúc nào con người cũng thấy cái này không được, cái kia không đúng, người này có sai lầm, người khác có khuyết điểm... từ đó sanh ra phiền não, bất an trong cuộc sống. Nhưng không phải vì phiền não mang đến cho ta sự đau khổ mà nó trở thành là cái xấu, cái tội lỗi; trái lại, chính nhờ phiền não mà chúng ta mới có quyết tâm tìm tu giải thoát mọi chướng ngại trong tâm. Đó chính là ta đã vun tưới cho cây bồ đề giác ngộ xanh tươi ngay trên mảnh đất phiền não để tâm ta tìm lại sự bình an, đồng thời giải thoát tâm linh khỏi vòng luân hồi sanh tử.

## **BỒ ĐỀ LÀ GÌ?**

Theo Bách khoa toàn thư mở Wikipedia, Bồ đề là danh từ dịch âm từ bodhi tiếng Phạn, dịch nghĩa là Tỉnh thức, Giác ngộ. Trong thời Phật giáo nguyên thủy, Bồ đề là từ chỉ trạng thái chứng được bốn cấp Thánh đạo bằng cách hành trì 37 Bồ đề phần và diệt trừ Vô minh, thông suốt được Tứ diệu đế.

Trong Tiểu thừa. Bồ đề là chúng được Tứ diệu đế, thoát khổ. Ở đây người ta phân biệt ba giai đoạn: tu và chứng quả Thanh văn thừa, tu và chứng quả Độc giác Phật và cuối cùng là đạt quả vị Tam miệu tam phật đà, là quả vị Phật vô thượng, đạt Nhất thiết trí, có khi gọi là Đại bồ đề.

Trong Đại thừa, Bồ đề được hiểu là trí huệ nhận ra rằng không có sự sai khác giữa Niết bàn và Luân hồi, giữa khách thể và chủ thể. Bồ đề là chúng được trí Bát nhã, nhận ra Phật tính của chính mình hay của muôn loài, nhận ra tính Không của thế gian, nhận biết “sự thật như nó là” (chân như).

---

3. Một sự nghiệp tinh thần, tập 5, tr.21.

Đại thừa phân biệt ra ba loại Bồ-đề: giác ngộ cho chính mình (giác ngộ của một vị A-la-hán), giải thoát cho chúng sanh (giác ngộ của một vị Bồ Tát) và giác ngộ hoàn toàn của một vị Phật. Trong quan điểm này, mỗi trường phái Đại thừa lại có một cách giải thích khác nhau.

## **LÀM SAO VUN CỘI BỒ ĐỀ TRÊN MẢNH ĐẤT PHIÊN NÃO?**

Khi con người đối diện với khổ đau, tuyệt vọng sẽ dẫn đến hai chiều hướng:

1. Con người quá đau khổ, tuyệt vọng không tìm ra lối thoát để giải quyết vấn đề, và do không được đạo lý soi đường dẫn lối, họ sẽ nảy sinh ra ý định quyên sinh để giải quyết mọi đau khổ hoặc rời bỏ tổ chức mình đang sinh hoạt hầu tìm kiếm một môi trường mới với mong ước là được hạnh phúc.

2. Con người tuy chịu nhiều đau khổ, phiền não nhưng do họ nhận thức được nguyên nhân của cái khổ và tìm mọi cách diệt trừ khổ đau, phiền não bằng cách chọn con đường đi tu với mong ước là mình sẽ vun được bồ đề tâm ngay trên mảnh đất phiền não.

Phiên não sở dĩ phát sanh ra mọi đau khổ cho con người là vì con người quá chấp vào cái ta; suốt ngày chỉ lo nghĩ về những lợi ích riêng tư, cho dù đó là lợi ích vật chất hay tinh thần; tất cả đều làm trở ngại cho sự giác ngộ của người tu. Do đó để vun cội bồ đề cho được xanh tươi trên mảnh đất phiền não, ta cần phải diệt trừ mọi chấp ngã, tham sân si do bởi cái Ta ích kỷ đầy ham muốn để mở rộng tấm lòng nhân ái bao dung.

### **1. PHÁT TRIỂN TÌNH THƯƠNG VÀ LÒNG TỪ BI**

Con người cần phải thể hiện sự tu luyện của mình trong xã hội nhân sinh, phải bồi đắp tư vô lượng tâm: từ, bi, hỷ, xả, vì “*Tình thương sẽ cứu chuộc mọi tội lỗi, sẽ là liều thuốc thần đơn trị lành mọi bệnh tình nhân loại. Tình thương là chìa khóa giải thoát con người ra khỏi bể trần lụy, là con đường đưa con người lên nấc thang tiến*”

hóa. Ngồi vị chơn linh Tiên Phật được định giá bởi tình thương.”<sup>4</sup>

Nói đến việc phát triển tình thương, trước tiên ta phải biết thương chính bản thân mình; thương mình ở đây không có nghĩa là lòng ái ngã ích kỷ, mà là lòng muốn được an vui, không còn bị đau khổ dằn vặt vì những điều trái lòng. Làm người không thể tránh được điều đau khổ, tuy nhiên phần lớn nguyên nhân gây đau khổ lại do chính bản thân con người tự tạo ra, như lòng ganh ghét, hận thù, buồn thương, ham muốn, chấp trước, si mê ....Chỉ cần cần buông bỏ chúng đi thì con người sẽ tìm thấy sự an vui tự tại. Một khi bản thân chúng ta được an vui thì mới có thể đem lại an vui cho người khác. Cho nên, tình thương phải khởi lên cho chính mình trước, phải thực hiện cho đúng luật công bình. Chẳng hạn như khi muốn xét lỗi người, trước tiên ta hãy tự xét lỗi mình trước, đừng nên vội vàng xét lỗi người khác thì chúng ta sẽ không cảm thấy phiền não. Đức Chí Tôn có dạy:

*“(...) Trước nhứt con hãy công bình với con đi, rồi sẽ công bình với kẻ khác. Con xét lỗi con đi, rồi hối đi, chớ đừng xét lỗi người.”*<sup>5</sup>

Thật vậy, trong cuộc sống mấy ai dám tự hào là mình không bao giờ lầm lỗi, không bao giờ gây đau khổ cho người khác; do đó để không còn cảm thấy phiền não, đau khổ khi nghĩ rằng người khác đã gây đau khổ cho mình thì mình hãy có một tấm lòng khoan dung, tha thứ và tự xét lỗi mình coi mình có đủ nhân, lễ với người chưa, nếu đã có rồi mà người khác vẫn đối đãi không phải với mình thì mình cũng không cần chi phải bận tâm, phiền não nữa. Đức Khổng Thánh có dạy:

*“(...) Người quân tử luôn luôn giữ điều nhân, điều lễ. Đã có nhân thì biết thương người, đã có lễ thì biết kính trọng người.*

*Theo lẽ thường, hễ thương người thì người*

*thương lại, kính trọng người thì người kính trọng lại. Những điều này vẫn không tuyệt đối được. Lắm lúc, người quân tử có nhân, có lễ mà vẫn bị kẻ gian ác ngoan cố, khinh khi chống báng lại. Nhưng người quân tử vẫn luôn luôn tự xét mình, coi mình có nhân, có lễ chăng? Nhưng xét thấy mình đủ nhân, đủ lễ, mà kẻ ấy còn đối đãi bạo ngược lại, thì cũng tự xét mình nữa coi mình đã có nhân, có lễ mà thật hết lòng chăng? Như mình đã hết lòng, mà kẻ ngoan cố ấy là kẻ càn rỡ, không biết điều chi trái phải, thôi thì còn chấp nê làm chi.”*<sup>6</sup>

Mặc khác, khi chúng ta thực hiện tình yêu thương con người với một khát vọng mong muốn làm lợi cho chúng sinh, bằng một trái tim đại bi vô ngại thì chúng ta sẽ không nảy sinh phiền não. Vì khi chúng ta làm việc thiện với tâm giác ngộ là chính chúng ta không cho phép ý niệm “nay thương mai ghét” nổi lên trong tâm mình, do đó ta sẽ không bao giờ ưu phiền hay hối tiếc vì một việc thiện mà mình đã làm. Điều này sẽ làm cho ta cảm thấy an lạc hơn và hạnh phúc hơn trong việc thiện mà mình đã làm; cho dù lòng người có thay đổi ra sao; đồng thời, nó còn giúp cho ta giữ vững tâm hồn cao cả với những thiện nguyện ban đầu. Nếu con người làm việc thiện chỉ vì hình thức bên ngoài, mà không có nền tảng là tâm tinh thức thì đôi khi mọi việc thiện mà chúng ta đã làm có thể chuyển thành cái nhân khổ đau cho chính mình một khi cơn thịnh nộ của tự ngã (sân si) nổi lên hay khi tấm lòng ích kỷ trở dậy với những điều tham sân chấp ngã. Chính vì thế mà trong Kinh Hoa Nghiêm đã cảnh tỉnh con người: “Trong khi làm việc thiện mà đánh mất tâm bồ đề thì đó là ma nghiệp.”

Tâm bồ đề không ai có thể ban cho chúng ta ngoại trừ bản thân chúng ta phải tự xây dựng cho chính mình. Tâm giác ngộ hiện diện ngay trong thân chúng ta nơi thế giới trần tục, phiền

4. Đạo Học Chí Nam, Minh Lý Thánh Hội, chương 4, tiết 3, mục 3.

5. Đức Chí Tôn, Thánh Huấn Hiệp Tuyển, Tòa Thánh Châu Minh, 1961 (Tân Sử), tr.40.

6. Đức Khổng Thánh, Thánh Huấn Hiệp Tuyển, Tòa Thánh Châu Minh, 1961 (Tân Sử), tr. 108-109.

não này, do đó ta không thể lìa bỏ thế gian để đi đến cõi Niết Bàn được. Chính cõi trần ô trược, phiền não là điều kiện thuận lợi để con người phát triển tâm bồ đề. Trong Pháp Bảo Đàn Kinh có nói: “Phật pháp ở thế gian, không thể lìa thế gian mà có giác ngộ; lìa thế gian để tìm kiếm bồ đề, chẳng khác nào đi tìm sừng của con thỏ.” (Phật pháp tại thế gian, bất ly thế gian giác, ly thế mịch bồ đề, cấp tợ cầu thổ giác). Đức Diêu Trì Kim Mẫu cũng dạy:

*Đất phiền não bỏ để vun xới,  
Lìa thế gian sao tới Niết Bàn.*

Chính trong sự khổ đau của cuộc sống sẽ giúp cho ta tràn ngập những khát vọng bồ đề, nuôi dưỡng trái tim nhân ái và thực hành đời sống giác ngộ. Và cũng chính trong khổ đau, con người sẽ có cơ hội nhìn thấy được chân lý của đời sống, chân lý của sự việc và giúp con người bừng tỉnh trước những đau khổ của tham sân si, của nghiệp lực và để cứu mạng, xây dựng những đức tính tốt đẹp diệt trừ bản ngã, phát triển bồ đề tâm. Chẳng hạn như khi trong cuộc sống hằng ngày gặp phải những chuyện thị phi bên ngoài ta đừng vội phiền não mà hãy nhớ lời Đức Mẹ dạy: “(...) Các con mở cửa trước lúc bình minh thì trước thêm vẫn có thị phi phi; mở cửa sau lúc bình minh vẫn có thị phi ở ngõ sau. Cõi thế gian là vậy. Phương chi thời kỳ hỗn loạn điên nguy mà các con muốn mỗi mỗi đều toàn hảo, toàn chân cũng khó mà được đó các con.”<sup>7</sup> Vậy thì chúng ta cố sao lại phải phiền não vì những chuyện thị phi đó, hãy làm chủ tâm mình, làm sao thực hành đúng đạo lý, đúng nghĩa nhân thì không có gì phải tranh đua hơn kém, từ đó sẽ làm cho tâm ta tỉnh giác với một tấm lòng khoan dung, độ lượng luôn yêu thương người khác với một tâm đại bi, phá chấp. Ngài Bồ Tát Tịch Thiên (Shantideva), một vị luận sư lừng danh ở Ấn Độ, đã nói: “Tâm bồ đề là

bộ thanh lọc cực mạnh của phiền não và ác nghiệp.”

Chính những biển khổ, phiền não của trần gian sẽ giúp cho con người phát khởi bồ đề tâm hướng đến một đời sống từ bi, cao thượng, vượt lên trên mọi tranh chấp, hơn thua, đố kỵ của tâm phàm phu ích kỷ.

## 2. CÔNG TRÌNH LUYỆN KỸ

Muốn diệt trừ phiền não không phải là chuyện một sớm một chiều mà ta có thể thực hiện được. Nó đòi hỏi phải có một công trình luyện kỹ không hề ngơi nghỉ để chế ngự kịp thời những tâm tư phiền não vừa máy động. Đức Lý Giáo Tông đã từng dạy: “(...) Phật Tiên Thánh khá dĩ có được điểm phi thường khác hơn là bởi thuộc hàng giác ngộ biết chế ngự kịp thời những tâm tư phiền não vừa máy động.”<sup>8</sup> Chúng ta trên bước đường tu cũng phải cố gắng tập tành theo lời dạy của các Đấng. Ví dụ như: khi tâm ta vừa cảm thấy muốn ganh tỵ hay tật đố với ai một chuyện gì đó, lập tức ta phải ý thức rằng mọi việc đều do duyên nghiệp mà có, tùy duyên mỗi người mà đến, thế thì có gì đáng cho ta phải ganh tỵ đố, và liệu ta ganh tỵ có đạt được không hay chỉ làm cho thân tâm ta phải đau khổ, bệnh hoạn. Hoặc trước những lời chê khen của người khác, chúng ta hãy tập yên lặng và lắng nghe tất cả những gì đúng hay sai, dù hợp hay không hợp. Vì những lời chê khen sẽ là điều kiện để ta thực hành hạnh nhẫn nhục hay tâm không phân biệt. Ta hãy xem những lời khen là những điều để động viên, khuyến khích mình cố gắng tu tập hầu tinh tấn hơn nữa; còn những lời chê là những điều mà người khác soi sáng cho mình để giúp mình nhìn ra khuyết điểm hầu tiến bộ hơn. Ngược lại, ta cũng không nên chỉ trích người khác và tự cho rằng mình có quyền chỉ trích người. Nếu như thế ta sẽ vướng vào phiền não

7. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Ngọc Minh Đài, 15-10 Bính Ngọ (26-11-1966).

8. Đức Lý Giáo Tông, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-02 Ất Mão (26-3-1975).

vì không có thời gian tu tập và không thấy được điều chưa tốt của mình.

Nhẫn nhục cũng là cách để tâm ta không còn phiền não, không còn thấy cái tôi, cái danh của mình bị xúc phạm, mọi việc đã được gác bỏ ra ngoài cuộc sống. Đức Diêu Trì Kim Mẫu có dạy: “*Nhẫn được chua cay dứt não phiền.*” Thật vậy, khi ta có được hạnh nhẫn nhục, ta sẽ không còn cảm thấy đau khổ, phiền não nữa, lúc này tâm ta rộng mở như biển đại dương, và sẵn sàng chấp nhận mọi sỉ nhục, vu khống hay bức hại... nhưng không sanh tâm giận dữ, mà vẫn vui vẻ, an nhiên như không có chuyện gì xảy ra.

Đức Quan Thế Âm Bồ Tát dạy: “*Nhẫn nhục không phải là một điều hèn yếu thua sút đâu chứ đệ muội! Chính những lúc chế ngự được giận lòng, những lúc đè nén sự giận dữ phiền muộn là những lúc sức mạnh vạn năng của tâm hồn được khơi dậy lấy lừng, có nhiều lần chiến thắng nội tâm lừng lẫy mà không hay biết, như vậy mới tạo cho mình một hào quang đạo hạnh xán lạn vô cùng, bởi người tu theo đạo khác với người đời tự do phóng túng để thị dục cuốn lôi. Chớ người đời kẻ đạo ai cũng như ai, ngoài thân phàm xác thịt có chi là khác. Khác với người, cao cả hơn người là ở chỗ làm cho lòng mình được yên ổn, được mãn huê, được rộng rãi như đại dương, như không gian vô tận vô cùng, mà người thế thường không ai làm nổi.*”<sup>9</sup>

Công trình luyện kỹ vô cùng quan trọng, nó sẽ giúp cho người tu làm sáng cái đức của mình, là cách để con người trau tâm sửa tánh, diệt trừ phiền não, vun xới cho cội bồ đề được sum suê tươi tốt.

Những khó khăn, phiền não chính là những công trình giúp người tu luyện kỹ, vượt qua mọi nghịch cảnh để vun xới cội bồ đề. Để có thể trở được bông cực lạc trên mảnh đất phiền não, con người cần phải diệt mọi tư dục, tham sân.

9. Nam Thành Thánh thất, 14-10 Canh Tuất (12-11-1970).

*Cội phiền não trở bông cực lạc,  
Nguồn thất tình Bồ Tát hiện thân,  
Không tư dục, chẳng tham sân,  
Liên đài chứng quả kể gần Lôi Âm.*<sup>10</sup>

### 3. CÔNG PHU

Phiền não đến với con người là do lục căn không thanh tịnh, để cho tâm dao động, vì thế cần phải gác bỏ mọi lợi ích, đoạn hết mọi trần duyên, dốc lòng tu tập công phu thiền định, nhìn vào nội tâm để quên hết mọi chuyện phiền não tại thế gian.

*Gác danh lợi buồm xuôi biển Thánh,  
Đoạn trần duyên vui cảnh rừng thiền,  
Dốc lòng học Phật tâm Tiên,  
Cứu mang chi chuyện não phiền trần ai.*<sup>11</sup>

Công phu thiền định sẽ giúp cho người tu điều tiết bản thân, diệt trừ phiền não và trở nên tự do vì đã buông bỏ mọi ràng buộc, mọi dính mắc. Khi chúng ta hành thiền là lúc chúng ta quay về với tâm bồ đề, chuyển hóa tâm phiền não thành bồ đề.

Đức Ngô Minh Chiêu dạy:

“(...) *Giới là lợi khí diệt trừ phiền não thô vọng. Định là lợi khí diệt trừ những phiền não tế vi. Làm được hai phần đó thì tự tánh sáng tỏ, nhưng không thể một mai một chiều mà phải có một công phu bền bỉ nhẫn nhục tinh tấn lâu dài.*

*Ở đây có người quan niệm sự tu hành quá dễ dãi, thân còn mang không biết bao nhiêu nghiệp thức, mà tưởng tu hành như thế là được rồi, chắc thế nào cũng thành đạo. Nhưng định luật chắc chắn không sai là còn vô minh phiền não, nghiệp thức kéo lôi, thì còn phải sanh tử luân hồi.*”<sup>12</sup>

Công phu thiền định sẽ giúp cho ta giữ được

10. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Thánh tòa vô vi Huỳnh Quang Sắc, 04-01 Ất Tỵ, (05-02-1965).

11. Chư Tiên Khai Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-02 Giáp Dần (07-3-1974).

12. Đức Ngô Minh Chiêu, Tịnh đường, 08-6-1938 (Thánh Truyền Trung Hưng).

tâm không, lúc đó ta sẽ được thân nhiên tự tại, không đuổi bắt theo những gì đem lại lạc thú, cũng không ghét bỏ những gì gây khó chịu, không để ngoại cảnh tác động. Và khi ta giữ được tâm không phân biệt sẽ làm cho ta phát huy tình thương, lòng tử tế và sự hoan hỷ đến với mọi người và như thế là đã đem an lạc, hạnh phúc đến cho mọi người cùng chung hưởng trên cõi thế gian.

Có một câu chuyện kể rằng:

“Thiền sư Hakuin là một người luôn được mọi người trọng vọng, kính nể vì phong cách đạo đức thánh thiện của ông.

Một ngày kia, có một người con gái trẻ đẹp nhà gần chùa của thiền sư bỗng bị chữa hoang. Người ta không biết cha đứa bé là ai. Bố mẹ cô gái vô cùng tức giận và xấu hổ nên đánh đập tra khảo cô con gái về lai lịch tình nhân của cô. Ban đầu, cô con gái không chịu nói gì cả, nhưng sau cùng vì bị đánh đập dữ dội, cô tiết lộ đó là Thiền sư Hakuin.

Tin xấu đồn ra nhanh chóng. Cha mẹ cô gái giận dữ, dùng đòn roi lên chùa và mắng xối xả vào mặt Hakuin. Khi họ dứt lời, Hakuin chỉ thốt lên hai tiếng “Thế à!”. Sau khi đứa bé chào đời, gia đình cô gái mang đứa bé quẳng cho Hakuin nuôi. Trong lúc này, Hakuin đã bị tai tiếng và nhiều người chê bai trách móc ông đủ điều; nhưng Hakuin vẫn thân nhiên như không, dường như câu chuyện kia chẳng có dính gì đến ông cả.

Hakuin chăm sóc đứa bé thật tử tế và bỗng nó đi xin sữa khắp nơi.

Một năm sau, cô gái vì cảm thấy ray rứt trong lòng, vô cùng hối hận và đã thú thực với cha mẹ là người cha đứa bé không phải là Hakuin mà là một chàng thanh niên làm việc ở chợ cá. Cha mẹ cô ta vội chạy lên chùa đập đầu tạ lỗi với Hakuin và xin mang đứa bé về.

Thiền sư Hakuin vẫn thân nhiên như không, thốt lên hai tiếng “Thế à!”

Câu chuyện trên cho ta thấy thiền sư Hakuin đã đạt đến cảnh giới tâm không. Đối với những

lời buộc tội khinh chê phỉ báng, tâm ông vẫn không xao động, vẫn giữ một phong cách an nhiên tự tại và nuôi dưỡng đứa bé với tâm đại bi cao cả.

Chúng ta trên con đường tu luyện đạo pháp đã từng được Ôn Trên khuyến dạy phải từng giây, từng phút, từng giờ luôn kèm giữ tâm mình bằng phương pháp nội quán, giữ sao cho tâm đạt được thái hòa, âm dương hòa hiệp. Khi tâm ta đã thanh tịnh, ý ta đã định thì ta sẽ không còn cảm thấy phiền não trước mọi sự việc xảy ra cho mình, cho dù ai có chửi mắng mình cũng không sanh lòng sân hận vì ý ta không tưởng đến nên không bị lời nói bên ngoài tác động vào.

Tâm lắng, nước hiện trăng,  
Ý dừng, trời không mây.  
(Tâm thanh, thủy hiện nguyệt,  
Ý định, thiên vô vân.)

Con người không thể tách rời xã hội nhân sinh. Thực hành pháp môn nội quán nhưng vẫn hòa mình vào cuộc sống nhân sinh với tâm niệm luôn giữ lòng hướng thượng, vượt ngoài những danh lợi tình tiền, là những thứ xô đẩy con người vào vực thẳm. Đức Thánh Trần Hưng Đạo và Đức Vạn Hạnh Thiền Sư đã dạy:

*“Tri giác pháp môn vô lượng, hướng tâm vào nơi tối thượng đỉnh, qua sông phải nhờ đò, đến bến phải rời đò. Tất cả không còn một bóng mờ nào lưu trong tâm linh con người giác ngộ. Lành thay đạo pháp cứu cánh vạn linh.”<sup>13</sup>*

Chỉ có con đường quy tâm, hướng nội quay vào làm chủ tâm mình, giữ cho tâm mình phẳng lặng như mặt nước, không bị chi phối bởi ngoại cảnh thì chúng ta mới hết phiền não, đạt được sự an vui, hạnh phúc, và tâm ta lúc này sẽ thung dung tự tại, huyền đồng cùng trời đất. Đức Diêu Trì Kim Mẫu có dạy:

*Tâm cùng trời đất huyền đồng,*

13. Đức Trần Hưng Đạo và Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Đạo Học Chi Nam, Minh Lý Thánh Hội.



*Thân hòa vạn hữu ngoài vòng biển mê.  
Là con làm đạo Bồ Đề,  
Đất trời, vạn vật, quay về một tâm.*<sup>14</sup>

## KẾT LUẬN

Cuộc đời luôn đem lại những phiền não, bất an cho con người; nhưng chính đó là mảnh đất cần có để giúp người tu vun cội bồ đề, nuôi dưỡng sự giác ngộ, nếu như ta biết làm chủ lấy tâm mình, biết kịp thời chế ngự những tâm tư phiền não vừa máy động. Phiền não sẽ mất đi khi cây bồ đề được sum suê tươi tốt do lòng từ bi, công trình luyện kỹ cùng công phu thiền định giúp cho tâm được thanh tịnh. Nhưng để đạt được điều đó con người không thể sống tách rời xã hội nhân quần, mà phải góp tay cùng Thượng Đế trong việc đem lại an vui, hạnh phúc cho chúng sanh.

Xin mượn lời dạy sau đây của Đức Diêu Trì Kim Mẫu để thay cho lời kết:

*“Các con nghe lời dạy, các con có thể tưởng tượng một bà Mẹ hiền đang đứng trước các con để che chở vỗ về các con trong khi bị áp lực của thường tình hoặc nhỏ hay lớn, hoặc ít hay nhiều, để mát mẻ dịu dàng và xóa hết những điều ấy hay trừ hẳn đi, tự khắc con sẽ được hưởng một tình thương không bờ bến, và các con không còn thấy thế gian là miếng đất phiền não nữa, mà con phải nhận nhiệm vụ nhưn sanh trong nhưn sanh, một tiểu linh quang trong đại linh quang; chừng đó các con sẽ thấy các Đấng Chơn Sư hằng đến với các con, và các con không còn xa Thượng Đế Chí Tôn hay tình thương vô cực nữa.*

*Mẹ khuyên các con nên nhớ: Muốn vun cội bồ đề phải nhân trong miếng đất phiền não mà vun. Nếu vì miếng đất phiền não con không vun được cội bồ đề, tất nhiên con phải chịu trong luật luân hồi chuyển kiếp.”*<sup>15</sup>■

14. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 14-8. Bính Thìn (07-9-1976).

15. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Thiên Lý Đàn, 20-01 Đinh Mùi (28-02-1967).

## TƯ LIỆU THAM KHẢO

### PHẬT GIÁO:

01. Bách khoa toàn thư mở Wikipedia.
02. Phiền não tức bồ đề, Damlinhthat.net.
03. Bộ não Phật và những cách thực tập làm giảm phiền não, Ngọc Bảo (cuối xuân tháng 5.2012).
04. Hãy làm cho cuộc sống trở nên có ý nghĩa, Lana Zopa Rinpoche, Minh Chánh (dịch).
05. Phiền não tức bồ đề – Bốn chân lý vi diệu, Minh Hạnh.
06. Phiền não tức bồ đề, Đặng Công Hanh, 20-10-2012.
07. Phiền não là bồ đề, Hòa thượng Tuyên Hóa, giảng ngày 03-5-1983.
08. Phiền não là bồ đề, Nguyễn Phước, 20-01-2010.
09. Phiền não tức bồ đề, Chân Phương, Tạp chí Văn hóa Phật giáo số 21.
10. Tâm bồ đề, Khải Thiên.
11. Rộng mở tâm hồn – Ch.5 – Phiền não – Tu tập từ bi trong đời sống hằng ngày của Đạt Lai Lạt Ma XIV, Nguyễn Minh Tiến – Ngọc Cẩm dịch.
12. Tạng thư Phật học – Phá mê khai ngộ, Lê Sỹ Minh Tùng

### CAO ĐÀI:

01. Đạo Học Chỉ Nam.
02. Thánh giáo sưu tập 1965, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý.
03. Thánh giáo sưu tập 1966-1967, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý.
04. Thánh giáo sưu tập 1968-1969, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý.
05. Thánh giáo sưu tập 1970-1971, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý.
06. Thánh giáo sưu tập 1974, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý.
07. Đất phiền não bồ đề vun xới, Bạch Cúc.
08. Thánh Huấn Hiệp Tuyển, 1961, Tòa Thánh Châu Minh (Tân Sử).
09. Vào đời độ chúng lập công, Kim Trinh.
10. Yên lặng, Huệ Ý.■

# SỨ MẠNG ĐẶT ĐỂ



**Đ**ại hội thường niên Cơ Quan được tổ chức vào ngày Rằm tháng hai hàng năm, đánh dấu một nhiệm kỳ hành đạo, nhìn lại niên trình tu học hành đạo đã qua của toàn thể nhân viên Cơ Quan.

Rằm tháng hai cũng là dịp chiêu hiền đãi sĩ, dung nạp nhân tài tâm đức, là cơ hội cho những ai tự nguyện vào tu học hành đạo tại Cơ Quan, thủ tục gia nhập, điều kiện vào tổ chức, đơn giản gọn nhẹ, có óc cầu tiến, siêng năng tu học, thương Thầy mến Đạo, phụng sự trong tinh thần vô ngã là đạt yêu cầu.

Cơ Quan là bộ máy sau cùng với sứ mạng trọng đại được các Đấng Thiêng Liêng đặt để kỳ vọng vào các cấp chức vụ nhân viên, không phân biệt lớn nhỏ, người mới gia nhập hay người đã có quá trình tu học nhiều năm.

Đức Giáo Tông Vô Vi đã xác tín:

– “Hiện tại các cấp chức vụ đương vi, dầu lớn dầu nhỏ, đều là những sứ mạng được Đức Chí Tôn và Công Đồng Tam Giáo đặt để.”<sup>1</sup>

– “Cho đến hôm nay sự hiện diện của chư hiền trong Cơ Quan không phải là ngẫu nhiên.”<sup>2</sup>

Lời xác tín của Đức Giáo Tông, là động năng thúc đẩy cho toàn thể các cấp chức vụ nhân viên hiện hữu không phân lớn nhỏ, ý thức bổn phận và trách vụ của mình, quyết tâm thực thi Thánh ý, hành tròn Thánh sự để làm tròn sứ mạng thiêng liêng mà Đức Chí Tôn đã ban trao.

Người sứ mạng phải là những bậc Thiên ân chí thành tâm đạo, một dạ thủy chung, can trường thiết thạch, sẵn sàng vượt qua mọi thử thách khó khăn trên dặm dài thiên lý. Để có thể

1. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-7 Ất Sửu (30-8-1985).

2. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 17-02 Mậu Thìn (03-4-1988).

làm tròn sứ mạng, người thọ Thiên ân phải ý thức đúng mức về trách vụ được ban trao, phải nắm bắt cơ hội hy hữu này, tự rèn giũa tâm linh cho thăng tiến, phải tận tụy với nhiệm vụ được đặt để, phải đặt đạo sự trên mọi sự. Có như thế, mới hy vọng hoàn thành sứ mạng trọng đại mà Ông Trên đã đặt để cho Cơ Quan, trong giai đoạn lịch sử của kỷ nguyên Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Đức Lý Giáo Tông đã từng khuyến khích chúng ta: *“Nhiệm vụ nào, chức vụ nào theo phần đó, và tìm tòi học thêm cho xứng đáng một người chức vụ trong Cơ Quan.”*<sup>3</sup>

Làm thế nào “cho xứng đáng một người chức vụ trong Cơ Quan” như lời chỉ truyền của Đức Giáo Tông. Thiết nghĩ, đó là thành quả tu học hành đạo của các cấp chức vụ nhân viên trong guồng máy Cơ Quan.

Thành quả tu học hành đạo của mỗi nhân viên, là chất liệu bôi trơn cho bộ máy Cơ Quan vận hành ăn khớp với nhau, không so le, không lỗi nhịp. Muốn được như thế, các thành viên trong tổ chức phải thật sự quý mến nhau, công bằng đối xử theo tôn ti thứ bậc, nghiêm minh quyền pháp, đúng theo lời dặn dò của Đức Giáo Tông.

Bản Đạo thường nói: *“Trước Đức Chí Tôn, tất cả là anh em bình đẳng, nhưng trên phương diện hành sự cần phải có quy tắc, có hệ thống, có khuôn viên mẫu mực.”*<sup>4</sup>

Đức Giáo Tông Đại Đạo có lần đã hỏi chúng ta: *“Chư đệ muội biết mình là ai chưa? Cái sứ mạng hiện hữu đã quy định tiền căn của chư đệ muội rồi đó. Đừng co rút trong vỏ ốc, cũng đừng hời hợt mục đích thiêng liêng cao cả của chính mình.”*<sup>5</sup>

Mặc dầu hỏi, nhưng Đức Giáo Tông đã từ bi soi dẫn, vai trò và trách nhiệm đương kham hiện tại chính là căn cơ của mỗi người. Biết được như thế, hãy chuyển mình trở dậy, đừng co rút rụt rè, đừng lơ là hời hợt với trách vụ được ban trao. Hãy tự vấn và nhìn vào thực tế. Con số nhân viên Cơ

Quan đăng ký tự nguyện hành đạo mỗi năm mỗi tăng, hiện nay 180 vị, so với năm vừa rồi là 165 vị.

Số lượng thành viên ở mức độ khiêm tốn, khối lượng đạo sự lại bề bộn, hầu như người nào cũng phải kiêm nhiệm thêm trách vụ khác, ngoài nhiệm vụ chính. Phải như vậy thì mọi việc mới trôi chảy, người ít việc nhiều, san sẻ gánh gồng, trên dưới đồng lòng, guồng máy hanh thông.

Khi thành lập Văn Phòng Phổ Thông Giáo Lý – là tiền thân của Cơ Quan Phổ Thông Cao Đài Giáo Việt Nam, và Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo hiện nay, Thầy đã khẳng định: do hoàn cảnh lịch sử đặc biệt, và để dễ dàng cho các cấp nhân viên trên bước đường hành sự, nên cơ cấu tổ chức nhân sự ở Cơ Quan không có chức sắc như các Hội Thánh trong toàn Đạo, chỉ có chức vụ để điều hòa đạo sự.

Điểm đặc thù này là mấu chốt đặc biệt của bộ máy sau cùng với sứ mạng trọng đại và nhiều gian khổ. Là người được chọn, được đặt để, phải hoan hỷ nhận lấy, chiến thắng bản ngã, làm chủ bản tâm, hy sinh tư hữu, lấy đạo đức làm phương châm, lấy chính nghĩa làm phương tiện, làm lẽ sống, ngõ hầu chu toàn bốn phận với nhân sanh với Đạo, hoàn thành sứ mạng trước Đấng Đại Từ Phụ, đúng theo lời Đức Giáo Tông đã dạy như sau:

*“Ở Cơ Quan Đạo không có chức sắc, không vị ngôi, chẳng lợi lộc, không danh vọng, thử hỏi người hành đạo tựa vào đâu để làm nguồn an ủi. Có thể là bậc Thánh nhân hoặc siêu nhân, biết lấy đạo lý nghĩa nhân đức độ làm nếp sống cho đời mình để làm một việc mà thế nhân khó có thể làm được.”*<sup>6</sup>

Không những thế, Đức Giáo Tông còn dặn dò chúng ta: *“Cơ Quan, Đức Chí Tôn chọn lòng người, không chọn vật chất.”*<sup>7</sup>

Bài Nguyện Cơ Quan được Đức Lê Đại Tiên ban cho, hằng ngày vào buổi cúng thời Mẹo, được các cấp nhân viên luân phiên nhau đọc, trong đó có câu:

3. Thiên Lý Đàn, 26-7 Đinh Mùi (31-8-1967).

4. Ngọc Minh Đài, 15-4 Mậu Thân (11-5-1968).

5. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-4 Canh Thân (28-5-1980).

6. Ngọc Minh Đài, 01-3 Đinh Mùi (10-4-1967).

7. Thiên Lý Đàn, 26-7 Đinh Mùi (31-8-1967).

(XEM TIẾP TRANG 111)

# CŨNG LÀ MỘT LỐI TU HÀNH

■ THANH LONG

Vào năm Ất Tỵ, những ngày đầu tiên Ôn Trên dạy lập Văn Phòng Phổ Thông Giáo Lý, tiền thân của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo ngày nay, Ôn Trên đã khẳng định đó là thời khắc chuyển mình của tinh thần Đại Đạo. Trong đàn cơ tại Thiên Lý Đàn, Đức Thượng Trung Nhật đã để lời dạy: *“Tệ Huynh chúc mừng sang năm mới, đệ huynh đã có sứ mạng phụng hành chánh đạo, sang một kỷ nguyên mới, đánh dấu sự chuyển hướng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.”* Lời dạy trên có ba ý quan trọng khiến ta phải suy nghĩ cho thật tận tường để có thể thấy mọi lẽ được an bài.

– Thứ nhất là “đã có sứ mạng phụng hành chánh đạo”. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được nhân sanh biết đến từ năm 1926. Đức tin con người mới đã hình thành từ trước năm 1965 và các vị tiền bối đã phụng thừa sứ mạng Đại Đạo từ khi khởi thủy của tôn giáo Cao Đài. Vậy thì mãi cho đến năm 1965, Đức Thượng Trung Nhật lại cho rằng từ bấy giờ đã có một trọng trách cho nền chánh đạo, vì sao lại như thế? Lẽ hiển nhiên, giá trị của tiền nhân không phải không có. Bốn mươi năm hơn nền Đạo được khai mở tại Việt Nam, sứ mạng của nền tôn giáo này đã được thể hiện từ lời dạy của các Đấng Thiêng Liêng. Vậy, việc ra đời của Văn Phòng Phổ Thông Giáo Lý hẳn đã làm nên một tầm cao mới, nâng tầm nhìn của con người tu học, mở tầm tay cho người phụng thừa sứ mạng đã được truyền trao trong một thể cách mới. Có thể là vậy, bốn mươi năm, cũng ngần ấy thời gian, hoàn cảnh biến thiên, xã hội đổi hình thay dạng, con người cũng chịu trăm luân thử thách trong những thăng trầm của xã

hội. Văn Phòng Phổ Thông Giáo Lý được thành lập tựa như việc xây dựng một con đê vững chắc để ngăn chặn những đổ vỡ tâm linh, đức tin và tinh thần Đại Đạo đang nằm trong dòng cuốn của cuộc trần toan tính những thị phi.

Đã có một nền chánh đạo và giờ đây là giá trị diêu dụng của nó. Đó là giá trị thứ nhất của việc tu học: làm cho các giá trị chánh đạo được xiển dương.

– Thứ hai là: “sang một kỷ nguyên mới”, không biết việc tính toán thành ra những kỷ nguyên được đặt cơ sở như thế nào: khi nào là bắt đầu một kỷ nguyên? Khi nào là kết thúc một kỷ nguyên? Đã có bao nhiêu kỷ nguyên? Và bây giờ là kỷ nguyên thứ mấy? Năm 1965, ở khoảng hơn nửa thế kỷ XX, thì liệu cho rằng tại thời điểm bấy giờ là bước chuyển kỷ nguyên có hợp lý hay không? Có lẽ những câu hỏi đó cần viện đến những thủ thuật tính toán khác hơn. Ở đây, một cách suy lý, có lẽ là cách duy nhất trong khả năng hiểu biết, cho ta một mảng khác của một bức tranh toàn cảnh. Từ năm 1965, Ôn Trên đã chuẩn bị con người, tư tưởng, đường lối... dành cho một giai đoạn mới của tình hình nhân loại: phát triển trí tuệ cùng với phát triển phương tiện khoa học. Cho nên, trong ý nghĩa này khiến cho ta chợt nhớ lại hai chiều kích của con người tôn giáo: đạt địa và thông lý. Thật hay, nếu đó là tình cảnh mà hào cứu nhị có thể hiệp được với hào cứu ngũ, hay con người có thể thấu hiểu được thời đại mà vẫn giữ và thông đạt được Thiên lý.

Đắp được cái đập ngăn chặn lũ dữ chực làm vỡ tung lòng tin của con người vào chánh đạo không phải là xong trách vụ. Lòng tin, sự hiểu biết về chánh đạo cần được khơi mạch hanh thông để đem lại lợi lạc cho cả quần sanh trong cuộc thế. Chỉ mỗi cái cụm danh từ “Kỷ nguyên mới”, tạm gác bỏ những tính toán số liệu chính xác sang một

1. Đức Thượng Trung Nhật, Thiên Lý Đàn, 30-12 Ất Tỵ (01-02-1965).

bên, cũng thấy được tính chất mới của khoảng không gian và dòng thời gian này. Sẽ là mới và có thể sẽ còn lạ lẫm với một dòng chảy trước đó. Sự khác biệt như thế này có thể sẽ làm cho những ngỡ vực, nghi hoặc và va chạm sẽ diễn ra. Thế nên, cần lắm một dấu ấn để đánh mốc cho cái mới.

– Thứ ba là: “đánh dấu sự chuyển hướng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ”. Đây là một ý hệ trọng. Tính hệ trọng nằm ở trong ý niệm về sự chuyển hướng. Dĩ nhiên, cơ hoạch định đường lối tiến hóa tâm linh và tinh thần của con người đã được Thầy Mẹ và các Đấng Thiêng Liêng chuẩn bị. Việc chuyển hướng hiển nhiên không hẳn là việc của con người trong ý thức toàn vẹn về cơ vận chuyển đó. Khi nói đến sự chuyển hướng này liệu ngay từ thời điểm đó, các vị tiền bối đã có sự chuẩn bị gì hay đã hoàn toàn nhận thức rõ sự thay đổi hướng đi mới hay không? Nó khác gì với hướng cũ trước lúc chuyển hướng? Hướng mới lúc bấy giờ là gì? Mục đích của hai hướng này có khác nhau? Liệu rồi từ đó sẽ có một hướng mới, hay chắc hẳn phải có cả hướng cũ và hướng mới cùng song hành vận động bên nhau? Và hơn thế nữa, lời dạy cũng khiến kẻ hậu học sẽ phải suy nghĩ rằng phải chăng đó là một bước ngoặt chứ không đơn thuần là một hình thái của lối rẽ?

Dấu ấn có tính vật chất là một tổ chức có hình tướng là một trung tâm đào tạo và huấn luyện con người trên cả hai phương diện tâm đức và trí năng. Và tuyệt nhiên, không thể có một câu chuyện nào đó kể lại rằng chỉ nên chuyên về một phương diện để có thể đạt được một sự chứng ngộ toàn bị. Sẽ không có một sự chứng ngộ nào toàn bị nếu tâm đức và trí năng chỉ được nhìn thấy như hai mặt của một con người. Một con người toàn bị là người được phát triển cả về tâm đức và trí năng. Điều đó, phải là một yêu cầu cấp thiết không thể thay đổi dù một lý do nào đi nữa. Nghe có gượng gạo? Vì làm sao một tổ chức đào tạo và huấn luyện đội ngũ tinh chuyên về tâm linh lại có thể phân đôi con người toàn bị như thế được. Ấy thế mà hiện thực lại chứng minh một cách hùng hồn và nghẹn ngào rằng thế hệ tiếp nối

chỉ còn thời gian cho việc học và làm việc để tạo dựng cho mình một thế nghiệp ‘đủ để sống trong tương lai’ trong khi phải mang vác lên mình một danh từ hoa mỹ để gọi tên. Nó được thừa nhận một cách âm thầm và nhiều sự phớt lờ những giá trị chánh yếu của một ý niệm chính danh. Thế nên, chiếc bình trông mới mà rượu vẫn là chất rượu đã nhạt mùi và vị so với trước đây! Kẻ mới vẫn hăng say, người xưa lại ngán mùi.

Một hoàn cảnh cần lắm một ý niệm minh định rõ ràng về một sự chuyển hướng thực sự diễn ra trong lòng người và trong hoạt động chung của tổ chức. Hào sơ lục quẻ Khôn viết: “Lý sương kiên băng chí.” Mọi việc chỉ do bởi chưa có một sự minh bạch nào cho thấy con người từng tảo biện để cùng nhau nhìn thấy đường hướng chung nhất. Tất cả là một bức tranh được chấm phá ngẫu nhiên, những màu sắc tùy hứng, những cảm xúc bất chợt... Nhưng tuyệt nhiên, bức tranh đó không làm nên một tác phẩm nghệ thuật hay lý thuyết thẩm mỹ nào!

Tuy vậy, cũng phải thừa nhận rằng một dấu ấn cụ thể và rõ ràng như mặt nhật là điểm Hanh của đạo Trời. Dù rằng có thể có nhiều, chứ không phải đôi chút, những thị phi như ở chợ, những lễ lối o ép như ở nhà, những điều huyền nhiệm ảo như ở chùa, thì đó vẫn nằm trong sự vận hành của đạo Trời. Làm người hậu học, làm kẻ tu hành đâu thể nào bạo gan, mạnh tay dỡ bỏ những bức tường rào mà thực tình tự thân chưa thấu hiểu vì sao nó lại có ở đó. Nó có vì có lý do để nó có. Mà lý do để nó có có thể chưa được thấu hiểu, bởi lẽ phận người luôn là kẻ vô minh.

Ba vấn đề trên, dường như một cách vô tình, được chính Đức Chí Tôn trả lời trong lời dạy chỉ sau đó một ngày: “*Phải chi các con nhận thức con đường tiến hóa cao tột mà tiến hóa theo cho thuận lẽ Trời, hạp lòng người, thì đâu đến nỗi phải sanh trong cảnh tương tàn tương sát, chẳng biết thương nhau.*”<sup>2</sup> Hình ảnh rẽ chia đến cùng cực của xã hội

2. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh thất Nam Thành, 01-01 Ất Tỵ (02-02-1965).

con người đã khiến cho cơ đạo phải dường như không được hanh thông, lợi lạc cho quần sanh nữa. Con đường tiến hóa cao tốt chính là hoạt năng tích cực của tôn giáo đã không thể thực thi để được nghiêm minh, để thành tựu kết quả cho xã hội con người. Thế cuộc nhào nặn lòng người tu học. Tâm thức và ý thức lẫn tròn theo sự đổi thay đen trắng, được mất. Nên cơ đạo – con đường tiến hóa cao tốt – đã bị bỏ quên. Mọi đạo sự đã dường như không còn được thuận lẽ Trời và hạp lòng người nữa. Con người chối bỏ thực hành đạo nhu thuận của kẻ ở vị thế Khôn đạo. Sự tiếc nuối của chính Đức Đại Từ Phụ khiến cho hoàn cảnh thật sự trở thành ra bức tranh quá đổi ảm đạm, ‘Phải chi’, ngay cả người Cha quyền năng cũng phải thốt lên rằng phải chi, thì con người thật sự quá đổi xa rời cái tinh thần khảng khái mỹ tại kỳ trung rồi.

Trong hiện trạng đó, con người tôn giáo đã ở đâu? Hay cũng đang vất vả vật lộn trong hoàn cảnh tương tự cho chính mình ngay trong ngôi thất, ngôi chùa được xây đẹp đẽ với đủ tiện nghi như một ngôi nhà? Vì sao con đường tiến hóa cao tốt không được nhận thức? Ai đã làm nó mất dạng, khuất tầm nhìn của con người? Có ai đang cố che giấu nó chăng? Tại sao con người tôn giáo không thực hiện lời dạy của Ông Trên là bày bừa pháp? Vì sao rồi tại sao, rồi như thế nào... hàng loạt câu hỏi bật lên rồi tự nó nghẹn lại ở “phải chi” của vị Chúa Tể của cả càn khôn này. Phải chi quả thật là một dấu lặng đáng sợ lúc này. Tốt nhất, ta nên quay lại với bản thân và điều mà bản thân có thể làm được ở một chừng mực nào đó.

Bài học đầu tiên của con người trong giai đoạn mới này chính là lùi lại một bước thị phi, tranh đấu trong hoảng loạn để có thể nhìn thấy Thiên lý vẫn vận hành sắp bài cơ vận chuyển cả càn khôn:

*Con nhìn thấy trời cao che chở,  
Con nhìn xem đất nở hoa màu,  
Cỏ cây như vật một bầu,  
Cũng đều hằng sống phép mẫu Hóa Công.<sup>3</sup>*

3. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh thất Nam Thành, 01-01 Ất Tỵ (02-02-1965).

Đó chính là ý thức được ngôi Kiển sáng tạo trong vũ trụ bao la hơn xã hội con người. Đó chính là điểm Nguyên của Kiển đạo, cũng tức là sự sống.

Bài học thứ hai của con người trong giai đoạn mới này chính là nhận thấy mình là kẻ thực hành Khôn đạo, nhìn lên và nhìn theo Thiên lý để hành động cho chuẩn mực để có tác dụng lợi lạc cho quần sanh. Đây là bài học về lý Vô Ngã mà ít nghe bàn tới. Rất nhiều ý tưởng chỉ đơn giản cho rằng vô ngã tức là làm mà không nghĩ về cái mình làm, nghĩ về cái lợi của mình tạo ra. Chừng nghe hữu lý, nhưng xét về thực tế thì khó làm. Vô Ngã, trong thế giới tuyệt lý khả dĩ thực hành đương nhiên nhất, chính là hành vi của Khôn đạo.

*Nếu con giữ lập trường chánh đạo,  
Nếu con gìn lời bảo Chí Tôn,  
Nâng đũa đại, học người khôn,  
Nhủ khuyên kẻ quấy, bảo tồn người nguy.<sup>4</sup>*

Đây cũng chính là con người đặt mình trong vị thế của Khôn đạo mà học cái đạo thuận nhu, thuận với Thiên lý, nhu với con người. Con người, chỉ khi nhìn thấy được Thiên lý mà tùng theo đó, thấy được con người mà hòa thuận, mềm mỏng hành xử hợp với Thiên lý, đó mới là lý Vô Ngã. Vì Vô Ngã tức là chỉ suy tư và hành động theo Thiên lý chớ không phải là ý chủ quan, tham vọng cá nhân nữa. Xem ra, chính bài học xa xưa, cũ rích này cũng khó mà thông cho được. Thế thì, trong tình cảnh như thế, liệu con người tôn giáo có Vô Ngã hay chưa? Hay vẫn cùng đang chơi trò chơi của suy tính chủ quan?

Tượng quẻ Khôn có sáu hào vạch đứt tạo nên khoảng không ở giữa và lý Vô Ngã như thế này thật là tuyệt ý. Một tuyệt ý có nhiều giá trị ẩn tàng khó thấy rõ ràng. Con người chỉ được kêu gọi hợp sức, hiệp đồng để hành sự. Có lẽ đó chính là phương thức duy nhất để có thể bộc lộ được cái mỹ ý thâm sâu.

*Gìn hạnh đạo từ bi, bác ái,  
Thuận lòng Trời, nhưn ngài thương yêu,*

4. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh thất Nam Thành, 01-01 Ất Tỵ (02-02-1965).

*Giữa cơn nắng sớm mưa chiều,  
Bao nhiêu gian khổ, bấy nhiêu hợp quần.  
Chi phái cũng tinh thần Đại Đạo,  
Chùa thất đều hoà hảo như sanh,  
Con đừng nê chấp cạnh tranh,  
Rằng tà rằng chánh rồi sanh giận hờn.<sup>5</sup>*

Câu hỏi lớn nhất của thời đại mà con người đã hiệp đồng và Càn Khôn dĩ tận thức<sup>6</sup> là làm sao có thể hiệp sức hành đạo hiệu quả? Và thế nào là tính hiệu quả của đạo sự? Đó chính là việc của con người tôn giáo. Vì nếu rằng hiệp sức và tạo hiệu quả cũng là phần việc của Thiêng Liêng thì không biết con người tôn giáo là để làm gì, trong khi đã có nhiều tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức từ thiện quốc tế, tổ chức nhân đạo quốc tế... đã làm và đang làm cho công việc của phần con người? Câu hỏi đó quả thực lớn nhưng có thể chỉ là một vấn đề quá nhỏ nhen nên chưa từng nghe nói đến. Họa chăng là lời kêu gọi.

Bên cạnh vấn đề chưa thể định được trọn phần là lớn hay nhỏ thì vấn đề con người cũng là một vấn đề nan giải. Vấn đề này khó không phải do không có định hướng, không có điểm nhắm tinh thần. Nó khó vì chính cái thực tế không chịu hợp nhất với định hướng và điểm nhắm tinh thần mà Ông Trên mong muốn.

*Thấy sắc ban Văn Phòng Giáo Lý,  
Cho con nào có chí hy sinh,  
Vì chánh đạo, dám quên mình,  
Đem tài phục vụ nhưn sanh buổi này.  
Thấy không mượn lâu dài chùa thất,  
Mượn lòng con chân thật mà thôi,  
Không chút sắc, không vị ngói,  
Mà còn khổ cực, còn hồi gian nan.<sup>7</sup>*

Con người, một thực thể hậu thiên tối cao, vẫn

đang thực hiện vai tuồng hậu thiên của nó một cách rất hậu thiên. Danh vọng cá nhân, ảo mộng lực quyền, huyền hoặc trí tâm vẫn là cách thức mà một số con người tôn giáo vẫn cố bám víu làm thành thực tại. Khi thực tại đó hiển hiện trong tổ chức nhân sự, nó góp phần làm biến đổi mọi quan hệ khác, kể cả mối quan hệ chân thật nhất. Vì đó là lúc mà nhu cầu về kiện toàn tổ chức, xây dựng tổ chức, củng cố tổ chức trở nên là một vấn đề cấp thiết và đầy tính vô vọng. Người xưa muốn tu có ba nơi để tu: nhất tại gia, nhì tu chợ, ba tu chùa. Nay trong hoàn cảnh ba gom vào trong một đã tạo nên điều kiện tu có thể cực nhanh đặc.

Hy sinh và chân thật, chỉ có hai điều đó thôi mà sao khó thực hiện quá!

Lời dạy của Đức Thượng Trung Nhật và Đức Chí Tôn trong hai ngày đàn liên tiếp nhau vào những năm đầu tiên của một bước chuyển lớn và mới đã vạch ra một tinh thần tu học và hành đạo mới mẻ và chơn chánh. Bài học được dạy cách đây hơn 45 năm, nay vẫn còn nguyên như mới. Bốn mươi năm trước đã là mới, mà nay cũng chừng như mới đó thôi.

Tuy vậy, được tu học và hành đạo như hiện tại cũng là một điểm phước cho kiếp làm người có nhiều may mắn. Khó khăn là lâu dài, giải pháp là cấp thiết. Có hiểu được tinh thần tu học và hành đạo mà Ông Trên phó thác thông qua việc mở ra kỷ nguyên mới, thông qua nhìn nhận hai giá trị căn để của người tu học và hành đạo, hy sinh và chân thật, mới có thể có đủ động lực và tinh thần hành đạo dĩ tận cường bất túc. Lúc này đây, cần thiết phải suy nghĩ về các giải pháp cụ thể để giúp cho mình thấm thấu được những huyền ý trong lời dạy của Ông Trên trong mỗi giai đoạn tu học đầy khó khăn và vất vả. Giáo lý, triết lý, các công cụ nhận thức sẽ là một hướng hành động. Đó cũng là một lối tu học và hành đạo vừa sức.

Một chút cảm tác để làm nhẹ lòng trong buổi trưa nắng gắt gió hanh:

Cũng là một lối tu hành,  
Dụng tâm, dụng trí lập thành cơ năng,

(XEM TIẾP TRANG 77)

5. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh thất Nam Thành, 01-01 Ất Tỵ (02-02-1965).

6. Nguyên văn lời dạy đạo của Đức Chí Tôn trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển: 'Còn nay thì nhưn loại đã hiệp đồng, Càn Khôn dĩ tận thức, thì lại bị phân nhiều đạo ấy mà nhưn loại nghịch lẫn nhau, nên Thấy mới nhứt định quy nguyên phục nhứt.', đàn cơ ngày 24-4-1926 (13-3 Bính Dần).

7. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh thất Nam Thành, 01-01 Ất Tỵ (02-02-1965).

# HỌC TẬP THÁNH GIÁO ĐỨC QUẢNG ĐỨC CHƠN TIÊN VỀ NỘI SAN CAO ĐÀI GIÁO LÝ

## ■ THIỆN LÝ



Cứ mỗi Tam cá nguyệt, khi nhận được nội san Cao Đài Giáo Lý, tôi lại được đọc lời dạy của Đức Quảng Đức Chơn Tiên. Từ năm này qua năm khác, lời dạy như một diệu dược ngấm trong tôi: “Nội san Cao Đài Giáo Lý là một trong những chủ lực phổ thông giáo lý sau này... Bước hướng tới tương lai của Nội san là phải có chủ đạo về mặt tư tưởng Giáo Lý Đại Đạo để đạt đến tầm vóc thế giới. Có như vậy chư đệ muội mới làm tròn trách nhiệm.”

1. Qua đoạn Thánh giáo trên, trước tiên, tôi suy tư trước cụm từ: “chư đệ muội” ở gần cuối đoạn, bởi lẽ tôi cảm nhận, sự thành bại của Thánh ý là chủ yếu ở cụm từ này. Đức Đại Từ Phụ dạy nhân ngày khai mở Văn Phòng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý (CQPTGL):

*Nhiệm mẫu lý đạo hỡi con ôi!  
Dụng đức hy sinh để đắp bồi.  
Chẳng nệ thân phàm không vị cả,  
Đừng màng danh tục chẳng cao ngô.  
Nhịp cầu giáo lý xây non nước,  
Guồng máy thiên nhiên dựng đạo đời.*

*Cứu cánh nguyên nhân kỳ mật hạ,  
Vững vàng lèo lái giữa dòng khơi.<sup>1</sup>*

Nội san Cao Đài Giáo Lý được tạo nên bởi những người thọ nhận sứ mạng Thiên ân, và đặc biệt hơn nữa là những người đã được nuôi dưỡng trưởng thành nơi cái nôi CQPTGL, tức là những người mà theo lời dạy của Đức Chí Tôn phải “Dụng đức hy sinh để đắp bồi, chẳng nệ thân phàm không vị cả, đừng màng danh tục chẳng cao ngô” và Đức Quảng Đức Chơn Tiên đã gọi là: “chư đệ muội”.

Vì thế, có lẽ trong chúng ta, khi cầm tập Nội san Cao Đài Giáo Lý trên tay, như đỡ đứa trẻ chào đời, như bậc cha mẹ chất chứa nhiều nỗi ưu tư. Đứa con tinh thần Đại Đạo khởi đầu một chu trình bốn ba sứ mạng. Sự vững chãi, thuần chơn, thanh tao, minh triết của đứa con này là dấu Thiên điển báo hiệu cho các người con Đại Đạo đã làm tròn lời hứa nguyện. Cụm từ “chư đệ muội”, đại danh từ nhân xưng của

1. Thiên Lý Đàn, 14-01 Ất Tỵ.



Đức Quảng Đức Chơn Tiên thật sự không chỉ đơn giản đường ấy, xin được dẫn một lời dạy khác của Đức Chí Tôn vào ngày khai mở Văn Phòng CQPTGL:

*Gặp gỡ nhau trên dòng giáo lý,  
Nhìn với nhau tôn chỉ Cao Đài,  
Không còn chia biệt Đông Tây,  
Không còn phái nọ, chi này, Phật, Tiên.*<sup>2</sup>

Đây là trách nhiệm to tát mà các bậc Thiên ân sứ mạng được hồng ân của Thiêng Liêng phải hoàn thành.

2. Đức Quảng Đức Chơn Tiên dạy: “*Nội san Cao Đài Giáo Lý là một trong những chủ lực phổ thông giáo lý sau này...*” Từ “sau này” được hiểu, Nội san Cao Đài Giáo Lý là một trong những hình thức chủ lực phổ thông giáo lý trong tương lai, cũng có nghĩa rằng mục đích của Nội san Cao Đài Giáo Lý là trở thành một chủ lực trong việc phổ thông giáo lý.

Như vậy, việc xác định mục đích Nội san Cao Đài Giáo Lý có ý nghĩa rất quan trọng, nhằm định hướng một chiến lược hành động và tạo một động lực thúc đẩy toàn bộ nhân viên Cơ Quan (hoặc các bậc giác ngộ khác của Đại Đạo) tinh thần đồng tâm chung sức, vượt qua chấp ngã, dụng đức hy sinh, khơi sáng huệ tâm để Thiên ý được ứng hành, để đạo đức và ý thức giác ngộ ở nhân sanh càng khơi sáng. Nội san Cao Đài Giáo Lý hay CQPTGL được Đấng Tối Cao ví von như con thuyền đưa người từ bờ mê sang bến giác. Con thuyền này có được tốt, có được đẹp theo dòng thời gian qua mỗi thời đại là do tầm nhìn của hàng hướng đạo.

Đức Quảng Đức Chơn Tiên dùng hai từ “Chủ lực” có nghĩa là chính yếu, là thế mạnh của lực lượng hay kỹ năng của một cá nhân hoặc tập thể. Đã được gọi là chủ lực hay thế mạnh thì việc nhận biết phải dựa vào đặc tính nào của thế mạnh hoặc kỹ năng đó. Nội san Cao Đài Giáo Lý ngày nay và tương lai

phải trở thành phương tiện chủ lực để mang đến cho nhân sanh tình yêu thương hòa bình, tinh thần Thế đạo Đại Đồng, ý thức hệ Thiên địa vạn vật đồng nhất thể, Vạn giáo nhất lý. Như vậy Nội san Cao Đài Giáo Lý phải bao gồm những đặc tính nào để được gọi là chủ lực? Vấn đề cần được triển khai và thảo luận để vận dụng trí tuệ tập thể của Cơ Quan. Người viết xin được có một số suy nghĩ về đặc điểm của một chủ thể được gọi là chủ lực như sau:

Tính phục vụ cao: Tính phục vụ bao gồm những đặc tính của các hoạt động, hình thức đem lại sự hài lòng, đáp ứng nhu cầu của khách hàng (ở đây là nhân sanh). Ví dụ như tính tiện nghi có ích (với mọi thời điểm nào đó, khách hàng có nhu cầu được đáp ứng ngay); tính phổ thông (dễ tìm kiếm, phổ biến, rẻ hoặc miễn phí, đa ngôn ngữ...).

Chất lượng sản phẩm đạt những tiêu chuẩn đã được định trước.

Ví dụ 1: Tựa vào quan điểm của Ban Biên tập theo từng giai đoạn phù hợp với tình hình thực tế mà nội dung của bài viết đạt các yêu cầu như sau:

- Trình bày như tài liệu trích dẫn mang tính cung cấp kiến thức khoa học.
- Trình bày như dạng bài luận mang tính tổng hợp thành tri thức nhân loại.
- Trình bày như bài tham luận mang tính lý luận dựa vào kiến thức khoa học, tri thức nhân loại và lời dạy của Thiêng Liêng qua các đàn cơ.

Ví dụ 2: Bố cục nội san phải được nhất quán bao gồm một số bài viết có nội dung chủ lực, thể hiện được chủ đề chính của từng nội san. Bố cục được sắp xếp theo từng chuyên đề để người đọc dễ tìm ra. Số lượng trang cũng cần được quy định cụ thể ở một bài viết và cả tập san.

Ví dụ 3: Tiêu chuẩn định vị quan điểm chủ trương và lập trường tư tưởng của sản phẩm: Do Nội san Cao Đài Giáo Lý có ý nghĩa rất quan trọng như đã nêu ở phần 1, cho nên quan trọng

---

2. Ibid.

hơn hết là xác định xuyên suốt quan điểm lập trường của CQPTGL trong việc xây dựng Nội san Cao Đài Giáo Lý. Để sáng tỏ phần này, xin dẫn lời dạy của Thầy:

*“Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý không phải là một chi phái cũng không phải của một cá nhân nào hay một đoàn thể nào mà phải là của toàn Đạo, một nhịp cầu nối liền tình huynh đệ, một điện đài thâu và phát những động năng thúc đẩy cho sự thống nhất giáo lý tức là tinh thần vậy; để các con sẽ gặp nhau, quy nguyên ở vị trí duy nhất, tri và hành theo chánh pháp của Đại Đạo.”*<sup>3</sup>

Vì thế, một trong các tiêu chuẩn về chất lượng của nội san Cao Đài Giáo Lý là phải thể hiện được tinh thần: “Cao Đài không phải là Cao Đài mới đích thực là Cao Đài”. Trên tinh thần ấy các bài viết cần được định hướng (đặt hàng) cho tác giả về lập trường Thuần chơn Vô ngã với các nội dung dựa trên hệ tư tưởng Tam giáo Đạo. Trong thời đại “Hội nhập”, lập trường này càng được gìn giữ quý trọng như gìn giữ phần hồn của con người. Xin dẫn lời dạy của Đức Lý Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ:

*“Điều thiết yếu của chư hiền là lấy trí tuệ tập thể và công năng đại định cùng lòng nhiệt thành hăng say tích cực để xây dựng và xác lập những yếu điểm giáo lý thật cơ bản, thật phổ quát và trường cửu để làm nền tảng cho toàn bộ giáo lý, tức là xác định trên lập trường nhân bản đạo đức và tiến bộ văn minh.”*<sup>4</sup>

Tính hiệu quả: Qua lượng giá từ các ý kiến phản hồi: thái độ hài lòng, quan điểm đồng hợp, quan điểm phản biện của độc giả, nhà phân tích, bậc Chơn tu... để có sự đánh giá và nâng cao chất lượng cho các tập san sau này.

Ví dụ: Mỗi Tam cá nguyệt Ban Thông tin báo chí có phiếu thu thập phản hồi góp ý của độc giả, sau đó tổng hợp và báo cáo với Nội Chánh

Vụ trưởng, nếu được lệnh của cấp Vụ trưởng, Ban Thường Vụ thì thông qua điểm báo, báo cáo kết quả phản hồi của độc giả nhằm rút kinh nghiệm cho số sau.

3. *“... Bước hướng tới tương lai của Nội san là phải có chủ đạo về mặt tư tưởng Giáo Lý Đại Đạo...”*. Lời dạy này được xem như là mục tiêu trọng tâm trong việc xây dựng nội dung của Nội san Cao Đài Giáo Lý. Như vậy, chủ đạo về mặt tư tưởng giáo lý Đại Đạo là gì?

Đức Lý Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ giảng đàn dạy:

*“Giáo hóa cho nên bậc sĩ hiền,  
Tông chi gia phả Thánh Thần Tiên,  
Đại đồng công dụng ai truyền bá,  
Đạo pháp để không uổng bí truyền.*

*Đến đây, nhân ngày Đại hội Thường Niên, Bản Đạo muốn cùng chư đệ muội xác định lại một lần nữa ý nghĩa mục đích của Cơ Quan, nhất là ý nghĩa Phổ Thông Giáo Lý.*

*Này chư hiền! Trước hết Bản Đạo nói về giáo lý. Đó là điểm quan trọng bậc nhất cho tiền đồ Đại Đạo. Mặc dầu mấy mươi năm qua, Cơ Quan cũng như các chi phái khác đã cố gắng phát huy biểu tượng sâu rộng, nhưng khách quan mà xét, thật là như muối bỏ bể chưa thấm vào đâu, vì trong hàng hướng đạo có mấy ai thấu triệt và quan tâm đúng đắn. Đó chưa kể đến những quan điểm mâu thuẫn nhau, còn nhân sanh thì giàu nhiệt tình tin tưởng, nhưng thiếu một sự nhận thức cơ bản đúng đắn, nên gây ra hoang mang mơ hồ.*

*Hai hướng chính để chư hiền phát huy là: Xây dựng nền tảng giáo lý theo kịp trình độ văn minh khoa học hiện đại để phổ độ khắp thế giới nhân loại, mặt khác làm xiển dương Thánh ý: Dân tộc Việt Nam là dân tộc được chọn làm nền móng khai sáng cơ đạo, nên cần phát huy truyền thống văn hóa đạo đức dân tộc theo đường lối Tam Giáo Quy Nguyên, Vạn giáo nhất lý và Thiên nhưn hiệp nhất, làm nổi bật thuần túy tính chất của dân tộc mà luôn khế hợp với bản thể đại đồng nhân loại.*

3. Ibid.

4. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 19-02 Bính Dần.

*Chữ hiển cần làm sáng tỏ sưu tập kinh điển và văn hóa dân tộc cũng như văn hóa Đông Tây để kết hợp giữa cơ đạo và văn minh toàn nhân loại.*<sup>5</sup>

Và nhớ lại lời Thầy dạy vào ngày khai mở Văn Phòng CQPTGL:

*Đây là đường quy nguyên Tam Giáo,  
Cũng là giếng trọng bảo nước non,  
Là mong cứu kiếp sống còn,  
Cho toàn lễ thú trong cơn hãi hùng.*<sup>6</sup>

Qua các lời dạy của Ông trên, mục tiêu chủ đạo của Nội san Cao Đài Giáo Lý là xây dựng các nội dung chủ đạo thể hiện:

- Mục đích – Tôn chỉ – Lập trường của tôn giáo Cao Đài;
- Truyền tải được những quan điểm chung của các hệ tư tưởng của giáo lý Đại Đạo; tư tưởng Thiên địa vạn vật đồng nhất thể; Vạn giáo nhất lý... trong giáo lý Cao Đài;
- Kết hợp được Thánh ngôn, Thánh giáo và truyền thống đạo đức và văn hóa dân tộc Việt Nam; Kinh sách (kinh điển) của các Đạo Tổ, các Đấng Thiêng Liêng và văn minh nhân loại (các hệ tư tưởng triết học; y học, khoa học cơ bản...).
- Tu chứng (Mỗi kỳ cần giới thiệu về đạo hạnh và sự nghiệp của một hoặc hai vị tiền bối đã được ban Thánh Sắc Chứng Đạo)
- Hành đạo (thể hiện quan điểm phổ độ; Tình tương thân tương ái...)
- Chuyên đề của Tập Đoàn Giáo sĩ với các bài viết nghiên cứu về Tam giáo Đạo; tư tưởng Thế đạo đại đồng; Vạn giáo nhất lý; Văn minh nhân loại và Sự phát triển của tôn giáo; Văn hóa Cao Đài; Tính triết học trong giáo lý Cao Đài; Sống Đạo...

Trên đây chỉ là nhận thức cá nhân mang tính xây dựng qua lời dạy của Ông Trên, chưa phải là quan điểm mang tính chuyên gia, nên có thể chưa đầy đủ và chưa khả thi.

5. Ibid.

6. Thiên Lý Đàn, 14-01 Ất Tỵ.

4. “... Bước hướng tới tương lai của Nội san là phải có chủ đạo về mặt tư tưởng Giáo Lý Đại Đạo để đạt đến tầm vóc thế giới...”

Mục tiêu thứ hai mà Đức Quảng Đức Chơn Tiên xác lập là Nội san đạt đến tầm vóc thế giới.

Như thế nào để đạt tầm vóc thế giới dựa trên kết quả đánh giá của một bài viết Nội san Cao Đài Giáo Lý? Các bài viết công bố các công trình nghiên cứu khoa học (y học, khoa học khác) của các tác giả đăng trên các tạp chí khoa học có uy tín trên thế giới (Journal of science) hoặc do Viện Thông tin Khoa học (ISI Institute for Scientific Information) xác nhận đánh giá đạt yêu cầu đều được công nhận có giá trị mang tầm vóc thế giới. Hiện nay, Yếu điểm Giáo Lý Đại Đạo; Sử Đạo I, II đã được Hội Đồng nghiên cứu giáo lý Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý và Ông Trên phê duyệt. Xét về mặt giá trị không thua kém ISI hoặc Ban Biên tập của các tạp chí khoa học trên thế giới. Đây là điểm thuận lợi cần được phát huy. Mong rằng các bài viết dựa trên các tài liệu đã được công nhận này sẽ được trình bày một cách tóm lược, sinh động thu hút độc giả. Các công trình sẽ được Hội Đồng nghiên cứu giáo lý và Ban Biên tập Cao Đài Giáo Lý được tiếp nhận với tinh thần xây dựng và hỗ trợ để thể hiện sự minh triết của trí tuệ tập thể.

Thay lời kết, xin được dẫn lời dạy của Đức Đại Từ Phụ:

*Chí hy sinh cậy đoàn tâm đạo,  
Lòng giúp đời tận tảo sớm trưa,  
Không nài dãi nắng dầm mưa,  
Con thuyền bác ái rước đưa đạo đồng.  
(...)  
Con sẽ được tâm trung khoan khoái,  
Nhận việc làm đúng ngãi, đúng nhân,  
Vì Thầy, vì Đạo hy thân,  
Trên dòng lịch sử sáng ngời Rộng Tiên.*<sup>7</sup> ■

7. Ibid

# QUỐC TỘC VIỆT

## TRONG TAM KỲ PHỔ ĐỘ

### ■ ĐẠT TƯỜNG

Lịch sử dân Việt được ghi nhận qua huyền sử thời kỳ Hùng Vương với Quốc Tổ Lạc Long Quân và Âu Cơ. Các nhân vật trong huyền sử này thật sự có hay không? Về mặt thật tướng, đó là vấn đề công việc của các nhà khảo cổ và nhân chủng học, nhưng về mặt tâm linh, bóng hình cha và mẹ Quốc Tổ vẫn mãi in trong tâm khảm của mỗi người con dân đất Việt.

Ở góc độ nhân bản theo Thánh giáo Cao Đài: nguồn gốc gia đình dòng tộc của mỗi người là khởi điểm gần nhất của mỗi dòng họ và dòng giống là cái gốc nhân bản chung hơn nữa cho mỗi dân tộc. Là con dân đất Việt, mọi người đều tự hào với dòng giống Tiên Rồng của

mình! Đất nước Việt Nam ngày nay, sau nhiều ngàn năm mở nước và dựng nước đã định hình bên bờ biển đông Thái Bình với mảnh đất uốn cong hình chữ S tượng như một con rồng vươn lên khỏi biển nước tung mình lên bầu trời cao.

### I. TRUYỀN THUYẾT LỊCH SỬ DÂN VIỆT

#### 1. TỔNG QUÁT VỀ ĐỊA LÝ VÀ NHÂN CHUNG TỘC VIỆT CỔ

Theo một số tài liệu nghiên cứu Sử hiện đại, dựa vào kết quả của khoa khảo cổ và nhân chủng vào nửa sau của thế kỷ xx.



Vào khoảng thế kỷ 30 trước Tây lịch, Hán tộc sống dọc sông Hoàng Hà. Còn ở lưu vực sông Dương Tử, phía bắc có tộc Miêu và tộc Man, phía nam ở vùng Động Đình hồ có tộc Việt sống rải rác đến núi Ngũ Lĩnh.

Nơi lưu vực sông Dương Tử có nhà quý tộc dạy dân nghề canh nông nên được các dân tộc Tam Miêu nơi vùng đó tôn sùng làm Thần Nông. Cháu ba đời của vua Thần Nông là Đế Minh nhân lúc đi tuần phương Nam có thêm một người con trai là Kinh Dương Vương.

Về sau, (TK XXIX TCN), Đế Minh truyền ngôi cho con trưởng Đế Nghi cai quản phương Bắc là vùng đất nông nghiệp của tộc Miêu và tộc Man, đồng thời phong cho Kinh Dương Vương làm vua cai quản phương Nam là vùng đầm lầy sông suối của tộc Việt. Người Hán xưa gọi vùng đất phía Nam sông Dương Tử là Giao Chỉ.

Thế kỷ XXIV TCN, phía Nam Giao Chỉ có nước “Việt Thường” đã thành một nước lớn. Năm 1352, Việt Thường có sai sứ sang cống Đế Nghiêu con rùa lớn. Năm 1109, Việt Thường lại sai sứ sang cống vua Thành Vương nhà Chu con bạch trĩ. Sứ cổ Hoa ghi rằng Ngài Chu Công Đán có cho làm năm chiếc xe có dụng cụ chỉ phương Nam để đưa sứ trở về.<sup>1</sup>

Theo dòng chảy của lịch sử, khi tộc Hán lớn mạnh lấn xuống thì một số tộc Bách Việt, trước sức ép của nước Sở, đã phải tràn xuống vùng Quảng Tây và Quảng Đông. Rồi sau đó trong cuộc đấu tranh với nước Ngô, một số tộc Bách Việt khác xuôi chuyển ra vùng duyên hải và theo đường biển di chuyển xuống phương Nam mang theo văn hóa vùng sông nước cùng văn hóa nông nghiệp của các tộc người ở miền Bắc sông Dương Tử đã có được sau hàng ngàn năm giao thoa. Sử Hoa ghi nhận có vùng đất Nam Việt từ đó.

Thế kỷ thứ III TCN, trong số tộc Bách Việt còn lại sau cùng, tộc Lạc Việt định cư ở vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng.

1. Ngô Thời Sĩ, Việt Sử Tiêu Án, 1775, tr.05.

## 2. NGUỒN GỐC, Ý NGHĨA CỦA VÀI DANH TỪ LỊCH SỬ THÔNG DỤNG VÀ TẬP QUÁN NGƯỜI VIỆT CỔ

Có một số danh từ quen thuộc và thông dụng thường được mọi người sử dụng khi nói đến một vấn đề nào liên quan đến lịch sử dân tộc như: Hồng Bàng, Giao Chỉ, Văn Lang, Lạc Việt,... Tuy nhiên nguồn gốc và ý nghĩa của các từ này là gì thì phần đông trong chúng ta lại vẫn còn chưa thông. Nhân kỷ niệm giỗ tổ dân Việt hôm nay, chúng ta hãy cùng ôn lại ý nghĩa các danh từ này.

### 2.1. HỒNG BÀNG THỊ:

#### - HỒNG BÀNG:

a. Hồng Học, một loài ngỗng trời.<sup>2</sup>

Hồng Hạc: một loài chim di trú từ Bắc xuống Nam theo mùa.

b. Hồng hoang: thời Thái cổ. Bàng: đầy, lớn, bác tạp. Thị: gò, núi (vùng đất cao ráo quy tụ dân cư).

Hồng Bàng thị là một vùng đất ban sơ do Kinh Dương Vương lãnh đạo.

#### - Lạc Long Quân:

Là con của Kinh Dương Vương, lấy con gái Đế Lai (con Đế Nghi) là Âu Cơ sinh một bọc nở ra 100 con trai: 50 con theo mẹ lên núi, 50 con theo cha xuống biển. Đây là truyền thuyết của dòng giống Bách Việt.

#### - GIAO CHỈ:

Sử Hoa chép rằng, vùng đất phương Nam của Hán tộc – từ đời Thần Nông là nơi sinh sống của một dòng giống khác. Ở giống người này, hai đầu ngón cái hướng ra ngoài đầu vào nhau nên người Hán gọi vùng đất có những tộc người với đặc tính như thế là xứ Giao Chỉ. Ở họ Đinh, yếu tố giao chỉ còn phần nào được di truyền.<sup>3</sup> Trình độ sản xuất công cụ của người Giao Chỉ thuộc thời đồ đá mới. Người Giao Chỉ cắt tóc ngắn.

#### - VIỆT THƯỜNG:

Khoảng hơn một ngàn năm sau, một nhánh

2. Phạm Văn Sơn, Việt Sử Toàn thư, 1983.

3. Theo Sử gia Đặng Văn Ngũ, trước 1975.

khác ở phía đông nam đất Giao Chỉ là người Việt Thường, cũng có tục xăm mình, nghề nông đã khởi đầu nhưng chưa biết dùng cày bừa và trâu bò. Họ đã biết một số nghề thủ công khác của thời đồ đá mới và thời đồ đồng như chế tác vàng bạc. Người Việt Thường cũng sống theo chế độ thị tộc công xã và có tín ngưỡng Tô-Tem như người Giao Chỉ. Khi từ Việt Thường xuất hiện trong sử Hoa thì từ Giao Chỉ không còn hiện diện nữa.

Thế kỷ XII TCN, có người họ Hùng Dịch chinh phục được 2 tộc Miêu và Man. Đến đời Hùng Cù, sáp nhập được thêm Dương Việt (người Việt ở sông Dương Tử). Hùng Cù chia cho 3 con trai mỗi người một vùng đất. Người con thứ ba là Chấp Tỳ, làm vua đất Việt Chương. Đây là thời Xuân Thu. Năm 581 TCN con cháu Chấp Tỳ làm vua Việt Thường xưng là Hùng Vương thứ nhứt.

Nước Sở bấy giờ sau nhiều thế kỷ tiếp xúc với văn minh văn hóa Hán tộc đã trở nên hùng cường, bành trướng xuống phía Nam, trở nên nguy hiểm với Việt Thường. Một ông vua Hùng phải dời đô vào tỉnh Chiết Giang đặt quốc hiệu là U Việt.

Từ Bách Việt xuất hiện trong Sử Ký của Tư Mã Thiên ở phần Ngô Khởi Truyện để gọi những tộc nhỏ người Việt sống ở phía Nam nước Ngô xa xưa. Đời Hùng Vương thứ 6, có người gọi là Câu Tiễn (496 TCN) phá được nước Ngô để trở thành cường quốc. Khi Câu Tiễn mất, một người con làm vua đất Lạc Việt ở phía Nam xưng là Hùng Vương thứ 7 lưu truyền được 3 đời rồi bị nước Sở thôn tính ở miền Giang Đông. Theo dòng biến thiên của lịch sử, một số bộ tộc di chuyển xuống miền Nam Trung Hoa theo hai ngã: đường bộ và đường biển. Danh từ Nam Việt có từ đó để chỉ những tộc Việt ở phương Nam.

Như vậy, người Việt cổ là sự giao thoa giữa 2 xứ Giao Chỉ và Việt Thường vào đời Thương cổ.

Người Việt cổ, khi đứng thì vòng hai tay, ngồi thì xếp bằng hai chân, thờ cúng người đã khuất<sup>4</sup>... Những đặc điểm này hiện nay vẫn còn thông dụng trong đời sống của người Việt như:

4. Lê Tắc, An Nam Chí Lược, Phong Tục, 1335.

trẻ em khoanh tay chào người lớn; một số vùng quê người dân vẫn còn giữ thói quen khoanh tay hầu khi thưa chuyện với người bề trên; tín hữu Cao Đài sau khi vào chánh điện chờ đến giờ hành lễ, nhiều người khoanh tay nghiêm trang đứng.

#### - LẠC VIỆT:

Nhóm Lạc Việt đi biển, từ vùng Giang Nam theo dấu chim Lạc xuôi ngược trên biển theo mùa di trú của chim. Lâu ngày, tư tưởng tín ngưỡng Tô-tem phát triển nên nhận giống chim Lạc làm vật tổ rồi lấy tên giống chim này mà đặt tên cho thị tộc của mình. Trên mặt trống đồng Ngọc Lũ chúng ta thấy những chạm trổ hình người đầu dặt lông chim và thuyền trang trí chim Lạc làm vật tổ.

Người Lạc Việt búi tóc<sup>5</sup> quấn khăn và đi chân không. Dùng trâu cau đãi khách và làm lễ vật cầu hôn.

Người chết được đặt trong quan tài là khúc gỗ đục rỗng, hàng ngày phải dâng cơm cúng kiếng. Tục lệ này còn lưu giữ nơi tộc người Mường, được xem là dòng giống Lạc Hồng nơi miền sơn cước. Đặc biệt người Mường ngày nay vẫn còn duy trì phong tục cùng chung tay xay nếp, giã xôi cho nát làm bánh dày. Bánh dày là loại bánh không thể thiếu trong lễ phẩm dâng cúng thần linh và tổ tiên.

Sự tích bánh dày bánh chưng đời Hùng Vương 16 là hình tượng của Dịch lý: Trời tròn, đất vuông. Tư tưởng âm dương này được thể hiện nơi những hình chạm trổ trên trống đồng.

#### - ÂU LẠC:

Đời Hùng Vương 18, phía bắc Lạc Việt có nước Âu Việt vua là Thục Phán cầu hôn công chúa nhưng không được nên trăn trối con cháu phải báo thù này. Con Thục Phán sau nhiều lần gây chiến luôn bị thất bại, Hùng Vương sinh kiêu lợi lỏng việc phòng ngự nên về sau bị quân Thục

5. Phạm Văn Sơn, Việt Sử Toàn Thư, tr.32: “Theo lời tâu của Tiết Tôn làm quan Giao Châu thời Tam Quốc: Người Lạc Việt bấy giờ búi tóc và đi chân không.” “Xem các đồ đồng Đông Sơn thấy hình người có búi tóc sau gáy.”



đánh úp thua trận phải tự tử. Họ Thục sáp nhập Âu Việt và Lạc Việt làm một gọi tên là Âu Lạc.

### 3. NHẬN ĐỊNH:

#### 3.1. BÁCH VIỆT:

Hồng Bàng để nói về buổi hồng hoang sơ khai của chủng tộc với bậc Đế của thời Đế Đạo lãnh đạo hàng ngàn năm; tiếp đó là giai đoạn của bậc Vương Đạo<sup>6</sup> là Kinh Dương Vương và Lạc Long Quân.

Lạc Long Quân: phân tích theo cấu ngữ pháp của Hán tự, từ phải sang trái:

- Quân tượng trưng cho quyền lãnh đạo “thị tộc”.
- Lạc Long là sự kết hợp âm dương giữa Giao Long và chim Lạc, một loài ở dưới nước và một loài ở trên không.

Lạc Long Quân phối với Âu Cơ là nàng con gái đất Âu<sup>7</sup> sinh ra bọc trăm trứng, đồng bào,

6. Đạo Học Chí Nam, Chương thứ ba: Đạo Pháp Nhứt Đơn, Tiết II: Đạo Tâm, Mục 2.

“Từ xưa, loài người con trong lẽ sống hỗn nhiên, tuy ở cõi trần nhưng tâm hồn thung dung tự tại, không khác cõi Trời. Giữa vua và dân cùng vui trong lẽ Đạo. Trái qua Tam Hoàng đến Ngũ Đế, lòng người lẩn lẩn sa sút, có dáng mê mờ, mà đạo ấy không được sung mãn ở lòng người, nên tạo dùng ân oai mà chế trị, dạy dân ăn ở theo đúng lẽ Trời. Đạo Đế đã suy thì Vương Đạo tiếp theo đặt thành khuôn phép, lấy nghĩa nhân mà nuôi dạy dân đen giữ còn hỗn nhiên, sống không xa phép đạo. Bậc Đế Vương thể đức Trời Đất bảo vệ như tâm, song đáng ấy chưa vẹn tròn, nên khiến dân không cảm trọn, mà lòng người háo dục khởi lên. Đến Bá đạo như đời nay, lại chẳng biết thương dân, lấy phép luật hình chính khép người vào cửa tội, mà dân tự loạn tự cuồng.”

7. Phạm Văn Sơn, Việt Sử Toàn Thư, tr.39: “Ngày nay vẫn còn con sông Âu Giang thuộc tỉnh Chiết Giang.”

phát triển rộng địa bàn lên rừng xuống biển thành nhiều bộ tộc nên sử sách Hoa gọi là Bách Việt. Cơ: theo giải thích của Đức Chí Tôn trong Đại Thừa Chơn Giáo, bài Cơ Ngẫu Luận, Cơ có nghĩa là Tiên Thiên.<sup>8</sup> Nhờ ý này, chúng ta mới hiểu vì sao truyền thuyết nói bà Âu Cơ thuộc về dòng giống Tiên.

Trong thời buổi hoang sơ ấy, các bộ tộc thường tranh chấp lẫn chiếm lẫn nhau. Khi tộc Hán xâm lấn xuống phía Nam Hoàng Hà, có người mưu trí nêu lên thuyết nguồn gốc giống nòi: dòng giống Lạc Long là sự kết hợp của Thiên và Địa (Thiên của Âu Cơ và Địa của Lạc Long), sanh đồng bào trăm trứng để các bộ tộc Việt đoàn kết tự vệ chống lại người phương Bắc.

#### 3.2. HÙNG VƯƠNG:

– Cuối đời Xuân thu, thế kỷ thứ IX TCN, có thể mầm mống của thời kỳ Hùng Vương được tượng hình. Khi đó một nhà quý tộc họ Mị (cùng họ với vua Sở) lập ra nước Việt. Các vua Sở lấy chữ Hùng làm hiệu nên có thể các vua Hùng cũng làm theo.

Cuối thế kỷ VI TCN, một vị vua của Việt Thường xưng là Hùng Vương thứ nhứt.<sup>9</sup> Người Việt khi đó ở mạn sông Dương Tử cho đến hồ Động Đình và dọc bờ Nam Hải. Họ sống chánh yếu bằng cách săn bắn, chài lưới ở sông hồ, biển cả nên thường bị loài thủy tộc làm hại. Vua Hùng dạy vẽ xăm trên mình để Giao Long tưởng là đồng loại mà không gây hại. Vì thế người Hán mới gọi người Việt là dân Văn Lang. Theo sự tiến hóa xã hội về tín ngưỡng, dần dần người Việt tin mình là đồng chủng với giống Giao Long, tín ngưỡng Tô-tem thờ vật tổ Con Rồng đã bắt nguồn từ đây.

Tục xăm mình ở người Việt còn kéo dài cho đến đời vua Trần Anh Tông mới bỏ<sup>10</sup>. Một hình ảnh khác có quan hệ đến dòng giống thủy tộc là việc ghe thuyền được vẽ đôi mắt ở đầu mũi. Cho

8. “Vậ Thái Cực là Cơ, âm dương là Ngẫu...”

9. Phạm Văn Sơn, Việt Sử Toàn Thư, 1983, tr.42.

10. Trần Trọng Kim, Việt Nam Sử Lược, footnote số 5.



đến nay, ở miền sông nước Cửu Long chúng ta vẫn còn bắt gặp hình ảnh ghe thuyền có vẽ như thế. Sách cổ ghi nhận, người Việt ở vùng sông núi, nguồn thức ăn chính là thủy và hải sản nên việc sử dụng thuyền thành thạo như chạy xe trên bộ, họ cũng thích ăn dưa, mắm.

– Người Nam Việt là sự thống nhất giữa 2 nhóm người Việt cổ có tín ngưỡng Tô-tem thờ Giao Long và tín ngưỡng thờ chim Lạc. Từ Lạc Long được sử dụng để định danh cho vị Quốc Tổ chung của những nhóm Nam Việt còn lại.

– Khi con của Thục Phán – An Dương Vương thay Hùng Vương thứ 18 là năm 258 TCN. Triều đại Hùng Vương kéo dài khoảng 300 năm. Trung bình mỗi đời vua Hùng dài khoảng 17 năm.

Đại Việt Sử Ký toàn thư ghi: “Từ Kinh Dương Vương đến hết (các) đời Hùng Vương, tất cả là 2622 năm. (2879–258 TCN)”

Như thế, cộng các con số lại: (2879+2013=4892) chúng ta thấy giữa hai cách nói “dân tộc Việt với bốn ngàn năm văn hiến” hay “dân tộc Việt với năm ngàn năm văn hiến” thì cách nói thứ hai chuẩn mực hơn. Điều này cũng phù hợp với lời kinh Cao Đài trong bài kinh cúng Chư Thần Việt Nam:<sup>11</sup>

“Trời Nam đất Việt cao dày,

Hồng Bàng mở nước đến nay năm ngàn...”

Người Việt tự hào mình là dân tộc có gần 5 ngàn năm văn hiến. Văn hiến bao gồm: văn hóa

11. Kinh Tam Nguyên Giác Thế, 1952, tr. 115.

và hiến pháp. Tức là xã hội pháp quyền<sup>12</sup>, tổ chức nhà nước dựa trên nền tảng đạo đức nhân bản, có nền văn hóa sâu dày và phong phú.

Nếu như người Giao Chỉ cắt tóc ngắn thì đến thời Lạc Việt, “phần đông hạng bình dân cắt tóc ngắn để tiện làm việc, chỉ có phụ nữ và các nhà quý phái nam mới để tóc dài làm trang điểm hay để phân biệt giai cấp.”<sup>13</sup> Trong Tân Luật Cao Đài, cũng khuyến khích người tu để búi tóc.

Trải qua các thăng trầm của lịch sử, nhiều lần chịu sự đô hộ của ngoại bang, nhưng truyền thống tâm linh về cội nguồn dân tộc vẫn luôn được nhân dân tôn sùng. Mỗi năm, cứ vào ngày 11 tháng 3, nhân dân nô nức về Lễ Giỗ. Đến năm Đinh Tỵ 1917, Lễ Giỗ Tổ Hùng Vương cấp nhà nước được nhà cầm quyền triều Nguyễn nâng thành Quốc lễ, chính thức thực hiện vào ngày mùng 10 tháng 3 âm lịch.<sup>14</sup>

## II. QUỐC TỐ VIỆT TRONG TAM KỲ PHỔ ĐỘ

### 1. TÍN NGƯỠNG PHỤNG THỜ TỔ TIÊN

#### 1.1. THỜ CÚNG TỔ TIÊN TRONG TÍN NGƯỠNG DÂN VIỆT

Điểm văn hóa đặc biệt của người Việt so với các dân tộc khác trên thế giới, cho dầu phải chung sống lẫn lộn cùng nhau trên một địa bàn, là nơi nào có người Việt thì tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên luôn được thể hiện qua bàn thờ ông bà dòng họ trong mỗi nhà. Trong một bài viết của phóng viên báo Tuổi Trẻ về cộng đồng người Việt tại một thôn trên đất Trung Hoa ngày nay, sau hơn 20 năm xảy ra chiến tranh biên giới Việt Trung năm 1979. Tác giả ghi nhận: chỉ có những nhà của người Hoa gốc Việt mới có thờ cúng ông bà.

Lời Thầy dạy từ khi mới lập Đạo đáng để lưu ý: “Chỉ có xứ Việt Nam còn duy trì được sự tôn sùng Tổ phụ theo tục lệ cổ truyền mặc dầu xứ ấy

12. Tương tự như từ “quyền pháp” trong giáo lý Cao Đài.

13. Phạm Văn Sơn, Việt Sử Toàn Thư, 1983, tr.37.

14. Theo tấu trình của Tuần phủ tỉnh Phú Thọ.



chỉ biết chịu ở dưới quyền lệ thuộc từ ngày được tạo lập tới giờ. Ý Thầy muốn nó được giữ nguyên thể như vậy mãi...”<sup>15</sup>

Đỉnh cao trên nền tảng của tín ngưỡng tôn sùng Tổ phụ của người Việt là tín ngưỡng thờ Quốc Tổ. Lễ giỗ trang trọng nhất trong năm của mọi con Rồng cháu Tiên là ngày giỗ Tổ Hùng Vương mừng 10 tháng 3 âm lịch.

Trên cả nước hiện nay đã có hơn ngàn cơ sở thờ phụng Quốc Tổ từ Bắc chí Nam. Năm 1993, tại San Jose California Hoa Kỳ, một ngôi đền thờ Quốc Tổ đã hoàn thành, mỗi sáng Chủ nhật đều có tổ chức nghi thức cúng Tổ. Cuối năm 2012 vừa qua, tín ngưỡng thờ Hùng Vương Quốc Tổ của Việt Nam đã được tổ chức UNESCO vinh danh công nhận là di sản thế giới.

## 1.2. THỜ CÚNG TỔ TIÊN VÀ QUỐC TỔ TRONG CAO ĐÀI GIÁO VIỆT NAM

Cao Đài, một tôn giáo được sinh ra trên mảnh đất phía Nam tổ quốc đã sẵn có mầm mống Tam Giáo Đồng Nguyên từ đời Thăng Long thành vừa được dựng lên, với chủ trương về Thế đạo lấy Nho Tông để chuyển thể cho nên từ hình thức cho đến nội dung đều thể hiện rõ việc tôn sùng nguồn cội của dân tộc. Đây là một khía cạnh của tính Nhân Bản trong Thế đạo của tư tưởng Cao Đài. Trong kinh cúng Cao Đài, chúng ta có bài kinh “Tế Lạc Long Tổ Miếu” được đọc mỗi năm vào dịp giỗ Tổ Hùng Vương. Là tôn giáo duy nhất ở nước chúng ta chánh thức có lễ kỷ niệm ngày trọng đại để mọi tín đồ nhớ về cội nguồn dân tộc của mình cùng với mọi thành phần dân tộc khác cùng chung sống trên địa bàn rộng thiêng này. Điều này phản ánh một phần nào khía cạnh của danh xưng Cao Đài quốc đạo.

*Hồng Bàng tạo cảnh san hà,  
Mấy ngàn năm lẻ châu sa giọt hồng.  
Tiên Vương tổ chức Lạc Long,  
Âu Cơ Thánh Mẫu tỏ lòng thảo ngay.*

15. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 1, đàn Vendredi 01-10-1926.

*Nay nhờ Thượng Phụ Cao Đài,  
Tam Kỳ võ lộ phục lai Việt hà...*<sup>16</sup>

Tại Tây Ninh, trong vùng Thánh địa Tòa Thánh có dựng lên miếu từ Quốc Tổ. Mỗi năm, đến ngày giỗ Quốc Tổ, hàng ngàn tín hữu Cao Đài cùng dân chúng địa phương thuộc các thành phần tôn giáo anh em cũng đồng đến lễ bái để hồi tưởng lại công lao của tiền nhân.

Tại thành phố Hồ Chí Minh, những năm trước anh chị em thanh thiếu niên trong gia đình Hưng Đạo ở Thánh thất Từ Vân thường tổ chức Lễ hội Giỗ Tổ Hùng Vương và mời một số Thánh sở có hoạt động thanh thiếu niên tham dự.

## 2. MẸ VÀ CHA – QUỐC TỔ GIÁNG CƠ:

Khi Cao Đài giáo hiện diện nơi đất Việt, qua phương tiện thông công của Tiên gia là cơ bút, nhiều Đấng anh hùng liệt nữ đã được Ôn trên cho phép giáng cơ để hướng dẫn dân tộc và tín hữu Cao Đài về nếp sống đạo đức.

### 2.1. ĐẠI NAM THÁNH MẪU ÂU CƠ

Tờ Cao Đài Giáo Lý số X năm thứ nhì, Février – Mars 1948, nơi trang 29 và 30, khi đăng bài Thánh giáo của Đức Đại Nam Thánh Mẫu giáng cơ vào năm 1934, ban biên tập có ghi chú:

*“Đức Lê Sơn Thánh Mẫu có chỉ rõ Đại Nam Thánh Mẫu là Âu Cơ đời Lạc Long Quân. Bà Âu Cơ khi xưa giáng sanh khai lập nước Nam chịu nhiều cay đắng rồi tu hành trở về cảnh cũ. Sau này được Thiên đình phong chức Đại Nam Thánh Mẫu. Từ đó đến nay, trên bốn ngàn năm lịch sử.”*

NGUYỆT MINH ĐÀI, 12-3 năm Giáp Tuất (1934).  
*Mẹ mừng các con!*

THI

*ĐẠI đồng khêu đuốc “Nữ Chung Hòa”,  
NAM Việt chói ngời chín phẩm hoa,  
THÁNH luật, Mẹ ban đời thói thanh,  
MẪU từ khuyên dựng nước âu ca.  
ĐẠY đời tỉnh mộng theo đường chánh,  
ĐẠO thức người mê lánh nẻo tà,  
NỮ liệt rõ ràng nên Tứ đức,*

16. Kinh Tam Nguyên Giác Thế, 1952, tr.115.

PHAI ân quy hiệp các con nhà.  
 Thập thủ liên hoàn  
 Bốn ngàn năm lễ thọ ân Thiên,  
 Quyết dạy các con thỏa chí nguyện.  
 Gái liệt chuyên cần trau bốn cột,  
 Nữ tài sửa lập nét ba giềng.  
 Muôn năm tiếng Mẹ ngôi Tiên tạc,  
 Ngàn thuở danh con sử Thánh biên.  
 Một hội phụng lân con Mẹ hiệp,  
 Vui nhàn cảnh báu tại cung Tiên!  
 Cung Tiên là cảnh hưởng muôn xuân,  
 Đạo lý khuyên con gắng chí cần.  
 Mấy thuở gọi nhuần nên hạnh phúc,  
 Bao phen đặn hưởng ngọn huyền ân.  
 Con hiền trở đức ra tài phụng,  
 Gái hiếu lập đời rạng vẻ lân.  
 Non Thánh có ngày chơn bước tới,  
 Rạng danh Nam Việt Nữ oai thần!  
 Oai Thần gắng sức tỉnh mê đời,  
 Mau kíp trở về chốn thành thời.  
 Sớm tối kệ kinh vui lạc cảnh,  
 Trưa chiều thi vịnh hưởng nhàn ngôi.  
 Ngày Tiên tháng Phật hoa đua nở,  
 Đức Thánh, tài Thần bủa khắp nơi.  
 Mấy cảnh thanh tao tòa hực hõ,  
 Đó là thoát đặng kiếp luân hồi (...)

Sau này, chúng ta cũng tìm thấy một số bản Thánh giáo của Đức Đại Nam Thánh Mẫu ban cho khi giảng cơ ở Thánh tịnh Ngọc Linh – Nhơn Trạch Đồng Nai, thuộc chi Tiên Thiên hay một Thánh tịnh thuộc chi Chiếu Minh Long Châu.

Đạo Trường Chơn Tâm, nguyên Bảo Pháp Chơn Quân của Cơ Quan, Thánh danh này do Đức Âu Cơ ban cho nhưng chúng ta chưa tìm ra được bản gốc của Thánh giáo này. Điều này cho thấy vẫn còn có những Thánh giáo khác của Đức Bà ở đâu đó.

## 2.2. HỒNG LẠC LONG QUÂN – KHAI QUỐC TIÊN VƯƠNG

Hết sức tình cờ, cách đây khoảng 10 năm, khi tìm đọc chủ đề Trung Nguơn xá tội, lần đầu tiên người viết tìm thấy một đoạn Thánh giáo của

Đức Quốc Tổ Lạc Long Quân được Đức Lý Giáo Tông cho phép giảng đàn vào ngày Rằm tháng 7 Ất Tỵ 1965 tại Huồn Cung đàn. Cuối năm 2011, khi tìm được thêm một số Thánh giáo dạy Đạo của Cơ Quan Cao Đài Phục Nhứt, thì cũng tìm thấy 2 bài Thánh giáo của Đức Lạc Long Quân. Theo nội dung trình bày của Đức Ngài thì đây là lần đầu tiên Ngài được phép giảng cơ trong Cao Đài giáo vào thời Tam Kỳ chuyển vận.

NGỌC CHÂM ĐÀN, Gò Vấp, 07-8 Quý Tỵ (1953)<sup>17</sup>

THI

HỒNG khai đất nước đạo nhà Nam,  
 LẠC hóa nhơn sanh nhất Lão Đam,  
 LONG tạo chuyển xây điển hải tham,  
 QUÂN tu lập đức hội Nguơn Tam.

Lão HỒNG LẠC LONG QUÂN, chào chư quý vị Thiên sắc đàn trung nam nữ. Lão rất vui thay Tam Kỳ chuyển vận, khai Đạo Kỳ Ba để độ tận nguyên căn trở về Thiên xứ. Lão Hồng Lạc Long Quân trong hai tám năm qua, vừa mới được hạ truyền để chuyện vãn cùng quý vị Thiên sắc. Vậy chư quý vị bình tâm lắng nghe.

BÀI

Từ mở nước lưu truyền đất Việt,  
 Mười chín đời để tiết sử ghi,  
 Hôm nay hạnh ngộ Tam Kỳ,  
 Khuông phò hộ Đạo hội thi nhơn tài.  
 Tam thập lục Cao Đài chúa tế,  
 Thất thập nhị địa thế hành vi,  
 Phong hòa hàng thảo tu vi,  
 Chuyển vòng chẳng dứt đến kỳ Hạ Nguơn.  
 Máy chuyển vận tuần hườn dĩ đảo,  
 Mở chơn cơ dạy Đạo cho trần,  
 Sớm chiều tỉnh thức tu thân,  
 Trở về cảnh lạc hưởng phần thiêng liêng.  
 Gương quốc túy khiên xiêng chạnh tui,  
 Nhìn giang sơn gió bụi truy phong,  
 Biết đâu là giống là dòng,  
 Là con Hồng Lạc hồng mông nước nhà.(...)  
 Nhờ ngọn đuốc Cao Đài dẫn lối,  
 Khuyên khách trần tìm mỗi lần đi,

17. Thánh Giáo Dạy Đạo số 22, tr.01-06.

Dầu cho danh lợi khinh phì,  
Mộng trần đã tỉnh còn chi mộng trần.  
Nay cuối tận tao tâm trần ngập,  
Cả nhân loài tranh chấp quyền danh,  
Làm cho xương máu tan tành,  
Nước non thâm lệ, yến oanh ai sầu.  
Ai sớm tỉnh hồi đầu nhớ lại,  
Dòng giống xưa tua phải kiên gan,  
Sẵn đường đạo đức dẫn đàng,  
Chung nhau vác gánh hành trang lên đường.

(...) Giờ nay Lão Hồng Lạc Long Quân thừa sắc để chuyện văn cùng điểm truyền chư hiền hầu linh, sau rồi nếu như hiền nhiệt tâm lo Đạo cải chế để cứu văn nhưn loại sự ích lợi chung cùng trau tâm sửa tánh, rồi đây đàn sau sẽ dạy điểm truyền giáo lý của bước hành trình về phái nữ lưu hay là nam trang hướng đạo... Thôi Lão để lời, Lão xin từ già chung. Thăng.”

Một tuần sau, vào ngày Rằm tháng 8 Quý Ty<sup>18</sup>, cũng tại Ngọc Chấm đàn:

TIẾP LỊNH

Ngã lâm lai đàn báo hiệu, chúc tụng công đức thiện nam tín nữ tám chữ “Việt Bang toàn lập, Đạo lý trường tồn.” (...)

THI

Tử ẩn mộc trung tế Việt Bang,  
Luật công giao hảo tế dân an,  
Ôn kim thị tất thân tư lập,  
Phước cả bước thăng thân nhập đàn.  
(Chiết tự LÝ CÔNG UẤN Thần)

Lão chào chư Nữ kiệt Nam tài trung tất thành nhứt đức, lập chuyển quốc ân gian gia khánh Đạo Pháp nguyên chơn. Vậy mau tiếp lĩnh, Lão xin kiếu...

TIẾP LỊNH

THI

Các dân dụng thủy đồ lòng no,  
Lung xuất nhĩ ly đã hẹn hò,  
Doãn khẩu tương giao Nam Bắc hiệp,  
Nhị nhưn mộc ẩn đứng càng lo.  
(Chiết tự LẠC LONG QUÂN Lai)

Lão Khai Quốc tiên vương chào chư hiền cùng các đồng môn, (...)

Giờ đây, Lão Khai Quốc Tiên Vương thừa sắc hỷ lạc cả chư hiền phận sự đồng môn, cùng các Thiên mạng lưỡng phái.(...)

Này chư Thiên mạng ôi! Trên lập trường Đại Đạo, Đạo khai ra để cứu đời trong khi điên bái hay để dẫn dắt mở lối đem đường cho cả toàn sanh những sự yêu đương thống nhứt, chớ chẳng phải Đạo khai ra để cho cả toàn sanh phải bái quỳ trong khuôn khổ của Đạo. Nền hiểu, phải tùy theo thế lực theo thời mà xúc tiến phần ảo vọng của cả bao nhiêu nhân sanh mơ tưởng. Cũng như chư hiền đã nhằm cơn bụng đói mà Lão Khai quốc Tiên Vương lại đem cho chư hiền một sự uống nước đỡ khát thì có ích gì đâu, hay hiền lại khát nước mà Lão lại đem cơm cho hiền ăn thì có bổ vào đâu!

Phải tùy theo phương hướng độ dẫn cả nhưn sanh trong thời kỳ mạt kiếp nghe.

Thương thay thế sự thâm sâu,

Lão nhìn chậm tủi thâm bầu lụy tràn.

Lời vàng Lão để đường than,

Chung nhau suy nghiệm tâm đàng lối đi.

Khá lo tiếp diễn y kỳ,

Đại Tiên ngự bút chấm thi công trình.

Giã từ phận sự khắc minh,

Lão hồi sơn động Huỳnh Đình tụng tu.

### 3. QUYỀN PHÁP BAN TRAO NAM BANG ĐẤT VIỆT

#### 3.1. TRUYỀN THỐNG

Người Việt Nam ngày nay là sự pha trộn nhiều dòng máu của tiến trình lịch sử di dân từ phương Bắc xuống phương Nam. Khởi đầu giữa các tộc người, vào thời thượng cổ, cùng sống trên lục địa Trung Hoa như Việt, Miêu, Mán, Sở, Ngô, Tần... Khi đã định cư ở đất Giao Châu, vào thời trung cổ, sau hàng ngàn năm Bắc thuộc nên người Việt đã có sự kết phối với Hán tộc cũng như tiếp thu văn hóa Hán. Đồng thời cũng có sự phối hợp thêm với các tộc thuộc giống người Indonésien có nguồn gốc biển đảo ở phía Nam châu Á, cùng

18. Thánh Giáo Dạy Đạo số 23, tr.81-88.

sự phối giống với những tộc người Arian ở Tây Á (Ấn, Miên...).

Việc pha trộn nhiều dòng máu đã cải thiện khá nhiều về đặc tính sinh học của người Việt nhưng đặc tính văn hóa cốt lõi lại hầu như không thay đổi. Đó là tiếng nói và một số đặc điểm văn hóa tinh thần thể hiện Ngũ đức như:

- Đức Nhân: thờ cúng Tổ tiên, giỗ kỵ, giỗ Quốc Tổ.
- Đức Nghĩa: phong tục dùng trâu cau làm lễ vật trong giao tiếp, cưới hỏi.
- Đức Lễ: khoanh tay đứng hầu.
- Đức Trí: thông minh, lanh lợi.
- Đức Tín: tin vào sự trường tồn của nòi giống, yêu độc lập tự do.

Người dân Việt có một số mặt tốt: bình thường thì hiếu hòa; hiếu học; có hơi nhút nhát cá nhân nhưng một khi phải tranh đấu sống còn thì lại kỷ luật, dũng cảm; ưa chuộng tín ngưỡng. Điểm hạn chế của người Việt là háo danh, sĩ diện, mê tín...

### 3.2. ĐỊA LỢI:

Qua quá trình gần 5 ngàn năm lịch sử, sau những biến thiên của thời thế, hậu duệ của giống Bách Việt là dân Nam Việt, Lạc Việt rồi Âu Lạc sau các đời Hùng Vương đã định cư ở mảnh đất Giao Châu. Rồi người Việt Nam dần dần lan xuống Trung bộ và Nam bộ để tạo nên một lãnh thổ hình chữ S bên bờ biển Đông Nam Á với đồ hình Thái Cực – tứ tượng: một bên là đất liền với biển Hồ và một bên là biển nước với đảo Hải Nam.



Hình chữ S như dáng con rồng đang vươn cao lên, ngự trên chiếc bệ phía dưới với 9 dòng Cửu Long hòa mình vào biển Thái Bình. Hình tượng này phải chăng hàm ý: với địa lý mang dải Trường Sơn làm trụ cột chứa đựng tài nguyên khoáng sản phong phú cùng với vùng châu thổ Nam bộ một vựa lương thực dồi dào và một biển cả mênh mông chứa đựng đầy ắp thực phẩm cùng với nguồn tài nguyên và nhiên liệu súc tích. Người Việt ngày nay với ngôi Cửu Ngũ là truyền thống văn minh đạo đức sẽ dẫn dắt dân tộc này và nhân loại cùng chung sống, tắm mát trong bể thái bình. Điều này phải chăng tương ứng với lời Thánh giáo:

*Một nước nhỏ nhoi trong vạn quốc,  
Ngày sau làm chủ mới lạ kỳ.*

*Nhứt định ngày ấy sẽ đến và phải đến. Đến với dân tộc Việt Nam trên phương diện đạo lý và đạo đức. Bởi vậy, ngay từ bây giờ những ai nặng vì ơn nước nghĩa dân thì lo phần đó, còn ai nặng lòng vì Đạo hãy chuẩn bị ngay đường lối chủ trương mạch lạc để ngày ấy xưng mình chánh pháp, khỏi phải lọng cọng ngỡ ngàng khi thời cơ đã đến, mà sự chuẩn bị ấy không thể không có.<sup>19</sup>*

### 3.3. THIÊN THỜI

Đức Lý Giáo Tông Vô Vi có dạy:

*“Đại Từ Phụ dựng Cao Đài nơi vùng Đông Nam Á này để làm Quyền Pháp. Chính sứ mạng quyền pháp này thúc đẩy mọi sở vật thực tại Tôn Giáo kết thành thực thể Đạo Cứu Thế trong Tam Kỳ Phổ Độ...Không phải Thượng Đế cấy lúa trên tảng đá hay trao quyền binh thư cho người mù chữ. Ngoài ân ban, Đức Thượng Đế còn nhận thấy dân tộc này có thể thực hành sứ mạng “Hào Nam Bang, Hào Nam Bang, Tiểu quốc tảo khai hội Niết Bàn”.*

*Từ ngàn xưa, trên lịch sử đã từng được nghe và thấy rõ. Việt Nam, một dân tộc mà tất cả thế giới đều nhìn vào, không phải nhìn vào vì nó có sự đe dọa tàn phá cả thế giới, mà nhìn vào vì*

19. Đức Cao Triều Phát, Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 29-12 Bính Ngọ (08-02-1967).

*chính nó là một động năng cứu rỗi xây dựng mới trên toàn thể nhân sinh.*<sup>20</sup>

Với tinh thần cộng đồng các dân tộc trong cùng một lãnh thổ, cùng có xuất phát từ một “đồng bào” hay huynh đệ Đại đồng Dân tộc và từ bản sắc tín ngưỡng Tam giáo Đồng Nguyên, dân tộc Việt đã được ban trao sứ mạng trong Tam Kỳ Phổ Độ. Cao Đài Giáo đã xuất hiện ở miền Nam đất Việt để lập trụ tướng hầu tiếp nối, nâng cao tinh thần Nhân bản đại đồng Dân tộc lên mức Nhân bản đại đồng Nhân loại, chỉ cho mọi dân tộc nhìn thấy bản thể nguồn gốc của dân tộc mình, tất cả đều xuất phát từ Đấng Tạo Hóa Cha chung của muôn loài. Đây là sứ mạng quyền pháp của dân tộc được chọn; sứ mạng gieo rải tình thương và sự sống của Tạo Hóa; trước những thảm cảnh bể khổ thành sầu của nhân loại trong thời Hạ nguơn Mạt kiếp.

### III. KẾT LUẬN

1. Từ lưu vực phía Nam sông Dương Tử, nơi Hồ Động Đình đến chân núi Nghĩa Lĩnh là địa bàn khởi nguyên của dân Giao Chỉ vào thời kỳ đồ đá cũ. Theo dòng thời gian, Tổ tiên ông cha chúng ta, con dân đất nước Việt Thường, đã nương theo dòng biến thiên của thế sự mà xuôi dẫn về phương Nam của lục địa Trung Hoa. Trải qua gần ba ngàn năm phải dịch chuyển liên tục, tiếp theo qua 2 thời kỳ đồ đá mới và thời kỳ đồ đồng, dòng giống Lạc Long là biểu tượng kết hợp của 2 hình thức tín ngưỡng Tô-tem của 2 nhánh bộ tộc lớn nhất trong Lạc Việt thuộc một tộc người khác hẳn Hán tộc.

Dân Âu Lạc (kết hợp giữa Lạc Việt và Âu Việt) là những hậu duệ Nam Việt cuối cùng của giống nòi Bách Việt mới có thể định cư được nơi vùng đất Phong Châu thuộc châu thổ Nhị Hà của đất nước nhà Nam.

2. Người Việt cổ vào thời Xuân Thu Chiến Quốc của Trung Hoa, về mặt tri thức đã có

những bậc hiền tài thông thái nắm vững lý thuyết âm dương của Dịch Lý; trên thông thiên văn, dưới uyên bác địa lý; lại có lòng tha thiết với dân với nước trong bối cảnh anh em đồng chủng bị người Hán xem nhẹ gọi dân Nam là Man Di mọi rợ với tục xâm mình của giống người phải mưu sinh, sống nơi vùng đầm lầy sông nước. Trước cuộc đấu tranh cho sự tồn vong của chủng tộc Văn Lang trong bối cảnh là thuộc địa phải chịu đựng sức ép đồng hóa lớn lao của văn hóa Hán qua chủ trương chính sách của nhà cầm quyền phong kiến Trung Hoa nên những bậc hiền giả đã sáng tạo nên Huyền Sử dân tộc với những mỹ từ thâm sâu đạo lý để định danh cho Quốc Tổ của dân Nam Việt như: Thời Hồng Bàng là buổi hồng hoang của tộc Việt với bậc Đế lãnh đạo. Sau đó là thời của Vương Đạo khởi đầu với Kinh Dương Vương truyền ngôi cho Lạc Long Quân phối kết cùng Âu Cơ để phản ảnh lý âm dương nói lên giống dòng cao quý của dân Nam hầu khơi gợi lòng tự hào dân tộc. Bởi có “Chính danh mới định phận”.

Huyền sử “đồng bào” với bọc trăm trứng, 50 con theo mẹ lên núi, 50 con theo cha xuống biển, đã khêu gợi lòng tự hào của dòng giống Tiên Rồng với con số 5 giữ vị trí trung ương, hết lòng giữ đức “Tín”, mãi mãi gieo lòng tin vào giữa các dân tộc cùng chung sống bên nhau trên một địa bàn lãnh thổ, Kinh Thượng một nhà đoàn kết chiến đấu chống giặc ngoại xâm, bảo vệ độc lập tự do gìn giữ truyền thống bản sắc văn hóa của dân tộc và chung lưng đấu cật trong xây dựng hòa bình hạnh phúc ấm no, văn minh tiến bộ.

Bánh dày, bánh chưng hình ảnh tượng trưng cho lý thuyết âm dương cổ xưa. Những hình chạm trổ trên trống đồng Ngọc Lũ – Đông Sơn là những hình tượng chứng minh: tư tưởng Dịch Lý âm dương cùng tín ngưỡng thờ Vật tổ của Tổ tiên người Việt.

Gần năm ngàn năm dựng nước và giữ nước, non sông đất Việt đã định dạng nên hình chữ

20. Nam Thành Thánh Thất, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

S mang dáng Thái Cực đồ bên bờ Thái Bình Dương. Thiên ý đã chuyển, cơ Trời đã định. Để rồi vào đầu thế kỷ 20, Cao Đài Giáo được lập thành nơi mảnh đất trời Nam nước Việt.

3. Các Đấng tiền vương của dân Việt cũng lãnh mệnh Trời giáng cơ khuyên nhủ con dân luôn giữ gìn truyền thống đạo đức và bản sắc văn hóa nhà Nam đồng thời cố gắng tiến lên đón nhận sứ mạng quyền pháp kỳ ba của dân tộc được chọn:

*Hôm nay hạnh ngộ Tam Kỳ,  
Khuông phò hộ Đạo hội thi nhưn tài.(...)  
Ai sớm tỉnh hồi đầu nhớ lại,  
Dòng giống xưa tua phải kiên gan,  
Sẵn đường đạo đức dẫn đàng,  
Chung nhau vác gánh hành trang lên đường.*

Người Việt Nam chúng ta là giống dòng Hồng Lạc. Một nghĩa khác của từ Hồng Lạc hiểu theo Đạo học là sự vui thú an nhiên to lớn. Nhưng không phải chỉ đi tìm “hồng lạc” riêng cho dân tộc mình mà phải là gieo rắc sự an nhiên vui thú cho toàn thể anh chị em nơi ngôi nhà chung địa cầu 68 này!

Thiên thời, địa lợi đã có, chỉ còn yếu tố nhân hòa mà thôi. Nhân hòa không chỉ riêng cho dân tộc mình mà là cho cả vạn linh sanh chúng, không biên giới của màu da sắc tóc, vượt không gian biên cương lãnh thổ quốc gia và khác biệt màu sắc tín ngưỡng. Một tinh thần Đại Đồng Nhân Bản cao vòi vọi.

Kỷ niệm Giỗ Tổ Hùng Vương, tín hữu Cao Đài chúng ta phát huy tinh thần Nhân Bản Dân Tộc phát triển theo chiều hướng tinh thần Nhân Bản Đại Đạo:

*Tinh dân tộc đổi tình nhân loại,  
Nghĩa nước non ra nghĩa Đại Đồng.<sup>21</sup>*

để cùng nhau phát huy tinh thần Nhân Bản của Đại Đạo cho toàn thể dân tộc Việt và cho tất cả các dân tộc trên toàn thế giới hầu xây dựng Đại đồng huynh đệ toàn nhân loại để “thực thể Đạo Cứu Thế” mau chóng trở thành hiện thực.■

21. Đức Lê Đại Tiên.

## CŨNG LÀ MỘT LỐI TU HÀNH

(TIẾP THEO TRANG 77)

Học anh chị, hiệp hữu bằng,  
Nghĩ suy chia sẻ với đàn em sau.

Một niên trình hành đạo mới lại đến. Một kế hoạch cần thiết được lập thành để có thể cụ thể hóa bằng các việc làm và kết quả. Dù nhỏ, dù không ai quan tâm, dù có thể không đủ tầm, dù có thể có sơ suất... Nó phải được chứng minh rằng có một lối tu hành như thế đó của một học trò chậm chạp ở phía sau.■

## (...) GIỚI LUẬT TỊNH TRƯỜNG

(TIẾP THEO TRANG 44)

*Thân tâm phủ muôn trùng cát bụi,  
Tham sân si đường núi Tu Di,  
Trau thân cây có giới quy,  
Luyện tâm suốt tánh nhờ y pháp quyền.*

Vé 7 +8 + 9 Đức Trần Hưng Đạo dạy 10 điều cấm cho hành giả nghiêm trì để việc tu tịnh có kết quả.

Học lời Đức Trần Hưng Đạo dạy, chúng ta tâm niệm:

Đạo hạnh và lập trường chơn tu là nền móng của tu giải thoát.

Chánh tâm diệt dục là phương châm luyện kỹ tu công của hành giả.

Môi trường, hoàn cảnh, đồng đạo ở tịnh đường giúp cho hành giả dễ tịnh định hơn tại gia.

Tuân giữ giới quy tịnh trường là dây an toàn giúp hành giả bước lên tàu vũ trụ.

Mười điều cấm giới là chỉ dẫn thực hành chi tiết để hành giả tu tịnh kết quả.

Xin cầu và nguyện được như thế!■

# TỪ TÍN NGƯỠNG & TÔN GIÁO ĐẾN VĂN HÓA

■ THIÊN CHÍ • BÀI NÓI CHUYỆN TẠI HỘI TRƯỜNG CQPTGL, 15—02 QUÝ TỶ (26—3—2013).

Tín ngưỡng và tôn giáo là những đề tài phong phú xưa nay đã thu hút rất nhiều học giả, nhiều nhà nghiên cứu, triết gia tham khảo, bàn luận trên nhiều khía cạnh, khen có, chê có, bài bác có, tán đồng có.

Nhưng các khảo cứu đều nhìn nhận từ khi có loài người, tín ngưỡng đã xuất hiện. Rồi từ tín ngưỡng thành lập tôn giáo. Và trải qua chiều dài lịch sử tiến hóa của nhân loại, qua bao nhiêu cuộc thương hải tang điền, qua các triều đại hưng thịnh suy vong, tín ngưỡng và tôn giáo vẫn tồn tại trong xã hội đến ngày nay.

Lão Tử Đạo Đức Kinh, Chương 62 lại viết:

1. *Đạo giả, vạn vật chi áo, thiện nhân chi bửu, bất thiện nhân chi sở bảo.*

2. *Mỹ ngôn khả dĩ thị tôn. Mỹ hạnh khả dĩ gia nhân. Nhân chi bất thiện hà khí chi hữu.*

Dịch xuôi: (theo Nhân tử Nguyễn Văn Thọ)

Đạo là bí quyết muôn loài, là châu báu của người lành, là chỗ dựa nương của người bất lương (chưa lành–người viết). (Nhờ Đạo) mà có những lời hay việc đẹp (Nhờ Đạo mà những lời hay được tăng giá trị, được trọng vọng; mà những việc đẹp tăng phẩm cách con người). (Nhờ Đạo) mà những kẻ bất lương (chưa thiện–người viết) không bị ruồng rẫy.

Vậy quy chiếu chữ “Đạo” ở chương này của Đạo Đức Kinh vào Tín ngưỡng và Tôn giáo thì yếu tố nào làm cho tín ngưỡng và tôn giáo có được giá trị của “lời hay [mỹ ngôn], việc đẹp [mỹ hạnh] làm tăng phẩm cách con người”? Phải chăng những giá trị đó chính là VĂN HÓA?

Trước khi trả lời câu hỏi, chúng ta hãy tìm hiểu tín ngưỡng, tôn giáo là gì.

## TÍN NGƯỠNG LÀ GÌ?

“Tín ngưỡng là hệ thống các niềm tin mà con người tin vào để giải thích thế giới và để mang lại sự bình an cho cá nhân và cộng đồng. Tín ngưỡng đôi khi được hiểu là tôn giáo. Điểm khác biệt giữa tín ngưỡng và tôn giáo ở chỗ, tín ngưỡng mang tính dân tộc, dân gian nhiều hơn tôn giáo; tín ngưỡng có tổ chức không chặt chẽ như tôn giáo. Khi nói đến tín ngưỡng người ta thường nói đến tín ngưỡng của một dân tộc hay một số dân tộc có một số đặc điểm chung còn tôn giáo thì thường là không mang tính dân gian. Tín ngưỡng không có một hệ thống điều hành và tổ chức như tôn giáo, nếu có thì hệ thống đó cũng lẻ tẻ và rời rạc. Tín ngưỡng nếu phát triển đến một mức độ nào đó thì có thể thành tôn giáo.” (Wikipedia)

Đó là định nghĩa theo Bách Khoa Tự Điển Wikipedia nổi tiếng, nhưng chính hai chữ “niềm tin” mới là vấn đề tốn nhiều giấy mực. Bởi vì niềm tin là một tâm lý trừu tượng, và người ta chỉ có thể đánh giá nó qua các biểu hiện vật thể hay phi vật thể. Nghĩa là từ những biểu hiện ấy, người ta xem xét nó có công dụng gì trong đời sống vật chất, đời sống tinh thần, đời sống xã hội của con người. Những công dụng đó là thực tiễn thì “niềm tin” là chánh tín; ảo tưởng là mê tín. Đến phiên thực tiễn hay không thực tiễn, ở đây không thể đánh giá bằng lợi nhuận, bằng công danh, sự nghiệp, mà nó có thể hướng con người vào một nếp sống tốt đẹp, một xã hội có văn hóa.

Một sự kiện văn hóa tín ngưỡng quan trọng mới đây khiến mọi người có thể khẳng định khái niệm ấy. Đó là quyết định của UNESCO công nhận “Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương” của

Việt Nam là di sản văn hóa phi vật thể của thế giới. Một nhà nghiên cứu viết:

“Như chúng ta đã thấy, trải suốt chiều dài lịch sử, biểu tượng Vua Hùng được thừa nhận trên cả nước Việt Nam như một biểu tượng cội nguồn chung cho cả dân tộc vượt qua mọi rào cản của các triều đại phong kiến, sự khác biệt tôn giáo và các chế độ xã hội.”

“Trong mỗi gia đình Việt Nam, việc thờ cúng tổ tiên là một tín ngưỡng vô cùng quen thuộc và bình dị. Vì vậy khi xây dựng lên hình tượng Vua Hùng đã tạo nên một tín ngưỡng Hùng Vương với tư cách là biểu tượng cội nguồn của quốc gia, dân tộc.”

[...] “Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương” với đầy đủ ý nghĩa như vậy nên khi được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể có tính tiêu biểu của nhân loại. Chúng ta nên hiểu cho đúng giá trị của nó mà từ đó có những kế hoạch để bảo tồn và phát huy...” (Hoàng Nguyên, Vietnamnet)



LỄ RƯỚC TỔ TRONG NGÀY GIỖ TỔ HÙNG VƯƠNG (PHÚ THỌ).

## TÔN GIÁO LÀ GÌ?

Tác giả Phạm Thiên Thơ viết:

“Tôn giáo giữ vai trò tiên phong trong việc khai sáng nền văn minh nhân loại, điều này đối với các nhà chân tu mang lý tưởng cứu đời, ai cũng đều nghĩ như vậy; nhưng việc khai sáng đó có đúng với khả năng và tầm vóc hiện có của tôn giáo hay không đó chính là những khó khăn mà tôn giáo cần phải vượt lên: khai triển giáo lý thật sâu rộng, thích ứng phù hợp được với toàn diện đời sống, nơi gặp nhau của mọi nền tôn giáo, mọi trào lưu tư tưởng tinh hoa của nền

văn minh nhân loại còn đang tồn tại trong dung hợp khai phóng.<sup>1</sup>

Giáo sư Trần Văn Toàn<sup>2</sup> viết trong đề tài “Tôn giáo và văn hóa” (trên trang web [conggiaovietnam.net](http://conggiaovietnam.net)) như sau:

“Tôn giáo không phải là một sự kiện tự nhiên, một đặc tính sinh lý, hay là một nhu cầu sinh lý (tâm lý?– người viết) của cá nhân. Thực tại tôn giáo không phải là một số đồ vật có chiều dài vắn, có bề nặng nhẹ, mà khoa học tự nhiên có thể đo lường. Đó là một sự kiện văn hóa, và có lẽ là một sự kiện văn hóa phổ biến và lâu dài bền bỉ nhất trong lịch sử nhân loại.”

Trong Thánh giáo đạo Cao Đài, Đức Vạn Hạnh Thiển Sư dạy về tôn giáo như sau:

*“Than ôi! Tôn giáo là gì? Phải chăng Tôn giáo là phương hướng giáo thuyết để dạy đời nhìn thấy những gì thiêng liêng cao cả. Chẳng những chỉ ở phần tâm linh tối thượng mà tôn giáo còn dạy người đời xem nhau như tình ruột thịt huynh đệ đại đồng. Tuy khác ở màu da sắc tóc, nhưng cũng đồng thọ bầm đức háo sanh dưỡng dục an bài của luật đường nhiên tạo hóa.*

*Tôn giáo dạy người phải lấy tình thương yêu hòa ái từ xã hội rất nhỏ như gia đình, phu thê, phụ tử, đệ huynh, bằng hữu, đến một xã hội bậc trung là đoàn thể quốc gia dân tộc và chí đến nữa là đại xã hội nhân loại đại đồng. Xã hội nhỏ có thương yêu hòa ái thì gia đình được hạnh phúc, phụ tử tử hiếu, huynh hữu đệ cung.*

*Một xã hội bậc trung có thương yêu hòa ái thì đoàn thể được phát triển nảy nở mau lẹ trong sự diu dắt giáo dục bảo vệ cho nhau. Một quốc gia, toàn thể dân trong nước đó, từ vua quan cho đến lê thứ dân dã cùng đình mà biết thương yêu hòa*

1. [http://www.danchimviet.info/archives/28751/t h % E 1 % BB % B 1 c - t % E 1 % BA % A 1 i - v a n - h o a - v % E 1 % BB % 9 Bi - ton - giao / 2011 / 02](http://www.danchimviet.info/archives/28751/t%E1%BB%BC-t%E1%BA%A1i-van-hoa-v%E1%BB%9Bi-ton-giao/2011/02)

2. TS Trần Văn Toàn: Nguyên giáo sư triết học ĐH Huế, Sài Gòn, và Đà Lạt (1960–1965), ĐH Lovanium (Kinshasa, Congo, 1965–1973), và ĐH Công Giáo Lille, Pháp (1963–1996). Tác giả nhiều biên khảo về triết học và tôn giáo bằng Việt và Pháp ngữ.



ái thì quốc gia đó được thịnh trị, dân đó được phú túc sung mãn hùng cường.

*Nếu một xã hội nhân loại đại đồng biết thương yêu hòa ái nhau thì đại xã hội đó là một Thiên đàng cực lạc tại thế gian.”<sup>3</sup>*

Như thế thì tôn giáo có công dụng rất tốt đẹp, ngoài phương diện tâm linh hướng thượng còn tích cực góp phần hoàn thiện xã hội từ gia đình, dân tộc đến nhân loại. Do đó tôn giáo không phải là những gì huyền ảo, là mơ hồ, vì các tôn giáo chân chính đều nêu lên giáo thuyết về mối quan hệ đạo đức giữa người và người.

Sách Trung Dung viết: “Nhân giả, nhân dã”. Chữ nhân đầu gồm chữ nhị và chữ nhân 仁; chữ nhân sau là một chữ nhân 人. Giáo sư Trần Văn Toàn giải thích: “có lòng “nhân” (chữ nhị và chữ nhân), có được ở với người khác và có ở được với người khác, thì mình mới nên “người”. Và “Đức Khổng Tử còn nói đến tam cương hay ngũ luân, là những liên hệ của ta với người khác, đã được lập thành định chế, để bình thường hóa nếp sống. Có như thế ta mới ở được với người khác.”

Trong nhà thờ Thiên Chúa giáo, khi vị chủ tế chúc: “Bình an của Chúa hằng ở cùng anh chị em”, cộng đoàn thưa: “Và ở cùng Cha (linh mục–người viết)”. Và vị chủ tế nói thêm: “Anh chị em hãy chúc bình an cho nhau.”

Một linh mục viết trên trang Web Tổng Giáo Phận thành phố Hồ Chí Minh: “Chúng ta đừng nghĩ rằng việc chúc bình an ở đây cũng giống như việc thân hữu ngoài đời trao tặng cho nhau. Không, đây là một sự hòa giải. Thật vậy, trong Bài giảng trên núi, Chúa Giêsu nói rõ rằng trước khi thực hiện mọi hành vi phụng tự, cần phải làm hòa với anh chị em mình trước đã: “Nếu người đang dâng của lễ nơi bàn thờ mà sự nhơ người anh em đang có điều bất bình với người, thì người hãy để của lễ lại trước bàn thờ, đi làm hòa với người anh em người trước đã, rồi hãy trở lại dâng của lễ” (Mt 5, 23–24). (Trích từ

tập sách “40 CÂU HỎI VỀ THÁNH LỄ” của Linh mục Giuse Vũ Thái Hòa).

Nhận định về cử chỉ “chúc bình an cho nhau” trong thánh lễ trên đây cho thấy tôn giáo có tính nhân bản rất cao trong quan hệ giữa người và người như ý nghĩa chữ NHÂN có chữ “nhị” của Đức Khổng (tức là đức Nhân). Xét về mặt mỹ cảm hay thiện cảm thì đó là một nét văn hóa đặc biệt.

## VĂN HÓA LÀ GÌ?

Để hiểu được cương vị và vai trò của Tín ngưỡng và Tôn giáo trong tổng thể Văn hóa, chúng ta cần tìm hiểu thêm Văn hóa là gì.

Năm 2002, UNESCO đã đưa ra định nghĩa về văn hóa như sau: Văn hóa nên được đề cập đến như là một tập hợp của những đặc trưng về tâm hồn, vật chất, tri thức và xúc cảm của một xã hội hay một nhóm người trong xã hội và nó chứa đựng, ngoài văn học và nghệ thuật, cả cách sống, phương thức chung sống, hệ thống giá trị, truyền thống và đức tin.[14]

Trong từ điển tiếng Việt của Viện Ngôn Ngữ Học, do NXB Đà Nẵng và Trung tâm Từ điển học xuất bản năm 2004 thì đưa ra một loạt quan niệm về văn hóa:

Văn hóa là tổng thể nói chung những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử. Văn hóa là một hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên xã hội.<sup>4</sup>

“Văn hóa có ý nghĩa là văn minh và giáo hóa, phản ánh những lễ lối, tổ chức sinh hoạt của một quốc gia dân tộc trong sự phát triển tinh thần, đạo đức, nghệ thuật sống trong những hài hòa chung giữa con người và xã hội, những điều này hoàn toàn phù hợp với chức năng của tôn giáo, vì thế văn hóa chính là nền tảng thực thi của tôn giáo hướng đến chân trời văn minh nhân bản.” (Phạm Thiên Thơ, sđd)

3. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Minh Lý Thánh Hội, 08–9–Kỷ Dậu, (18–10–1969).

4. [http://vi.wikipedia.org/wiki/V%C4%83n\\_h%C3%B3a](http://vi.wikipedia.org/wiki/V%C4%83n_h%C3%B3a)

Cụ Nguyễn Đăng Thục gắn liền văn hoá với tiến hoá. Tiên sinh viết: Văn hoá có nghĩa là tiến hoá, tiến từ trình độ thô sơ đến trình độ văn vẻ từ thấp đến cao, từ vật chất hữu hình lên tinh thần vô hình.

Arnold<sup>5</sup> cho rằng: Văn hoá là sự cố gắng của con người để vươn lên tới mức độ cao siêu hơn, hoặc là vươn lên cho tới hoàn thiện.

Phương tiện của sự siêu thăng này chính là văn chương và nghệ thuật và sự học hỏi về những tư tưởng và hành động cao đẹp của tiền nhân.<sup>6</sup>

Vậy, có thể tóm tắt rằng: Văn hóa là tài sản, là di sản những thành tựu của lao động và tư duy, những tinh hoa của con người thể hiện thành vật thể hay những giá trị tinh thần phi vật thể, tất cả đem lại cái đẹp, cái thiện, cái chân lý phổ quát trong quá trình tiến hóa của loài người. (Người viết).

Nói như thế thì phải chăng chính tôn giáo cũng là văn hóa bởi vì tôn giáo có nguồn gốc nhân bản, có những bản sắc nhân văn. Nói cách khác, tôn giáo gắn liền với con người và tác động vào quá trình thăng hoa, tiến hóa của con người.

## DI SẢN VĂN HÓA CỦA TÔN GIÁO

Những di sản văn hóa tôn giáo của các bậc Giáo tổ, Tông đồ các tôn giáo truyền thừa gần 3000 năm qua mà đến nay tín đồ tôn giáo khắp thế giới vẫn còn học tập, tu tập, truyền tụng vì bao hàm đạo lý, chân lý vĩnh cửu. Đơn cử như:

Tam tạng Kinh Luật Luận của đạo Phật.

Đạo Đức Kinh, Thanh Tịnh Kinh, Cấm Ưng Kinh, Nam Hoa Kinh của đạo Lão.

Tứ thư Ngũ kinh của đạo Nho.

5. Matthew Arnold (24 December 1822 – 15 April 1888) was a British poet and cultural critic who worked as an inspector of schools.

6. Arnold's famous piece of writing on culture established his High Victorian cultural agenda which remained dominant in debate from the 1860s until the 1950s. According to his view advanced in the book, "Culture [...] is a study of perfection". He further wrote that: "[Culture] seeks to do away with classes; to make the best that has been thought and known in the world current everywhere; to make all men live in an atmosphere of sweetness and light [...]."

Thánh Kinh của Ki-tô giáo.

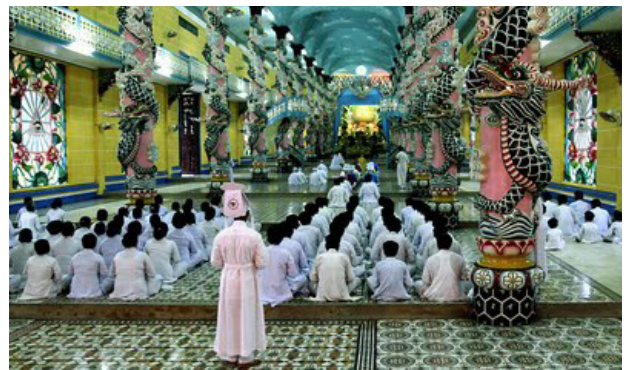
Ngoài ra còn nhiều di sản khác như chùa, đền, nhà thờ, tượng thờ...



NỘI ĐIỆN CHÙA BÁI ĐÍNH (NINH BÌNH)



ĐỀN THỜ HỒI GIÁO



TÒA THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH.



CHÙA HỘI KHÁNH BÌNH DƯƠNG (XÂY 1741)

## TÁC ĐỘNG QUA LẠI GIỮA TÍN NGƯỠNG – TÔN GIÁO & VĂN HÓA

Các lễ hội là văn hóa tín ngưỡng, văn hóa tôn giáo làm phong phú hóa bản sắc văn hóa của xã hội, của dân tộc.

Các nghi thức hành lễ, lễ nhạc, thánh thi, thánh ca là văn hóa trong sinh hoạt tâm linh.



Thánh giáo Cao Đài dạy về văn hóa như sau: “Văn hóa là sản phẩm tinh thần của xã hội dân tộc. Văn hóa có ảnh hưởng một phần rất to tát trong xã hội nhưn loại. Nó tế nhị mà bao la, trầm lặng mà mạnh mẽ. Có thể đưa dân tộc từ chỗ đồi trụy trở về cuộc sống thanh cao. Bản chất của văn hóa là đạo đức. Hình thức của nó là ngôn từ, chương cú, giáo dục...”<sup>7</sup>

Nếu ta khẳng định tôn giáo cũng là hoạt động văn hóa hay là một thành phần của văn hóa nhân loại, ta có thể thay những chữ “văn hóa” bằng hai chữ “tôn giáo” trong Thánh ngôn trên cũng vẫn có ý nghĩa.

“Tôn giáo là sản phẩm tinh thần của xã hội dân tộc. Tôn giáo có ảnh hưởng một phần rất to tát trong xã hội nhưn loại. Nó tế nhị mà bao la, trầm lặng mà mạnh mẽ. Có thể đưa dân tộc từ chỗ đồi trụy trở về cuộc sống thanh cao. Bản chất của tôn giáo là đạo đức. Hình thức của nó là ngôn từ, chương cú, giáo dục...”

### TẠM KẾT

“Tôn giáo là những khuôn vàng thước ngọc để khép con người từ chỗ sa đọa trở nên Hiền Thánh Tiên Phật, un đức con người từ chỗ trọng trước hồng trần được thanh thoát cao siêu. Tôn giáo là mối dây liên quan, là cửa thông đồng cho vạn dân chủng tộc.”

“Hỡi ai là người thức tri thời vụ, ai là người đang đi trên đường đạo học, ai muốn tìm chỗ yên tâm của đạo lý, ai muốn thoát khỏi cảnh ràng buộc trí não tâm linh giữa cõi đời hỗn loạn này, hãy tự tín, tự giác, để tìm hiểu nguyên nhân

nào đưa con người vào hoàn cảnh tối tăm loạn lạc này. Có tìm thấy mới biết quay về với nhân bản, với bản tính chất thuần lương mà từ thuở sơ sinh đã có hằng hữu Thượng Đế giáng trung.”<sup>8</sup>

Liên hệ Tín ngưỡng – Tôn giáo với Văn hóa, hay nhìn tôn giáo với góc độ văn hóa cho thấy tôn giáo có những động năng rất tích cực vì con người, vì sự an lạc và tiến bộ của xã hội.

*Tôn giáo ấy cửa vào tìm đạo,  
Đạo là đường hoài bão nhưn sanh,  
Người tu ý thức tri hành,  
Hễ vào cửa đạo chí thành mà tu.  
Ôi! Bốn vách trần tù vọi vọi,  
Hỡi người đời nhìn lối xa xa,  
Nước non vũ trụ bao la,  
Chôn thân bể tục xét ra đại khờ.  
Ơn Tạo Hóa xây bờ đắp móng,  
Nghiep tiến nhân đỡ chống nhiều phen,  
Lương tri, lương thức, lương năng,  
Giác quan sinh lực kém hèn chi ai.  
Nước không đạo hữu tài vô dụng,  
Người không tu hữu dưng nan thành,  
Đạo là cội phúc nảy sanh,  
Sanh dân, sanh nước và sanh Thiên đàng.”<sup>9</sup>*

### SUMMARY (BY MINH TIẾN)

From Faith & Religion to Culture

1. Faith is a system of beliefs that people rely on to explain the world and bring about peace to individuals and communities. Faith is sometimes interpreted as religion. (Wikipedia encyclopedia).

2. Religion is the secret of all ceatures, the treasure of the good; the point the not-good-yet turn to (TAO TE CHING, CH.62)

3. Religious worship of Hung Kings.

UNESCO confirms the “Religious worship of Hung Kings” the Vietnam’s intangible cultural heritage of the world.

4. What is the culture?

8. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Trúc Lâm Thiển Điện, 07-02 Tân Hợi (03-3-1971).

9. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Thiên Lý Đàn, 20-5 Ất Tỵ (19-6-1965).

7. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-7 Ất Mão (21-8-1975).

5. The “intangible cultural heritage” means the practices, representations, expressions, knowledge, skill—as well as instruments, objects, artefacts and cultural spaces associated therewith—that communities, groups and, in some cases, individuals recognize as part of their cultural heritage. This intangible heritage, transmitted from generation to generation, is constantly recreated by communities and groups in response to their environment, their interaction with nature and their history, and provides them with a sense of identity and continuity, thus promoting respect for cultural diversity and human creativity. [...]

(UNESCO)  
(<http://www.unesco.org/culture/ich/index.php?lg=en&pg=00022#art2>)

6. Culture should be mentioned as a combination of characteristics of soul, physics, intellect and emotion of a society or a community in society, and it includes, in addition to arts and letters, the way of living, coexistence, values systems, traditions, and beliefs. (According to UNESCO).

7. Cao Dai Teachings: “The orientation of religious doctrines is to teach humans to see what is sacred and noble, is it not? It teaches mankind not only the ultimate spirituality but also the universal brotherhood.” (VẠN HẠNH THIÊN SƯ, MINH LÝ THÁNH HỘI, 18-10-1969).

8. Benevolent human is man (Nhân giả, nhân dã / Trung Dung)

Being benevolent, being accepted and able to live with others one can be a man worthy of the name.

9. Culture is the treasure, the heritage of labor and thoughts achievements, the essence of mankind creating material body or intangible spiritual values. All bring about the beauty, the good, the universal truth of human evolution. Therefore, religion is culture too. (THIỆN CHÍ)

10. Relating the religion and culture, or looking at religion from the cultural angle, religion has energetic motives for mankind, for the peace and progress of the society. (THIỆN CHÍ).

11. “Religion is the golden rule to teach depraved humans to become sages, Immortals and Buddhas, to forge mankind with heart full of wickedness and worldliness to be serene. Religion is the link, the door connecting all races...” (VẠN HẠNH THIÊN SƯ, TRÚC LÂM THIÊN ĐIỆN, 03-3-1971).

12. “Those who understand the current events, who are on the way searching for the Dao, who are determined to discover its depth and free their mind and spirituality from the binds of this chaotic life, should be self-confident, self-enlightened in order to find the causes leading mankind into darkness of anarchy. Then turn back to the good and honest human nature, the gift from God at birth.” (VẠN HẠNH THIÊN SƯ, TRÚC LÂM THIÊN ĐIỆN, 03-3-1971). ■



Các môn đồ ôi! Thế gian đều là giả tạm, dầu cho bậc đế vương tể tướng mà không biết đường tu hành thì đó cũng chỉ một kiếp giả trần thôi. Những gì có trên quả địa cầu này rồi cũng phải chịu tiêu mất theo thời gian, chỉ tồn tại là con đường đạo đức. Các môn đồ phải rán lo tu mới kịp ngày Long Hoa điểm đạo.

Giờ nay, các môn đồ dâng lễ hiến Bốn Sư. Bốn Sư chứng lòng thành cùng ban ơn phước cho cả thầy đồng chung vui trên đường lập đức.

ĐỨC PHẬT THÍCH CA, HUỒN CUNG ĐÀN, 08-4 TÂN SỬU (21-5-1961). ■

# tìm hiểu ngày đản sanh **ĐỨC PHẬT VISAKHA**

■ NGUYỄN PHÚC BỬU TẬP • TRẦN NGỌC TÂM ST.

## **TÀI LIỆU CỔ NHẤT VỀ LỄ ĐẢN SANH**

Sau Thế Chiến II, Hội The Pali Text Society ở Luân Đôn là tổ chức sưu khảo về đạo Phật quy mô nhất, tiếp tục chương trình nghiên cứu và cộng tác với Viện Đại Học Colombo ở Tích Lan để dịch thuật, giảng giải các tài liệu cổ văn Pali trên các bia đá, lá cốt... tại các chùa. Năm 1972, nữ học giả Tỳ kheo Isabel Horner, Chủ tịch Hội The Pali Text Society công bố một số tài liệu mới tìm được trong quốc sử Mahavamsa của nước Tích Lan. Một tài liệu nói về lễ cầu mưa Gangarohana là một tập tục của dân Tích Lan theo đạo Phật, ngày nay còn tồn tại từ vùng quê đến thị thành. Một tài liệu khác quan trọng hơn nói về lễ Đản Sanh của Đức Phật. Dưới triều vua Dutthagamani (101-77 trước Tây lịch (TL)), quốc sử ghi chép lễ Đản Sanh do nhà vua thiết lễ cầu nguyện, có cuộc rước kiệu tượng Đức Phật do một nghìn thanh niên cầm cờ kéo liền đi hộ tống.

Thế nhưng tài liệu này về lễ Đản Sanh không thể xem là tài liệu cổ nhất học giả đạo Phật tìm kiếm ra được. Ta phải trở lại các trụ đá Asoka (Đại đế A Dục). Đức Phật mất năm 544 trước TL. Hai trăm năm mươi năm sau, nước Ấn Độ có vua Asoka hoàng dương đạo Phật. Vua cho khắc trên trụ đá và vách đá các bốn ngự chỉ tuyên dương sự tích và những lời răn dạy của Đức Phật. Cho đến bây giờ, các nhà khảo cổ đã tìm ra được 35 di tích ngự chỉ, đánh số, khám đọc và giải thích cặn kẽ. Ngự chỉ số Bốn, tìm được tại núi Kandaha, ngày nay thuộc đất Afghanistan, ghi

lời dạy của nhà vua cho con cháu phải tiếp tục phụng thờ Đức Phật và dặn dò mỗi năm ngày lễ Đản Sanh, phải tổ chức trọng thể, thiết lập cuộc rước kiệu Đức Phật. Ngự chỉ số Sáu ở núi Girna, miền Tây Ấn Độ ghi rõ hơn cách lập kiệu để rước tượng và di tích Đức Phật khi tổ chức lễ Đản Sanh. Như vậy, lễ Đản Sanh Đức Phật đã được thiết hơn hai ngàn ba trăm năm trước, đặc biệt huy hoàng dưới triều đại vua Asoka là vị Đại Đế đã dựng lên 84 ngàn ngôi tháp thờ Phật.

## **LỄ ĐẢN SANH TẠI CÁC QUỐC GIA TÂY VỰC**

Dưới thời Đại Đế Asoka, đạo Phật đi vào các quốc gia ở miền Vịnh Địa Trung Hải và các quốc gia miền Bắc và Tây Bắc nước Ấn Độ. Từ Ấn Độ sang Trung Hoa, phía Đông Bắc có dãy núi Hy Mã Lạp Sơn là một bức tường thành bằng thép ngăn cản lưu thông. Phía Tây Bắc, dọc theo sườn núi Kunlun (Côn Luân) sát vào hồ lớn Alma Ata là một số đô thị như Kashgar, Yarland, Chokkuta và Khotan. Cao hơn trên phía Bắc, dọc theo sườn núi Thiên Sơn (Tianshan) là đất Thổ Nhĩ Kỳ tư-thần (Chinese Turkestan) gồm 4 tiểu quốc cùng chung văn hóa là các nước Aksa (còn gọi là Baruka), Kucha, Karashar (ngày nay là quận Yen Ki thuộc Trung Hoa), và Turfan (ngày nay gọi là Kao Chang). Các quốc gia này kết thành một trục gọi là Đường Lụa, trục giao thông căn bản giữa Trung Hoa và các nước phương Tây ngày đó. Từ đầu thế kỷ 20, các phái bộ khảo cổ Tây phương khai quật các động đá nằm trên trục Đường Lụa như Huân Tước

Aurel, Albert Grunwedel, Paul Pelliot (thuộc trường Viễn Đông Bác Cổ Hà Nội, ta rất quen thuộc), và các công trình khảo cổ này phát xuất từ hai quan điểm tranh đua nhiều khi đi gần đến chỗ thù nghịch của hai trường khảo cổ La Tinh và Anglosaxon, lại cũng đã đi tới một số kết luận rất giống nhau. Những điểm kết luận đó có thể tóm tắt là 3 mục:

– Thứ nhất là các dân tộc sống trên con Đường Lụa từ 20 thế kỷ trước đã thấm nhuần đạo Phật rất sâu sắc.

– Thứ hai là đạo Phật của các sắc dân này mang nặng tập tục Đại Thừa Mahayana.

– Thứ ba – điều quan trọng đối với người tìm học Phật ngày nay như chúng ta – là các tài liệu văn tự của các bậc cao tăng Trung Hoa, đi Tây Vực tìm học đạo, đã quan sát tận chỗ, viết thành sách để lại, đã được chứng minh là những tài liệu này rất sát với sự thật, gần như là sự thật khoa học ta quan niệm ngày nay. Bởi lẽ đó mà ta phải lục soát trong tài liệu văn tự của các nhà sư Trung Hoa đi Tây Vực (Ấn Độ) thỉnh kinh nói về lễ Đản Sanh. Các nhà khảo cổ tìm được tài liệu cổ nhất liên hệ tới lễ Đản Sanh trong cuốn sách của thầy Pháp Hiển (Fa-Hsien). Thầy là một vị cao tăng người Trung Hoa lần đầu tiên hành hương qua đất Phật ở Ấn Độ vào cuối thế kỷ thứ 4, ở lại 16 năm học đạo (399–414 TL), để lại cuốn sách Pháp Hiển truyện, còn gọi là Phật Quốc Ký, có bốn dịch tiếng Pháp của Abel Remusat (Foe Koue Ki Ou Relation Des Royaumes Bouddhiques, Ernest Leroux, Paris, 1836). Thầy Pháp Hiển theo con Đường Lụa, đến đất Khotan mà thầy phiên âm là Cổ Sơn, ngày nay là thủ đô của khu tự trị Tân Cương (Uighur). Khi ghé qua Khotan, thầy được tham dự buổi lễ Phật Đản được tổ chức rất trọng đại. Dân chúng chuẩn bị lễ Phật Đản từ ngày mùng một tháng tư (Thầy dùng âm lịch Trung Hoa), kéo dài tới ngày 29 tháng tư. Cuộc rước kiệu rất vĩ đại, xe kiệu cao 10 thước, trần thiết lộng lẫy, ở giữa đặt tượng Đức Phật hài đồng, có Vua và Hoàng hậu đất Khotan theo nghênh giá. Thầy Pháp Hiển

tiếp tục hành trình xuống đất Ấn Độ vào thành Patalipatra (Thầy phiên âm là Ba-tra-li-phát) ngày nay gọi là thành phố Patna (Hoa Thành). Một nghìn năm trước đây là kinh đô của vương quốc Maghada (Makiệt-đà), lăng giếng của quê hương Đức Phật, 600 năm trước, đây là nơi đóng đô của Đại đế Asoka. Thầy Pháp Hiển được chứng kiến và tả lại đầy đủ chi tiết một buổi lễ Phật Đản, vào ngày mùng tám tháng hai âm lịch. (đọc Nguyễn Phúc Bửu-Tập: Tìm hiểu Lễ Rước Kiệu Phật và Lễ Tắm Phật, Hoa Sen số 23, 1994).

Cũng trong kho sách Đại Thừa ở Trung Hoa, một tài liệu có liên hệ đến lễ Đản Sanh tìm thấy trong cuốn Đại Đường Tây Vực Ký của thầy Huyền Trang. Thầy tả lễ Đản Sanh thầy được tham dự ở Kucha (tiếng Anh viết là Koucha, cách phiên âm mới Kuche). Kucha ngày xưa là một ốc đảo lớn nhất nằm ngay trên con Đường Lụa, là một trục chánh con đường đạo Phật du nhập vào đất Tàu. Thầy Huyền Trang gọi là đất Kucha là Dao Tân; ông có cảm tình với đất này vì nơi đây là quê hương của Cưu-Ma-La-Thập (Kumarajiva), người đã đóng góp nhiều nhất trong việc phiên dịch 400 bộ kinh từ chữ Sanskrit sang chữ Hán (thế kỷ thứ 5 TL). Lễ Phật Đản tại Kucha cử hành vĩ đại, có cuộc rước kiệu gồm một nghìn chiếc xe hoa dựng tượng Phật. Ngày lễ Đản Sanh tại Kucha lại thiết vào ngày Thu Phân, tháng chín, ngày 22. (Mỗi năm có hai ngày đặc biệt trong đó thời gian giữa ngày và đêm bằng nhau, gọi là Xuân Phân và Thu Phân; lễ Đản Sanh ở Kucha được chọn vào ngày Thu Phân).

Tại Tây Tạng (Tibet) là đất Phật. Tây Tạng có một nền văn minh riêng, căn bản là giáo lý nhà Phật. Niên lịch Tây Tạng ghi ngày lễ Đản Sanh là ngày 15 tháng giêng âm lịch, ngày quốc lễ lớn nhất trong năm, gọi là lễ Son-lan-chen-po (lễ Đại Nguyên), liên hoan từ ngày mùng bốn cho đến ngày 21 tháng giêng. Đêm Đản Sanh tại thủ đô Lhasa, mỗi công sở công hay tư, mỗi gia cư đều treo đèn, kết hoa. Đức Hoạt Phật Đạt Lai

Lạt Ma ngồi trên kiệu có ban quốc nhạc và đội binh bảo giá tháp tùng, đi viếng và chấm điểm từng đơn vị trong thủ đô, nơi nào có trần thiết lễ. Dân chúng từ mọi nơi trong nước, và cả ở ngoài nước như Mông Cổ, kéo về thủ đô tham dự lễ Đại Nguyên, cầu xin Đức Phật ban ơn một năm đầy hạnh phúc.

## LỄ ĐẢN SANH TẠI TRUNG HOA

Nước Trung Hoa cổ có bộ môn sử ký chép sự việc theo nguyên tắc trung thực và theo thời gian. Theo thứ tự năm tháng, ta đọc trong Pháp Uyển Châu Lâm, vào đời Đông Tấn (318–420 TL) có người Thái Kiều đúc 5 tượng Phật hài đồng để dùng vào lễ Rước Kiệu trong ngày lễ Đản Sanh. Một tư liệu cổ khác tìm thấy trong sách Cao Tăng Truyện, viết vào thời Ngũ Hồ, cũng tại Đông Tấn (319–351 TL), có người mộ đạo tên là Thích Lộ, mỗi năm vào ngày mùng tám tháng tư đến chùa làm lễ chiêm bái Đức Phật ra đời, bằng cách tắm tượng Phật bằng nước cam lồ. Học giả đạo Phật Trung Hoa cho là truyền thống Đản Sanh tại nước Tàu bắt đầu từ các chi tiết này.

Kế đến, trong sách Ngụy Tấn Nam Bắc Triều Luận Tập có đoạn ghi vua Thái Võ Đế nhà Ngụy (408–452 TL) nhân ngày Đản Sanh, ngự giá ra ngoài thành, thiết lễ Rước Kiệu Phật. Vua và Hoàng hậu đứng trên đài rải hoa lên tượng Phật hài đồng lúc đoàn kiệu đi qua. Một tư liệu cổ khác, theo thứ tự thời gian, đọc được trong Phật Tổ Thống Ký, kể chuyện vua Cao Tổ Võ Đế nhà Tống tên là Lưu Dũ, năm 462 TL, ngày mồng Tám tháng Tư, thiết lễ Đản Sanh ngay trong cung điện nhà vua. Cũng trong Phật Tổ Thống Ký, ta lại thấy vua Hiếu Võ nhà Tây Ngụy (467–499 TL) cho lệnh rước tượng Phật trên kiệu từ các ngôi chùa lớn ở Lạc Dương vào cung đình, dâng hương hoa làm lễ Đản Sanh ngày mùng tám tháng tư, và ra lệnh mỗi năm từ đó phải thiết lễ Phật Đản như vậy. Lại sách Lạc Dương Già Lam Ký, mỗi năm trước một hôm ngày Phật Đản mùng tám

tháng tư, các chùa trong vùng Lạc Dương phải rước tượng Phật trên kiệu đến Thanh Minh Thiên Viện, tất cả hơn một nghìn tượng Phật để cử hành đại lễ ngày hôm sau. Buổi lễ được cử hành rất tưng bừng náo nhiệt đến nỗi một nhà sư Tây Vực đến viếng Lạc Dương kể lại là: ngày Phật Đản hoa vàng ngời sáng dưới ánh dương, lọng hoa lợp kín như mây phủ, cờ phướn giăng như rừng cây, trầm hương xông lên dày đặc như sương phủ, tiếng kinh và tiếng nhạc rung chuyển đất trời. (Kenneth Chen: Buddhism in China, Princeton, 1973, trang 279), đời nhà Đường ở Trung Hoa là thời đại hoàng kim của đạo Phật ở Châu Á. Ta theo dõi được là dưới đời nhà Đường được ghi chép trong Đại Đường Tây Vực Cầu Pháp Cao Tăng Truyện của thầy Nghĩa Tịnh (I Tsing, 635–713 TL) và qua đời nhà Tống (được ghi chép trong Đại Tống Chinh Biên) tức là từ năm 618 đến năm 1279, lễ Đản Sanh được thường xuyên cử hành tưng bừng trong các chùa lớn nhỏ trong dân gian. Sách Phật Tổ Thống Ký thuật là dưới đời nhà Đường, vua Hỷ Tông năm 873 TL, ngày tám tháng tư, thiết lễ Phật Đản bằng cách rước kiệu di tích Đức Phật từ Phụng Hoàng Pháp Môn về Lạc Dương. Vua và Hoàng hậu ngự ra cửa An Phúc đón vông Phật vào nhà Thái Miếu; dân chúng hân hoan nổi nhạc đốt pháo vui mừng. Dưới đời Đường, lúc đạo Phật cực thịnh, người ta đem từ Ấn Độ sang ít nhất năm di tích xá lợi của Đức Phật. Chùa Pháp Môn ở phía Bắc kinh thành Lạc Dương có một lóng xương tay của Đức Phật; bốn chùa khác trong thành mỗi chùa thờ trên tháp một chiếc răng của Đức Phật. Mỗi năm vào ngày Phật Đản hay ngày rằm tháng bảy, di vật này được trưng bày cho dân gian để lễ bái chiêm ngưỡng. Riêng di tích xá lợi lóng xương tay ở chùa Pháp Môn thì hàng năm, ngày lễ Phật Đản, lại được rước trên kiệu vào cung đình cho nhà vua hành lễ. Mỗi lần rước kiệu lễ Phật Đản là một cơ hội đình đám quá lớn, dân chúng tham gia quá sức náo nhiệt, lắm khi thành hỗn loạn. Vì lý

do đó, Hàn Dũ, chống đạo Phật, năm 819 viết bài sớ xin nhà vua bãi lệ Phật Đản (Chen, SDD, trang 280).

Đầu thế kỷ thứ 10, tại Huệ Lâm Thiền Viện phủ Khai Phong, vị trụ trì là Đại sư Nguyên Chiếu, muốn làm giảm căng thẳng giữa đạo Nho và đạo Phật nên chấn chỉnh và tiết giảm nghi lễ thờ Phật, đặt ngày Phật Đản, lễ Tắm Phật (còn gọi là Quán Phật) vào ngày mừng tám tháng tư. Lễ rước kiệu cũng chỉ làm trong khuôn viên chùa. Chi tiết sự việc đều ghi trong sách Đông Kinh Mộng Hoa Lục Chú (Đông Kinh là phủ Khai Phong). Dưới đời Nguyên, người Mông Cổ vào đất Trung Hoa là những người mộ đạo Phật, nên vẫn giữ tục lệ thiết Phật Đản lớn vào ngày tám tháng tư. Người khai sáng ra nhà Minh, Chu Nguyên Chương, lúc thiếu thời đi tu ở chùa, nên khi lập quốc, tôn thờ và chấn đốn đạo Phật. Dưới đời Thanh, người Mãn Châu vào chế ngự Trung Hoa cũng là những người mộ đạo Phật, nên giữ các tập tục làm lễ Phật Đản đã có từ nghìn năm trước, cho tới khi tiếp xúc với Tây Phương. Nghi lễ của đạo Phật tại Trung Hoa, từ cuối thế kỷ 19 cho đến cuộc Cách mạng cộng sản được một nhà học giả phương Tây Holmes Welch mô tả kỹ càng trong sách *The Practice of Chinese Buddhism 1900–1950* (Harvard University Press, 1973). Trước Đại hội Kết tập Sangiti lần sáu, người Trung Hoa cử hành lễ Phật Đản vào ngày tám tháng tư, tại chùa có đông đức thiện nam tín nữ tham dự, nghi thức được tỏ rõ trong sách Holmes Welch (SDD, trang 109 và tiếp theo). Nghi lễ tại các chùa lớn ở Trung Hoa ngay cả trong thời kỳ Dân Quốc, đều cử hành theo quy luật ghi trong sách Bách Trượng Thanh Quy có từ đời Tống, và được thay đổi ít nhiều dưới triều Minh, gọi là Chính Huấn Bách Trượng Thanh Quy, dùng làm khuôn thước lễ nghi.

### LỄ ĐẢN SANH TẠI NHẬT BẢN

Nhật Bản tiếp nhận đạo Phật vào thế kỷ thứ 6 và người Nhật phát huy đạo Phật vững mạnh cho tới ngày nay. Người Nhật thiết lễ Đản Sanh

Đức Phật ngày tám tháng tư gọi là tiết Hana Matsuri; lễ Thích Ca Thành Đạo ngày 15 tháng hai, tiết lễ Nehan, và lễ Phật nhập Niết Bàn ngày tám tháng mười hai, tiết lễ Rohatsu. Theo sử ký Nhật Bản Nihonshoki, buổi lễ Đản Sanh đầu tiên được thiết vào ngày mừng tám tháng tư năm 606 (người Nhật dùng dương lịch, nhưng các lễ Phật nhiều lúc vẫn theo âm lịch Trung Hoa. Nữ Hoàng Suy-Cơ (Sui-Ko, 593–628) và người cháu làm Phụ Chính là Thánh Đức Thái Tử (Shokotu) rất mộ đạo Phật, ra lệnh cho tất cả các chùa, trong dịp Đản Sanh phải thiết lễ và phát chẩn. Trong các chùa lớn và đền Thần Đạo tại Nhật ngày nay, một số tượng Phật Đản Sanh (hình tượng Đức Phật mới sanh, một tay chỉ xuống đất, một tay chỉ lên trời) tạc từ thời đại Nại Lương (Nara) vẫn còn giữ được nguyên vẹn, làm bằng chứng là lễ Phật Đản đã được cử hành trong các kỳ bảy, tám tiếp theo.

Từ thế kỷ VIII đến thế kỷ XII (triều đại Bình An Hei An, 748–1185), đạo Phật ảnh hưởng mạnh vào sinh hoạt xã hội và văn hóa nước Nhật, các buổi lễ Phật càng được cử hành lớn, dựa vào hoàng gia và quý tộc. Qua triều đại Kiếm Thương (Kamakura, 1186–1335 TL) Phật giáo Nhật Bản bắt đầu nhận chân những mối bất lợi vì những lễ bái cúng tế hào nhoáng gây ra, và trường Thiền trở nên hưng thịnh. Thêm vào đó là mối cạnh tranh với Thần Đạo bây giờ có nhiều khuynh hướng thực tiễn và ái quốc, nên Phật giáo phải nhẹ việc phô trương thanh thế bên ngoài, vì vậy càng giúp cho trường Thiền nảy nở mạnh hơn, và buổi lễ Đản Sanh đã cử hành đơn giản hơn. Ta nhận thấy sự kiện này trong một tập Ký ức của Koka Shiren “Nhiều năm qua, ngay tại thủ đô, người ta thiết lễ Phật Đản vào ngày mừng sáu để tránh một ngày lễ lớn Thần Đạo vào ngày mừng tám tháng tư”. Trong một Bốn Đại Tự Nhật Ký của chùa Kenchoji do Đạo Lan Đan Khê (Doryu Rankey) viết năm 1249, rõ ràng và hàm ý châm biếm cách thức thiết lễ Đản Sanh nhuộm màu Thần Đạo: Năm nay ngày Phật Đản, lễ Tắm Phật do các vị



phu nhân shoguna (vợ của các vị chính quyền tướng quân) phụ trách, gây ra nhiều điều lạ mắt. Ngày xưa (vào lễ Phật Đản có bao nhiêu chi tiết đẹp ý đẹp lòng, như lễ cắm hoa, ngày nay kiểu cách mới được đem vào chùa làm lạ tai lạ mắt người theo Phật. Sau đó có lễ chính quyền Võ Sĩ Đạo muốn tránh quần chúng dị nghị, nên từ thế kỷ 13, tổ chức buổi lễ Thần Đạo vào ngày mừng chín, dành ngày mừng tám cho các chùa và dân chúng làm lễ Đản Sanh. Gần đây hơn ta đọc được trong Nhật Bản Niên Giám Ký Sự 1953 một đoạn viết về lễ Đản Sanh: “Mỗi năm trên toàn quốc, vào ngày mừng tám tháng tư (lễ Phật Đản) dân chúng đi hái mọi loại hoa rừng, cắm vào cành tre vót nhọn, làm lễ Phật, các bó hoa này gọi tên là hoa hướng thiên đường (tentobana), hay là hoa tôn quý (takabana)”. Cũng vì tục lệ đẹp đẽ này mà tại Nhật, ngày tám tháng tư còn gọi là ngày Lễ Hoa.

Ta cần nhắc thêm là người Nhật mộ đạo tin là nhân loại sẽ được hoàn toàn cứu rỗi trong tương lai khi Đức Phật Di Lặc ra đời, và nếu mỗi năm thành tâm thiết lễ Phật Đản thì ngày Đức Phật Di Lặc hiện đến sẽ gần hơn. Vì vậy mà ngày tám tháng tư lại có thêm tên là ngày Nguyên Cầu (Ryu ye-e), tên của một tông phái tại Nhật thờ Phật Di Lặc. Một biến cố Phật Đản liên quan đến tổ chức Gia Đình Phật Tử Nhật cần nhắc lại đây. Gia Đình Phật Tử Nhật gồm thiếu nhi và thanh niên hoạt động rất mạnh. Trong cuộc canh tân nước Nhật cuối thế kỷ 19 do Đại đế Minh Trị Thiên Hoàng lãnh đạo, đạo Phật vì tôn chỉ chuộng hòa bình, bị nghi ngờ là chống giới quân Phiệt, lực lượng nòng cốt ủng hộ nhà vua. Gia Đình Phật Tử Nhật, nhờ hoạt động khéo léo đã làm mối dây liên lạc giữa đạo và phong trào quốc gia Võ Sĩ Đạo. Năm 1912, ngày Phật Đản mừng tám tháng tư, Gia Đình Phật Tử cử hành lễ tại công viên Asakusa Park, hội họp tất cả đại biểu đoàn viên trong nước, lấy tên buổi họp đoàn là Hanamatsuri.

Từ đó, Hanamatsuri được tổ chức mỗi năm, ngày họp bạn của nhi đồng và thanh niên toàn

nước Nhật, nhân ngày lễ Phật Đản, dung hòa được hai xu hướng ái quốc và tín ngưỡng.

## **LỄ ĐẢN SANH TẠI CÁC NƯỚC THỜ PHẬT GIÁO THERAVADA**

Tại các nước thờ Phật giáo Nguyên Thủy, ngày Phật Đản gọi là Viskha Puja (chữ Sanskrit viết là Vaisakha; Tích Lan: Vesak; Cao Miên: Vissakh bochea; Thái Lan: Vaishaka Puja; Lào: Vixakha bouxa). Lễ này kỷ niệm ba biến cố quan trọng trong đời Đức Phật: Đản Sanh, Thành Đạo và Nhập Niết Bàn vào một ngày... Chữ Nho ta gọi là lễ Tam Hợp. Người Phật tử phái Nguyên Thủy tin là Đức Phật đã chọn sanh ra đời, thành đạo và mất vào cùng một ngày. Nói chung tại Đông Nam Á, nguyên thủy, Visakha là ngày quốc lễ nhưng được thiết trong khuôn viên chùa (vat, wat). Lễ được thiết vào ngày trăng tròn, giữa tháng tư và tháng năm dương lịch. Trong dịp lễ, dân chúng tụ họp tại chùa, đọc kinh, nghe thuyết giảng về đời sống của Thích Ca. Tại Thái Lan chẳng hạn, buổi thuyết giảng pathama-sambodhi, bắt đầu từ trưa, kéo dài suốt đêm. Bài giảng kể lại lễ thành hôn của vua Tịnh Phạn và Hoàng hậu Maya (vương phụ và vương mẫu của Đức Phật), đời sống lúc trẻ của Đức Phật, quyết định đi tu cho tới khi thành đạo, hoàng pháp và nhập diệt... Bài giảng kết luận nêu lên các nguyên lý đạo Phật bị tru diệt tại Ấn Độ, để cho tín đồ suy nghĩ đừng phạm vào lỗi lầm cũ mà mất đạo.

Tại Ai Lao, lễ Tam Hợp còn gọi là ngày Buon Bang Fay, có nghĩa là Hội Pháo. Trong năm Hội Pháo là ngày vui nhộn nhất. Các chùa thi nhau làm pháo bông, cùng một loạt ban đêm đốt lên, xem chùa nào đẹp nhất lãnh thưởng, làm trò vui cho dân chúng.

Tại Nepal, đạo Phật pha trộn gần bó với Ấn Độ giáo, nhưng Phật Đản vẫn là ngày quốc lễ, gọi là Bahiravajatra, thiết vào ngày trăng tròn tháng năm dương lịch. Vào ngày lễ, dân chúng mổ trâu bò làm tiệc, và nhảy múa suốt đêm ngoài lộ. Tại Sri Lanka (Tích Lan), lễ Phật Đản

gọi Vesak, là ngày quốc lễ trọng đại nhất trong năm, vào ngày trăng tròn tháng năm.

Như trên đã nói, sử Tích Lan Mahavamsa chép là lễ Đản Sanh được thiết từ ngày đạo Phật được Hoàng tử Mahinda, con trai Đại đế Asoka vâng lệnh vua cha đem đạo của Đức Thích Ca vào nước Sri Lanka. Bắt đầu từ thế kỷ thứ 4, lễ được chính thức cử hành mỗi năm, có cuộc phát chẩn cho dân nghèo và cuộc dâng y bát cho người tu sĩ. Người Anh đến thôn tính nước Sri Lanka năm 1815, chịu áp lực của các giáo hội truyền giáo Tây phương, ra lệnh bỏ tục lệ Vesak, làm cho dân bị trị mất tục lệ cúng Phật. Cuối thế kỷ 19, nhóm lên phong trào kháng Anh do Phật giáo đề xướng, lấy chủ đề là chấn hưng Phật giáo. Buổi lễ Vesak lần đầu tiên được tái lập sau 70 năm bị chính quyền Anh cấm đoán, cử hành vào ngày 17 tháng tư năm 1885. Một người Hoa Kỳ thờ Phật giáo, Đại tá Henry Steele Olcott, trong cuốn ký ức Old Diary Leaves thuật lại là phong trào có sáng kiến lập một lá cờ Phật giáo gồm 6 màu thoát ra từ hào quang chiếc áo Đức Phật, dùng để tượng trưng ý niệm hợp đoàn của người theo đạo Phật. Lá cờ này từ đó được Phật giáo thế giới nhìn nhận là lá cờ của đạo Phật, dùng trong mọi quốc gia, đặc biệt vào ngày Phật Đản. Tại Nam Việt Nam, 80 năm sau có lễ vì không để ý tới cái lý do tượng trưng thiêng liêng này của lá cờ Phật giáo mà một số người trách nhiệm đã gây ra sự sụp đổ của nền Đệ Nhất Cộng Hòa. Phật Đản tại Sri-Lanka gồm 3 lễ lớn: Atasil là lễ cầu nguyện; Dan-Sai, lễ cúng thực phẩm cho tăng ni và phát chẩn cho đại chúng; và thứ ba là đại lễ liên hoan: treo cờ kết hoa, vui chơi suốt mấy ngày đêm trong nhà, ngoài phố. Ở Sri Lanka còn có một tục lệ rất đẹp là mỗi năm vào ngày Phật Đản Vesak, mỗi người gửi thiệp chúc mừng thăm viếng nhau.

Mọi thắc mắc ngày mừng tám tháng tư có đúng là ngày sanh của Đức Phật hay không cũng được giải tỏa. Nước Ấn Độ không dựa vào hệ thống biên niên để viết sử nên ta không tin tưởng vào ý niệm ngày tháng của Ấn Độ. Người

Trung Hoa vốn chuộng thực tiễn, lại có tinh thần phân tích nhiều hơn, cũng đã chấp nhận truyền thống Ấn Độ hoàn toàn vì đức tin. Ta có thể dẫn chứng có trong Ngọc Phật Cung Tự Kinh của thầy Nghĩa Tịnh (Itsing/Yijing, đã dẫn ở trên).

Lý do (người xưa) đã lựa mừng tám tháng tư làm ngày Phật Đản, vì qua mùa xuân cho đến mùa hạ, mọi tai ương đều chấm dứt, tạo vật thức tỉnh sống lại, không còn chướng vật nào ngăn chặn nảy nở, và khí trời cũng vậy, không lạnh quá không nóng quá. Cho nên ngày đó thích hợp nhất để làm lễ Đản Sanh.

Một điểm cuối để kết luận bài khảo sát nhỏ này về mặt triết lý, siêu hình và hướng linh là việc giải thích vì sao ngày trăng tròn tháng Vassa của lịch Ấn Độ (từ giữa tháng tư sang giữa tháng năm dương lịch) được chọn làm lễ Đản Sanh. Trước tiên là vì truyền thống này đã có từ lâu trong trường Nguyên Thủy Theravada. Như trên đã nói người theo Phật giáo Nam tông tin là Đức Phật đã chọn ngày ra đời, thành đạo, và nhập niết bàn cùng vào một ngày. Giáo lý lại còn nhiều lý do để giải thích việc lựa chọn. Lý do thiết thực hơn cả là vì niên lịch Phật giáo thiên về âm (mặt trăng) và ngày xưa Visakha là ngày đẹp nhất trong năm. Mùa mưa bắt đầu, tu sĩ phải tập hợp vào một nơi để tu học, và ngày Visakha là ngày khởi đầu giai đoạn hợp đoàn. Lại nữa, mưa bắt đầu, cỏ cây sống lại, sinh vật cũng bắt đầu nảy nở, người tu sĩ phải tránh di chuyển để tránh sát sinh. Còn một lý do nữa, siêu việt hơn được dẫn trong giáo lý thâm sâu của nhà Phật là sự phối hợp âm dương. Giáo lý trên bình diện siêu hình, răn dạy phải tránh sự phối hợp hai yếu tố âm dương, vì sự phối hợp này là nguyên nhân chính tạo ra nghiệp. Mùa xuân giữa thiên nhiên là yếu tố âm, người tu sĩ mang yếu tố dương, phải tránh tội lỗi bằng cách khép mình, xa tránh môi sinh năng động. Visakha khởi đầu việc chuẩn bị vào hạ, người tu sĩ Theravada sẽ an cư kiết hạ sau Visakha, tránh cuộc sinh hoạt náo nhiệt. ■

# TƯ TƯỞNG THIỀN HỌC trong thi kệ của TUỆ TRUNG THƯỢNG SĨ

■ VÂN DU



Một trong những nhà thiền học xuất sắc được xem là người có cống hiến to lớn trong việc kiến lập tư tưởng nền tảng cho Phật giáo Đại Việt, đó là Tuệ Trung Thượng Sĩ. Đối với quốc gia, ông là một Hưng Ninh Vương tài năng mưu lược, từng trực tiếp cầm binh tham gia và giành thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông xâm lược lần thứ nhất và thứ hai, từng là người hiến kế cho vua Trần Thánh Tông dẹp yên quân xâm lược Nguyên Mông lần thứ ba.

Đối với nhân dân, ông là một vị quan công chính liêm minh, hết lòng trấn giữ bờ cõi, xây dựng đất nước, phục vụ nhân dân trong thời bình. Và đáng nể phục hơn cả, đối với Thiền tông Việt Nam, ông lại là một thiền sư Tuệ Trung đặc đạo, đỉnh ngộ và thông tuệ, có những cống hiến to lớn vượt bậc cho đạo, cho đời. Từ xưa đến nay, có rất nhiều công trình nghiên cứu về tư tưởng của Tuệ Trung Thượng Sĩ. Đứng trên góc nhìn văn, sử, triết hay Phật học, hệ thống triết luận của ông cũng mang một tầm vóc

lớn lao, “có ảnh hưởng trực tiếp đến không khí học thuật của thời Trần nói riêng cũng như Phật giáo Việt Nam nói chung” [4, tr.56].<sup>1</sup> Với tầm vóc vĩ mô đó, dù có tập hợp tất cả những công trình nghiên cứu xưa và nay để phân tích, hình dung và minh chứng cho tư tưởng của Tuệ Trung Thượng Sĩ cũng là không đủ. Mỗi khía cạnh nghiên cứu về vấn đề này, tùy theo từng thời

---

1.[4, tr.56]: Câu này được trích trong tài liệu tham khảo số 4 (xem phần Tài liệu tham khảo ở cuối bài), tr. 56.

đại, từng phương pháp và góc nhìn khác nhau, người nghiên cứu qua các thế hệ, trường phái khác nhau đều cũng sẽ tìm thấy được những vấn đề riêng ý nghĩa và sâu sắc mà dung lượng đó mở ra đến vô hạn.

## TIỂU SỬ

Tuệ Trung Thượng Sĩ tên thật là Trần Tung, sinh năm 1230, mất năm 1291. Ông là con trai cả của An Sinh Vương Trần Liễu, anh ruột của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn và công chúa Thiên Cảm (về sau trở thành hoàng hậu Nguyên Thánh của Trần Thánh Tông, con trai Trần Thái Tông).

Từ nhỏ, Tuệ Trung Thượng Sĩ đã tỏ ra là một con người thông minh đỉnh ngộ. Ông ham thích Phật học, sớm ngộ ra những lẽ vi diệu của Phật pháp, thể hiện những tư tưởng lớn của một nhân cách phi thường. Ông cũng theo học đạo với thiền sư Tiêu Dao.

Vua Trần Thái Tông vốn nhận ra tài năng và trí tuệ thiên bẩm hơn người của Trần Tung nên tỏ ra hết sức yêu thương ông. Sau khi An Sinh Vương Trần Liễu qua đời năm 1251, Trần Tung được vua Trần Thái Tông nhận làm con nuôi, phong tước Hưng Ninh Vương và thừa kế đất thang mộc của cha là vùng Yên Phụ, Yên Dưỡng, Yên Sinh, Yên Hưng, Yên Bang (thuộc hai huyện Đông Triều và Yên Hưng, Quảng Ninh ngày nay).

Hưng Ninh Vương được cử

trông coi quân dân ở đất Lộ Hồng, góp không ít công vào việc xây dựng vững chãi vùng phen giậu phía Đông của kinh thành Thăng Long.

Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông thứ nhất và thứ hai, Hưng Ninh Vương được cử làm tướng lãnh binh tham chiến cùng Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn. Ông lập được trọng công trong trận kịch chiến với tướng giặc Lưu Thế Anh và đuổi Thoát Hoan chạy dài đến sông Như Nguyệt.

Khi quân Nguyên Mông sang xâm lược nước ta lần thứ ba, Hưng Ninh Vương cũng lập được chiến công lớn bằng trí tuệ và lòng dũng cảm vô song của mình trong cuộc đấu trí với quân thù. Sau thắng lợi đó, ông đã được phong chức Tiết Độ Sứ ở vùng biển Thái Bình.

Sau đó, ông lập Dưỡng Chân Trang ở thái ấp Tịnh Bang, từ quan lui về tu thiền, nghiên cứu đạo Phật, từ đó ông sống cuộc đời phóng khoáng “vui thú giang hồ”.

Trần Thánh Tông vô cùng khâm phục đức độ, tư tưởng và tài năng của Hưng Ninh Vương nên tặng cho ông danh hiệu Thượng Sĩ, giao Thái tử Trần Khâm (sau này trở thành vua Trần Nhân Tông) cho Tuệ Trung Thượng Sĩ dạy dỗ.

Tuệ Trung Thượng Sĩ lặng lẽ tu trên đất thiền, truyền giảng và khai sáng cho nhiều thế hệ học trò.

Năm 1290, Thượng hoàng

Trần Thánh Tông băng hà, Tuệ Trung Thượng Sĩ về kinh đô chịu tang. Vài tháng sau, ông cũng nhiễm bệnh ở Dưỡng Chân Trang. Ông mất tại đây vào ngày mùng một tháng tư năm Tân Mẹo, nhằm niên hiệu Trùng Hưng thứ bảy (1291) đời vua Trần Nhân Tông, thọ 62 tuổi.

## SỰ NGHIỆP SÁNG TÁC

Sinh thời, Tuệ Trung Thượng Sĩ sáng tác rất nhiều thi kệ. Mục đích sáng tác của ông ít để nói chí, tỏ lòng mà chủ yếu nhằm bộc lộ tư tưởng, truyền giảng đạo lý cho những người đang trên đường tu tập. Thế giới thi kệ của Tuệ Trung Thượng Sĩ tuy thắm đẫm chất triết giáo mà vẫn âm thầm chảy một mạch nguồn trữ tình miên man. Đó là những bài thơ lai láng vị thiền, luôn ẩn chứa ý nhị uyên thâm trong lời lẽ thanh thoát mà gần gũi với chúng sinh thường nhật. Những sáng tác thi kệ khi tại thế của ông được người đời sau tập hợp thành quyển “Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngữ lục” cho tới hôm nay vẫn là “một đỉnh cao trong tư duy Phật giáo Việt Nam”. [15]

Quyển sách “Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngữ lục” bằng chữ Hán do Thiền sư Pháp Loa biên tập, Trần Nhân Tông khảo đính và Trần Khắc Chung đề bạt đã được in ấn và phát hành nhiều lần dưới đời Trần. Sách gồm bốn phần chính:

PHẦN I: “Đối Cơ” gồm những mẫu đối thoại giữa Tuệ Trung với môn đệ học giả.

PHẦN II: “Cử Công Án”, gồm có 13 công án, mỗi công án có lời nhận xét và một bài kệ tụng của Tuệ Trung Thượng Sĩ.

PHẦN III: “Thi Tụng”, gồm có 49 bài vừa thơ vừa kệ của Tuệ Trung Thượng Sĩ.

Phần IV: “Thượng Sĩ Hành Trạng” về con người và sự nghiệp của Thượng Sĩ do Trần Nhân Tông viết cùng một số bài kệ ca tụng đạo học của Tuệ Trung do các vị đệ tử nổi danh của Trần Nhân Tông viết.

Bàn về thơ văn và con người của Tuệ Trung Thượng Sĩ, Nguyễn Huệ Chi đã viết: “Tìm ra thơ văn của nhà sư uyên bác đồng thời là một võ tướng có nhiều công lao dẹp giặc này là một cống hiến vô cùng quý giá. Nó làm hiện diện trước chúng ta một nhân cách, một cá tính phong phú, trong cái thế giới thanh tịnh nói chung, cái thế giới tiêu diệt mọi “ngã kiến” của đạo Thiền. Ít nhiều, nhân cách đó giống như là một sự ngấm ngấm tuyên chiến của một con người khí phách ngang tàng đối với tất cả những gì đi ngược lại quy luật cuộc sống.”

Tiếp thu tinh hoa Thiền tông của dân tộc bằng một trí tuệ siêu việt, Tuệ Trung Thượng Sĩ đã xây dựng nên một hệ thống tư tưởng Phật giáo thoáng đạt mang bản sắc riêng độc đáo dựa trên những quan điểm mới mẻ phóng khoáng của mình. Tư tưởng ấy vừa là tiếng nói khác lạ vỹ vàng, vừa đóng một vai trò hết sức quan trọng trong văn

hóa Thiền Việt Nam, tự thân mang một sức sống mãnh liệt thông qua sự biểu đạt những ý nghĩa trường tồn, bất biến. Cho đến ngày hôm nay, rất nhiều nhà nghiên cứu vẫn quan niệm tư tưởng Thiền học của Tuệ Trung mang tính chất nền tảng và khai sáng, ở góc độ nhận thức luận còn vượt cả Trần Thái Tông và Trần Nhân Tông.

Nhận thức luận trong Thiền học Tuệ Trung là nhận thức của một cư sĩ Phật giáo, một trí thức tinh thông về đạo. Hệ thống nhận thức ấy mới nghe qua tưởng như đi ngược lại với giáo lý kinh điển của Phật học nhưng lại chính là những triết lý sống nguồn cội xác thực, được Tuệ Trung minh chứng một cách sống động thông qua cuộc đời và con đường hành đạo của bản thân ông. Mặc dù không tu Phật ngày nào, lại lặng lẽ thiền định trong Dưỡng Chân Trang khiêm tốn ở một vùng quê nhỏ xa xôi, nhưng tiếng tăm và đức độ của Tuệ Trung Thượng Sĩ vẫn lan truyền mạnh mẽ. Vì thế, rất nhiều học trò trên khắp cả nước đã tìm về học đạo với ông. Không chỉ đạt đến sự giải thoát cho mình, tư tưởng thiền học của Tuệ Trung còn tỏa sáng giữa cuộc đời, là ngọn đuốc sáng, là vầng minh nguyệt dẫn lối cho biết bao con người từ chốn mê lầm tăm tối trở về đúng với bản thể chân như vĩnh cửu bất biến.

Đối với những kiếp nhân sinh, tư tưởng của Tuệ Trung Thượng Sĩ như một phương

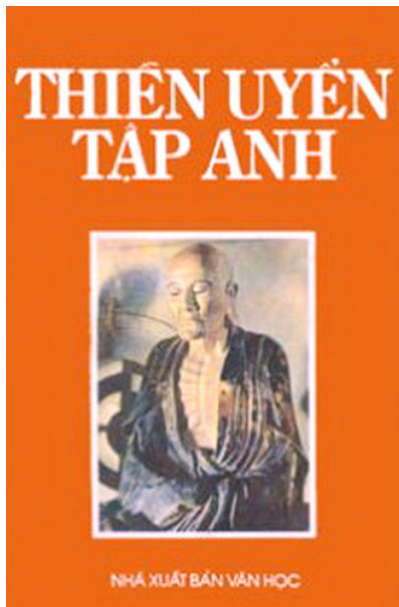
tiện giúp con người thanh tẩy cả tâm hồn và vọng niệm. “Phá chấp” cởi bỏ sợi dây ràng buộc, “bất nhị” rửa sạch đôi mắt sáng trong, “bản thể chân như” mang về tự tánh bất diệt, “sinh tử nhân nhi dĩ” giải thoát kiếp vô thường và “Phật tại tâm” đưa lối cho chúng ta đến bến bờ giác ngộ. Tất cả sự thống kê, sắp xếp, phân tích tư tưởng của Tuệ Trung Thượng Sĩ sẽ là vô nghĩa nếu bản thân người nghiên cứu không nắm rõ được những nội dung tư tưởng chính yếu trên. Hệ thống quan niệm của nhà Thiền học xuất sắc ấy vượt qua mọi rào cản ngôn ngữ, vượt qua cả những định kiến giáo lý truyền thống, vươn ra phủ xanh và thanh lọc cuộc sống trần thế, không chỉ là một hệ thống triết lý đơn thuần mà còn đóng vai trò như một nghệ thuật sống sinh động quý báu giữa cuộc đời.

Tuệ Trung Thượng Sĩ đã thực sự kiến tính thành Phật ngay trong cuộc sống trần tục. Những công trạng to lớn đối với đất nước trong thời chiến lẫn thời bình đã khẳng định trí tuệ tài năng mưu lược vô song của vị tướng, vị quan thanh liêm Hưng Ninh Vương. Song song đó, hệ thống triết luận Phật học độc đáo và giá trị, đóng vai trò như một di sản văn hóa tinh thần quý báu của dân tộc Việt Nam nói riêng, của văn hóa Phương Đông nói chung đã làm nên một nhà Thiền học, một người thầy vĩ đại – Tuệ Trung Thượng Sĩ. ■

# THƯỜNG VÀ VÔ THƯỜNG

## *qua kệ thị tịch thời Lý-Trần*

■ VĂN THỊ



Tồn tại và hiện hữu cũng như nguồn gốc đó, luôn là một vấn đề mang tính triết học và vĩnh cửu của con người. Bất kỳ ai cũng luôn muốn mình được sống càng lâu càng tốt và những suy tư trăn trở cho vấn đề ấy không ngừng tồn tại trong lịch sử nhân loại. Nhất là trước cái chết, con người ta càng cố gắng thể hiện, kéo dài sự sống của mình trong từng hơi thở. Hòa trong nỗi trăn trở về vấn đề ấy, các tôn giáo đã tìm những phương pháp khác nhau để giúp con người đạt được sự vĩnh hằng hay là giải thoát khỏi sự khổ. Phật giáo cũng thế, xem đời là bể khổ, vô thường và con người sinh ra trên thế

gian là đã mang mặc cái khổ vào rồi, tu là để tìm đường giải thoát, cởi bỏ khổ, giác ngộ tính Không, cập bến Bát nhã. Các bậc giác ngộ của Phật giáo thường dùng thi kệ để truyền tâm pháp giữ mạch trường lưu của dòng Bát nhã Kim cang. Kệ vừa mang tính chức năng tôn giáo nhưng đồng thời cũng đạt một trình độ thẩm mỹ nhất định như một tác phẩm văn chương. Ở Việt Nam, chúng ta có thể bắt gặp các bài kệ thâm thúy của các vị thiền sư thời Lý – Trần qua Thiền Uyển Tập Anh đề cập đến vấn đề THƯỜNG VÀ VÔ THƯỜNG.

Thiền Uyển Tập Anh (Anh tú vườn thiền) là một trong những cuốn sách cổ của văn xuôi dân tộc – văn học Phật giáo nói riêng – trong đó ghi lại tương đối hệ thống các tông phái Thiền học và tiểu truyện các Thiền sư nổi tiếng kể từ khoảng giữa thời Bắc thuộc, trải qua các triều đại Ngô, Đinh, Lê, Lý và một số năm đầu đời Trần. Về mặt văn bản, các nhà thư tịch đã tương đối thống nhất niên đại của tập sách được biên soạn hoàn chỉnh vào khoảng mấy thập niên giữa hai thế kỷ XIII–

XIV, sau đó được khắc in, và đến nay còn giữ được bản chữ Hán trùng san in vào năm Vĩnh Thịnh thứ 11 (1715) Về giá trị, Thiền uyển tập anh mặc nhiên được thừa nhận “là một tác phẩm truyện ký có giá trị không chỉ riêng về văn học mà cả về sử học, triết học, văn hoá dân gian, v.v.”, song giá trị đến đâu là điều còn phải xác định. Từ trước đến nay các học giả phần nhiều đã chú trọng khai thác các phương diện sử – triết của tập sách, nhưng đề cập đến đặc trưng văn học của nó thì hầu như chưa mấy ai làm... Thành thử, nói đến giá trị văn học của Thiền uyển tập anh chúng ta thường chỉ nghĩ đến cái giá trị tàng trữ các sáng tác thi ca Ngô–Đinh–Lê–Lý trong sách mà ai cũng thấy rõ, mà ít nghĩ đến giá trị tự thân của phần truyện ký làm nên xương cốt của tập sách.

Thiền Uyển Tập Anh nổi tiếng với những bài kệ như Thị Độ Tử của Thiền sư Vạn Hạnh, Cáo tật Thị chúng của đại sư Mãn Giác. Khoá Hư Lục của Trần Thái Tông (1218–1277) có Kệ ngũ giới, Kệ bốn núi...

重鑄禪苑集矣。禪苑集矣。何取美乎。曰。取其美秀之為。受也。何者。禪宗之徒。固多其人。玄理之知。蓋乏其等。正是群鷄獨鳳。百草一蘭。苟非英特之資。願悟之見。何以透玄微之旨。而能為隨學之領袖。後人之模楷者乎。信乎。禪苑之中。美奇者寡。因摘取各公碩德。以備禪學之祖述。則集矣之受。於是乎。而起名焉。身自毘施之始。特別有。厥音佛。尚立。創為。律宗之鼻祖。但其時。俗尚淳厚。人多朴畧。起教在於虛空之中。不駁說。以度化之機也。何求以魔為佛。此來詐偽日生。奸維日起。業懃益結。罪障殊深。狀資以極。清之慈航。不可也。故釋迦大文。出現娑婆。為之說開經偈。教化眾生。九劫歷修。功成果滿。於是大行佛教。相續禪宗。風飄六道。以清涼。雪汰三途之醜。焚成佛。依祖之秘訣。自此而啟其端焉。我大越。彼佛教之周法。休法雨之波瀾。尚來落髮。証印悟空。蓋亦有其人矣。述其神心。日。數。道。鏡。水。漱。有。出。為。綺。國。寧。民。有。尚。為。扶。顛。拯。溺。有。早。悟。心。印。卓。錫。神。達。慶。

1b

1a

**KỆ VÀ KỆ THỊ TỊCH**

Từ điển Phật học online định nghĩa Kệ như sau:

“KỆ”:

S. Gatha

Bài kinh là một bài thuyết pháp của Phật. Nhưng trong khi nói bài kinh, Phật thỉnh thoảng lại tóm tắt mỗi đoạn quan trọng [tr.324] thành một bài thơ ngắn gọi là kệ.

Các Thiên sư Việt Nam đời Lý-Trần, khi sắp qua đời thường để lại bài thơ để dặn dò học trò mình gọi là kệ thị tịch.

Sách Trung Quốc thường dùng ghép kệ tụng. Kệ là chữ Phạn. Tụng là chữ Hán. Ghép

hai chữ đồng nghĩa thành một từ.

**KỆ TÁN:**

Dùng bài kệ để tán thán công đức.

Nói chung, văn xuôi gọi là văn trường hàng. Văn thơ là kệ. Mỗi bài kệ có một số câu, mỗi câu từ ba đến 8 chữ. Cứ bốn câu thành một bài kệ. Có những Kinh Phật dài toàn viết bằng văn kệ. Ví dụ, Kinh Pháp Cú (Dhammapada). Như Kệ dâng hương, Kệ dâng hoa, Kệ vô thường buổi sớm, Kệ tán, Kệ tụng... trong kinh Nhật tụng. Tiểu truyện về các Thiên sư thường có những bài kệ. Những bài kệ ấy vừa nói về giáo lý Phật vừa chứa đựng chỗ độc đáo chứng ngộ của mỗi người. Các Thiên sư thường

làm kệ “thị tịch” để căn dặn đệ tử trước lúc qua đời. Qua khảo sát các bài kệ trong các kinh sách Phật, chúng ta rút ra được rằng, Kệ là một hình thức văn chương nghi lễ của Phật giáo, dạy giáo lý Phật bằng ngôn ngữ khái niệm, nhưng khi chuyển thành ngôn ngữ hình tượng, Kệ trở thành thơ Thiên, ý nghĩa tư tưởng chuyển hoá thành ý nghĩa nghệ thuật. Kệ bao gồm kệ thị đạo hay ngộ giải, kệ tán, kệ tụng.

Trong đó, kệ thị tịch thường là các bài kệ ngộ giải do thiên sư làm trước lúc viên tịch để trăng trối, trao truyền tâm pháp hay truyền Đạo, căn dặn, chỉ nẻo về tâm cho đệ tử

Qua các bài kệ thị tịch trong tác phẩm Thiên Uyển Tập Anh,

1. <http://www.hoalinhthoai.com/buddhistdictionary/detail/char-1167/.html>

thử tìm hiểu nhân quan cũng như cảm quan thẩm mỹ của các thiền sư trước lẽ vô thường và hằng thường của vạn pháp:

### **THIÊN SƯ “THỊ”<sup>2</sup> THƯỜNG VÀ VÔ THƯỜNG TRONG CÁC BÀI KỆ THỊ TỊCH THỜI LÝ – TRẦN.**

Cổ Đức có dạy: “Thời gian tự tên bản, ngày tháng như thoi đưa. Vô thường chóng qua mau, gắng gổ chớ dần dà! Ngày tháng cứ thân nhiên trôi qua, mạng sống cũng theo đó dần dần đoạn giảm, như cá thiếu nước, nào có vui gì...”<sup>3</sup>. Vô thường là một cuộc đại hóa, mang tính phổ quát, ảnh hưởng cả vũ trụ và nhân sinh. Biết thế không phải để buồn đau, ủy mị, và thỏa sức tận hưởng mà để ta thức tỉnh biết rằng vạn pháp không thật, mà quay về tâm tìm đạt lẽ hằng thường hóa giải vô thường. Và đó là con đường mà các thiền sư đã đi và muốn truyền lại cho chúng ta thông qua các bài kệ.

Khảo sát bài kệ thị tịch đầu tiên của Tăng thống Khuông Việt ta bắt gặp hiện dụ qua hai hình ảnh: mộc và hỏa.

*Mộc trung nguyên hữu hỏa.*

*Nguyên hỏa phục hoàn sinh.*

2. Thị 示: bày ra, tỏ ra cho thấy, như từ thị hiện.

3. Quang âm tự tiễn, nhật nguyệt như toa, Vô thường tấn tốc, thiết mạc ta đà! Thị nhật dĩ quá, mạng diệc tùy giảm, như thiếu thủy ngư, tứ hữu hà lạc...

*Nhược vị bản vô hỏa.*

*Tỏan toại hà do manh.*

DỊCH NGHĨA:

Trong cây vốn có lửa.

Vốn có, lửa mới sinh ra trở lại.

Nếu nói rằng vốn không có lửa.

Thì dù vào, lửa do đâu mà nhen nhóm.

Cây xanh tốt thì có thấy lửa bao giờ, nhưng trải qua thời gian thiêu đốt, cây già và khô chết. Và chính khi có sự cọ xát hay mối lửa cây bốc cháy sinh lửa, cháy xong thì chỉ còn lại đồng tro tàn. Hai hình ảnh này biểu trưng cho vạn pháp cũng thế, có đó, mất đó nhưng bản thân nó có cái còn đó. Thiền sư bảo “mộc trung hữu hỏa” thì ta cũng nên hiểu rộng thêm “hỏa trung hữu mộc” nếu liên hệ đến vòng ngũ hành tương sinh theo Dịch lý. Bài kệ “thị” cho chúng ta luật nhân quả trong vũ trụ nhân sinh cũng là chỉ lẽ vô thường trong ấy. Đó cũng là phiền não và Bồ đề chứa trong mỗi kiếp nhân sinh. Chúng ta đang sống cũng như cây, bị phiền não vô minh che mờ chơn tâm sáng suốt, chỉ có trải qua tu thân luyện tâm như cây cọ xát thì lửa mới phát ra soi sáng hay chính là hành giả đạt được trí Bát nhã mới khai thông, tâm Bồ đề hiển lộ thấy được bản thể chân như đặc cùng Tạo hóa. Bản thể chân như ấy được trường lão Định Hương chỉ rõ qua bài kệ thị tịch của mình:

*Bản lai vô xứ sở.*

*Xứ sở thị chân tông.*

*Chân tông như thị huyện.*

*Huyện hữu tức không không.*

Bản lai ấy nếu có xứ sở thì xứ sở đó phải là chân tông hay là gì đi nữa thì rốt ráo cũng chỉ là lẽ Không hằng thường. Các thiền sinh muốn vượt lên hư huyện vô thường để đạt chân như bản lai hằng thường thì phải thấu triệt tánh Không.

Trước lẽ biến đổi của cuộc đời, nhất là khi đối diện với cái chết con người ta hay lo sợ, tiếc nuối. Hiểu được điều này nên Viên Chiếu thiền sư đã dạy:

*Thân như tường bích dĩ đổi thì,  
Cử thể thông thông thực bất bi.*

*Nhược đạt tâm không vô sắc tướng,*

*Sắc không ẩn hiện nhậm thôi đi.*

Có thân trong đời là có khổ bởi có sanh tức có lão bệnh tử. Bốn yếu tố ấy làm cho cuộc đời trở nên vô thường. Kiếp nhân sinh đến “cái dốc bên kia của cuộc đời” tức già thì luôn chao ôi buồn tiếc. Còn thế là do con người ta vô minh chưa phân biệt thực hư, chưa thấy đâu là thường đâu là vô thường trong cuộc sống. Và ngài chỉ dạy thiền là để “đạt tâm không” minh kiến sắc tướng, hư không đều không đều không thật, thì chuyện ẩn hiện của chúng cũng không thật mà đã không thật thì cần gì phải để ý bận lòng. “Đạt tâm không” là đạt lẽ thường trong chốn vô thường



vậy. Đạt tâm không cũng là thấy tâm ngưng tịch, nghĩ là có thực thì vô biên thế giới cứ tưởng là thật, nghĩ là không thì vạn hữu giai không, không gì ngăn trở che đậy, không chấp so sánh giúp tâm ngưng tịch nên sáng suốt thông đạt Bát nhã mọi nơi mọi lúc. Đó là điều mà thiền sư Cửu Chỉ thị tịch:

*Giác liễu thân tâm bản ngưng tịch.*

*Thân thông biến hoá hiện chư tướng.*

*Hữu vi vô vi tông thủ xuất.*

*Hà sa thế giới bất khả lượng.*

*Tuy nhiên biến mãn hư không giới.*

*Nhất nhất quan lai một hình trạng.*

*Thiên cổ vạn cổ nan tỉ hướng.*

*Giới giới xứ xứ thường lăng lăng.*

Nếu cái chết như mùa đông giá rét thì nguồn sống dồi dào như mùa xuân. Xuân đời thì vô thường đi lại như Mãn Giác thiền sư chỉ ra qua mấy câu thơ trong bài kệ Cáo tật thị chúng:

*Xuân khứ bách hoa lạc,*

*Xuân đáo bách hoa khai.*

Vạn vật chịu sự chi phối vô thường ấy nên hoa rụng khi xuân đi, hoa nở khi xuân về. Con người cũng không nằm ngoài quy luật vô thường ấy, chớp nhoáng:

*Sự trục nhân tiền quá,*

*Lão tông đầu thượng lai.*

Việc thì không ngừng qua mà đời người thì hữu hạn tuổi già mau đến. Thấy những điều trên để thấy vô thường chi phối

ghê gớm đến vũ trụ nhân sinh thế tục. Nhưng cũng để bậc tu thiền tự hào an nhiên tự tại khi giác ngộ khơi được lẽ thường ngay cõi phiền não vô thường:

*Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận.*

*Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.*

Chính một nhành mai còn lại từ đêm qua khi xuân đã tàn nhả nhủ với các thiền sinh rằng dù rằng ai sinh đều phải tử nhưng tử không có nghĩa là hết, không có nghĩa là bị vô thường chi phối nếu như đã đạt Đạo. Đạt Đạo hay Chân như bản thể, huyền đồng cùng Đạo hay hòa nhập với Chân như thì thường tồn vĩnh cửu. Mãn Giác viên tịch là để bắt đầu một cuộc sống mới vĩnh hằng chứ không có nghĩa chết là hết nên chẳng có gì phải buồn. Nguồn Thiền mà ngài đã khơi, cái Đạo mà ngài để lại còn tồn tại thì ngài vẫn tồn tại. Chỉ có xuân tâm nơi người giác ngộ là miên viễn thường hằng mọi không thời gian. Lẽ thường có được trong chốn vô thường là thế đó. Chỉ khi giác ngộ có trí Bát nhã mới thấy được điều Mãn Giác thiền sư gửi gắm:

*Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận.*

*Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.*

Lẽ thường vẫn thường tại dù cho vô thường biến đổi thế nào. Quán được Không thì không gì là có, không có thì làm gì có biến đổi, không biến đổi tức không hợp tan, mây là mây, mặt trời là mặt trời, sen là sen mà lửa là lửa thì lúc nào nơi đâu chẳng sáng, chẳng xinh tươi, mà như thế tức thường vậy. Đó là điều mà

thiền sư Ngô Ấn gửi gắm trong hai câu cuối bài kệ thị tịch:

*Ngọc phần sơn thượng sắc thường nhuận.*

*Liên phát lô trung thấp vị can.*

Và Đạo Huệ thiền sư tỏ ngộ kỹ hơn cho đệ tử trước lúc lâm chung:

*Địa, thủy, hỏa, phong, thức.*

*Nguyên lai nhất thiết không.*

*Như vân hoàn tụ tán.*

*Phật nhật chiếu vô cùng.*

*Hữu vân:*

*Sắc thân dữ diệu thể.*

*Bất hợp bất phân ly.*

*Nhuộc nhân yếu chân biệt*

*Lô trung hoa nhất chi.*

Chính hình ảnh “hòa diệm hồng liên” ấy là công án để mỗi thiền sinh giải quyết và đạt cho được thì mới giải thoát vĩnh hằng. Đóa sen Phật tánh vẫn hồng, bất diệt, tươi xinh nơi sắc thân lò lửa thiêu đốt mọi tạm bợ, vô thường thì giá trị tâm linh siêu việt của người tu mới có mà vượt lên mọi giá trị vô thường mà giúp người tu khai phóng Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, đắc thành Phật đạo.

Muốn thoát khỏi vô thường thì phải thấu triệt vô thường. Phải biết đâu là Bản thể, đâu là Hiện tượng và Bản Tịnh thiền sư đã lý giải điều này:

*Huyễn thân bản tự không tịch sinh.*

*Do như kính trung xuất hình tượng.*

*Giác liễu tâm nội nhất thiết không.*

*Huyễn thân tu du chứng thực tướng.*

Biết được huyền thân cũng từ Tánh Không mà ra như kiếng chiếu hình thì lúc hành giả thấy được tâm nội nhất thiết không cũng là khi chứng thực tướng nơi huyền thân vậy! Đó là bản thể chân như thường phát lộ giữa chốn vô thường. Chỉ có chân tính ấy mới minh linh, vô quái ngại vượt lên tứ khổ, ngũ uẩn vô thường, cái mà thiền sư Đại Xả đề cập:

*Tứ xà đồng kiếp bản nguyên không.*

*Ngũ ẩn sơn cao diệc bất tông.*

*Chân tính linh minh vô khuể ngại.*

*Niết bàn sinh tử nhậm già lung.*

Chân tính minh linh vô khuể ngại ấy cũng được thiền sư Trường Nguyên nhắc rõ hơn qua đoạn đầu bài kệ thị tịch của ngài:

*Tại quang tại trần.*

*Thường ly quang trần.*

*Tâm phủ trùng triệt.*

*Dữ vật vô thân.*

*Thể ư tự nhiên.*

*Ứng vật vô ngân. (...)*

Còn Giải Hải thiền sư trong bài kệ thị tịch đã dạy lẽ thường thông qua việc làm rõ cái vô thường:

*Xuân lai hoa điệp thiện tri thì.*

*Hoa điệp ứng tu cộng ứng kỳ.*

*Hoa điệp bản lai giai thị huyền.*

*Mạc tu hoa điệp hương tâm trì.*

Vạn pháp có đó nhưng đừng tưởng thật, tất cả đều hư huyền đừng để tâm vướng bận đến làm gì. Có thể thì tâm mới

an định, hễ an định thì mâu ni thường hằng phát lộ biến hóa linh thông như thiền sư Nguyễn Học kệ thị tịch:

*Liễu ngộ thân tâm khai huệ nhãn.*

*Biến hoá linh thông hiện thực tướng.*

*Hành vãng tọa ngoại độc trác nhiên.*

*Ứng hiện hoá thân bất khả lượng.*

*Tuy nhiên sung tắc biến hư không.*

*Quan lai bất kiến như hữu tướng.*

*Thế gian vô vật khả tỉ hưởng.*

*Trường hiện linh quang minh lãng lãng.*

*Thường thời diễn thuyết bất tương nghị.*

*Vô đắc nhất ngôn dĩ vi đáng.*

Sở đắc được Bản lai diện mục thường hằng ấy như việc ăn chỉ có nếm mới biết vị chứ không thể tả bằng lời hết. Quả đúng lẽ thường: *Thường thời diễn thuyết bất tương nghị/ Vô đắc nhất ngôn dĩ vi đáng.* Thiền là năng hành bất năng thuyết, là làm thật được thật hay ăn bánh thật thường hằng và trao bánh thật ấy cho người cùng ăn chứ đừng trao bánh vẽ vô thường. Thiền là tự do, tự tại, bất thiên nhiễm chẳng theo ai ngoài chân tâm thì mới đắc được chỗ thường tại. Đó là những gì Quảng Nghiêm thiền sư căn dặn trong bài kệ cuối cùng của ngài:

*Ly tịch phương ngôn tịch diệt khứ.*

*Sinh vô sinh hậu thuyết vô sinh.*

*Nam nhi tự hữu xung thiên chí.*

*Hữu hưởng như lai hành xứ hành.*

Để tìm được bánh thật mà ăn thì cần phải thấy được đầu là bánh vẽ và thiền sư Hiện Quang đã để lại bài kệ giúp ta biết được điều đó:

*Huyền pháp giai thị huyền.*

*Huyền tu giai thị huyền.*

*Nhi huyền giai bất tức.*

*Tức thị trừ chư huyền.*

Vạn Hạnh thiền sư qua bài Thị đệ tử đã chỉ ra cái huyền thân của ta như ánh chớp, như cỏ mùa xuân thôi nhưng cũng đừng để ý tới nó thì sẽ đạt được sự an nhiên nơi cõi vô thường:

*Thân như điện ảnh hữu hoàn vô.*

*Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô.*

*Nhậm vận thịnh suy vô bố úy.*

*Thịnh suy như lộ thảo đầu phôi.*

Chỉ có bậc vượt lên khỏi vô thường thế gian mới vô bố úy, và nhận chân bản lai thường tại mới xem thịnh suy như hạt sương nơi đầu ngọn cỏ. Thịnh suy đã thế, có không, được mất, đến hay đi cũng đều thế, có gì mà phải phát bi? Bậc đạt Đạo chỉ cười nhạt trước lẽ vô thường, không gì lưu luyến, bởi Đạo Hạnh thiền sư đã liễu ngộ, hơn ai hết, ngài biết được mình là ai nên mới có lời thị tịch an ủi dặn dò:

*Thu lai bất báo nhận lai quy.*

*Lãnh tiểu nhân gian tạm  
phát bi.*

*Vị báo môn nhân hữu  
luyện trước.*

*Cổ sư ký độ tác kim sư.*

Thiền sư Đạo Hạnh vẫn  
hàng thường, chưa đến mà  
cũng chẳng đi, chẳng gì là còn  
mất, cổ kim như nhất dù trải  
qua bao lần! Lẽ sống chết không  
gì phải buồn vui cả. Chính còn  
dính trong vui buồn sinh tử mà  
còn luân hồi lần quần trong  
vòng vô thường như điều thiền  
sư Trì Bát thị tịch:

*Hữu tử tất hữu sinh.*

*Hữu sinh tất hữu tử.*

*Tửu vi thế sở bi.*

*Sinh vi thế sở hỷ.*

*Bi hỷ lưỡng vô cùng.*

*Hỗ nhiên thành thử bi.*

*Ư chư sinh tử bất quan hoại.*

*Úm tô rô tô rô tất li.*

Bậc giác ngộ lẽ thường thấy  
được Chân như bản thể thì nào  
có buồn vui gì chuyện tử sinh,  
thế nên thẳng nhập Niết bàn  
nhẹ nhàng như lá trúc rơi ở cõi  
Tây thiên! Thật là:

*Úm tô rô tô rô...*

Ta sống cõi đời có sinh diệt  
là do thân ta là pháp sinh diệt  
nên vô thường, tu luyện để đạt  
hàng thường tức phải tìm về  
pháp tánh vị tăng diệt, chân  
tánh thường vô tánh. Đó là  
yếu chỉ trong bài kệ thị tịch của  
Thuần Chân thiền ư:

*Chân tính thường vô tính.*

*Hà tăng hữu sinh diệt.*

*Thân thị sinh diệt pháp.*

*Pháp tính vị tăng diệt.*

Giới Không thiền sư khi thị

tịch cũng để lại bài kệ về lẽ tử  
sinh vô thường như thiền sư  
Trì Bát:

*Ngã hữu nhất sự kỳ đặc.*

*Phi thanh hoàng xích bạch  
hắc.*

*Thiên hạ tại gia xuất gia.*

*Thân sinh ố tử vi tặc.*

*Bất tri sinh tử dị lộ.*

*Sinh tử chỉ thị thất đắc.*

*Nhược ngôn sinh tử dị đồ.*

*Trám khước Thích Ca Di Lạc.*

*Nhược tri sinh tử tử sinh.*

*Phương hội lão tăng xứ nặc.*

*Nhữ đẳng hậu học môn nhân.*

*Mạc nhận bàn tinh quĩ tắc.*

Chỉ môn hạ nào tri kiến  
được sinh tử như nhau, không  
khác thì mới lĩnh hội được  
tâm pháp hàng thường của  
ngài. Pháp hàng thường là vô  
biên, đừng ai đóng khuôn nó,  
nhìn hạn hẹp, sáo mòn là lời  
cuối cùng ngài nhắn gửi chúng  
ta nếu muốn đạt hàng thường:  
Mạc nhận bàn tinh quĩ tắc.

Lẽ vô thường là thế! Ai ở đời  
mà nằm ngoài lẽ sinh lão bệnh  
tử, đừng tham cầu bất lão trường  
sinh để rồi cũng nằm trong dục  
vọng vô thường. Cùng với các  
bậc thiền sư tiền bối, Diệu Nhân  
ni sư đã có những lời thâm thúy  
về vô thường và hàng thường để  
lại cho kẻ hậu bối chúng ta:

*Sinh lão bệnh tử.*

*Tự cổ thường nhiên.*

*Dục cầu xuất ly.*

*Giải phọc thêm triền.*

*Mê chi cầu Phật.*

*Hoặc chi cầu Thiên.*

*Thiên Phật bất cầu.*

*Đỗ khẩu vô ngôn*

Cầu cạnh Phật là còn mê,  
cầu nơi Thiên là còn muội bởi  
bản thể Chân như không nằm  
ngoài ta, nó ở trong ta nơi chân  
tâm Phật tánh. Phán tỉnh nội  
câu mới là con đường thoát  
khổ hàng thường. “Thôi, Thầy  
chẳng quên Ta, Ta hàng tại,  
chẳng đặng nhiều lời, nay kính  
tạ” là lời của một tịnh sư sau  
này cũng đồng nhất với Diệu  
Nhân ni sư khi kết thúc: Đỗ  
khẩu vô ngôn!

## NGHỆ THUẬT TRUYỀN

### “TÂM ẨN” TRONG CÁC BÀI KỆ THỊ TỊCH

Ngay từ bài kệ thị tịch của Tăng  
thống Khuông Việt, chúng  
ta đã nhận thấy được sự song  
hành giữa tư duy triết học và tư  
duy nghệ thuật trong một bài  
kệ và đó là dòng Bát nhã xuyên  
suốt các thế hệ truyền thừa mà  
ta dễ dàng nhận biết qua các  
bài kệ thị tịch. Nếu chỉ có tư  
duy triết học trong các bài kệ  
thì làm sao các thiền sư có thể  
ẩn tượng mãi nơi độc giả qua  
bao thế hệ? Vì Chánh pháp chỉ  
có một thì đâu thể nói khác nên  
chẳng lẽ cứ lặp đi lặp lại... Mỗi  
thời đại cần có một kiểu bình  
tịnh thủy thích hợp để dung  
chứa dòng cam lộ Bát nhã ma  
ha. Chính tư duy nghệ thuật  
khi viết kệ mà các thiền sư có  
cái ẩn tượng, cái hấp dẫn và lời  
cuốn bao thế hệ độc giả cho dù  
tâm pháp nhất như. Pháp của  
các vị truyền vẫn là ánh sáng  
nơi ngọn đèn kéo quân nhưng  
mỗi khía cạnh thời đại có một

màu sắc, một hình khác nhau để hợp nhu cầu thời đại, thiếu một trong hai thì không còn là ngọn đèn kéo quân nữa. Chính sự kết hợp giữa tư duy triết học và tư duy nghệ thuật mà các bài kệ của các thiền sư bất tử trước bào mòn của thời gian, hương thiền vẫn tỏa ngát dù đã ngàn năm. Tạo nên được những bài kệ như thế đã minh chứng cho tâm thanh tịnh thấu thị lẽ Không giữ nguyên dòng Bát nhã mà các ngài đã nhận lãnh từ Bản lai diện mục mang đến thế gian trao truyền lại một cách rất nghệ thuật, khó lời diễn tả! Hãy hít, hãy ngửi, hãy nếm, hãy sờ... bằng tâm để thì mới trực nhận được hương thiền mát lành cam lộ ấy, mới cảm được cái nghệ thuật truyền tâm ẩn từ các thiền sư.

Tư duy nghệ thuật của các thiền sư thể hiện ở chỗ dùng hình ảnh hữu sắc tướng để nói lên, dựng nên cái quy luật vũ trụ, cái Đạo vô hình, cái bản thể vô sắc tướng, sinh diệt cho chúng ta hình dung mà đi vào tìm hiểu cảm nhận. Đó là lối tá giả tầm chân vậy! Mộc và hỏa trong bài kệ của Khuông Việt thiền sư là một hiện dụ như thế. Hai hình ảnh này được Nguyễn Công Lý phân tích giá trị rõ: “Lửa” hay “Ánh sáng” (bởi có lửa thì mới phát ra ánh sáng) là hình ảnh chỉ sự khai thông trí tuệ, sự giác ngộ rất rạo, tức Niết bàn, Bát nhã, Phật tính. Lửa luôn có sẵn trong thân cây khô là hình

ảnh để chỉ tất cả chúng sinh ai ai cũng có sẵn tính Phật. Nói cách khác, Phật tính luôn luôn hiện hữu trong tâm mỗi người chúng ta. Khi cây khô được cọ xát thì lửa sẽ bùng cháy lên là hình ảnh dụ cho người nào nếu khéo biết tu tập thì Phật tính sẽ hiển hiện, sẽ giác ngộ thành Phật. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni từng dạy các vị đại đệ tử: 一切眾生皆有佛性 “Nhất thiết chúng sinh giai hữu Phật tính” – Tất cả chúng sinh đều có tính Phật, và “Ta là Phật đã thành; Các ông là Phật sẽ thành”. Mà Phật tính là gì? Phật tính chính là cái tâm thanh tịnh, lặng lẽ, tự tại, nhất như. Cái tâm ấy, trong mỗi người chúng ta, dù ít dù nhiều, ai ai cũng có.<sup>4</sup> Ý chỉ Phật tại tâm, Bụt làm lòng được thiền sư Khuông Việt khéo léo gửi gắm vào hai hình ảnh cây và lửa và đó là một minh chứng cho nghệ thuật truyền tâm ẩn của các thiền sư và cũng là minh chứng cho sự hòa hợp hai tư duy: triết học và nghệ thuật trong một bài kệ. Còn ở Vạn Hạnh thiền sư là hiện dụ giữa thân và ánh chớp, thân và cây cối rồi đi đến ví von vô thường như giọt sương đầu ngọn cỏ thì mới thấy cái tài biện chứng, cái nghệ thuật truyền tâm pháp của ngài:

4. Nguyễn Công Lý, Ý chỉ đoạn ngữ lục và bài kệ Thị tịch của Khuông Việt thiền sư (Kỷ niệm 1000 năm ngày viên tịch của Thiền sư), Nguyệt san Giác Ngộ, số 180, tháng 3-2011, tr. 53-63.

*Thân như điện ảnh hữu  
hoàn vô*  
*Vạn mộc xuân vinh, thu  
hựu khô*  
*Nhậm vận thịnh suy vô bố úy  
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô.*  
Thấu hiểu vô thường như lộ thảo đầu phô thì chẳng màng gì nữa, cứ thường lạc với lòng thiền thì thường tại. Pháp thoát vô thường chỉ có thế!  
Một minh chứng khác ở bài kệ thị tịch của thiền sư Viên Chiếu cũng thế. Ngài diễn giải quy luật vô thường của cuộc đời, của kiếp người, về lẽ sắc không của tất cả các hiện tượng trong thế giới khách quan vốn uyên áo khó tiếp nhận bằng hình ảnh văn chương cụ thể, sinh động qua lối so sánh ví von: Thân như tường bích dĩ đổi thì, nhờ vậy mà ý nghĩa của nó được ta tiếp nhận dễ hơn, dễ đi vào lòng ta hơn. Còn thiền sư Mãn Giác thì có cách nói khác dù cũng truyền tâm pháp chẳng khác gì Viên Chiếu thiền sư. Trước bệnh khổ và đối đầu tử khổ, chẳng khác nào mùa thu và đông của cuộc đời mà ngài vẫn an nhiên lòng ngập mùa xuân. Vì thế mà ngài dạy lẽ vô thường qua hình ảnh xuân: xuân khứ-hoa lạc, xuân đáo-hoa khai, nhất chi mai. Cái hay hấp dẫn ở bài kệ này là góc nhìn tích cực: khứ-đáo, lạc-khai, như từ chỗ vô thường mở ra đường chỉ ta đến lẽ hằng thường là hình ảnh cuối bài: nhất chi mai. Ở đây không phải là số mà là

nhất, nhất để biết nó là hiếm, không dễ có nhưng là thật sự có nếu tâm an định trước lẽ vô thường. Đó chính là luân tâm miền viễn nơi lòng người giác ngộ, bất chấp luân đi, luân đến, luân qua, luân về, vẫn là nhất chi mai!

Diệu tánh hư vô thường tại khó mà tư nghị nếu đứng ngoài đó. Ta phải ở trong đó mới thấu được lẽ thường trong cõi vô thường mà siêu xuất thế gian giải thoát khổ đau. Triết lý đó tỏa sáng và tươi đẹp dễ nhận thấy tài ví von của thiền sư Ngô Ấn:

*Hư vô diệu tính khó vin nơi  
Riêng bụng hư vô hiểu  
được thôi*

*Trên núi ngọc thiêu, màu  
vẫn nhuần*

*Trong lò sen nở, sắc thường  
tươi.*

Hình ảnh ngọc và sen thật vừa gần mà cũng vừa xa như lẽ thường vậy! Dễ nhận biết mà cũng là khó nắm bắt trọn vẹn, gần gũi mà thâm thúy, tính hàm súc của hình ảnh Thiền là thế!

Trên đây chỉ là một vài mẫu thử, chứng minh để mời gọi những ai yêu thích thơ thiền hãy nhập thân vào nếm trải, cảm nhận vẻ đẹp và tâm pháp của các thiền sư giác ngộ. Người viết không có tham vọng nói hết được nghệ thuật truyền tâm ấn vì bởi đó là bất khả tư nghị. Bởi muốn cảm nhận dòng Bát nhã ma ha ấy, mỗi độc giả cần là hành giả thanh tịnh tâm, vô

ngã, vô ý, vô úy, vô cầu và kết lại trong vô ngôn...

## KẾT LUẬN

Rõ ràng, ta thấy kệ thị tịch không chỉ là một bài giảng giáo lý ngộ giải Thiền đạo mà còn là một tác phẩm văn chương nghệ thuật để lại cho đời. Nhờ những bài kệ ấy mà ta dễ dàng tiếp cận và tiếp nhận được các tư tưởng uyên áo của Thiền đạo khi bàn về thường và vô thường trong cõi ta bà này. Muốn hiểu Thiền đạo thì đọc giả hay người tu đều phải là hành giả. Hành động trong lẽ Đạo hằng thường mới hiểu về Đạo hằng thường được. Phần tinh nội cầu là phương pháp tìm lẽ thường và quán tự tại thanh tịnh là cốt yếu đạt hằng thường. Tất cả đều buông bỏ vì đều là Không, không là gì cả! Chỉ một con đường Quán Tự Tại khai thông:

“Gate, gate, Paragate,  
Parasamgate, Bodhi, svaha”

Nói một cách dễ hiểu hơn, có thể mượn lời Thánh giáo Đức Mẹ Vô Cực Đại Từ Tôn trong Tam Kỳ Phổ Độ làm đúc kết yếu chỉ thường và vô thường ấy:

*Có cái có trong tình Tạo Hóa,  
Không là không Đạo cả lưu  
hành,*

*Biết đường sanh diệt diệt sanh,  
Hoàn nguyên phản bốn nhọc  
nhàn chi con.*

(...)

*Kìa máy Tạo phát thâu  
luân động,*

*Cực âm rồi mầm sống hiển  
dương,*

*Phục sinh là đạo hằng  
thường,*

*Hằng thường trong cõi vô  
thường là đây.<sup>5</sup>■*

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Mạnh Thát, Thiền Uyển Tập Anh, bản PDF tải từ web của khoa Văn học và Ngôn ngữ trường Đại học KHXH&NV TP.HCM.

2. Nguyễn Công Lý:

• Văn học Phật giáo thời Lý – Trần: diện mạo và đặc điểm, NXB ĐHQG TP. HCM, 2002.

• Ý chỉ đoạn ngữ lục và bài kệ Thị tịch của Khuông Việt thiền sư (Kỷ niệm 1000 năm ngày viên tịch của Thiền sư), Nguyệt san Giác Ngộ, số 180, tháng 3-2011.

Thiền đạo và văn chương qua kệ và ngữ lục của Viên Chiếu thiền sư, Tạp chí Nghiên cứu Phật học, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, số 4 (tháng 8-2011).

3. Trần Quê Hương:

• Hương thiền ngàn năm, NXB Tổng hợp TP.HCM, 2010.

• Những sáng văn học của các thiền sư thời Lý Trần, NXB Tổng hợp TP.HCM, 2010.

4. Thích nữ An Trí, Vô thường và thường qua thi kệ Cáo tật thị chúng: [http://www.buddhismtoday.com/viet/pgvn/vh/vothuong\\_va\\_thuong.htm](http://www.buddhismtoday.com/viet/pgvn/vh/vothuong_va_thuong.htm)■

5. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-12 Bính Thìn (19-01-1977).

# THĂM HỌC VIỆN PHẬT GIÁO LARUNG GAR Ở TÂY TẠNG

■ THEO TRÍ THỨC TRỀ



**H**ọc viện Phật giáo Larung Gar, còn được gọi là Học viện Phật giáo Serthar, nằm trong thung lũng Larung ở độ cao 4.000 mét, cách thị trấn Sertar, Garze, Tây Tạng khoảng 15 km.

Học viện được Jigme Phuntsok, một Lạt ma có ảnh hưởng về truyền thống Nyingma (phái Nyingma thuộc Phật giáo Tây Tạng), thành lập vào năm 1980 trong một thung lũng hoàn toàn không có người ở.

Mặc dù nằm tại vùng xa xôi, hẻo lánh, Larung Gar vẫn không ngừng phát triển, từ một môi trường khắc nghiệt ít người thành một trong những trung tâm nghiên cứu Phật giáo Tây Tạng lớn nhất và có ảnh hưởng nhất thế giới. Ngày nay, học viện này có hơn 40.000 tu sĩ, nữ tu và các chức vị giáo sư.

Larung Gar có khuôn viên rộng lớn. Nhà ở cho các tăng ni và nữ tu trải rộng khắp thung lũng và các ngọn núi xung quanh. Có một bức tường khổng lồ ngăn cách nơi ở của các nhà sư và nữ tu.

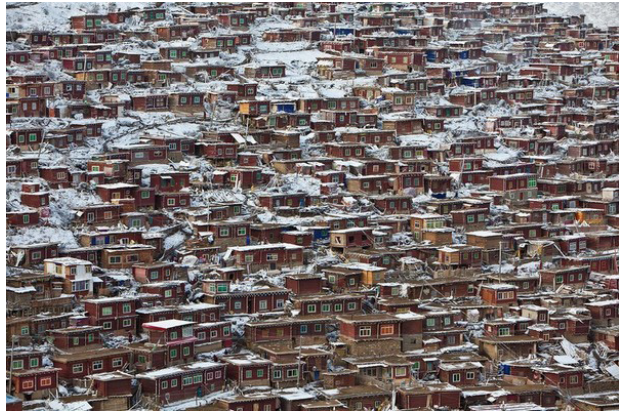
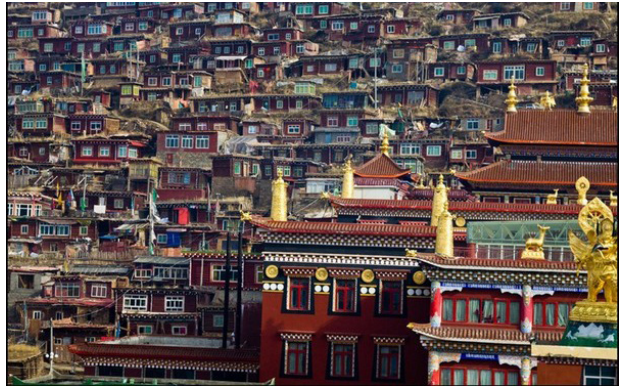
Các Tăng Ni và nữ tu không được phép ra khỏi khu vực được chỉ định của họ, ngoại trừ hội trường chung cho hai giới tu sĩ. Những ngôi nhà bằng gỗ, được xây dựng theo phong cách truyền thống nằm sát nhau.

Một trong những yếu tố đáng ngạc nhiên nhất của Serthar là có tới hơn một nửa số người đến đây học là nữ tu. Ngoài ra, Học viện Phật giáo Serthar thu hút không chỉ những học viên thuộc dân tộc thiểu số của Trung Quốc, mà còn các sinh viên đến từ Đài Loan, Hồng Kông, Singapore, và Malaysia.

Những học viên này được học trong các lớp riêng biệt, dạy bằng tiếng phổ thông, trong khi các lớp học lớn hơn được dạy bằng tiếng Tây Tạng.

Để tới Larung Gar không phải là việc dễ dàng. Học viện nằm khá xa và thành phố lớn gần nhất là Thành Đô, nằm cách đó 650 km và phải mất từ 13 đến 15 giờ mới có thể đến nơi. Sertar cũng là một khu vực nhạy cảm, thường đóng cửa với các du khách nước ngoài.

Để tới Larung Gar không phải là việc dễ dàng. Học viện nằm khá xa và thành phố lớn gần nhất là Thành Đô, nằm cách đó 650 km và phải mất từ 13 đến 15 giờ mới có thể đến nơi. Sertar cũng là một khu vực nhạy cảm, thường đóng cửa với các du khách nước ngoài. ■



NỮ TU GIẶT QUẦN ÁO TẠI VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT GIÁO SERTHAR WUMING, TÂY TẠNG, THUỘC TỈNH TỬ XUYÊN, TRUNG QUỐC.



MỘT NỮ TU ĐẶT ĐÔI GIÀY CỦA MÌNH TRÊN KỆ TRƯỚC KHI BƯỚC VÀO MỘT PHÒNG PHẬT GIÁO TẠI VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT GIÁO SERTHAR WUMING.



MỘT NỮ TU CẦM QUYỂN KINH VÀ ĐÀI CÁT-SÉT ĐỂ NGHE CÁC BÀI GIẢNG CỦA MỘT BẠCH THẦY TẠI VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT GIÁO SERTHAR WUMING, TÂY TẠNG, TỈNH TỬ XUYÊN, TRUNG QUỐC.

# LỊCH SỬ KHỞI ĐẦU CÔNG KHAI TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI RA TRUNG BẮC KỲ

■ ĐẠT TƯỜNG

---

Hội nghị Giao Lưu các Hội Thánh năm nay Quý Tỵ – 2013, đến lượt Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài tại Đà Nẵng lãnh trách nhiệm, được chọn tổ chức trong hai ngày mùng 7 và mùng 8 tháng tư âm lịch. Căn cứ vào Hồi Ký của cố Bảo Pháp Thanh Long, Hội Thánh hiện nay vẫn kỷ niệm sự kiện Cao Đài giáo công khai truyền giáo đến Trung Kỳ vào ngày kỷ niệm Phật đản mùng 08–4 năm Mậu Dần (1938) qua Hội Long Vân đệ bát.<sup>1</sup>

■  
Tình hình cơ đạo miền Trung lúc bấy giờ có hai nhánh phát triển song song: một là nhánh Tam Quan – Bình Định và hai thuộc nhánh Quảng Nam – Đà Nẵng... Thiên cơ đã định!

Riêng về nhánh Quảng Nam – Đà Nẵng, mốc thời điểm lịch sử đánh dấu sự kiện được nhà cầm quyền thuộc địa Pháp quốc cho phép tổ chức hoằng hóa Đạo Trời vào vùng nhượng địa “cửa Hàn” để từ đó công khai lan tỏa sang các tỉnh miền Trung, lại chưa có được sự đồng thuận hoàn toàn giữa các ý kiến!

Việc tìm kiếm những tài liệu để có chứng cứ vững chắc xác định đúng mốc thời gian sự kiện đã diễn ra đồng thời lý giải được nguyên nhân vì sao đã có sự khác biệt trong việc ghi nhận về thời điểm lịch sử này là điều cần thiết phải thực hiện để hậu thế có căn cứ chính xác hầu đặt lòng tin. Và lại, cũng cần phải trả lại cho lịch sử những gì đã xảy ra đúng y như nó đã diễn ra hầu mỗi khi cần thiết tổ chức kỷ niệm sẽ được tái hiện chính xác.

Năm 2008, trong lễ kỷ niệm 70 năm thành lập Trung Thành Thánh thất, nơi Ôn Trên chọn để tổ chức Long Vân đệ

---

1. Hồi Ký Thanh Long – Lương Vĩnh Thuật, 2007, tr. 357. Là một trong 4 vị Tứ Linh Đồng Tử được Ôn Trên sử dụng để mang đạo Cao Đài ra Trung.



bát trùng dụng “Khai Minh Đại Đạo cho anh chị em miền Trung”<sup>2</sup>, trong những bài tham luận được trình bày có hai vấn đề chưa được hoàn toàn thống nhất ý kiến:

Một là Long Vân đệ bát năm xưa đã được tổ chức vào những ngày nào, mừng 08, 09, 10 hay các ngày 13, 14, 15 tháng 4 Mậu Dần?

Những tham luận của Hội Thánh Truyền Giáo đều lấy ba ngày mừng 08–09–10 nhưng tham luận của đại diện Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý hôm đó lại chứng minh đó là những ngày 13, 14, 15!

Hai là có phải Lễ này là lần đầu tiên đạo Cao Đài chính thức công khai truyền bá ra Trung kỳ?

Vì hôm đó có ý kiến của đại diện Hội Thánh Cầu Kho Tam Quan rằng: trước đó hai tháng, Cao Đài Bình Định đã tổ chức Lễ Hoát Khai Đại Đạo tại Trung kỳ.

Mấy năm gần đây Văn Hóa Vụ của Cơ Quan có tìm được trong thư viện của Hội Thánh Minh Lý tại Tam Tông Miếu một số Tạp Chí Đại Đạo Quy Nguyên xưa của Liên Hòa Tổng Hội<sup>3</sup> đã được phát hành vào năm 1938, trong đó có những tài liệu và bài viết liên quan đến những vấn đề vừa nêu trên.

1. Tạp chí Đại Đạo Quy Nguyên số 9 xuất bản đầu năm 1938, nơi trang 21 và 22 trong bài giới thiệu về Long Vân đệ bát có ghi:

*“Vùng lịnh Đức Chí Tôn dạy tại Thiện Đức đàn Bạc Liêu khai Hội Long Vân đệ bát kỳ ở tại Tourane ngày mừng 08, 09, 10 tháng 4 Annam nhằm ngày 07, 08, 09 tháng 5 tây 1938, đặng có minh Đạo Trời tại Trung Châu (Trung kỳ)... cuộc Long Vân hội kỳ bát là ngày Khai Minh Đại Đạo cho anh em chị em ngoài Trung hưởng*

---

2. Đại Đạo Quy Nguyên số 9, tr.21 ghi: “... cuộc Long Vân hội kỳ bát là ngày Khai Minh Đại Đạo cho anh em chị em ngoài Trung hưởng nhờ ân vô lộ của Đức Chí Tôn...”

3. Tổ chức được thành lập vào giữa thập niên 30 để vận động thống nhất nhà Đạo trở lại sau khi đã có sự phân chia ra thành một số Hội Thánh như: Minh Chơn Lý, Ban Chính Đạo, Tiên Thiên, Minh Chơn Đạo...

*nhờ ân vô lộ của Đức Chí Tôn... Ôn Trên có dạy phải tạo thành một cái “Thánh Tòa” kêu rằng “Nam Trung Hòa thất” ở tại Tourane... tục kêu là cửa Hàn, là “nhượng địa” của Pháp đình nên Đạo được khai mở ở đó thông thả như trong Nam đã được quan cựu toàn quyền Robin phê chuẩn.*

*Bây giờ, còn tạo tác đặng làm nơi “căn cứ” cho Đạo... song anh em chị em ở Trung có “cái tâm nhiệt liệt” cái “huyết chí thành” nên về nền công quả khỏi lo, nhưng “hữu tâm” mà “vô sản” cũng khó gây cuộc lớn lao trong buổi này. Bàn Trị sự Liên Hòa Tổng hội... cả kêu các bạn đồng chí nào là người hào phú, kẻ hữu tâm, kẻ ít người nhiều đầu đầu quyết định nên... ở tại Trung Châu, để một cái “kỷ niệm thiên niên” ngoài Trung...”*

Và nơi trang 27, có đăng bài “Thánh giáo tạo Hưng Trung Thánh Tòa” với lời dạy của Đức Chí Tôn.

2. Tạp chí Đại Đạo Quy Nguyên số 10 nơi trang 29, có bài hướng dẫn “Cách đi dự Hội Long Vân đệ bát kỳ” thông tin kế hoạch tổ chức di chuyển, dự lễ và tham quan cho các đạo hữu miền Nam.

Theo kế hoạch chung, chuyến hành đạo ra Trung của đoàn miền Nam sẽ sử dụng phương tiện xe lửa, khởi hành lúc 7g tối ngày 11 tháng 4 và về đến Sài Gòn lúc 7g sáng ngày 18. Sở phí chung cho khú hồi và ăn uống đối với mỗi người được ước tính là 10 đồng thời bấy giờ.

Cuối bảng thông báo, nơi góc trái có ghi “Ngọc Chuông Pháp Tiên Thiên Đại Thanh. Ngày 28–02–134 Nguyễn Thế Hiển công bố.”

Qua đây chúng ta thấy vào cuối tháng 02 âm lịch khi ra lời công bố này, đã có sự thay đổi, được hoãn chậm lại 5 ngày về thời gian sẽ tổ chức Long Vân Đệ Bát kỳ ở Trung Thành Thánh thất.

Và nơi trang 37, có đăng lời “Trung cáo” kêu

---

4. Ngày 28–02 năm Đạo thứ 13.

gọi “Công quả tạo tác Trung Thành Thánh thất”, trong đó có đính chính lại:

“... *thiết Long Vân đệ bát kỳ trong 3 ngày là 13, 14 và 15 (xin sửa ba ngày này lại trong quyển Đại Đạo Quy Nguyên quyển 9) tháng tư năm Đại Đạo thứ 13 (Mậu Dần).*”

Như vậy về thời điểm diễn ra Long Vân đệ bát tại Trung Thành Thánh thất đã được đính chính lại cho chính xác, sửa chữa thông tin đã đăng trong Tạp chí Đại Đạo Quy Nguyên số 9 nơi trang 21, qua hai văn bản trong Tạp chí Đại Đạo Quy Nguyên số 10 nơi trang 29 và 37.

3. Tạp chí Đại Đạo Quy Nguyên số 11.

3.1. “*Long Vân đệ bát kỳ thuật trần*”.

Hội Long Vân đệ bát được tường thuật chi tiết từ trang 31 đến 36. Nơi tiểu tựa trang 31 có ghi ngày “13, 14, 15 tháng 4 năm Đại Đạo thứ 13.”

Nơi trang 34 có câu: “*Về có ghé lại Tam Quan, đến viếng Thánh thất vì có anh em nơi đó thỉnh cầu, trọ một đêm rồi sáng sẽ về luôn Sài thành.*”

Trang 36, phần kết luận có ghi:

“*Cuộc khai “Long Vân đệ bát” đặng minh Đạo Trời ở Đà Nẵng sự kết quả rất được mỹ mãn vì làm “chấn động” cả miền Trung Bắc, người đến dự thính rất đông đảo, phòng có trên 10.000 nên nói miệng không có thể nghe hết được thành thử phải dùng ống truyền thính hai bữa đầu, thính giả đứng nghe ngót có 4 giờ đồng hồ mà không biết mệt mỏi.*”

3.2. Về phái đoàn đạo hữu Cao Đài miền Nam đi ra Trung dự lễ ở Trung Thành Thánh thất.

Theo bảng danh sách chi tiết của đoàn<sup>5</sup> đi chung bằng xe lửa, có tất cả 83 vị trong đó có 6 em đồng nhi ở Thánh tịnh Đại Thanh, gồm những tín hữu thuộc các tỉnh: Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Dĩ An (Biên Hòa), Gia Định, Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh, Cao Lãnh, Tân Châu, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Rạch Giá.

5. Trang 39 và 40.

Như thế chúng ta thấy đoàn miền Nam tập hợp đạo hữu thuộc nhiều tỉnh khác nhau.

Dự kiến chi phí của mỗi người là 10\$. Có 40 vị đóng dưới 10\$. Tất cả đóng góp được 644\$14, ngoài ra có 5 vị công quả thêm với số tiền là 77\$. Tổng số tiền thu được là 721\$41. (Tiền vé khứ hồi của mỗi người, bình quân là 5\$477).

Số tiền còn lại được dùng hành hương cho Thánh thất Trung Thành là 209\$74.

3.3. “Thánh giáo ty hòa tai” tại Trung Thành Thánh thất đàn đêm mừng 10 tháng 3–13 Mậu Dần, từ trang 22 đến 26.

Qua chánh bản của Thánh giáo này, chúng ta thấy có một số chi tiết khác biệt với Hồi Ký Thanh Long về việc “*Thầy dạy Carlos lấy môi lửa*”.

Hồi Ký ghi như sau:

#### **ĐỨC CAO ĐÀI TRẢ LỜI**

*Rõ thấu lòng con trẻ  
hỏi đây,*

*Càng thêm đau đớn  
thừa tâm Thầy.*

*Độ đời mặt kiếp  
đương nhiều mặt,*

*Cứu thế kỳ ba phải  
đủ tay.*

*Khôn dại, hư nên  
Thầy cũng độ,*

*Thành không mặt  
vận trẻ nghe này.*

*Bóp lòng khó giải lời  
tâu hỏi,*

*Lửa đốt khuyên con  
biết có Thầy.*

Còn trong Đại Đạo Quy Nguyên Lược Luận số 11 trang 23 ghi:

“*Vô Tánh con khá nghiêm đàn,*

*Carlos con ra phía sau nhà nẩy nơi rui, lấy môi lửa và phong thơ kéo cháy nhà đi con (...)  
[Cơ chậm rãi quay tròn trong không trung chờ đợi trong khi Carlos đi lấy phong thơ]. Đem đây Thầy sẽ họa nguyên vận bài thi theo ý hỏi.*

#### **BÀI THƠ HỎI**

Lòng thành xin hỏi  
mấy lời đây,

Nếu thật không  
trung quả có Thầy.

Cứu thế bao nài cơn  
khổ cực,

Độ đời há lại thiếu  
gì tay.

Dùng chi những  
bọn hàng tôm cá,

Cơ hội ngày nay đến  
nỗi này.

Muôn lỗi xin dùng  
môi lửa đỏ,

Trung Thành đốt  
cháy ắt không Thầy.

Rõ thấu lòng con trẻ  
 hỏi đây,  
 Làm cho đau đớn  
 thừa tâm Thấy.  
 Cơ Trời xáo lộn trên  
 năm cõi,  
 Mỗi đạo thẳng dùn  
 chỉ một tay.  
 Khôn dại, hư nên  
 Thấy cũng độ,  
 Thành không vận  
 mạng đó con này.  
 Bóp lòng khó trả lời  
 tau hỏi,  
 Lửa đốt khuyên con  
 biết có Thấy.<sup>6</sup>

Lòng thành xin hỏi  
 mấy lời đây,  
 Nếu thiệt không  
 trung **hắn** có Thấy.  
 Cứu thế bao nài là  
**khổ trí**,  
 Độ đời há lại thiếu  
 gì tay.  
 Dùng chi những kẻ  
 lòng tôm cá,  
 Cơ hội ngày nay đến  
 nổi này.  
 Muôn lỗi xin dùng  
 mỗi lửa đỏ,  
 Trung Thành đốt  
 cháy ắt không Thấy.<sup>7</sup>

Đây cũng là cơ hội để Hội Thánh sẽ xem xét điều chỉnh tài liệu cho đúng y như văn bản ban đầu, rồi sau sẽ đính chánh cùng đạo hữu và độc giả cho chính xác hơn.

a. Giờ đây với những tài liệu chi tiết liên quan đến cuộc lễ: từ khâu chuẩn bị thông báo mời về dự lễ đến thông báo đính chánh dời ngày tổ chức, lời kêu gọi công quả đóng góp xây dựng Trung Thành Thánh thất để làm địa điểm khai hội, rồi thông báo kế hoạch phương tiện cho bốn đạo miền Nam muốn đi dự lễ, tường thuật chi tiết diễn tiến cuộc lễ kèm theo hình ảnh và danh sách chư đạo hữu miền Nam chánh thức đi theo đoàn cùng đóng góp công quả cho cuộc lễ, v.v.

Tất cả còn được lưu lại trong ba số Tạp Chí Đại Đạo Quy Nguyên 09, 10, 11. Chúng ta đã có đủ chứng cứ để xác minh thời gian cuộc lễ đã diễn ra có phải là các ngày 13, 14, 15 tháng tư Mậu Dần (1938).

a.1. Tạp Chí Đại Đạo Quy Nguyên 11 nơi trang 26 có bài “Kỳ nhóm thứ nhì của phái Liên

6. Tạp Chí Đại Đạo Quy Nguyên số 11 (1938), tr. 23.

7. Tạp Chí Đại Đạo Quy Nguyên số 11, tr. 26; Giáo sư T.Đ. Thanh Quang kinh lục.

Hòa Tổng Hội tại Tòa Thánh Định Tường ngày 8 Mai 1938” với nội dung:

“Vi Bằng. Ngày mừng 09-4-13, đúng 8 giờ rưỡi ban mai, y theo thơ mời, Phái bộ của Cao Đài Đại Đạo Liên Hòa Tổng Hội... có quý ông: Trần Quang Nghiêm, Nguyễn Bửu Tài, Lê Văn Sanh, Nguyễn Văn Phùng, Trần Văn Quế, Phan Trường Mạnh...”

a.2. Nơi bài “Long Vân đệ bát kỳ thuật trần”, cuối trang 32 có đoạn:

“Phái bộ Liên Hòa Tổng Hội thì có quý ông sau đây: 1. Nguyễn Phan Long – Tổng trưởng. 2. Nguyễn Bửu Tài quản lý. Ban thuyết pháp Lê Văn Sanh quản lý. Phan Trường Mạnh...”

So sánh nội dung của hai đoạn này, chúng ta thấy vào sáng ngày mừng 9 tháng 4 Mậu Dần các ông Nguyễn Bửu Tài, Lê Văn Sanh, Phan Trường Mạnh đi họp ở Tòa Thánh Định Tường thì làm sao có thể đi cùng phái đoàn ra dự lễ ở Trung Thành. Và lại, theo bài tường thuật thì ông Phan Trường Mạnh có thuyết trình hai lần vào các buổi tối ngày thứ nhất và ngày thứ ba nghĩa là nếu Long Vân đệ bát diễn ra trong ba ngày 08, 09, 10 thì ông Mạnh phải thuyết trình trong đêm mừng 8 và mừng 10. Với phương tiện và điều kiện giao thông thời bấy giờ, thời gian đi từ Sài Gòn ra Đà Nẵng hay ngược lại phải mất hết 24 giờ. Sau khi thuyết xong, để về Sài Gòn ngay trong đêm cho kịp cùng phái đoàn đi xuống Mỹ Tho ông Mạnh chỉ có thể dùng phương tiện máy bay mà thôi. Nhưng với hoàn cảnh kinh tế vào lúc đó chưa có đường bay nội địa!

Hồi Ký của Ngài Bảo Pháp Thanh Long ghi nhận lễ đã diễn ra trong ba ngày mừng 08, 09, 10 tháng tư nhưng có thể lễ Khánh thành Trung Thành Thánh thất đã thật sự chỉ diễn ra vào ngày mừng 10 y như lời dạy của Đức Chí Tôn còn lưu trong Tạp Chí Đại Đạo Quy Nguyên số 11, nơi cuối trang 23 của bài Thánh giáo ở Thánh thất Trung Thành có chi tiết quan trọng:

“(Đạo Quang bạch...) – Con nên an vị và Lễ

Lạc thành sơ là ngày mừng 10 rồi tiếp hội luôn thì hay hơn.”

b. Về hai luồng ý kiến: Đạo Cao Đài đã chính thức công khai truyền ra Trung kỳ vào thời gian nào và tại đâu?

Tạp Chí Đại Đạo Quy Nguyên số 11, nơi cuối trang 23 của bài Thánh giáo, lời dạy của Thầy có một chi tiết quan trọng:

“Hội này là về khai đạo Trung kỳ Bắc kỳ đó con.”

Và nơi trang 36, phần kết luận có ghi:

“Cuộc khai “Long Vân đệ bát” đặng minh Đạo Trời ở Đà Nẵng sự kết quả rất được mỹ mãn vì làm “chấn động” cả miền Trung Bắc...”

Trong khi đó, qua Tạp Chí Đại Đạo Quy Nguyên số 10 trang 34 có đăng bài “Tam quan ký thuật” thuật lại đại lễ “Cao Đài Đại Đạo Hoàng Khai” như dịp vía Đức Thái Thượng ngày Rằm tháng 2 Mậu Dần (1938). Trong cuộc lễ, ông Phan Trường Mạnh đại diện Liên Hòa Tổng Hội ra dự lễ cùng ông Lê Văn Sanh, tuyên bố:

“Kỷ niệm Hoát Khai Cao Đài Đại Đạo tại Trung kỳ...”

Xong cuộc lễ, ngày 16 hai ông đi thẳng ra Touranne... điều đình với anh em ở ngoài lo lập Hội Long Vân đệ bát.” (tr.35)

Chúng ta thấy, ông Phan Trường Mạnh là một trong những người thay mặt cho Liên Hòa Tổng Hội đều có mặt trong cả hai kỳ lễ ở Tam Quan và Đà Nẵng. Trong cả hai chuyến hành đạo này, hễ xong việc nơi này ông liền đến nơi kia và ngược lại. Như vậy trong việc mang đạo Cao Đài ra Trung, Liên Hòa Tổng Hội đều đóng góp vai trò quan trọng. Phần ông Phan Trường Mạnh, về sau được truy phong Đầu Sư của Hội Thánh Tam Quan. Chi tiết này cho thấy ngay từ đầu đã có việc chung tay chung lòng của hai nhánh đạo miền Trung. Tinh thần này cần được duy trì và phát triển. Tất cả đều được làm theo Thiên ý.

Nếu như nhánh Tam Quan – Bình Định “Hoát Khai Cao Đài tại Trung kỳ” thì nhánh Đà

Nẵng “khai đạo Trung kỳ Bắc kỳ”. Mỗi nơi, Đức Chí Tôn đặt để mục tiêu phần nhiệm vụ rõ ràng.

Năm 1953, Đức Lạc Long Quân Quốc tổ trong một lần giáng đàn có nhắc lại nhiệm vụ này với chư chức sắc Hội thánh Truyền Giáo đang hành đạo tại Sài Gòn và sinh hoạt chung trong tổ chức Cao Đài Thống Nhất:

“Vây Lão Khai quốc Tiên Vương, giao phần trọng trách cho Thanh Long phụ trách Trung Bắc Việt. Quốc Luyện cùng Bạch Hồ phụ giúp cùng Thanh Long để lo xúc tiến những công cuộc mà đã đệ trình kế hoạch hầu lập trường của cơ Thống Nhứt cho kịp nghe. Nếu chư Thiên mạng làm tròn phận sự thì công của chư hiền chẳng nhỏ.”<sup>8</sup>

Ngày nay, chúng ta thấy rõ đạo sự Hoàng khai Đại Đạo của Hội Thánh Truyền Giáo đang hướng về mục tiêu địa bàn miền Bắc như Thầy đã dạy.

Tóm lại, qua những chứng cứ từ các số Tạp Chí Đại Đạo Quy Nguyên trong năm Mậu Dần (1938) chúng ta tìm được những chi tiết liên quan đến:

– Thời gian công khai đạo Cao Đài ra Đà Nẵng qua Hội Long Vân đệ bát trong ba ngày 13, 14, 15 tháng tư âm lịch.

– Chúng ta cũng xác định được thời điểm lễ An vị và Lạc thành Trung Thành Thánh thất đã diễn ra trước đó ít hôm đúng theo Thánh ý của Đức Chí Tôn là ngày mừng 10 tháng tư Mậu Dần.

– Đồng thời chúng ta cũng tìm thấy những chứng cứ về vai trò và mối liên quan của Liên Hòa Tổng Hội trong việc chánh thức đưa đạo Cao Đài ra Trung qua hai thời điểm cách nhau hai tháng:

Khởi đầu qua Lễ “Hoát Khai Cao Đài tại Trung kỳ” với ba ngàn tín hữu Bình Định, Kon Tum, Quảng Ngãi.

Tiếp theo, qua Lễ “Hội... khai đạo Trung kỳ

8. Đức Khai quốc Tiên Vương Lạc Long Quân, Thánh Giáo Dạy Đạo số 23, tr.88 – Ban điều động Cao Đài Thống nhất, 15-8 Quý Tỵ (1953).

(XEM TIẾP TRANG 120)

# TÂM LÒNG VỊ THA, HÀNH ĐẠO GIÚP ĐỜI CỦA ANH LỚN NGUYỄN VĂN NHỊ



■ CAO BẠCH LIÊN

Tôi đã gặp đạo huynh Huệ Chơn vài lần ở các Thánh tịnh, có một lần gặp đạo huynh ở nhà chị Huỳnh Thanh – Trưởng Ban đại diện của Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên ở Thành phố Hồ Chí Minh; trong lúc tôi đang chờ gặp cô Mai Thị Đĩnh, nhân câu chuyện về cô Đĩnh là con của một nhân chứng được cứu sống của một thời máu lửa. Đạo huynh cho biết có một nhân chứng đặc biệt hiện còn sống thực sự, đó là ông Bảy Nhị, nay đã hơn 90 tuổi mà còn minh mẫn, ông hay kể lại những sự kiện xảy ra thời 1946–1947 và sự việc xảy ra với bản thân ông cách đây hơn 60 năm. Câu chuyện trở nên hấp dẫn vì nhân vật thực còn sống cho tới bây giờ, dễ gì tìm được, vì sự việc đã lùi xa lâu rồi. Đạo huynh cũng cho biết thêm, hiện ông Bảy còn khoẻ, đang hành

đạo ở Hội Thánh Tiên Thiên, nhưng không nói rõ chức vụ. Tôi nhờ đạo huynh liên hệ giúp cho tôi được diện kiến nhân vật lịch sử này.

Sau nhiều lần liên lạc, ông Bảy mới có thời giờ tiếp chúng tôi. Vào một buổi sáng, chúng tôi có mặt tại Thánh tịnh Minh Đức thành phố Mỹ Tho, theo lịch đã được hẹn.

Cuộc hội ngộ với ông Bảy Nhị (Nguyễn Văn Nhị) thật bình dị và cảm động. Ông Bảy có dáng người tầm thước, mặc bộ đồ trắng giản dị ra tiếp chúng tôi, tuy đã ở tuổi 95 nhưng còn mạnh mẽ, hồng hào, minh mẫn, tiếng nói sang sảng, rõ ràng. Khi biết chúng tôi có ý định chụp ảnh, ông trở vào phòng mặc áo dài trắng cẩn thận. Lúc này, đạo huynh Huệ Chơn mới tiết lộ cho biết, ông Bảy hiện là Thích Chương Pháp của

Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên. Tôi hơi ngại. Nếu biết trước, chắc đâu dám làm phiên một vị chức sắc cao cấp, cận kề phẩm Giáo Tông của phái Tiên Thiên. Ông là chức sắc cao nhất trong các hệ phái Cao Đài hiện còn sống.

Nhưng không như tôi nghĩ. Ông không có vẻ trịnh trọng của một người ở phẩm vị cao, mà rất bình dị, tiếp chúng tôi thân mật vui vẻ và còn cho chúng tôi uống cà phê nữa. Nỗi lo của tôi cũng dần tan biến. Tôi trình bày mục đích của cuộc diện kiến hôm nay.

- Thưa Anh Lớn, đạo muội là con của Cụ Cao Triều Phát, đang sưu tầm tư liệu về một thời hành đạo cứu đời của thân sinh đạo muội. Được biết Anh Lớn sống cùng một thời kỳ bắt đầu cuộc kháng chiến, cùng là tín hữu Cao Đài. Chắc Anh Lớn từng gặp Cụ Cao và biết về những sự kiện trong thời kỳ loạn lạc đó.

Ông Bảy hoan hỷ kể: “Tôi có gặp Cụ Cao vài lần, nhưng biết về Cụ thì nhiều. Tôi rất tâm đắc và thuộc lòng một bài Thánh giáo Thầy dạy Cụ Cao như sau:

*Cao Triều Phát ơn nhà nợ nước  
Thầy biết con một bước một dò  
Đáng trang liệt sĩ Thầy cho  
Giang san một gánh con đồ cho in  
Vai con gánh muôn nghìn sanh chúng  
Miệng hô to Thầy cũng giúp cho  
Ngày gần có cuộc mây mưa  
Con tua tuân lệnh Thầy thừa sắc ban.*

Thầy đã ban trao sứ mạng cứu đạo, cứu nước cho Cụ Cao đã khá rõ ràng và Cụ đã thực thi sứ mạng theo lời Thầy dạy. Cụ gánh vác công việc của Đạo khá nặng nề. Trong lúc dầu sôi lửa bỏng, người Việt giết người Việt, huynh đệ tương tàn, người chết oan ức khắp nơi. Cụ từ miền Tây lên miền Trung, miền Đông Nam Bộ. Cụ chỉ đem theo một hành trang là niềm tin vào Ôn Trên và Tâm thanh tịnh của người sứ mạng. Đi giữa hai làn đạn của hai bên đang giao tranh. Đến những nơi nóng nhất, dàn xếp những cuộc xung đột để cứu người bằng mọi cách. Cụ có thể gặp nguy hiểm bất cứ lúc nào,

ở mọi lúc mọi nơi. Nhưng Cụ không hề hấn gì. Phải nói là Cụ đã thành công với sứ mạng của Thượng Đế ban trao.

Năm 1947, tôi cũng là một nạn nhân đã được Cụ Cao cứu sống. Lúc đó nạn giết chóc nhau tràn lan khắp nơi, như tôi biết vùng Mộc Bài có những hàng bốn năm chục người bị sát hại chôn cùng một hố. Vùng Mỹ Lợi huyện Tháp Mười và vùng quanh chỗ tôi ở đã có một số người bị giết. Hôm đó tôi và anh bạn Trương Văn Lành, cùng ở xã Mỹ Lợi đang làm ruộng sinh sống thì bị bắt, và hai cái hố đào sẵn chờ hai chúng tôi. Cái chết đã cận kề gang tấc. Chúng tôi cầu xin cho chúng tôi được sống để làm ruộng nuôi vợ con, và cũng tham gia công tác cứu quốc ở địa phương, chứ có làm điều gì sai quấy đâu, nhưng họ không tha. Chúng tôi nghĩ chỉ còn một tia hy vọng cuối cùng để có thể thoát chết là cầu cứu Cụ Cao. Cũng may mắn cho chúng tôi, là Cụ Cao từ miền Tây vừa lên Đồng Tháp Mười ở kênh Dương Văn Dương, cách chỗ của chúng tôi mấy cây số. Anh Lành xin đi gặp Cụ Cao, còn tôi ở lại làm con tin. Họ đồng ý, nếu có giấy của Cụ Cao thì mới cứu xét. Tôi ngồi chờ anh Lành, mà luôn nhìn hai cái hố, chờ giữa cái chết và cái sống sắp đến. Từng phút từng giây trôi qua sao dài như hàng thế kỷ.

Anh Lành trở lại với vẻ mặt đầy phấn khởi, tay cầm tờ giấy của Cụ Cao gửi chính quyền địa phương. Trong giấy, Cụ Cao đề nghị không bắt bớ giết chóc đồng bào đạo Cao Đài vô tội. Ngoại trừ những kẻ nào có chứng cứ quả tang hành vi chống cách mạng. Được giấy bảo lãnh của Cụ Cao, chúng tôi được trả về với cuộc sống đời thường. Cũng từ đó đồng bào Cao Đài Tiên Thiên cũng như những chi phái khác trong vùng được sống yên ổn, không còn bị bắt bớ giết chóc nữa.

Lúc bị bắt, cận kề cái chết trong gang tấc, rồi được trở về với cuộc sống, khi đó tôi đã ba mươi tuổi, tôi có suy nghĩ và thấy yêu cuộc sống hơn trước nhiều. Cuộc sống đáng quý biết bao. Cuộc đời con người chỉ sống có một lần. Tôi luôn luôn

ghi nhớ ơn Cụ Cao đã cho tôi thêm thời gian sống, tới hôm nay đã hơn sáu mươi năm. Tôi luôn sống giúp đời, hành đạo sao cho xứng đáng với công người đã cứu tôi. Tôi sống vị tha hơn và cố gắng hết sức mình cho đạo, cho đời theo tấm gương của Cụ.”



Nhìn vào bản tiểu sử của Anh Lớn Nguyễn Văn Nhị có bí số 77, tôi hơi ngạc nhiên và suy nghĩ: một chức sắc hoạt động tôn giáo công khai, và hoạt động xã hội bình thường sao lại có bí số. Tìm hiểu thêm tôi mới biết Anh Lớn hoạt động cách mạng theo đường dây bí mật đơn tuyến. Và càng ngạc nhiên hơn, Anh Lớn là một đảng viên Cộng Sản, do ông Ngô Thanh Đạm – Bí thư Tỉnh ủy – kết nạp đơn tuyến, đã hoạt động cách mạng trong suốt hai thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Nhiều cán bộ cách mạng được Anh Lớn che giấu, bảo vệ và nuôi dưỡng. Tuy gia đình không phải giàu có dư dả gì nhưng sẵn sàng chia sẻ, bí mật tiếp tế lương thực, thuốc men, kể cả vũ khí đạn dược cho cách mạng. Anh Lớn đã chỉ đạo tổ chức bí mật tham gia chuẩn bị hậu cần cho cuộc tổng tiến công Mậu Thân.

Về hoạt động đấu tranh công khai với chính quyền Ngô Đình Diệm, Anh Lớn trực tiếp gặp đối thoại có tình có lý với Tổng thống Ngô Đình Diệm, đấu tranh giữ tịnh thất và dân đạo không bị tập trung vào áp chiến lược của giặc.

Với cương vị Giáo sư Cao Đài, Đầu họ đạo tỉnh Định Tường, Anh Lớn làm đơn đến phủ Tổng thống, Hạ viện, Nha động viên, đấu tranh hoãn quân dịch cho các tu sĩ, chức việc đang hành đạo. Can thiệp thả 17 tu sĩ bị ngục quyền bắt đi quân dịch.

Tham gia cùng Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên lập đài Ngưỡng Thiên cầu nguyện hòa bình tại Thánh tịnh Ngọc Sơn Quang – Đài hội cầu nguyện hòa bình trở thành diễn đàn đấu tranh hòa bình cho khu vực và thế giới.

Anh Lớn cùng Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên là một trong những Hội Thánh tham gia

tích cực vào Liên giao I, Liên Giao II của các Hội Thánh Cao Đài để bảo vệ Đạo, bảo vệ cách mạng trong thời kỳ toàn dân chống Mỹ cứu nước.

Đặc biệt, Anh Lớn được giao công tác tôn-giáo-vận nhiều tỉnh: Định Tường, Kiến Phong, Tân An, Định Tường.

Hòa bình lập lại trên đất nước Việt Nam, Anh Lớn hăng hái tham gia công tác xã hội, xây dựng chính quyền nhân dân. Năm 1976, Anh Lớn đắc cử Hội đồng Nhân dân tỉnh Tiền Giang, Phó chủ tịch Mặt Trận Tổ Quốc tỉnh Tiền Giang. Từ năm 1985, tuổi đã cao nên nghỉ hưu. Tuy nghỉ hưu, vẫn là thành viên của Mặt Trận Tổ Quốc tỉnh Tiền Giang, tiếp tục vận động tín hữu Cao Đài tham gia công tác từ thiện xã hội góp phần xây dựng cuộc sống của quê hương.

Anh Lớn sinh ra trong một gia đình có truyền thống đạo đức, lại có may duyên ở gần những Thánh tịnh như: Huỳnh Cung Đàm, Thiên Thai Tịnh. Từ nhỏ đã có dịp tiếp xúc sớm với cơ đạo, phái Tiên Thiên đang hình thành, được hầu cơ, học đạo, làm công quả, đặc biệt được Đức Chí Tôn điểm đạo rất sớm. Năm 12 tuổi đã được chọn vào hàng Tứ Bửu Thanh Đồng cùng thời với ông Trần Chí Viễn. Từ năm 1930 (14 tuổi), được Ông Trên chọn làm độc giả cùng Trương Đình Lành làm Điển ký, đi hầu đàn nhiều nơi. Năm 1935 (19 tuổi) được phong Lễ Sanh tại Thánh tịnh Thiên Thai, được ban Thánh danh Chơn Thiện Quang. Đến năm 1956, được phong Giáo hữu tại Thánh tịnh Cửu Linh Môn, làm phó Đầu họ Đạo tỉnh Định Tường. Năm 1962, là Giáo sư tại Thánh tịnh Châu Minh, làm Đầu họ Đạo tỉnh Định Tường. Năm 1974, là Chánh Phối sư tại Thánh tịnh Minh Đức, ngoại viện của Hội Thánh Tiên Thiên. Nhiệm kỳ 2000– 2005, 2005–2010, chánh vị Thái Đầu sư. Nhiệm kỳ 2010– 2015 giữ chánh vị Thích Chưởng Pháp, lãnh đạo Thượng Hội – Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên.

Suốt cuộc đời hành đạo, Anh Lớn gánh nhiều trọng trách của Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên, góp nhiều công lao xây dựng Hội Thánh từ giai đoạn đầu cho đến Hội Thánh hoàn nguyên, và

tiếp tục lãnh đạo xây dựng Hội Thánh ngày càng hoàn thiện. Là một chức sắc mẫu mực, được đồng đạo kính yêu, quý trọng.

Từ lúc còn là Thanh đồng đã được Thầy điểm đạo:

*NHỊ đã trở trong cơn mùa hạ  
Trước phải lo công quả vun bồi  
Trần gian sóng dập gió dồi  
Sau ra hành đạo giúp đời cơn nguy.  
Đàn tại Thánh tịnh Minh Đức Thầy dạy:  
Chơn Thiện Quang hiểu rõ mối manh  
Ngược xuôi dòng nước khúc co quanh  
Bước đường không nệ đời mưa nắng  
Phi thị vào ra kể ngọn ngành.*

Anh Lớn luôn sống bằng tấm lòng vị tha, không thành kiến với sai lầm của người khác, tự nguyện làm nghĩa vụ công dân, tích cực tham gia công tác cách mạng nhưng luôn luôn giữ được tâm thành, vì đạo vì Thầy.

Tại Thánh tịnh Hòa Minh Trước Cảnh, Thầy dạy tiếp:

*Chơn Thiện Quang công dày quả đậm  
Bức Thiên Đố thẳng đậm thang mây  
Nặng lòng vì nghĩa đạo Thầy  
Hòa trên hiệp dưới đồng tâm quân gi  
Khuyên con trẻ khuyh nguy nâng đỡ  
Biết con hiền tận sở lo kham  
Con ôi quốc đạo vẻ vang  
Đồng xông tây đụt vì mang mạng trời.*

Hơn 80 năm hành đạo giúp đời, sống không phút giây ngơi nghỉ, góp nhiều công sức trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, Anh Lớn là một chức sắc tài đức vẹn toàn mẫu mực của Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên và của toàn Đạo nói chung.

Con người ở cõi nhị nguyên, không ai thoát khỏi luật sinh lão bệnh tử. Ngày 28 tháng 11 Nhâm Thìn (2012), Anh Lớn từ bỏ tấm thân tứ đại, Tiên linh đã về nơi cõi vĩnh hằng, vẫn còn để lại một tấm gương chói ngời: sống vị tha – hành đạo giúp đời, cho đàn hậu tấn tiếp bước noi theo.■

# SỨ MẠNG ĐẶT ĐỀ?

(TIẾP THEO TRANG 58)

*“Nguyện xem thường vật chất hồng mao.” (...)  
“Nguyện nung nấu can trường thiết thạch,  
Nguyện giữ gìn son sắt thủy chung.”*

Chân lý chỉ có một, điều cốt lõi là chúng ta có thực thi rốt ráo Thánh ý của các Đấng Thiêng Liêng hay không, có vượt được lên chính mình, để hai cõi sắc không chung cùng sứ mạng, hoàng hóa độ nhơn, phổ truyền chánh pháp chơn tu, phổ thông chơn lý đại đồng, đưa nhân loại thoát vòng tứ khổ, trở lại bản nguyên.

Đức Lý Giáo Tông dạy: *“Sứ mạng Thiên ân của con người Đại Đạo là biển cả, là bản thể vô biên. Ai chưa ở vào chủ vị đó là chưa đạt đến sứ mạng cứu độ kỳ ba trong quyền pháp Đạo.”*<sup>8</sup>

Lời dạy mang tính triết lý sâu rộng, chỉ có cảm nhận bằng trực giác, bằng tâm linh mới lãnh hội được Thánh ý. Sứ mạng Thiên ân của con người Đại Đạo là bản thể vô biên”, biển cả thì mệnh mông, bản thể thì vô biên, biểu trưng sự to lớn vĩ đại tột cùng của Đạo, mà Đạo thì bất khả tư nghì. Thánh ý lại muốn chúng ta phải đứng vào vị trí chủ chốt, vai trò chủ đạo, mới cân xứng với tầm vóc Đại Đạo, với sứ mạng cứu độ kỳ ba trong quyền pháp Đạo.

## KẾT LUẬN

Các cấp chức vụ nhân viên trong guồng máy Cơ Quan, là những người đã quì bách mạng tự nguyện lãnh trách vụ hành đạo trước Đức Chí Tôn và Hội Công Đồng Tam Giáo phải ý thức trách nhiệm thiêng liêng để đem hết lòng chí thành thực hiện sứ mạng Thiên ân của mình. Có như thế mới đáp đền được thâm ân mà các Đấng Thiêng Liêng đã dày công hộ trì dạy dỗ.

Sắp xếp gia sự, ổn định thế sự, để hoàn thành đạo sự, xứng đáng là một nhân viên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý đúng nghĩa.■

8. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-4 Canh Thân (28-5-1980).



vui học

# SỬ ĐẠO CAO ĐÀI

Tập 3

■ TRẦN NGỌC TÂM BIÊN SOẠN

## KHÔNG BIẾT SỬ ĐẠO CAO ĐÀI LÀ KHÔNG BIẾT ĐỨC NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ

Đạo Cao Đài là một tôn giáo mới, được Đức Chí Tôn khai sáng vào đầu thế kỷ XX tại Việt Nam. Đem Lễ Giáng Sinh 24-12-1925, Ngài giảng cơ dạy như sau:

■ NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỔ TÁT MA HA TÁT GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG.

*Muôn kiếp có Ta nắm chủ quyền,  
Vui lòng tu niệm hưởng ân thiên;  
Đạo mầu rưới khắp nơi trần thế,  
Ngàn tuổi muôn tên giữ trọn biên.*

(THÁNH NGÔN HIỆP TUYỂN, Q1, 1973, TR.5).

1. Đức Chí Tôn dạy các môn đệ hai nhánh Một và Hai “sum hiệp” với nhau, phải “nghe và tuân theo”. Chấp hành theo lệnh Đức Cao Đài, Ngài ... hướng dẫn chư vị: Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Lê Văn Trung, Đoàn Văn Bản, v.v. đến hội ngộ với ngài Ngô Văn Chiêu (lúc ấy Ngài Ngô đang ngụ tại lầu hai, số 110 đường Bonard, nay là Lê Lợi – Quận 1). Đó là vị Tiên Khai Đại Đạo nào?

- Lê Văn Lịch.
- Cao Quỳnh Diêu.
- Như Nhân.
- Vương Quan Kỳ.

2. Lễ Vía Trời lần đầu tiên được tổ chức ngày Mừng 9 tháng Giêng năm Bính Dần (20-02-1926) khi hai nhánh “sum hiệp” tại nhà vị Tiên Khai Đại Đạo nào?

- Vương Quan Kỳ.
- Phạm Công Tắc.
- Lê Văn Trung.
- Cao Hoài Sang.

3. Để chánh thức là người môn đệ của Đức Cao Đài, việc trước tiên phải làm gì?

- Ăn chay và tụng Sám Hối.
- Ăn chay và thiết lập Thiên Bàn.
- Học giáo lý và công quả.
- Ăn chay và cúng tứ thời.

4. “Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát Giáo Đạo Nam Phương.

*Nhiên Đăng Cổ Phật thị Ngã,*

*Thích Ca Mâu Ni thị Ngã,*

*Thái Thượng Nguơn Thi thị Ngã,*

*Kim Viết Cao Đài.”*

Lời dạy này đã được Thầy giảng dạy ở đâu?

- Thánh thất Cầu Kho.
- Nam Thành Thánh thất.
- Vĩnh Nguyên Tự.
- Từ Lâm Tự Gò Kén.

5. Tại chùa ... ngày 08-6 Bính Dần (17-7-1926), Thầy giảng dạy:

*“Ngọc Đầu Sư khả tu truyền pháp, thuyết đạo.*

**Kẻ nào trai giới đặng 10 ngày trở lên thọ bửu pháp đặng.”**

- a. Giác Hải.
- b. Phước Hải.
- c. Vĩnh Nghiêm.
- d. Vĩnh Nguyên.

**6. Pháp Chánh Truyền đã được Đức Thượng Đế giáng cơ ban bố vào ngày nào, tại đâu?**

- a. 16-10 Bính Dần tại Từ Lâm Tự (Thiền Lâm Tự).
- b. 15-10 Bính Dần tại Từ Lâm Tự (Thiền Lâm Tự).
- c. 17-10 Bính Dần tại Từ Lâm Tự (Thiền Lâm Tự).
- d. Tất cả đều sai.

**7. Tân luật được ban hành ngày 07-3-1927 (04-02 Tân Mão). Thứ tự nội dung Tân Luật gồm ba phần nào đúng nhất?**

- a. Phần Thế Đạo – Phần Thế Luật – Phần Tịnh Thất
- b. Phần Tịnh Thất – Phần Thế Luật – Phần Thế Đạo
- c. Phần Đạo Pháp – Phần Thế Luật – Phần Tịnh Thất.
- d. Phần Thế Luật – Phần Đạo Pháp – Phần Tịnh Thất.

**8. Cơ cấu nào dưới đây của đạo Cao Đài là đúng nhất?**

- a. • Bát Quái Đài: Phần hữu hình của Đạo.
  - Hiệp Thiên Đài: Phần bán vô hình của Đạo.
  - Cửu Trùng Đài: Phần hình thể của Đạo.
- b. • Bát Quái Đài: Phần bán vô hình của Đạo.
  - Hiệp Thiên Đài: Phần bán hữu hình của Đạo.
  - Cửu Trùng Đài: Phần hình thể của Đạo.
- c. • Bát Quái Đài: Phần vô hình của Đạo.
  - Hiệp Thiên Đài: Phần bán vô hình, bán hữu hình của Đạo.
  - Cửu Trùng Đài: Phần hình thể của Đạo.
- d. Tất cả đều sai.

**9. Trong Tam Kỳ Phổ Độ, Đài nào thuộc phần Thiên?**

- a. Hiệp Thiên Đài.
- b. Bát Quái Đài.
- c. Cửu Trùng Đài.

d. Cả ba đều đúng.

**10. Cửu Trùng Đài là tổ chức hữu hình của Đạo, từ trên xuống dưới có mấy phẩm?**

- a. 12
- b. 7
- c. 9
- d. 8

**11. Sắp xếp sao cho đúng nhất về chi Pháp của Hiệp Thiên Đài?**

- a. Hộ Pháp, Bảo Pháp, Hiến Pháp, Khai Pháp, Tiếp Pháp.
- b. Hộ Pháp, Hiến Pháp, Bảo Pháp, Khai Pháp, Tiếp Pháp.
- c. Hộ Pháp, Bảo Pháp, Khai Pháp, Hiến Pháp, Tiếp Pháp.
- d. Hộ Pháp, Tiếp Pháp, Khai Pháp, Hiến Pháp, Bảo Pháp.

**12. Sắp xếp sao cho đúng nhất về chi Đạo của Hiệp Thiên Đài?**

- a. Thượng Phẩm, Bảo Đạo, Hiến Đạo, Tiếp Đạo, Khai Đạo.
- b. Thượng Phẩm, Bảo Đạo, Hiến Đạo, Khai Đạo, Tiếp Đạo.
- c. Thượng Phẩm, Hiến Đạo, Khai Đạo, Tiếp Đạo.
- d. Thượng Phẩm, Bảo Đạo, Tiếp Đạo, Khai Đạo, Hiến Đạo.

**13. Sắp xếp sao cho đúng nhất về chi Thế của Hiệp Thiên Đài?**

- a. Thượng Sanh, Bảo Thế, Hiến Thế, Khai Thế, Tiếp Thế.
- b. Thượng sanh, Bảo Thế, Khai Thế, Hiến Thế, Tiếp Thế.
- c. Thượng Sanh, Khai Thế, Tiếp Thế, Hiến Thế, Bảo Thế.
- d. Thượng Sanh, Tiếp Thế, Khai Thế, Bảo Thế, Hiến Thế.■

**GIẢI ĐÁP:**

1D • 2A • 3B • 4C • 5D • 6A • 7C • 8C • 9B • 10C • 11A • 12B • 13A.■

# TÌM HIỂU VỀ MINH TRIẾT

## ■ THIÊN CHÍ TỔNG HỢP

### MINH TRIẾT CỦA ĐỜI THƯỜNG

#### – TÁC GIẢ TRẦN SÁNG

Nếu triết học là thứ gia bảo trân quý giành cho các học giả thông thái truy tìm các câu hỏi về bản thể luận, nhận thức luận, phương pháp luận về sự vật hiện tượng, thì minh triết là của đời thường, của quảng đại chúng sinh. Nó giúp cho cái thực tại siêu việt vượt qua tầm kiểm soát của ngôn ngữ trở về dưới hình dạng chất phác giản dị.

Nó như một thái độ sống cần mực, khoan hòa, thuận thảo, trên hợp với lẽ Trời, dưới thuận lòng người. Nó kết hợp được nghĩa lý của cả hai lẽ âm dương, cả đức kiên, cương, hoạt, mãnh của dương và đức khiêm, nhu thuận, trầm, của âm. Để tạo sinh vạn vật, để giữ cho sự vật được thái hòa giữa vũ trụ huyền.

Nó giúp cho sự vật hiện tượng trở về với chữ Hòa, vốn dĩ đã bị lãng quên từ lâu.

Theo Ngô Thời Sĩ: Minh triết là tính sáng khôn: “Minh triết là tính sáng khôn chủ yếu được sống và sống ở bình diện đạo lý đời thường, tuy vậy không xa lạ với đạo lý Thánh hiền, thiên về cảm hóa lòng người hơn là quở trách thói đời.”

Hoàng Ngọc Hiến: Cần nhắc giữa 3 từ: “trí khôn”, “sự khôn

ngoan”, “tính sáng khôn”, cuối cùng tôi chọn từ “tính sáng khôn”, “tính sáng” như là một thuộc tính của “minh tâm” và Phật tính là một từ của nhà Phật được nhắc đến nhiều lần trong bài “Cư trần lạc đạo phú” nổi tiếng của Trần Nhân Tông (1258–1308).

Theo Kim Định: Tư duy triết lý phương Đông mang những đặc điểm của tư duy minh triết mà những nét tiêu biểu nhất là:

– “Lấy cứu cánh con người làm trọng tâm suy nghĩ, lấy sự thực hiện đến rốt ráo cái tính bản nhiên con người làm mục tiêu (tận kỳ tính) [réaliser l’humanité].”

– Những lời huấn đức minh triết được trình bày “tuy vấn tất kiểu châm ngôn nhưng có hiệu lực muôn đời như: Pythagore, Khổng Tử, Lão Tử, Thích Ca, v.v.” (Hoàng Ngọc Hiến).

– Những nhà hiền triết “lo sống cái minh triết hơn là nghĩ đến viết ra sách vở” họ cố gắng thực hiện minh triết “không phải ngoài cõi nhân sinh mà ngay trong đời sống, trong lối cư xử, trong cử chỉ.”

– Phương pháp của tư duy minh triết “là thể nghiệm, trực giác, không dùng đến lý luận, phân tích”, “lý chúng, luận

bàn” đương nhiên là không xây dựng hệ thống.

### BÁCH KHOA TỰ ĐIỂN WIKIPEDIA ENCYCLOPEDIA

– Minh triết là một sự hiểu biết sâu rộng và thực hiện ở con người, những sự vật, sự kiện hay hoàn cảnh, kết quả của khả năng lựa chọn hoặc hành động để tạo ra kết quả tốt nhất với ít thời gian và năng lượng nhất. Minh triết là khả năng đạt đến sự tối ưu, áp dụng nhận thức và sự hiểu biết để đạt được kết quả mong đợi. Minh triết là khả năng nhận thức được đâu là sai hay đúng đi đôi với đánh giá về hành động. Đồng nghĩa với thông thái, sáng suốt, thông tuệ. Minh triết thường đòi hỏi ở khả năng kiểm soát phản ứng và cảm xúc (niềm đam mê) vì thế một nguyên tắc là lý lẽ và sự hiểu biết sẽ xác định hành động.

– Minh triết là một khái niệm triết học khá mới và được kỳ vọng có thể đem lại sự thay đổi mới mẻ ở nhận thức của con người trong bối cảnh xung đột giữa các nền văn minh trên thế giới ngày càng tăng. Minh triết là cách sống đàng hoàng, hản hoi mà chẳng hề giảm đạp lên bất cứ một giá trị nào khác, Minh triết đơn giản là sống tốt cho mình

và tốt cho mọi người, là sống tốt không chỉ cho hôm nay mà cho cả tương lai, là xây dựng cuộc sống của con người dựa trên tư duy khách quan và không bị chi phối bởi tàn dư lịch sử để lại. Không bảo thủ, không kiêu ngạo, không miệt thị, không mơ hồ, không độc đoán. Sống như chúng ta đáng phải sống ấy chính là cách sống Minh triết.

– Một định nghĩa chuẩn một cách triết lý nói rằng Minh triết bao gồm việc sử dụng tốt nhất những hiểu biết (knowledge). Ngược lại với Minh triết là điên rồ. Trong siêu hình học, Aristotle định nghĩa Minh triết là sự hiểu biết về nguyên nhân tại sao sự vật tồn tại với kiểu cách riêng biệt.

GHI CHÚ: Freduci Philomathis, “Thế nào thì được gọi là minh triết?”, Báo Behind the State of the Art, Maybell, Colorado, 2006, p.1. Minh triết ngày càng quan trọng trong sự phát triển như được phản ánh trong E.F. Schumacher: Con người còn xa để có đủ khôn ngoan để tồn tại mà không có minh triết. Trong “cái nhỏ là cái đẹp”, Harper và Row, New York, 1989, tr.33.

### **MINH TRIẾT TRONG ĐỜI SỐNG ĐẠO**

• “Này các con! Tiết xuân hòa dịu đã đến trần gian. Các con đều dừng bước để đón xuân, vui xuân và gác hết nỗi ưu tư nhọc nhằn trong năm cũ. Các con cũng nên ghi lại những gì xấu tốt, nên hư bỉ thối, thăng trầm trên quãng đường các con vừa đi qua.

*Nắng hạ mưa thu đông tàn rét muốt, những kinh nghiệm sống ưu và khuyết đó sẽ đem đến cho con kỳ vọng nào để canh tân hơn, hoàn thiện hơn, cho bước đường sang giai đoạn mới trong năm mới.”<sup>1</sup>*

• “Đạo muốn đạt được chỗ bí yếu là cái cứu cánh và tác dụng đó các con. Nếu không đạt được cái cứu cánh và tác dụng đó thì dầu với danh từ nào tốt đẹp hoặc tổ chức nào nói rằng tốt đẹp cách mấy đi chăng nữa cũng không ý nghĩa gì hết. Có phải vậy không các con?”<sup>2</sup>

• “Các con ơi! Luôn luôn lúc nào và bất cứ ở đâu cũng vậy, các con phải kiểm điểm và tâm niệm rằng mình là người có đạo, mang một hoài bão cao cả, một lý tưởng cao cả trong sứ mạng thế Thiên hành hóa, giáo dân vi thiện, đem đạo cứu đời. Mình phải nói gì, phải nghĩ gì và phải làm gì để thực hiện cái hoài bão lý tưởng của người sứ mạng đó.”<sup>3</sup>

• “Biết thời trời hạn hán phải chứa nước đào ao. Biết lúc mưa to phải tìm phương che đụt. Biết đường tiến thoái, biết dùng phương tiện để minh triết bảo thân, để trung thành đạo sự, đó là con ngoan của Thượng Đế vậy.”<sup>4</sup>

• Minh triết bảo thân: “Đạo pháp trường lưu, hành giả quyết tâm giác ngộ xuôi thuyền về bến giác thì ý chí phải kiên cường, biết lúc nên đi thì đi, lúc nên đậu thì đậu. Đêm trăng sáng, dầu nước ngược cũng có thể dong thuyền. Ngày mà âm u, dầu xuôi dòng cũng nên cắm sào ngồi nghỉ. Đó là minh triết để bảo thân. Cũng vẫn chiếc thuyền mà người thuyền trưởng khéo bẻ lái trở lèo cho thuyền vượt qua những cơn sóng to gió lớn. Đó là việc đáng lưu ý. Nhưng điều quan trọng hơn hết là những tay thủy thủ có thật tâm gìn giữ con thuyền trước bao vạn sanh linh đang lặn hụp hay không? Nếu đã thật tâm thì vui cùng vui, khổ cùng khổ, một tâm chẳng đôi, một chí chẳng đời thì tiến hành dầu khó khăn cũng đạt nhiều kết quả. Đó là trung thành sự Đạo.”<sup>5</sup>

• Minh linh: “Người tu hành học đạo là tìm lại cái tâm minh linh đã ẩn tàng hằng tính của Thượng Đế giảng trung. Người muốn tìm lại, trước phải yên lặng để trau dồi gột rửa những lớp tham, sân, si, dục, đang dày đặc theo bức vô minh để thấy được đạo tài thành của thiên địa. Người noi theo đạo ấy tức là hòa hợp Thiên lý phục hồi bốn thể chơn như vậy.”<sup>6</sup> ■

1.Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-12 Giáp Dần (10-02-1975).

2.Đức Chí Tôn, Thiên Nguyệt Lâm Huyền Châu, 14-7 Kỷ Dậu (26-8-1969).

3.Đức Chí Tôn, Thiên Nguyệt Lâm Huyền Châu, 14-7 Kỷ Dậu (26-8-1969).

4.Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-7 Đinh Tỵ (29-8-1977).

5.Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-02 Đinh Tỵ (03-4-1977).

6.Đức Quan Âm Bồ Tát, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-6 Giáp Dần (02-8-1974).

## I. ĐỊNH NGHĨA QUYỀN PHÁP

Quyền pháp là năng lực thực thi một hoặc nhiều nhiệm vụ được giao phó để đạt đến mục đích đã ấn định.

Quyền là năng lực của một chủ thể có đủ điều kiện tác động vào một hay nhiều đối tượng là thực thể, vật loại, tổ chức, tập thể hay cá nhân con người.

Pháp là trật tự, quy luật, cơ chế, theo đó chủ thể lần đối tượng phải tuân thủ để vận động đạt đến cứu cánh.

Quyền Pháp, theo nghĩa phổ quát nhất, là động năng hay tiềm năng siêu nhiên bất diệt ở trong bất cứ chủ thể nào trong vũ trụ, đang vận động điều khiển, điều hòa sự sanh hóa và điều độ sự tiến hóa của vạn vật.

## II. CÁC YẾU TỐ CẤU THÀNH QUYỀN PHÁP

1. Cấp trên giao phó.

2. Người nhận lãnh.
3. Nhiệm vụ phải hoàn thành.
4. Mục đích đã đề ra.

## III. CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI CẤP GIAO PHÓ QUYỀN PHÁP

- Là lãnh đạo trực tiếp hoặc gián tiếp của tổ chức.
- Cần nêu rõ tôn chỉ, mục đích, phương châm hành sự (cho cấp dưới).
- Chọn người được tín nhiệm và phù hợp với chức năng.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác và theo dõi giúp đỡ người được giao nhiệm vụ.

## IV. CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI NHẬN LÃNH QUYỀN PHÁP

- Hiểu rõ mục đích yêu cầu nhiệm vụ được giao.
- Tự nguyện và có quyết tâm.

- Có óc sáng tạo.
- Tôn trọng tổ chức.
- Tự trọng.
- Có kỷ luật.

## V. HAI CHIỀU CỦA QUYỀN PHÁP

Quyền là hình thức thể hiện trước đối tượng, Pháp là thể hiện trước bản thân<sup>1</sup>.

Nói cách khác, khi người sứ mạng vận dụng khả năng chủ sử của tâm linh để tự thánh hóa chính mình hầu có thể hành động với tinh thần của một Thiên Sứ, thì khi đó cái Đạo, cái Tâm được thể hiện thành cái Pháp; còn khi vận dụng khả năng ấy cứu độ tha nhân, thì Đạo (Tâm) được thể hiện thành Quyền. ■

1. Đạo Học Chi Nam, Chương 4, tiết 4, mục 1.



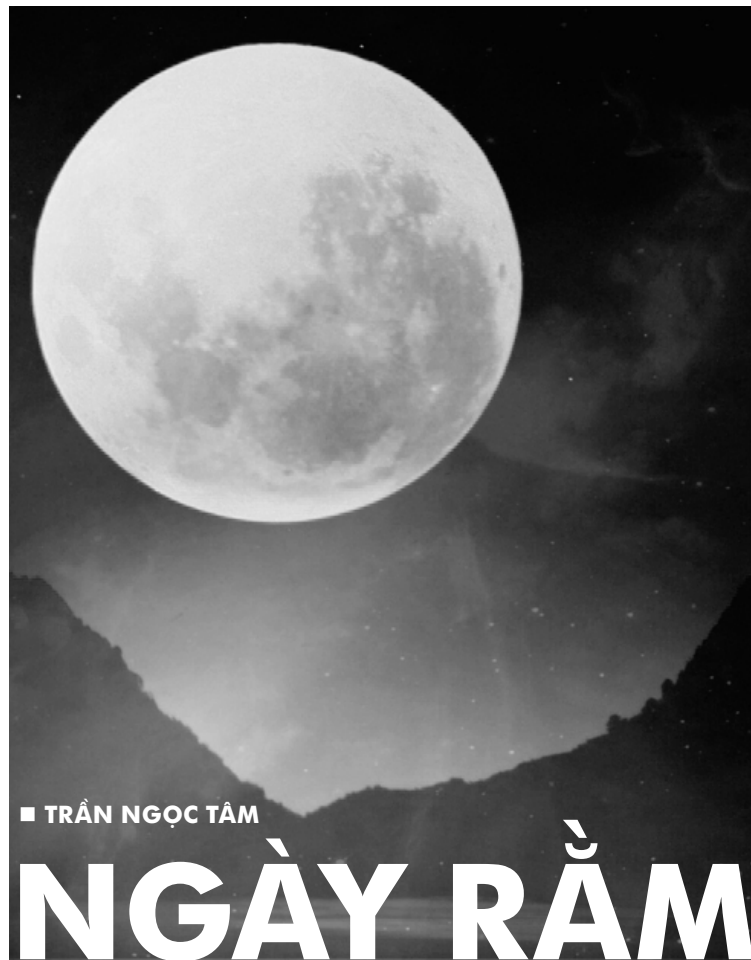
## THÁNH GIÁO

(...)

Lời lành để khuyên trên dặn dưới,  
Nước Ma Ha rán tưới lửa lòng;  
Sớm chiều tịnh định gia công,  
Thiếu nền âm chất khó hòng vị  
ngôi.  
Chung sức nhau tô bồi công quả,  
Bước hành trình một dạ sắt đing;

Công phu, công quả, công trình,  
Ba công đầy đủ chơn linh phi đảng.  
Giờ thôn môn cổ phần học lý,  
Chúc Phổ Thông Giáo Lý khắp  
cùng;  
Liên quan đạo đức hòa chung,  
Dưới trên đồng thể con chung  
một Thầy.

Lời đã can liên dây cho chặt,  
Nghĩa đại đồng Nam Bắc đừng  
lơi;  
Đạo tâm một kiếp chớ rời,  
Hành tròn sứ mạng vị ngôi trở về.  
ĐỨC MỤC KIẾN LIÊN, HUỒN  
CUNG ĐÀN, 08-4 NHÂM DẦN,  
(10-5-1962). ■



**D**ựa theo lịch Can Chi (âm lịch) các nhà làm lịch phương Đông ngày trước theo dõi sự tuần hoàn của mặt trăng. Người xưa có cách miêu tả riêng nói về hình dạng của trăng như:

- Mùng Một gọi là Sóc, “sóc” đồng âm với “tô” (sống lại, có nghĩa là mặt trăng sống lại.
  - Ngày Rằm (15) gọi là Vọng, ý nghĩa là trăng đầy, trăng tròn.
  - Ngày cuối tháng (30) gọi là Hối, nghĩa là hết trăng, không có ánh sáng.
  - Ngày mồng 8 gọi là Tai (sơ), sinh phách (ngày chủ không thời gian từ trăng hình bán nguyệt đến hình tròn).
  - Ngày 23 gọi là Tai Tử Phách (ngày chủ của khoảng thời gian từ trăng bán nguyệt đến mất hẳn).
  - Ngày 14 và 29 chuẩn bị sắp bước vào ngày vọng và ngày hối, lúc này diện mạo trăng không có gì đặc biệt.

Đa số tín đồ Phật giáo đều ăn chay mỗi tháng 4 ngày vào các ngày 14, 15, 29, 30 và không ít người ăn chay mỗi tháng 6 ngày tức thêm 2 ngày mùng 8 và 23. Người tín đồ Cao Đài ăn chay 6 ngày như trên và thập trai tức thêm các ngày mùng 1, 18, 24, 28.

Tất cả đều trùng hợp với những thời điểm có liên quan đến sự vận hành, chuyển hóa diện mạo của mặt trăng. Ngoài những ý nghĩa như đã trình bày, phải chăng còn mang thêm ý nghĩa tạo sự kết gắn mật thiết giữa Thiên và Nhân. Ngày Rằm biểu trưng cho sự khởi đầu tốt lành.

### **SỰ KIỆN CÁC TÔN GIÁO THƯỜNG ỨNG VÀO CÁC NGÀY RẪM**

Theo Phật giáo, ngày Rằm tháng Tư là ngày trăng tròn lịch sử, kỷ niệm một lúc 3 sự kiện: Đức Phật đản sanh, Thành Đạo và nhập Niết bàn. Phật giáo thế giới gọi ngày ấy là lễ “Tam Hợp”.

Phật đản sanh, mở đầu cho một kỷ nguyên an lạc và giải thoát. Ngày này, Phật tử trên toàn thế giới đón mừng ngày Đức Phật ra đời, phá màn vô minh từ vô lượng kiếp của chúng sanh và những gì bất công trong xã hội, đem lại hạnh phúc an vui cho nhơn loại. Phật tử tổ chức kỷ niệm ngày này để báo Phật ân đức, đồng thời thực hiện lời di huấn tối hậu của Đức Phật: “*Vì đại sự nhân duyên mà thị hiện để khai thị chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến.*”

Đức Phật Thích Ca thị hiện trong Nhị Kỳ Phổ Độ không ngoài mục đích nhằm đáp ứng nguyện vọng giải thoát khổ đau cho nhân loại. Bản thân là con người trần gian, là một vị hoàng tử của xứ Ấn Độ văn minh, nào là cung vàng điện ngọc, cung phi mỹ nữ ca múa ngày đêm, lạc thú, vinh hoa. Nhưng Ngài đã ý thức rằng: Đó không phải là hạnh phúc đích thực của trần thế, mà hạnh phúc đích thực của cuộc đời là thoát ly sanh tử, khổ đau, tìm đến đời sống an lạc thanh thản, không tranh chấp, không hận thù, sống chan hòa trong niềm cảm thông chân chính, sống trong yêu thương hòa hợp.

Từ nhận thức đó, Ngài đã giã từ lạc thú trần gian ra đi tìm đạo để hôm nay thế gian có một kho tàng giáo lý vô tận trên lộ trình giác ngộ và giải thoát. Nền giáo lý đó đã giúp cho loài người trở về tự tánh thanh tịnh của chính mình, từ đó góp phần xây dựng cho xã hội an vui hạnh phúc.

### **NGÀY RẪM THÁNG MƯỜI TRONG PHẬT GIÁO**

“Theo quan niệm của ông bà tổ tiên ngày xưa, ngày này thiên đình cử Thần Tam Thanh xuống trần gian để xem xét việc tốt xấu về tâu với Ngọc Hoàng. Do vậy, mọi nhà phải tiến hành làm lễ để Thần Tam Thanh ban phúc lành, tránh tai họa và cũng là dịp “tiếp tân” cơm gạo mới cúng tổ tiên.

Thường thì học khấn vái như sau:

Hôm nay ngày Rằm tháng Mười là ngày Tết Cơm mới,

Chúng con thành tâm sắm lễ, quả cau lá trầu, Hương hoa trà quả, nấu cơm gạo mới, trộm nghĩ:

Cây cao bóng mát,

Quả tốt hương bay,

Công tài bồi xưa những ai tạo,

Của quý hóa nay con cháu hưởng,

Ơn Trời đất Phật Tiên, chư vị Tôn thần,

Sau nhờ ơn tổ tiên gây dựng, kể công tâu khổ biết là bao,

Đến nay con cháu dồi dào,

Hương miếng trần cam,

Nay nhân mùa gặt hái,

Gánh nếp tẻ đầu mùa,

Nghĩ đến ơn xưa,

Cày bừa vun xới,

Sửa nổi cơm mới,

Kính cẩn dâng lên...

Chúng con kính mời Ngài Bản Cảnh Thành Hoàng, chư vị Đại Vương, Ngài Bản xứ Thần linh Thổ Địa, Ngài Bản gia Táo quân, Ngũ phương, Long mạch, Tài Thần. Cúi xin các Ngài giáng lâm trước án chứng giám lòng thành thụ hưởng lễ vật... Chúng con lễ bạc tâm thành, trước án kính lễ, cúi xin phù hộ độ trì.

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT (3 lần).” ([www.giacngo.vn](http://www.giacngo.vn))

Đối với Cao Đài, ngày Rằm tháng Mười là ngày trọng đại, ngày Khai Minh Đại Đạo. Đức Chí Tôn dạy:

*Dưỡng dục quần sanh đức hiếu sanh,*

*Khai minh Đại Đạo, đạo tài thành.*

*Tam Kỳ tận độ an thiên hạ,*

(XEM TIẾP TRANG 130)

# QUAN ĐIỂM MỚI VỀ BỆNH UNG THƯ CỦA BỆNH VIỆN JOHNS HOPKINS

■ V.T. ST. • XUÂN PHONG DỊCH TỪ BẢN TIẾNG PHÁP — TÀI LIỆU THẢO LUẬN CỦA CFQ (CERCLE FRANCOPHONE À QUINHON) NGÀY 21—3—2013.

**M**ột trong những bệnh viện nổi tiếng nhất trên thế giới thay đổi quan điểm của mình về bệnh ung thư, Bệnh viện Johns Hopkins là một bệnh viện trường đại học nằm ở Baltimore, Maryland ở Hoa Kỳ.

Được thành lập nhờ tài trợ từ John Hopkins, ngày hôm nay nó là một trong những bệnh viện nổi tiếng nhất trên thế giới và năm thứ 17 liên tiếp được phân loại ở vị trí đầu tiên trong bảng xếp hạng của các bệnh viện tốt nhất tại Hoa Kỳ.

Sau nhiều năm nói với mọi người hóa trị liệu là cách duy nhất để điều trị và loại bỏ ung thư, Bệnh viện Johns Hopkins đã bắt đầu nói với mọi người rằng có những lựa chọn thay thế khác với hóa trị liệu: một cách hiệu quả để chống lại ung thư là không nuôi các tế bào ung thư với các chất dinh dưỡng cần thiết cho nó để nó không phát triển được

## THỨC ĂN CỦA TẾ BÀO UNG THƯ

### A. ĐƯỜNG

Là một loại thực phẩm của

bệnh ung thư. Không tiêu thụ đường là cắt bỏ một trong những nguồn quan trọng nhất của các tế bào ung thư. Có sản phẩm thay thế đường như saccharin, nhưng chúng được làm từ Aspartame và rất có hại. Tốt hơn nên thay thế đường bằng mật ong Manuka hay mật đường nhưng với số lượng nhỏ. Muối có chứa một hóa chất phụ gia để xuất hiện màu trắng. Một lựa chọn tốt hơn cho muối trắng là muối biển hoặc các loại muối thực vật.

### B. SỮA

Làm cho cơ thể sản xuất chất nhầy, đặc biệt là trong đường ruột. Tế bào ung thư ăn chất nhầy.

Loại bỏ sữa và thay thế bằng sữa đậu nành, các tế bào ung thư không có gì để ăn, vì vậy nó sẽ chết.

### C. CÁC TẾ BÀO UNG THƯ TRƯỞNG THÀNH TRONG MÔI TRƯỜNG AXIT

Một chế độ ăn uống là thịt đỏ có tính axit, tốt nhất là ăn cá, và một chút thịt gà thay vì thịt bò hay thịt heo. Hơn nữa,

thịt chứa kháng sinh, hormon và ký sinh trùng, rất có hại, đặc biệt đối với những người mắc bệnh ung thư. Protein thịt khó tiêu hóa và đòi hỏi nhiều enzym. Thịt không tiêu hóa ở lại và hư hỏng trong cơ thể dẫn tới tạo ra các độc tố nhiều hơn.

## GÓP PHẦN GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

A. Một chế độ ăn uống gồm 80% rau quả tươi và nước ép, ngũ cốc, hạt, các loại hạt quả, quả hạnh nhân và một ít loại trái cây đặt cơ thể trong môi trường kiềm. Chúng ta chỉ nên tiêu thụ 20% thực phẩm nấu chín, bao gồm cả đậu. Nước ép rau tươi cung cấp cho cơ thể co-enzyme có thể dễ dàng hấp thu và ngấm vào các tế bào 15 phút sau khi được tiêu thụ để nuôi dưỡng và giúp định hình các tế bào khỏe mạnh. Để có được các enzyme sống, giúp xây dựng các tế bào khỏe mạnh, chúng ta phải cố gắng uống nước ép rau (tất cả, bao gồm cỏ linh thảo) và ăn nhiều rau quả tươi 2 hoặc 3 lần mỗi ngày.

B. Không nên dùng CÀ PHÊ,



TRÀ và SÔ CÔ LA có chứa nhiều caffeine. TRÀ XANH là một lựa chọn tốt hơn vì có chất chống ung thư. Tốt nhất là uống nước tinh khiết hoặc nước lọc để tránh các chất độc và kim loại nặng trong nước thường. Không uống nước cất vì nước này có chứa axit.

C. Các thành các tế bào ung thư được bao phủ bởi một loại protein rất cứng. Khi không ăn thịt, những thành tế bào phóng thích nhiều enzym hơn, tấn công các pro te in của các tế bào ung thư và cho phép hệ thống miễn dịch tiêu diệt các tế bào ung thư.

D. Một số chất bổ sung giúp xây dựng lại hệ thống miễn dịch: Floressence, Essiac, chất chống oxy hóa, vitamin, khoáng chất, EPA, dầu cá... giúp các tế bào để chiến đấu và tiêu diệt các tế bào ung thư. Các chất bổ sung khác như vitamin E được biết đến bởi vì nó gây ra apoptose, cách bình

thường của cơ thể để loại bỏ các tế bào vô dụng hoặc bị lỗi.

E. Ung thư là một căn bệnh của cơ thể, tâm trí và tinh thần. Một thái độ hoạt động và tích cực hơn sẽ giúp các bệnh nhân ung thư chiến đấu và sống còn. “Giận dữ và không hiểu biết, không tha thứ sẽ đặt cơ thể vào tình trạng căng thẳng và một môi trường axit”. Học để có tâm hồn khả ái và yêu thương với một thái độ sống tích cực là rất có lợi cho sức khỏe. Học thư giãn và tận hưởng cuộc sống.

F. Các tế bào ung thư không thể sống trong một môi trường dưỡng khí (oxygénée). Luyện tập thể dục hàng ngày, hít thở sâu giúp lấy thêm nhiều oxy vào các tế bào. Liệu pháp oxy là một yếu tố giúp tiêu diệt các tế bào ung thư.

G. 1. Không để hộp nhựa trong lò vi sóng.

2. Không để chai nước trong tủ lạnh.

3. Không để tấm nhựa trong lò vi sóng.

Các hoá chất như dioxin gây ung thư, đặc biệt là ung thư vú. Dioxin rất có hại, đặc biệt là đối với các tế bào cơ thể. Đừng để trong tủ lạnh chai nước nhựa bởi vì nhựa sẽ “đổ mồ hôi” dioxin và làm nhiễm độc nước uống.

Gần đây, Tiến sĩ Edward Fujimoto, Giám đốc chương trình Wellness ở bệnh viện Castle, xuất hiện trong một chương trình truyền hình giải thích sự nguy hiểm của dioxin.

Ông nói rằng chúng ta không nên đặt hộp nhựa trong lò vi sóng, đặc biệt là các loại thực phẩm có chứa chất béo. Ông nói rằng do sự kết hợp của chất béo và nhiệt lượng cao, nhựa sẽ truyền dioxin vào thực phẩm và do đó vào cơ thể chúng ta. Thay vào đó, bạn có thể sử dụng thủy tinh như Pyrex hoặc gốm sứ để đun nấu.■

---

## LỊCH SỬ KHỞI ĐẦU...

(TIẾP THEO TRANG 107)

Bắc kỳ” tại Đà Nẵng với trên mười ngàn người từ các tỉnh miền Trung lân cận và phái đoàn Cao Đài miền Nam hội về (qua Liên Hòa Tổng Hội đại diện cho các Hội Thánh Tiên Thiên, Minh Chơn Đạo, Minh Chơn Lý,...)

Ở thời điểm lịch sử đó, sự hợp tác buổi đầu của đạo hữu Cao Đài thuộc hai nhánh ở miền Trung rất nồng ấm. Ngày nay tinh thần và truyền thống tốt đẹp này cần được luôn ôn nhớ và tiếp tục phát huy.

– Cũng nên ghi nhận Trung Thành Thánh thất còn có một tên gọi khác; mang đầy ý nghĩa lịch sử thể hiện việc chung lòng, chung tay đóng góp xây dựng của bốn đạo miền Nam cùng bốn đạo miền Trung; là “Nam Trung hòa thất”.

Tháng tư Quý Tỵ (2013).■

# BÁC SĨ CARLO URBANI

■ V.T. ST. • TRẦN VĂN PHÚC (TỔNG HỢP TỪ THE LANCET, UN NEWS CENTRE, WHO)



BÁC SĨ CARLO URBANI.

ẢNH: THEFAMOUSPEOPLE.COM

**N**gày này 10 năm về trước, cả thế giới hoảng loạn về đại dịch SARS. Bác sĩ Carlo Urbani (người Ý) đã đến Việt Nam, dành trọn tâm sức, trí tuệ để đẩy lùi căn bệnh đang đe dọa sự sống toàn cầu.

Ngày 29-3-2003, bác sĩ Carlo trút hơi thở cuối cùng. Nói về sự ra đi của ông, Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc khi đó là Kofi Annan đã viết: Carlo ra đi trong niềm tiếc thương vô hạn của đại gia đình Liên Hợp Quốc. Ông đã dành trọn đời mình cho sự nghiệp bảo vệ sức khỏe, cứu sống người bệnh. Carlo là người đã có công trong việc phát hiện sớm dịch SARS. Trớ trêu thay, khi Carlo đang nỗ lực giành giật từng bệnh nhân khỏi lưỡi hái tử thần thì chính căn bệnh quái ác ấy đã cướp đi mạng sống của ông...”

Bà Pascale Brudon, đại diện Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) ở

Việt Nam nhấn mạnh: “Carlo là một con người tuyệt vời, nếu không có ông có lẽ tất cả chúng ta đều bị dịch SARS tàn phá.”

## CARLO URBANI – NGƯỜI ĐẦU TIÊN NHẬN DIỆN HỘI CHỨNG HÔ HẤP CẤP NẶNG (SARS)

Ngày 26-02-2003, bác sĩ Carlo Urbani được mời đến Bệnh viện Việt Pháp (Hà Nội) để khám cho một bệnh nhân viêm phổi. Ông đã sớm nhận ra sự bất thường và ngay lập tức cảnh báo cho WHO, đồng thời cùng Bộ Y tế Việt Nam thúc đẩy việc lập hàng rào cách ly ngăn chặn dịch bệnh lây lan.

Bệnh SARS được phát hiện đầu tiên vào tháng 3 năm 2003, khi Bệnh viện Việt-Pháp (Hà Nội) tiếp nhận một bệnh nhân nước ngoài mắc bệnh lạ. Kể từ đó, SARS đã giết chết 774 người trong tổng số hơn 8.000 ca nhiễm trên toàn thế giới. Ở Việt Nam, dịch đã hoành hành trong 45 ngày, gây nhiễm 65 người, làm 5 người tử vong.

Dịch khởi phát từ Hong Kong, nhưng ở thời điểm đó các chuyên gia y tế đang nghi là cúm gia cầm. Chỉ trong thời gian ngắn, SARS vượt khỏi biên giới Hong Kong lan tới 37 quốc gia. Người nhiễm bệnh nhanh chóng suy hô hấp, suy đa phủ

tạng và tử vong. Sau khi nhận được sự cảnh báo của bác sĩ Carlo từ Việt Nam, nỗi hoảng loạn bao trùm thế giới. Ở những quốc gia có dịch SARS, khẩu trang y tế bán chạy nhất, trường học đóng cửa, nhà hàng đóng cửa, các trung tâm mua sắm vắng hoe, sản xuất bị đình trệ, người nước ngoài bỏ về nước...

Bác sĩ Carlo cũng được cảnh báo sự nguy hiểm, ông hoàn toàn có quyền và có lý do để về nước. Nhưng Carlo không bận tâm, ông thường xuyên túc trực bên giường bệnh, an ủi động viên và tìm cách chữa trị cho bệnh nhân. Là một chuyên gia bệnh truyền nhiễm, bằng những nghiên cứu đầu tiên của mình ở Việt Nam, Carlo đã giúp các đồng nghiệp nhanh chóng xác định virus gây bệnh.

Tạp chí Y khoa danh



CUỐI THÁNG 3-2003, CẢ THẾ GIỚI BÃO ĐỘNG VÌ CĂN BỆNH BÍ ẨN SAU ĐƯỢC GỌI TÊN LÀ SARS, KHẮP NƠI KHẨU TRANG BÁN CHẠY NHƯ TÔM TƯƠI, NHIỀU NƯỚC ĐÃ PHẢI RA LỆNH CẤM XUẤT NHẬP CẢNH. ẢNH: AP.

tiếng The Lancet viết: Biết rằng công việc của mình đang làm là nguy hiểm, nhưng Carlo Urbani nói với vợ “Nếu không làm những công việc này thì chúng ta đến đây để làm gì? Chẳng lẽ ngồi đọc thư điện tử, ký văn bản giấy tờ, đi dự tiệc? Chúng ta không được ích kỉ, mà phải suy nghĩ và hành động vì sự sống của người khác.”

Trung tuần tháng 3-2003, bác sĩ Carlo đi dự hội nghị khoa học ở Thái Lan. Vừa đặt chân xuống sân bay, ông thấy người mệt mỏi và sốt. Là người tiếp xúc trực tiếp và đối phó với căn bệnh SARS, Carlo hiểu rất rõ điều gì đang đến với mình. Một đồng nghiệp là bạn thân của ông đã lao đến ôm. Nhưng Carlo gạt đi, yêu cầu người bạn tránh xa, rồi ông kiên nhẫn đợi xe cứu thương đến.

Bà Giuliani Chiorrini đưa các con đến Bangkok, qua cửa kính, Carlo kịp nhìn mặt vợ con lần cuối, trong đó có đứa con út vừa tròn 4 tuổi.

Trong một khoảnh khắc tỉnh táo, đồng nghiệp thông báo cho Carlo cơn sốt của ông đã hạ. Nhưng Carlo không hề ảo tưởng, ông biết SARS đã không tha mạng sống cho ông. Tâm nguyện trước khi nhắm mắt, Carlo đề nghị các bác sĩ cắt lá phổi của mình để lại làm tiêu bản nghiên cứu. Và ông mãn nguyện: “Công việc liên quan đến tôi, dù nguy hiểm nhưng tôi thấy thoải mái, giờ đây tôi đã có tất cả.”

Sau khi Carlo mất 2 tuần, virus Corona đã được chỉ mặt vạch tên, đại dịch SARS được khống chế.

### **“NHIỆM VỤ CỦA BÁC SĨ LÀ ĐẾN BÊN NGƯỜI BỆNH”**

Đó là câu nói giản dị của bác sĩ Carlo khi ông đại diện cho Tổ chức Bác sĩ Không biên giới lên nhận giải Nobel hòa bình tại Stockholm (Thụy Điển) năm 1999. Câu nói này đã trở thành triết lí cho tất cả những nhân viên y tế đang khoác trên mình tấm áo choàng trắng.

Bác sĩ Carlo là người yêu cái đẹp, ông dành tình cảm đặc biệt cho âm nhạc, yêu thích hầu hết các bộ môn nghệ thuật. Nhưng trong sâu thẳm trái tim, bác sĩ Carlo còn có một tình yêu vĩ đại khác: đó là tình yêu thương vô bờ dành cho con người. Tuổi trẻ của bác sĩ Carlo gắn với công việc từ thiện, nhất là những người bị tật nguyền. Khi trở thành bác sĩ, những kì nghỉ hè thay vì đi du lịch hưởng thụ, Carlo tranh thủ khoác ba lô đầy thuốc đến châu Phi.

Ông nhận thấy, ở những quốc gia nghèo đói như châu Phi, nguyên nhân tử vong chính lại đến từ những căn bệnh hoàn toàn có thể chữa khỏi một cách đơn giản. Ông thất vọng mỗi khi chứng kiến bệnh nhân không phải chết vì bệnh lạ, mà chết vì những căn bệnh thông thường như tiêu chảy cấp hay viêm phổi, bởi

không ai chịu mang thuốc đến cho người bệnh.

Sau bao ngày trần trở, Carlo quyết định dời bệnh viện để trở thành chuyên gia của Tổ chức Y tế Thế giới mang thuốc đến cho người bệnh nghèo. Bạn bè coi việc Carlo gia nhập các bác sĩ WHO giống như việc ông từ bỏ cuộc sống giàu sang để quay lại thế giới của người nghèo.

Trong thời gian ở Việt Nam, bác sĩ Carlo tập trung nghiên cứu và điều trị bệnh giun đũa, một căn bệnh trở thành nỗi ám ảnh với ông. Carlo luôn băn khoăn tự hỏi: chỉ cần vài nghìn tiền thuốc, mỗi năm uống 2 lần là tất cả trẻ em đều hết bệnh giun, cơ thể không bị hao mòn, vậy mà tại sao rất ít người chịu làm? Một đồng nghiệp của Carlo, bác sĩ Palmer nhận xét: “Giun đũa không có gì hấp dẫn, nhưng hầu hết trẻ em xứ nhiệt đới đều mắc, còn bác sĩ Carlo là kẻ chống giun đũa quá khích.”

Ở Hà Nội, bác sĩ Carlo tự đi xe máy. Thỉnh thoảng ông đưa vợ con về các làng quê, sống cùng những người nông dân chân lấm tay bùn.

Tưởng nhớ đến ông, Tổng thống Italy Azeglio Ciampi từng nói: Ngành Y tế Thế giới có bốn phật ghi nhớ một vị bác sĩ anh hùng, một công dân can đảm, một người cha gia đình, một người chồng gương mẫu đã bị cướp đi bởi một căn bệnh kinh khủng do chính ông đang lần tìm ra nguyên nhân... ■

TRANG GÓP NHẬT

# HÒN ĐÁ CÔ ĐƠN

■ DIỆU THUẬN ST.



Từ rất lâu rồi, Emerald (Ngọc Lục Bảo) luôn được mọi người yêu mến vì nó là một trong những loại đá quý tạo nên sự quyến rũ cho nữ giới cũng như sự sang trọng cho những ai sở hữu nó.

Nhưng bản thân Ngọc Lục Bảo thì không như vậy, nó mặc cảm vì không có vẻ kiêu sa của hồng ngọc, hay vẻ thùy mị của ngọc trai. Bên cạnh đó, nó thấy rằng ít ai có thể đeo nó khi đến dự những buổi tiệc quan trọng vì màu sắc của nó rất kén chọn trang phục và dáng người. Chính vì thế mà ngày này qua ngày khác, sự tự ti càng lớn dần, cho đến một ngày nó bị người ta lãng quên thật sự khi người ta nhận thấy nó không

còn tỏa sáng và cũng giống như những thứ đá có màu sắc khác. Một thứ đá rất đơn thuần và không có điểm gì nổi bật. Nó dần bị đào thải và bị ném xuống suối để sống cuộc sống của đá cuội: lặng lẽ và cô đơn.

Rồi một ngày nọ, có một người thanh niên rất phong độ ghé ngang con suối nhỏ – nơi mà Ngọc lục bảo đang sống. Bất chợt, người thanh niên dừng lại, chàng ngồi cạnh bờ suối và suy nghĩ xa xăm. Chàng bỗng nhiên tâm sự một mình...

Câu chuyện rất lãng mạn về chàng và một nàng công chúa xinh đẹp, thông minh và có một trái tim rất lương thiện. Tiếng lành đồn xa,

chàng – hoàng tử của nước láng giềng đã lặn lội đường xa tìm đến. Chàng yêu công chúa từ cái nhìn đầu tiên nhưng công chúa không muốn lấy hoàng tử vì nàng đang đợi người mang món quà sinh nhật đến cho nàng như lời tiên đoán của bà tiên đỡ đầu: “Người ấy sẽ là chồng của công chúa vì người ấy sẽ trao cho công chúa một món quà mang đến một vẻ đẹp huyền bí và sang trọng vào bậc nhất. Nó mang đến một chút bí ẩn và quyền lực cho những ai sở hữu nó. Đó chính là một hòn đá với màu sắc rất riêng mà chỉ có thể tồn tại trong truyền thuyết... một hòn đá mang đến hạnh phúc.”

Sinh nhật lần thứ 18 sắp đến và công chúa đã chờ đợi người ấy quá lâu, nàng không thể từ bỏ sự mong đợi của mình vào phút cuối. Nhưng công chúa cũng rất yêu hoàng tử!... làm sao đây?... cuối cùng, công chúa lâm bệnh nặng mà không thuốc thang nào hiệu nghiệm. Nàng ốm liệt giường và bất tỉnh cả tuần lễ nay. Hoàng tử rất đau khổ vì ngày ngày phải nhìn thấy vẻ mặt công chúa ngày càng xanh xao. Cuối cùng, chàng quyết định ra đi tìm hòn đá ấy vì chỉ có hòn đá ấy mới mang lại hạnh phúc cho công chúa, mặc dù biết rằng sau khi tìm thấy hòn đá ấy thì công chúa sẽ lấy một người khác và hoàng tử sẽ thua cuộc. Nhưng không còn cách nào khác, thà hi sinh mình chứ chàng không muốn nhìn thấy công chúa chết. Vậy là chàng đã ra đi, chàng đi đã rất lâu mà vẫn không tìm thấy thứ đá ấy. Cuối cùng, chàng gần như kiệt sức và số phận đã đưa chàng đến con suối nhỏ này.

Nghe câu chuyện cảm động ấy tự nhiên hòn đá chảy nước mắt. Hòn đá cũng biết khóc vì nó có linh tính. Không biết nó khóc bao lâu nhưng nước mắt của nó đã cuốn trôi bao nhiêu rong rêu lâu nay bám trên người nó để lộ ra những đường nét sắc sảo trên cơ thể nó. Dưới làn nước trong xanh, mát lạnh, vẻ đẹp của nó tỏa sáng lấp lánh và tinh khiết hơn bao giờ hết. Bất chợt, hoàng tử nhìn thấy nó và người rất đổi ngạc nhiên khi nhìn thấy một hòn đá với màu sắc kì

lạ như vậy, người bước xuống suối và đến gần nó, chàng nhặt nó lên, ngắm nghía và chàng nhận ra đó chính là hòn đá mà công chúa chờ đợi. Ngay lập tức, hoàng tử mang nó về kinh đô, chàng giao nó cho một người thợ kim hoàn giỏi nhất để gọt giũa lại. Mấy ngày chịu đựng đau đớn đã qua, cuối cùng, Ngọc lục bảo đã về lại với chính mình, về lại với vẻ đẹp gần như hoàn hảo khi xưa. Nó được hoàng tử đem đến tặng cho công chúa. Rất khế, công chúa mở mắt ra, nàng nhìn thấy hòn đá ngay ngày sinh nhật của mình, nàng mỉm cười vì tấm lòng của hoàng tử, nàng khỏi bệnh!

Một tuần lễ sau, hai người tổ chức một lễ cưới rất đẹp và trang trọng. Công chúa không hề đeo bất kì trang sức nào ngoài chiếc nhẫn có đính một viên ngọc lục bảo. Ngọc lục bảo rất tự hào vì nó chính là món trang sức quý giá nhất được công chúa trân trọng đến thế. Ngay phút giây trọng đại nhất, bà tiên đỡ đầu xuất hiện, bà chúc công chúa một lời chúc cho hạnh phúc của hai người. Đoạn, bà đặt tay lên viên ngọc lục bảo và nói: “Không phải thời gian làm người ta lãng quên người, Ngọc lục bảo! Mà người bị lãng quên vì người không cố gắng tự làm mình tỏa sáng. Người biết không, người là một tạo vật của Thượng Đế. Không có một thứ gì Thượng Đế tạo ra lại vô dụng cả, người quá tự ti và chính sự tự ti khiến người không nhìn thấy cái đẹp trong chính người. Có thể với người này người không là gì cả nhưng với người khác người lại có một ý nghĩa to lớn... và sự thật đã chứng minh điều đó”.

Nói xong, bà tiên biến mất, nhưng ngọc lục bảo đã suy nghĩ rất nhiều. Từ đó, Ngọc lục bảo đã luôn tỏa sáng với một vẻ đẹp rất riêng, không lẫn lộn với bất kỳ thứ đá quý nào và nó đã được trân trọng cho đến ngày nay. Cuộc đời đẹp nhất khi chúng ta là chính mình và biết yêu quý bản thân mình.

“Mỗi người sinh ra đều có một ý nghĩa riêng, nếu không, thế giới này đâu cần có nhiều người đến như vậy”... ■

# GIA TÀI CỦA CHA



Có một người đàn ông yêu thích mỹ thuật. Ông ta say mê đến mức gần như sống vì niềm say mê của mình. Sư tập tranh là mục tiêu cả đời của ông. Ông làm việc rất chăm chỉ để dành tiền tiết kiệm nhằm mua thêm các tác phẩm hội họa cho bộ sưu tập của mình. Ông mua rất nhiều tác phẩm của các họa sỹ nổi tiếng. Người đàn ông này đã góa vợ. Ông chỉ có một người con trai. Ông đã truyền lại cho con mình niềm say mê sưu tầm đó. Ông rất tự hào về con trai của mình khi anh ta cũng trở thành một nhà sưu tầm nổi tiếng như ông.

Một thời gian sau, đất nước bỗng có chiến tranh. Người con trai, cũng như mọi thanh niên khác, lên đường tòng quân. Và sau một thời gian thì câu chuyện xảy ra...

Một hôm, người cha nhận được một lá thư thông báo rằng người con đã mất tích khi đang làm nhiệm vụ. Người cha đau khổ đến tột cùng. Thật là khủng khiếp khi người cha không thể biết được điều gì đang xảy ra với con mình.

Vài tuần sau ông nhận được một lá thư nữa.

Lá thư này báo với ông rằng con ông đã hy sinh khi làm nhiệm vụ. Ông gần như chết đi một nửa người. Thật khó khăn khi đọc tiếp lá thư đó, nhưng ông vẫn cố. Trong thư, người ta báo rằng con ông đã rút lui đến nơi an toàn. Nhưng thấy trên bãi chiến trường vẫn còn những đồng đội bị thương, con ông đã quay lại và đưa về từng thương binh một. Cho đến khi đưa người cuối cùng về gần đến khu vực an toàn thì con ông đã trúng đạn và hy sinh.

Một tháng sau, đến ngày Noel, ông không muốn ra khỏi nhà. Ông không thể hình dung được một Noel mà thiếu con trai mình bên cạnh. Ông đang ở trong nhà thì có tiếng chuông gọi cửa. Đứng trước cửa nhà là một chàng trai tay cầm một bọc lớn.

Chàng trai nói: “Thưa bác, bác không biết cháu, nhưng cháu là người mà con bác đã cứu trước khi hy sinh. Cháu không giàu có, nên cháu không biết đem đến cái gì để đền đáp cho điều mà con bác đã làm cho cháu. Cháu được anh ấy kể lại rằng bác thích sưu tầm tranh, bởi vậy

dù cháu không phải là một họa sỹ, cháu cũng vẽ một bức chân dung con trai bác để tặng cho bác. Cháu mong bác nhận cho cháu.”

Người cha đem bức tranh vào nhà, mở ra. Tháo bức tranh giá trị nhất vẫn treo trên lò sưởi xuống, ông thay vào đó là bức chân dung người con. Nước mắt lưng tròng, ông nói với chàng trai: “Đây là bức tranh giá trị nhất mà ta có được. Nó có giá trị hơn tất cả các tranh mà ta có trong căn nhà này.”

Chàng trai ở lại với người cha qua Noel đó rồi hai người chia tay. Sau vài năm, người cha bị bệnh nặng. Tin tức về việc ông qua đời lan truyền đi rất xa. Mọi người đều muốn tham gia vào cuộc bán đấu giá những tác phẩm nghệ thuật mà ông đã sưu tầm được qua thời gian. Cuối cùng thì buổi bán đấu giá cũng được công bố vào ngày Noel năm đó. Các nhà sưu tầm và những nhà đại diện cho các viện bảo tàng đều háo hức muốn mua các tác phẩm nổi tiếng. Tòa nhà bán đấu giá chật ních người. Người điều khiển đứng lên và nói “Tôi xin cảm ơn mọi người đã đến đông đủ như vậy. Bức tranh đầu tiên sẽ là bức chân dung này...”

Có người la lên: “Đó chỉ là chân dung đứa con trai ông cụ thôi! Sao chúng ta không bỏ qua nó, và bắt đầu bằng những bức có giá trị thật sự?”

Người điều khiển nói: “Chúng ta sẽ bắt đầu bằng bức này trước!” Người điều khiển bắt đầu “Ai sẽ mua với giá \$100?” Không ai trả lời nên ông ta lại tiếp: “Ai sẽ mua với giá \$50?”

Cũng không có ai trả lời nên ông ta lại hỏi: “Có ai mua với giá \$40?”

Cũng không ai muốn mua. Người điều khiển lại hỏi “Không ai muốn trả giá cho bức tranh này sao?” Một người đàn ông già đứng lên: “Anh có thể bán với giá \$10 được không? Anh thấy đấy, \$10 là tất cả những gì tôi có. Tôi là hàng xóm của ông cụ và tôi biết thằng bé đó. Tôi đã thấy thằng bé lớn lên và tôi thật sự yêu quý nó. Tôi rất muốn có bức tranh đó. Vậy anh có đồng ý không?”

Người điều khiển nói: “\$10 lần thứ nhất, lần thứ nhì, bán!”

Tiếng ồn ào vui mừng nổi lên và mọi người nói với nhau: “Chúng ta có thể bắt đầu thật sự được rồi!”

Người điều khiển nói: “Xin cảm ơn mọi người đã đến. Thật là vinh hạnh khi có mặt những vị khách quý ở đây. Buổi đấu giá của chúng ta sẽ dừng tại đây!”

Đám đông nổi giận: “Anh nói là hết đấu giá? Anh vẫn chưa đấu giá toàn bộ các tác phẩm nổi tiếng kia mà?”. Người điều khiển nói: “Tôi xin lỗi nhưng buổi bán đấu giá đã chấm dứt. Mọi người hãy xem chúc thư của ông cụ đây, NGƯỜI NÀO LẤY BỨC CHÂN DUNG CON TÔI SẼ ĐƯỢC TẤT CẢ CÁC BỨC TRANH CÒN LẠI! Và đó là lời cuối cùng!” ■

## TRANG THƠ

# ĐÈO LE QUÊ TÔI

■ CÔNG HUY

Sáng đến đỉnh đèo mờ sương phủ  
Chiều về mây ngũ đặc lối đi  
Dùng chân tựa đá nhìn thỏa thích  
Róc rách bên mình tiếng suối reo  
Bâng quơ thả mắt theo chân núi  
Xanh thăm làng quê điểm mấy nhà  
Choáng ngợp lũy hàng xa mới đến  
Một mảnh trời riêng quên thế gian  
Ai muốn mang về làm quà tặng  
Cho gởi thêm vầng trăng cuối thôn  
Còn tôi dẫu biết hồn say đắm  
Vẫn nhớ xa xăm một cõi về.  
Quế sơn, tháng 3-2013. ■



# CƠ THỂ BẠN

## đang cần loại quả nào?

■ THEO DÀN TRÍ • HỒNG PHÚC ST.

**T**hói quen sinh hoạt và ăn uống hàng ngày thiếu khoa học khiến bạn phải đối mặt với nhiều vấn đề về sức khỏe. Liều thuốc an toàn và hữu hiệu nhất là bổ sung các thực phẩm tự nhiên. Hãy biết lắng nghe cơ thể mình để tìm ra liều thuốc hữu hiệu này.



### NHUỘM TÓC NÊN ĂN BƠ

Thành phần hóa học trong thuốc nhuộm tóc khiến tóc khô, xơ và chẻ ngọn. Bơ rất giàu chất béo thực vật và vitamin E giúp phục hồi và dưỡng ẩm các tế bào tóc.

Sử dụng một mặt nạ tóc từ bơ sẽ tăng cường độ đàn hồi của tóc, giúp tóc bớt chẻ ngọn và luôn giữ được độ óng ả.

### SUY NGHĨ NHIỀU NÊN ĂN CHUỐI

Lao động trí óc lấy đi rất nhiều năng lượng và các khoáng chất của cơ thể. Nếu không được bổ sung kịp thời, bạn sẽ cảm thấy mệt mỏi và căng thẳng.

Chuối chứa nhiều serotonin, một chất truyền tín hiệu rất quan trọng trong não. Cứ 100g chuối cung cấp cho cơ thể hơn 1.7mg serotonin, có tác dụng cải thiện khả năng tập trung của não bộ.

Người làm việc trí não nên ăn mỗi ngày 2 quả chuối. Người già ăn chuối cải thiện được chứng rối loạn trí nhớ, ít bị trầm uất, khỏi bị táo bón, tiểu đường. Chuối giàu chất dinh dưỡng nhưng năng lượng vừa phải nên không gây tăng cân.

### BỆNH TIM NÊN ĂN BƯỞI

Cholesterol được coi là nguồn gốc gây nên hàng loạt các bệnh nguy hiểm, trong đó có bệnh tim. Hãy tích cực ăn bưởi bởi nó chứa nhiều pectin, một dạng chất xơ đặc biệt giúp làm giảm và cân bằng cholesterol trong máu.

Ngoài ra, bưởi chứa nhiều vitamin C giúp tăng cường sức đề kháng và làm giảm quá trình lão hóa tế bào.



### DA NHĂN NÊN ĂN XOÀI

Da nhăn do cơ thể bạn thiếu hàm lượng collagen thiết yếu. Khi đó, xoài là loại quả tốt nhất cho da bạn bởi nó giàu enzyme beta-carotene, có thể kích thích sức sống của các tế bào da, thúc đẩy chất thải,



giúp đẩy nhanh quá trình hình thành collagen, duy trì tính đàn hồi của da, từ đó ngăn ngừa sự xuất hiện của nếp nhăn một cách hiệu quả.



### **DÙNG NHIỀU MÁY TÍNH NÊN ĂN ĐU ĐỦ**

Học tập, đọc sách hoặc nhìn máy tính cả ngày khiến mắt bạn khô và đau nhức. Để cải thiện tình hình, hãy tăng cường ăn đủ hàng ngày.

Đu đủ chín là một nguồn tuyệt vời của chất chống oxy hóa vitamin C, vitamin E và carotenoid như beta-carotene và lycopene giúp ngăn ngừa sự lão hóa các tế bào trong cơ thể.

Ngoài ra, thành phần lutein và zeaxanthin, được gọi là hoàng thể tố (xanthophylls), tập trung ở khu vực điểm vàng của mắt, có chức năng bảo vệ chống lại năng lượng ánh sáng cao có thể gây tổn hại đến võng mạc mắt.



### **HÚT THUỐC NÊN ĂN NHO**

Các độc tố tích lũy trong cơ thể sau một thời gian dài hút thuốc sẽ làm phổi suy yếu. Nho có tác dụng giải độc rất tốt.

Ngoài ra, ăn nho giúp tiêu đờm và giảm bớt

tình trạng viêm đường hô hấp do hút thuốc gây ra. Nho nên có trong bữa ăn của những người mắc bệnh lao phổi giai đoạn đầu.



### **ĐAU CƠ BẮP NÊN ĂN DỨA**

Khi vận động nhiều khiến cơ bắp bị đau nhức, máu lưu thông kém, hãy chọn dứa để ăn hoặc ép làm nước giải khát.

Dứa có chứa các thành phần bromelain, có tác dụng chống viêm, có thể thúc đẩy quá trình phục hồi của các mô, đồng thời giúp tăng tốc độ trao đổi chất, cải thiện tuần hoàn máu, từ đó giúp giảm sưng và đau nhanh chóng.



### **THIỆU MÁU NÊN ĂN QUẢ ANH ĐÀO**

Khi hàm lượng chất sắt trong máu giảm, bạn dễ bị thiếu máu và cảm thấy chóng mặt, mệt mỏi. Quả anh đào giàu sắt và hàm lượng vitamin C giúp thúc đẩy quá trình hấp thu sắt và lưu thông máu trong cơ thể. ■

■ V.T. ST.

# *tiện dụng mà bổ dưỡng như* **NHO KHÔ**



**N**ho khô là nguồn cung cấp sắt dồi dào, chứa nhiều chất xơ rất thích hợp với người thiếu máu, bà bầu và những người hay bị táo bón. Nho khô là món ăn vặt như thuốc cho người bị cao huyết áp, nhờ tác dụng vừa lợi tiểu vừa bổ sung khoáng tố kali.

1. Nho khô giàu chất chống oxy hóa, giúp máu lưu thông tốt. Chất chống oxy hóa có trong nho khô có thể bảo vệ bạn chống lại sự lão hóa và ung thư.

2. Nho khô có chứa lượng calorie cao, vì vậy nho khô giúp các vận động viên có thêm năng lượng dồi dào trước khi thi đấu.

3. Nho khô chứa nhiều chất xơ nên là món ăn bầu bạn của người khổ vì táo bón và bệnh trĩ. Cũng nhờ tác dụng kéo chất béo qua đường ruột nên nho khô gián tiếp hạ cholesterol.

4. Nho khô có chứa chất axit oleanolic nên rất tốt cho răng và nướu, giúp ngăn ngừa và chống lại các vi khuẩn gây ra sâu răng.

5. Nho khô ngăn ngừa sự thoái hóa của da. Giống như cà rốt, nho khô rất có lợi cho thị lực.

6. Nho khô có chứa canxi làm xương cứng và chắc hơn. Nếu cơ thể bạn được cung cấp đủ lượng canxi, thì bạn sẽ không phải lo ngại về tình trạng loãng xương.

Theo Bác sĩ Lương Lễ Hoàng, Chuyên gia tâm lý ở CHLB Đức đã làm một thử nghiệm lý thú về sự lựa chọn nho tươi hay nho khô. Là 7 trong 10 đứa trẻ 2 tuổi chọn ngay nho khô... Nho khô không chỉ hấp dẫn trẻ con mà thậm chí đã có chỗ đứng trân trọng trong lịch sử loài người.

Người tiền sử vì xem nho khô như quà tặng của Thượng Đế nên dùng món này làm vật trang sức, thậm chí khắc hình nho khô trên vách đá hang động. Theo truyền thuyết ở Trung Đông, cả ngàn năm trước công nguyên, người Do Thái đã dùng nho khô nộp thuế.

Nếu xét về giá trị dinh dưỡng thì nho khô là món ăn hữu ích cho sức khỏe vì rất ít chất béo nhưng lại sinh nhiều năng lượng, dễ bảo quản, nhờ đó là món ăn bổ túi cho người phải lao tâm lao lực. Hơn thế nữa, nho khô là món ăn vặt như thuốc cho người bị cao huyết áp, nhờ tác dụng vừa lợi tiểu vừa bổ sung khoáng tố kali.

Kết quả một công trình nghiên cứu ở Mỹ cho thấy huyết áp của người hâm mộ nho khô ổn định hơn nhóm không khoái món này. Một số nhà điều trị thậm chí khuyến khích người từ độ tuổi 40 trở lên nên thường ăn nho khô để cầm chân huyết áp.

Nho khô chứa nhiều chất xơ nên là món ăn bầu bạn của người khổ vì táo bón và bệnh trĩ. Cũng nhờ tác dụng kéo chất béo qua đường ruột nên nho khô gián tiếp hạ cholesterol.

Nhiều thầy thuốc vì thế đã không ngần ngại xếp nho khô vào nhóm thực phẩm thích hợp cho người bị bệnh mạch vành. Theo kết quả một công trình nghiên cứu ở Mỹ, sau một tháng áp dụng, lượng LDL trong máu giảm đáng kể trên số bệnh nhân có 80–100g nho khô mỗi ngày trong khẩu phần.

Nho khô còn là nguồn giàu chất sắt. Người thiếu máu, đối tượng vừa qua cơn chấn thương xuất huyết, phụ nữ mang thai, thiếu nữ hay bị rong kinh... nên chọn nho khô để bổ sung chất sắt cần thiết cho cấu trúc lành mạnh của huyết cầu thay vì trông cậy vào thịt, gan rồi khó tránh trực tiếp với mỡ máu. ■

# NGÀY RẼM

(TIẾP THEO TRANG 118)

*Thánh đức âu ca hưởng phúc lành.*

(...)

*“Đại Đạo khai minh là để giúp các con, nhân loại trở về với đạo lý thật sự ở nơi mỗi cá thể chúng sanh. Nếu các con hiểu lời Thầy “Thầy là các con, các con là Thầy”, thì thế giới này sẽ hòa bình, cần khôn sẽ an định.”*

Ngày “Rằm Tháng Mười” là ngày lễ hội mang nhiều giá trị tâm linh đối với người tín đồ Cao Đài. Rằm tháng mười là dịp để mọi người con của Đức Chí Tôn Thượng Đế hướng tâm tu tập, trên nhờ ơn đức của Đức Từ Phụ, Từ Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng hộ trì, che chở. Khai Minh Đại Đạo hay còn có ý nghĩa là ngày Khai Tâm. Thật vậy, Khai Đạo chính là Khai Tâm. Ngày Khai Minh Đại Đạo diễn ra với bao nhiêu cảnh tượng huy hoàng, với vẻ uy nghi lộng lẫy nơi chùa Gò Kén năm xưa và nay hằng năm đều đặn được tổ chức tại các Tòa Thánh. Nhưng tất cả chỉ là hình tướng của ngày Khai Đạo. Nếu tâm linh của nhân loại không khai mở thì ngày Khai Đạo không còn ý nghĩa gì.

Lập Tam Kỳ Phổ Độ, chính Đức Chí Tôn trao cho nhân loại chìa khóa để tự mình mở nó ra với sự giúp đỡ của Đức Chí Tôn. Đó chính là sự Khai Tâm và khi Khai Tâm cũng chính là Khai Đạo, tuy hai mà một. Phải thật sự mở rộng lòng mình, yêu thương một cách chân thành không so đo tính toán, không có kẻ thù và người không thù, không có đối tượng tranh đấu nhằm triệt tiêu mới đúng với câu: “Đạo Cao Đài là Đạo Tình Thương” con Thầy thì phải giống Thầy, giống ở sự thương yêu của Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và đó là khai tâm. Có như vậy thì ngày Rằm Tháng Mười Khai Minh Đại Đạo mới thật sự là ngày Khai Đạo, bằng không thì đó chỉ là một ngày đại lễ. ■

1. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15–10 Quý Sứ (09–11–1973).

# PATÊ CHAY



## NGUYÊN LIỆU

- 1 cây Ham chay nhỏ 200g;
- 1 miếng tàu hủ ky non;
- 2 ổ bánh mì nhỏ;
- 2 miếng đậu hủ trắng;
- 1 gói sữa tươi không đường 200 ml;
- Bột nêm, đường, tiêu xay;
- 1 trái nhục đậu khấu (noix de muscade), một ít lá thơm (mua hương Patê tại chợ Bến Thành);
- 1 củ hành tây.

## CÁCH CHẾ BIẾN

Bánh mì cắt mỏng đem chiên để nguội, đem xay nhỏ mịn, Ham chay, hủ ky, đậu hủ, hành tây cũng xay nhỏ mịn.

Xay xong hỗn hợp cho vào thau trộn đều với 2 muỗng súp bột nêm, 1 muỗng cà phê

đường và ít tiêu xay, cùng với hương vị patê và gói sữa tươi trộn đều, kể cho vào khuôn nướng hoặc hấp cũng được, trên mặt cắm những lá thơm vào cho hương vị được thấm, khi ăn thì bỏ lá thơm.

Nếu nướng patê nhớ cho ít nước vào khay để không bị khét và khô. Nướng lửa trên dưới với nhiệt độ 250 độ, khuôn nhỏ thì khoảng nửa giờ, khuôn lớn khoảng 1 giờ đồng hồ. Khi nướng phải bật lò trước cho nóng khoảng 5 phút. Hấp cũng vậy tính từ thời điểm nước trong nồi đã sôi. Nướng xong, Patê cho vào tủ lạnh. Patê dùng với bánh mì có kèm theo dưa leo. Không nên làm mặn quá, để ăn với muối tiêu thì đậm đà và ngon hơn.

Chúc quý vị làm thành công món Patê chay hương vị Pháp.■

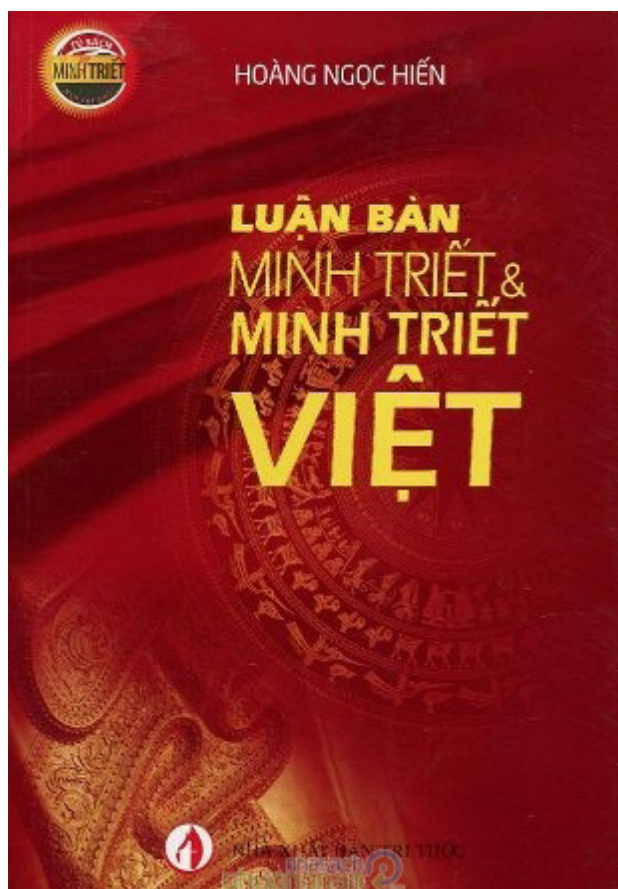
GIỚI THIỆU SÁCH

# LUẬN BÀN

## MINH TRIẾT và MINH TRIẾT VIỆT

Tác giả Hoàng Ngọc Hiến, NXB Tri thức phát hành vào quý III năm 2011.

■ MINH TRUNG



**H**oàng Ngọc Hiến (1930–2011) là tiến sĩ văn học, chuyên ngành Lý luận phê bình tại Đại học Tổng hợp Moskva, Liên Xô (cũ). Ông đã từng giảng dạy tại Đại học Sư phạm Vinh, Đại học Văn hóa Hà Nội và nhiều năm làm hiệu trưởng Trường Viết Văn Nguyễn Du, tiền thân của Khoa Sáng tác – Lý luận – Phê bình văn học của Đại học Văn hóa Hà Nội. Từ năm 1983, ông đã nhiệt thành cổ vũ cho sự đổi mới sáng tác văn học ở Việt Nam. Ông là chủ tịch Hội đồng Khoa học Trung tâm Minh triết, và là đồng chủ

bút tạp chí Vietnam Review phát hành tại Mỹ trong 2 năm 1996 và 1997.

Luận bàn về minh triết và minh triết Việt là một cuốn sách được giám đốc Trung tâm Minh triết Nguyễn Khắc Mai đánh giá là “những lời nói linh thiêng của một nhà văn hóa sắp mất”.

Qua ba bài tiểu luận bàn về minh triết:

1. Luận bàn về những vấn đề minh triết (góp phần định nghĩa minh triết);
2. Tìm hiểu minh triết Tam giáo trong văn hóa Việt Nam;
3. Sức mạnh văn hóa và sự phát triển văn minh (điểm duyệt những nguồn và giá trị của minh triết Việt Nam).

Hoàng Ngọc Hiến đã góp phần làm sáng rõ định nghĩa minh triết, đưa ra những luận giải sâu sắc của ông về sự cần thiết đưa ra những suy nghĩ, trăn trở tìm kiếm những tư tưởng làm sáng tỏ “viễn cảnh của một xã hội văn minh tốt đẹp hơn”.

Trong cuốn sách này, ông cũng thử nêu ra giá trị minh triết của viễn cảnh đó là: “Dân giàu nước mạnh – đó là văn minh”, “Dân vui nước mạnh đó là văn hóa”. “Không có minh triết “dân vui nước mạnh” thì dân có thể “giàu” nước có thể “mạnh” nhưng khó mà nói là có hạnh phúc”.

Ông phân biệt giữa minh triết và triết học một cách nồng nhiệt. Hoàng Ngọc Hiến ở mọi nơi, mọi lúc, mọi công trình đều mang một tinh thần nồng nhiệt như thế. Ông cho rằng cốt lõi cơ bản nhất của minh triết là thực

hành cái thiện, là lặng lẽ sống với cái thiện, là làm việc thiện, chứ không phải chỉ để biết, để nói suông.

Ông cho rằng minh triết thiên về sự cân bằng hài hòa, coi trọng lương tri, sự biết điều. Say sưa chính trị, say sưa lý thuyết mà không biết minh triết là một thảm họa, khi ấy sẽ trở nên “mê sảng lý thuyết”; “Đem nhân dân tế cho lý thuyết đó là một sự khốn nạn”.

Và còn nhiều vấn đề liên quan đến minh triết đang chờ đợi ta khai thác trong quyển sách này. Với tinh thần của Đức Thích Ca Mâu Ni qua kinh Kalama cũng là tinh thần mà người viết sách đã nhấn nhủ đến độc giả, hãy đọc một cách sáng suốt và thể nghiệm để xác định lẽ thật và đó chính là minh triết:

“Chớ có tin vào đức tin của những truyền thống, dù cho chúng đã được vinh danh lâu đời qua nhiều thế hệ và ở nhiều nơi. Chớ có tin vào một điều nào chỉ vì có nhiều người nói đến nó. Chớ có tin vào đức tin của những bậc hiền minh trong quá khứ. Chớ có tin vào những gì mà anh tưởng tượng rằng Thượng Đế truyền gọi cho anh. Không tin gì hết nếu như chỉ có uy tín của những bậc thầy của anh hoặc của những nhà sư của anh. Sau khi xem xét hãy tin vào những gì chính anh đã thể nghiệm hoặc nhìn nhận là hợp lẽ, những gì phù hợp với phúc lợi của anh và của những người khác.” (Siddārtha, Kâlâma sutta).■



CỔ NHÀ VĂN HOÀNG NGỌC HIẾN.

# THÀNH GIÁO

(...)

Muốn Tây Thiên trùng phùng ngôi vị,  
Thì trần gian tập ý vị tha;  
Từ bi theo hạnh Di Đà,  
Công bình, bác ái, hải hà bao dung.  
NHƠN ĐẠO dạy tam tòng tứ đức,  
Ngũ thường lo đúng mức thuận phong,  
Gia đình, xã hội cũng đồng,  
Noi gương mỹ tục giống dòng Nghiêu Vương.  
THẦN ĐẠO lập con đường phải lối,  
Phận công dân sớm tối lo tròn,  
Quan trường, tể tướng, tôi con,  
Vẹn tròn hiếu nghĩa lòng còn thanh liêm.  
THÀNH ĐẠO chuộng một niềm ngay thẳng,  
Chí công bình trong trắng tâm thanh;  
Không thiên không vị em anh,  
Lời ngay, lẽ phải, phân rành quang minh.  
TIÊN ĐẠO chỉ xử tình, xử thế,  
Bác ái trau tập thể hòa thương;  
Yêu cùng nhơn loại bốn phương,  
Thanh nhàn thỏa chí dặm trường ngao du.  
PHẬT ĐẠO dựng đường tu thanh tịnh,  
Từ bi hành nhường nhịn lẫn nhau;  
Không chê kẻ thấp người cao,  
Chẳng vì chức tước nghèo giàu phân tranh.  
ĐẠI ĐẠO gồm năm nhánh tôn giáo,  
Kể trên đây đào tạo lọc lừa;  
Hợp thời độ thế tùy ưa,  
Hậu, trung, thượng, đủ đều vừa ý chung.  
Giờ Bốn Sư trùng phùng đồ đệ,  
Dạy đôi điều răn để vào tâm;  
Chung lo cứu thế lạc lầm,  
Trở về đạo đức lo tâm non tiên.  
Chung sức nhau chèo thuyền Đại Đạo,  
Dù cam go tấn tảo đừng than;  
Lý chơn dậm thẳng một đàng,  
Ngày thành Đại Đạo THIÊN HOÀNG điểm công.  
ĐỨC PHẬT THÍCH CA, HUỒN CUNG ĐÀN, 08-4 TÂN SỬU  
(21-5-1961).■

# THEO • DÒNG



**13-12 NT (24-01-2013)** Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo dự Đại lễ MAULID của Hồi Giáo, kỷ niệm ngày sanh của Giáo chủ NABI MUHAMMAD (SAW) năm 1434 H.L./2013 DL tại Thánh Đường số 45, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, TP. HCM (hình 1).

**19-12 NT (30-01-2013)** Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo tháp tùng phái đoàn Đại diện các Hội Thánh và các tổ chức Cao Đài đi chúc Tết các tôn giáo bạn và chính quyền tại Thành phố Hồ Chí Minh, gồm có Hội Thánh: Tiên Thiên, Ban Chính Đạo, Cầu Kho Tam Quan, Truyền Giáo, Minh Chơn Đạo, Chiêu Minh Long Châu, Vĩnh Nguyên Tự (hình 2).

**08-01 QT (17-02-2013)** Thánh thất Tân Sơn Nhì cử hành long trọng Đại lễ Vía Đức Chí Tôn trùng

dụng Lễ kỷ niệm 87 năm thành lập Thánh sở với sự tham dự của đại diện 49 đơn vị thất tịnh.

**12-01 QT (21-02-2013)** Ngọc Linh Thánh Tịnh (Long Thành) tổ chức trang nghiêm Đại Lễ Hoa Đài lần thứ 54 (1959-2013) theo định kỳ 3 năm 1 lần.

**13-01 QT (22-02-2013)** Vĩnh Nguyên Tự trang trọng tổ chức Lễ kỷ niệm ngày quy Thiên của Đức Quán Pháp Chơn Tiên.

**17-01 QT (26-02-2013)** Thánh thất Bàu Sen thiết lễ Tiểu Tường cho Đạo Huynh Đạt Nguyễn Hồ Văn Tây.

**19-01 QT (28-02-2013)** Lễ khánh thành Điện Thờ Phật Mẫu Linh Xuân, Họ Đạo Long Vân (Thủ Đức).





**23-01 QT (04-3-2013)** Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo dự Lễ kỷ niệm 57 năm thành lập Cao Thượng Bửu Tòa và 53 năm ngày đăng Tiên của Đức Chơn Sắc.

**24-01 QT (05-3-2013)** Lễ Khánh thành Tam Đai Thánh tịnh Diêu Trì Cung.

**03-02 QT (14-3-2013)** Minh Lý Thánh Hội và Cơ Quan PTGL Đại Đạo thảo luận Kinh Dịch, Quẻ Hòa Địa Tấn tại Tam Tông Miếu (Cao Thắng, Q.3).

**13-02 QT (24-3-2013)** Lễ An vị Thánh Tượng tại Ngọc Kim Thánh Điện (Bến Tre).

**14-02 QT (25-3-2013)** Hội Thánh Bạch Y Liên Đoàn Chơn Lý (Mông Thọ, Rạch Giá) cử hành long trọng Lễ Kỷ niệm chơn tu ngày khai phái Bạch Y.



**15-02 QT (26-3-2013)** Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo dâng lễ kỷ niệm Khánh đản Đức Thái Thượng Đạo Tổ (hình 3).

**15-02 QT (26-3-2013)** Thánh tịnh Thiên Môn Tịnh cử hành Thánh lễ khánh thành Tam đài và kỷ niệm lần thứ 33 ngày thành lập Thánh sở.

**18-02 QT (29-3-2013)** Hội Thánh Minh Chơn Đạo tổ chức Hội nghị Đại biểu Nữ phái lần IV (2013-2018) trùng dịp lễ kỷ niệm 67 năm ngày đăng tiên Đức Ngọc Chưởng Pháp Trần Đạo Quang.

**19-02 QT (30-3-2013)** Thánh thất Trung Hiền trang trọng thiết Lễ kỷ niệm Vía Đức Quan Âm Bồ Tát trùng dịp 15 năm ngày thành lập Thánh sở và kỷ niệm Lễ liên giao hành đạo (hình 4).







9

**19-02 QT (30-3-2013)** Thánh tịnh Kim Thành Long (Tiền Giang) tổ chức lễ kỷ niệm lần thứ 40 và khánh thành Thiên Phong Đường.

**21-02 QT (01-4-2013)** Tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, các Hội Thánh và các tổ chức Cao Đài họp chuẩn bị kỳ họp giao lưu lần 6, bàn giao từ Hội Thánh Tam Quan cho Hội Thánh truyền Giáo (hình 5).

**26-02 QT (06-4-2013)** Thánh tịnh Chiếu Minh Đền (Cần Đước) tổ chức lễ nhận tư cách pháp nhân.

**01-3 QT (10-4-2013)** Lễ an vị ngôi Hiệp Thiên Đài Thánh tịnh Huỳnh Long Cung Điện (hình 6).

**06-3 QT (15-4-2013)** Thánh tịnh Huệ Đông Thiên cử hành Lễ truyền thống và an vị Thiên Nhân.

**12-3 QT (21-4-2013)** Thánh thất Trung Tín (Bà Rịa - Vũng Tàu) làm Lễ trí thạch và khởi công xây dựng Thánh sở.

**12-3 QT (21-4-2013)** Thánh tịnh Thiên Trước tổ chức Lễ kỷ niệm Thường niên và Đại lễ Tri ân Tiên bối hướng đạo (hình 7).

**12-3 QT (21-4-2013)** Thánh Đức Tổ Đình Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi (Cần Thơ) trang trọng thiết Lễ Thánh Đản Đức Ngô Minh Chiêu.

**14-3 QT (23-4-2013)** Thánh thất Ngọc Minh cử hành Lễ kỷ niệm lần thứ 67 Mặt Trận Giồng Bóm tại Giá Rai (Bạc Liêu) (hình 8).

**15-3 QT (24-4-2013)** Vĩnh Nguyên Tự tổ chức Lễ Di liên đài Ngai Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt nhập bửu tháp trong 3 ngày 12,13 và 14-3 và lễ Kỷ niệm tái thiết Vĩnh Nguyên Tự vào ngày Rằm tháng 3 Quý Tỵ.

**17-3 QT (27-4-2013)** Lễ Kỷ niệm 85 năm thành lập Thánh tịnh Ngũ Đài Võ Sĩ.

**20-3 QT (29-4-2013)** Lễ Khánh thành Tam đài Thánh Tịnh Bạch Quang Đền.

**25-3 QT (04-5-2013)** Lễ kỷ niệm 40 năm thành lập Thánh tịnh Hòa Quang Minh Phước.

**27-3 QT (06-5-2013)** Lễ Đại Tường Đạo Trưởng Đạt Chơn Võ Nghĩa Hạo, nguyên Chương Nghiêm Pháp Quân Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo tại Thánh tịnh Chiếu Minh Ấn Giáo (Cần Thơ) (hình 9).

## TIN TỨC GIAO LƯU HỌC TẬP NỮ PHÁI

**22-01 QT (03-3-2013)** Quyển Văn Hóa Vụ Trưởng Hồng Phúc bình giảng bài 8, quyển Lòng Từ Mẫu tại Cao Thượng Bửu Tòa.

**15-02 QT (26-3-2013)** Giáo sĩ Kim Dung giảng đề thi giáo lý thứ 20 trong kỳ họp mặt Nữ phái lần 83 tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.

**01-4 QT (10-5-2013)** Quyển Văn Hóa Vụ Trưởng Hồng Phúc bình giảng bài 26, quyển Thánh Giáo Ất Tỵ tại Minh Kiến Đài.

**23-5-13 (14-4-QT)** Giáo sĩ Thanh Bình bình giảng bài 27 quyển Thánh giáo Ất Tỵ tại Thánh tịnh Ngọc Chiếu.■

## CHÚ THÍCH ẢNH

Hình 1: Ông Hostas-sari xướng Kinh Koran.

Hình 2: Trước giờ khởi hành tại Cơ Quan.

Hình 3: Lễ Rằm tháng 2 tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.

Hình 4: Giáo Sư Thượng Văn Thanh trên diễn đàn.

Hình 5: Quang cảnh buổi họp giao lưu các Hội Thánh tại Hội trường Cơ Quan.

Hình 6: Thánh tịnh Huỳnh Long Cung Điện đón chào Quý Đạo tâm quan khách.

Hình 7: Phó Hội Trưởng Thánh tịnh Thiên Trước chào mừng các đại diện dự lễ.

Hình 8: Thánh thất Ngọc Minh.

Hình 9: Con cháu cúng xả tang.■

# LỄ DI LIÊN ĐÀI NHẬP BỮU THÁP NGÀI ĐẦU SƯ NGỌC LỊCH NGUYỆT

## ■ ĐẠT TRUYỀN

**N**gày 14 tháng 2 Quý Tỵ (23 -4 -2013), Vĩnh Nguyên Tự tổ chức trọng thể lễ Di Liên đài Ngài Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt nhập Bửu Tháp.

### **BỐC MỘ, NHẬP LIÊN ĐÀI, ĐĂNG ĐIỆN.**

Đúng 8 giờ sáng ngày 12 -3 Quý Tỵ (21 -4 -2013), Sau khi cúng lễ, Đạo huynh Huệ Khai Đào Thiên Niên cùng hai người phụ giúp bắt đầu dùng xe xúc có gàu để đào đất, bốc mộ. Tham dự lễ có rất nhiều đạo hữu trẻ nhiệt tình, tinh thần cao, không phân biệt chi phái ở các Thánh thất Ninh Sơn, Long Thành Bắc, Long Thành Trung, Long Thành Nam thuộc Hội Thánh Tây Ninh; Ban Lễ nhạc, Đồng Nhi, Lễ Sĩ của Thánh thất Đông Thạnh thuộc Hội Thánh Ban Chính Đạo; nhiều đạo hữu ở các Thánh tịnh Vĩnh Sơn Quang, Vĩnh Minh Quang, Vĩnh Hòa, Nguyệt Thanh Quang, Thanh Tịnh Đàn, v.v. Đặc biệt, có Thượng tọa Thích Thanh Sơn tham dự với lòng nhiệt tình tôn kính.

Sau khi được rửa sạch, xá lợi của Ngài Đầu sư được sắp xếp vào bình. Đến 11 giờ, tại Bửu điện, buổi cúng thời đặc biệt với số đông tín hữu tham dự. 11 giờ 45, nghi lễ đưa bình xá lợi vào liên đài được nhiều tín hữu trẻ ở Tây Ninh tham gia tiến hành. 13 giờ 30, lễ Đăng điện và Văn Tế theo nghi thức Đầu Sư được tổ chức trân trọng ở Thiên phong đường do Thánh thất Đông Thạnh đặc trách. Đến 19 giờ, lễ hòa nhạc đặc biệt theo nghi Đầu sư do Ban Nhạc của Tòa Thánh Tây Ninh đảm nhận.

### **LỄ DI LIÊN ĐÀI NHẬP BỮU THÁP**

Ngày 14 -3 Quý Tỵ (23 -4 -2013), Ban Cai quản Vĩnh Nguyên Tự long trọng cử hành lễ di liên đài nhập bửu tháp với sự tham dự của các phái đoàn: Hội Thánh Minh Chơn Đạo do Đầu sư Thái Tăng Tinh đại diện, Minh Lý Thánh Hội do Đạo trưởng Tường Định dẫn đầu; Hội Thánh Tiên Thiên có Truyền Trạng Thanh Căn; Ban Cai quản Thánh thất Sài Gòn, Ban Cai quản Thánh thất Chợ Lớn, đặc biệt có Ban Nhạc, Đồng nhi, Lễ sĩ, Lễ xướng, Nhà thuyền khoảng 70 vị của Thánh thất Sài Gòn, cùng rất đông đạo hữu trẻ ở Thánh thất Ninh Sơn, Long Thành Bắc, Long Thành Trung, Long Thành Nam thuộc Hội Thánh Tây Ninh; nhiều đạo hữu ở các Thánh tịnh Vĩnh Sơn Quang, Vĩnh Minh Quang, Vĩnh Hòa, Nguyệt Thanh Quang, Thanh Tịnh Đàn, ...

Đúng 8 giờ, Chánh Hội Trưởng Vĩnh Nguyên Tự - Giáo sĩ Hoàng Mai - (ngoại tôn của Ngài Đầu sư) phát biểu cảm ơn quan khách có lòng kính mến Đức Ngọc Đầu Sư, bỏ thì giờ quý báu đến tham dự lễ di liên đài nhập Bửu tháp trong khi cơn mưa dai dẳng. Sau đó, một màn múa đặc sắc tứ linh gồm Long, Lân, Quy, Phụng đi nhiều vòng dưới cờ hoa, trước sân chùa. Tiếp theo là lễ Đăng điện theo nghi Đầu Sư có tâng và hai lọng do Ban Nhạc, Đồng nhi, Lễ sĩ, Lễ xướng của Thánh thất Sài Gòn đặc trách dài hơn hai tiếng đồng hồ. Sau cùng, Ban Nhà thuyền của Thánh thất Sài Gòn đặc trách di liên đài nhập Bửu tháp uy nghiêm vừa mới xây dựng, đúng 12 giờ trưa trong cơn mưa chưa dứt hột.■